NĂM THỨ MƯỜI TÁM • # 210 • OCTOBER 2006

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA
EMAIL: theky21@tapchitheky21.com
Đ.T. TRỊ SỰ: (714) 892- 9414 EXT. 141
TOÀ SOẠN: (714) 839- 8746

Tưởng Niệm Luật sư Trần Văn Tuyên

NHIỀU TÁC GIẢ

HIỆN TƯỢNG CHỐNG MỸ TRẦN HỮU THỤC

VỆ SINH CHỦNG TỘC NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

THẾ GIỚI TRONG TẦM TAY

RADIOVNCR.COM with VIDEO

Quảng cáo trên RADIOVNCR.COM sẽ đưa những dịch vụ và sản phẩm của quý vị đi khắp thế giới nhanh chóng và hữu hiệu.

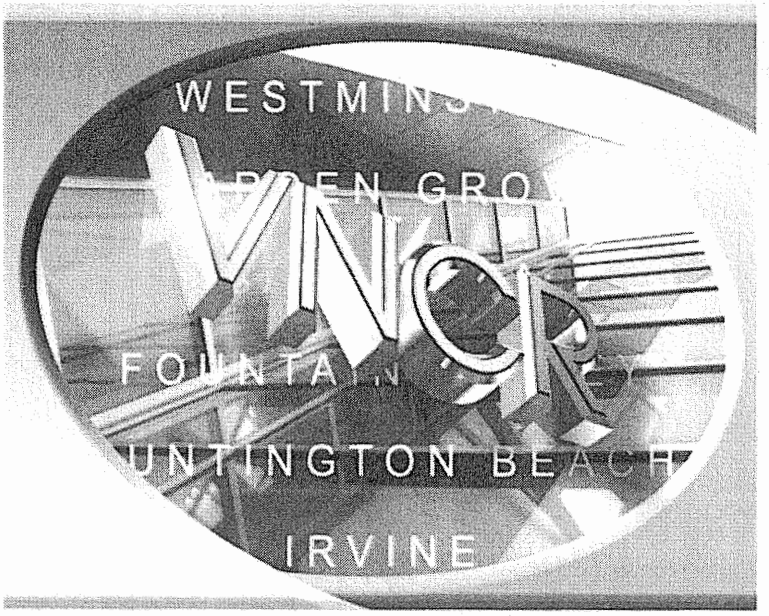

***RADIOVNCR.COM** đặc biệt thông tin qua VIDEO*
phóng sự và phỏng vấn hấp dẫn, linh động.
Nội dung website phong phú, hình thức lôi cuốn,
thu hút người xem trên khắp thế giới.

ĐẸP MẮT! NHANH CHÓNG! HỮU HIỆU!
QUẢNG CÁO NGAY TRÊN
WWW.RADIOVNCR.COM

RADIOVNCR.COM chú trọng đến những dịch vụ về âm nhạc, giải trí, thương mại toàn cầu, thông báo cá nhân/gia đình liên quan đến quan, hôn, tang, tế.

Nhận làm và bảo trì websites cho các cơ sở thương mại.

Liên lạc VNCR (714) 891-8142 để biết thêm chi tiết.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

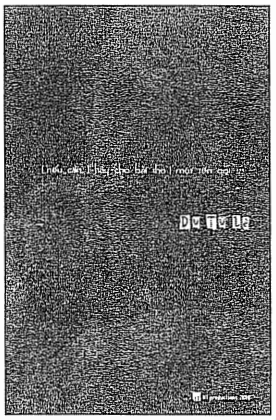

[Nếu cần] HÃY CHO BÀI THƠ MỘT TÊN GỌI
DU TỬ LÊ

Đây là bài thơ tác giả viết trong khoảng thời gian từ năm 2000 tới đầu năm 2006. Đang chuẩn bị xuất bản thì ông bị bệnh nặng, không biết bao giờ thì việc trị bệnh được coi là hoàn toàn kết thúc. Chính vì lý do này, Cơ sở H.T. Productions, theo ý định của tác giả, tiến hành in ấn tuyển tập "[Nếu cần] hãy cho bài thơ một tên gọi," tác phẩm thứ 43 của Du Tử Lê, với tất cả những gì có sẵn trên bàn viết của ông... Giá 12 mỹ kim.

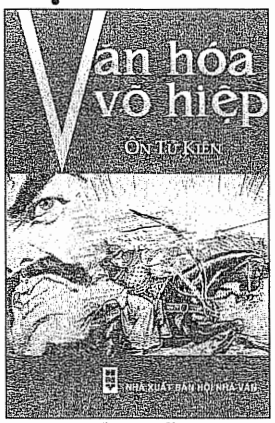

VĂN HÓA VÕ HIỆP
ÔN TỬ KIẾN,
người dịch NGUYỄN THỊ BÍCH HẢI

Hầu hết chúng ta đều tưởng "võ hiệp" chỉ là một loại tiểu thuyết tưởng tượng, trong đó những con người tự do giỏi võ và trọng sự công bằng đi hành hiệp khắp nơi trong thiên hạ. Nhưng ở Trung Hoa vào thời cổ đã có hẳn một tầng lớp người như thế, được các bậc khanh tướng công hầu yêu quý và kính trọng. Họ phục vụ tầng lớp quý tộc, nhưng họ cũng giữ sự tự chủ, tự do của họ. Vì thế mới có cả một nền "văn hóa võ hiệp" trong xã hội. Giá 10.50 mỹ kim.

CUỘC HÀNH TRÌNH ĐEN
TRƯƠNG MINH HÒA

Lời tác giả: "Là người hèn còn sống sau cuộc chiến, chịu nhiều nhục nhằn trong tay kẻ thù chung, xin được ghi lại những gì đã xảy ra trong lao tù cộng sản và những cảm nghĩ chân thành tự đáy lòng, là những ray rứt ám ảnh suốt đời, với tâm niệm là: còn nhớ được gì nên ghi lại cho thế hệ sau, vì thời gian sẽ làm mờ đi bao ký ức khi tuổi đời chồng chất." Giá 16 mỹ kim.

ĐI TÌM BẢN SẮC TIẾNG VIỆT
TRỊNH SÂM

Một cuốn sách nghiên cứu về ngôn ngữ Việt, ngoài việc tập trung nghiên cứu ngôn ngữ báo chí, các bài viết, còn khảo sát các bình diện thuộc phong cách ngôn ngữ cá nhân, cũng như miêu tả, giải thích một số vấn đề thực tiễn của tiếng Việt nói chung và tiếng Việt ở một số địa phương miền Nam, nhất là vùng đồng bằng sông Cửu Long. Có nhiều ví dụ lấy từ ca dao và sản vật từng vùng, rất linh động và thú vị. Giá 9 mỹ kim.

BẢN HÙNG CA TỐI THẮNG "SẤM NGÔN HUYỀN DIỆU"
NGUYÊN LINH

Tác giả khẳng định: "Sách này là kim chỉ nam, là Bảo Pháp Chân Thư có đủ khả năng làm chuyển hóa lịch sử và thăng hoa vận mệnh toàn cầu, nhất là rất hữu ích cho vấn đề tu thân, bảo quốc, an dân và bình thiên hạ. Đây là những lời khẳng định có giá trị như một Bảo Chứng." Học giả Thinh Quang viết: "... chiến thắng nghịch cảnh, bừng sáng tâm linh, viên thành tánh hạnh, với cái nhìn siêu xuất, viên thông vô ngại của bậc chứng ngộ..." Giá 17 mỹ kim.

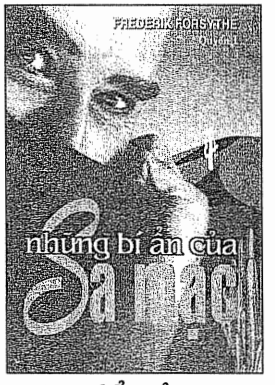

NHỮNG BÍ ẨN CỦA SA MẠC
FREDERIC FORSYTHE, HỒNG VŨ dịch

Bộ tiểu thuyết hai cuốn lấy đề tài cuộc chiến tranh giữa Mỹ và Iraq năm 1991. Tác giả đã nghiên cứu kỹ lưỡng các yếu tố lịch sử vô cùng rắc rối của vùng đất này, và cho sự kiện diễn ra, vừa có tính cách tiểu thuyết hóa, vừa như tái tạo lịch sử với vô số những nhân vật có thật của Mỹ, của Anh, của Iraq, Kuwait, Ai Cập... Một cuốn sách chiến tranh, gián điệp với vô số sự kiện chồng chéo nhau, rất hấp dẫn.
Trọn bộ 2 cuốn, mỗi cuốn 12 mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí THẾ KỶ 21

14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 892-9414 Ext. 141
Email:Theky21@tapchitheky21.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Hạng nhất / First Class	**US $76.00**	**US $145.00**	
Canada	**US $80.00**	**US $155.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $109.00**	**US $210.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $115.00**	**US $225.00**	

Ghi chú: ***Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 4 năm 2006 (Effective April 1, 2006)***

Đón đọc:

Dòng Sử Việt

Chuyên san sưu tầm, nghiên cứu, và quảng bá lịch sử Việt Nam

Chủ biên: Trần Anh Tuấn

. Tiếp nối truyền thống *Tập San Sử Địa* tại quê nhà trước năm 1975.
. Chủ nhiệm & chủ bút: Trần Anh Tuấn, cựu giáo sư Ban Sử ĐHVK Sài gòn, cựu thư-viện-trưởng Thư Viện Hội Société des Études Indochinoises Saigon, giáo sư đại học cộng đồng College of Alameda, California.
. Ban Biên Tập sơ khởi: Phạm Cao Dương, Bùi Minh Đức, Nguyễn Khắc Kham, Huỳnh Văn Lang, Mai Liệu, Hà Mai Phương, Trương Toại, Trần Anh Tuấn, Nguyễn Thượng Vũ...
. Thường xuyên có nhiều mục độc đáo: *Xã hội Việt Nam qua các thời đại, Lịch sử lập cư của người Việt tại Hoa Kỳ, Nghệ thuật & Mỹ thuật Việt Nam, Phong trào Hướng Đạo Việt Nam, Mỗi kỳ một nhân vật, Mỗi kỳ một tác phẩm, Giới thiệu sách báo về Việt học, Giải thích quê hương bản quán cho độc giả, Hình hay ảnh lạ, Sử liệu hiếm quý, Bưu hoa VNCH* (kèm tem thật do Bưu Điện VNCH phát hành trước 1975, theo truyền thống của tạp chí *France Asie* thập niên 1950)...
. *Dòng Sử Việt* xuất bản mỗi ba tháng, khổ 18cm x 27cm.
. *Dòng Sử Việt* sẽ chỉ phát hành qua Bưu Điện, và bầy bán ở hai nhà sách tại California (nhà sách *Tự Do*, San Jose và nhà sách *Văn Khoa*, Westminster)
. Số ra mắt: tháng 9-11 năm 2006. Giá mỗi số $10.00 (kể cả cước phí hạng nhất trong nội địa Hoa Kỳ)
. Mong đón nhận sự cộng tác của bằng hữu và độc giả bốn phương về hai phương diện: đọc và viết.
. Liên lạc bài vở: Trần Anh Tuấn
. Ngân chi phiếu xin đề: Nhu N. Tran

P. O. Box 1413, Alameda, CA 94501 USA
Điện thoại: (510) 865-9276 h. (nhắn lại)
(510) 220-1535 c.
Điện thư: att411@comcast.net

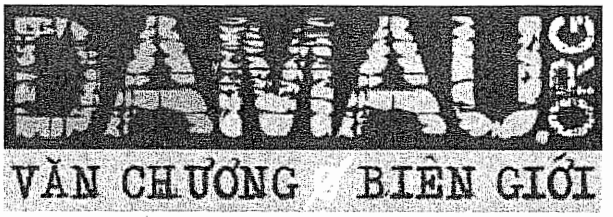

Trân trọng giới thiệu cùng độc giả **website www.damau.org**, một diễn đàn văn học nghệ thuật ra mắt ngày 10 tháng 8, 2006 và tới nay đã liên tục phát hành được 6 số. damau.org được sự cộng tác của nhiều nhà văn, nhà thơ, nhà phê bình, học giả, và dịch giả uy tín trong và ngoài nước. Để biết rõ hơn về damau.org mời độc giả theo dõi phần Chủ Trương dưới dạng Hỏi Đáp sau đây:

1. Chủ trương của damau.org?

Damau.org chủ trương một diễn đàn văn chương không biên giới, một diễn đàn mở rộng cho mọi khuynh hướng sáng tác, mọi tác giả, mọi khai phá đúng nghĩa.

2. Những biên giới trong văn chương là gì?

Màu da, ngôn ngữ, văn hóa, giới tính, tín ngưỡng là những biên giới trong văn chương. Lịch sử cá nhân, ý thức hệ và chính kiến là biên giới. Trong nước, ngoài nước cũng là biên giới. Những quan niệm thẩm mỹ khác biệt cũng là biên giới. damau.org không chấp nhận bất cứ biên giới nào, trừ biên giới cuối cùng giữa văn chương và phi văn chương.

3. Làm sao để phá vỡ những biên giới trong văn chương?

Thúc đẩy sự cảm thông và chấp nhận những dị biệt bắt nguồn từ văn hóa, ngôn ngữ, phái tính, màu da, lịch sử, địa lý, chính kiến, ... qua các hình thái văn học nghệ thuật. Tạo một sân chơi văn chương đúng nghĩa để mọi tiếng nói đều được lắng nghe, mọi giọng nói đều được cất cao và mọi nền văn chương đều đồng đẳng. Giới thiệu văn chương Việt nam với thế giới và văn chương thế giới vào Việt nam qua ngả song ngữ và dịch thuật.

4. Bài vở trên damau.org có nhất thiết phải phản ảnh thẩm mỹ quan của ban biên tập không?

damau.org giữ độc lập về quan niệm thẩm mỹ nhưng không áp đặt ý kiến cá nhân lên người viết và người đọc, không loại trừ những quan niệm thẩm mỹ khác mình. Mỹ học riêng của một cá nhân dù có thâm sâu cũng không thể mang tính tuyệt đối và phổ quát. Hãy để độc giả có cơ hội tiếp xúc với mọi khuynh hướng và mỗi người sẽ có lựa chọn và quyết định cho riêng họ.

5. Tiêu chuẩn chọn bài của damau.org?

damau.org có tiêu chuẩn loại và tiêu chuẩn chọn. Tiêu chuẩn loại: không giới thiệu những bài viết thuần chính trị hay quảng cáo thương mại, không giới thiệu những bài viết nặc danh, thiếu nghiêm túc, nhằm phỉ báng hay bôi nhọ cá nhân. Tiêu chuẩn chọn: phân biệt giữa văn chương và phi văn chương; giá trị tự thân của sáng tác về các mặt tư tưởng, tình cảm, ngôn ngữ, kỹ thuật, cách tân; những tác động tích cực của chính sáng tác trên thể loại văn học và trong vận động chung của những trào lưu văn học hiện đại.

6. Thành phần Ban Biên Tập?

Ban biên tập thường trực: *Đặng Thơ Thơ, Đỗ Lê Anh Đào, Thường Quán, Phùng Nguyễn* - Phụ trách dịch thuật: *Lưu Diệu Vân* - Phụ trách chuyên đề: *Trịnh Y Thư* - Phụ trách mục thường xuyên Sân Sau: *Trần Mộng Tú, Hồ Như, Nguyễn Viện, Đỗ Kh., Nguyễn Hữu Liêm, Nguyễn Phan Thịnh, Mỹ Hạnh* – Các cộng tác viên: *Trần Doãn Nho, Trần Hữu Thục, Đinh Từ Bích Thúy, Phan Nhiên Hạo, Đặng Tiến, Đinh Linh, Nguyễn Quý Đức, Chân Phương, Isabelle Pelaud, Dan Duffy, Hoàng Ngọc-Tuấn, Trần Mộng Tú, Hồ Như, Nguyễn Viện, Đỗ Kh., Nguyễn Hữu Liêm, Nguyễn Phan Thịnh, Nguyễn Lộc, Nguyễn Lương Vy, Việt Nguyễn, Hùynh Ngọc Chiến, Lê Minh Hà, Đỗ Quang Nghĩa, Hải Ngọc, Nguyệt Phạm, Nguyễn Vĩnh Nguyên, Nguyễn Đức Nguyên, Nguyễn Phước Nguyên, Hoàng Thảo, Vũ Thành Sơn, Lê Anh Hòai, Tam Lệ, Trần Nghi Hòang, Quỳnh Thi, Nguyễn Hòai Phương, Hòang Xuân Sơn, Bùi Bích Hà, Thận Nhiên, Nguyễn Quốc Chánh, Trịnh Cung, Ngô Tự Lập, Thế Uyên, Cao Xuân Tứ, Lưu Hy Lạp, Kinh Dương Vương, Dung Nham, Cổ Ngư, Mạch Nha, Mai Ninh, Trịnh Thanh Thủy, Phạm Thị Ngọc, Nguyễn Hương, Ngô Nguyên Dũng, Hòang Nga, Đức Phổ, Louie Nguyễn, Mộng Lan, Nguyễn Hòa Trước, Trần Tuệ Quân, Jenni Trang Lê, Taylur Thu Hiền Ngô, Quốc Bảo, Vũ Lê Phương Trinh, Gia Thụy, Nguyễn Tường Thiết, Tường Hùng, Nguyễn Văn Lập, Ban Mai, Trang Thanh Trúc, Wendy Cheng, Wendy Zukerman, Việt Lê, Thịnh Lê, Phạm Đính, Nguyễn Việt Hùng, Cao Bá Minh, Nguyễn Quỳnh, Khánh Trường* và những nghệ sĩ tạo hình cùng những cây bút tên tuổi khác.

Đã xuất bản
Tác Phẩm Mới
Của LS LÂM LỄ TRINH

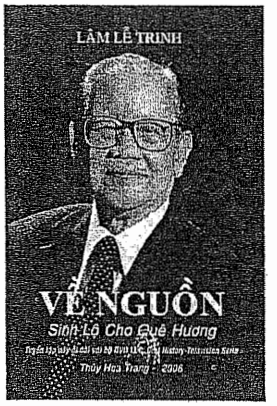

VỀ NGUỒN, SINH LỘ CHO QUÊ HƯƠNG

Gồm gần 100 bài bình luận, phỏng vấn,
phê bình sách... Về nhiều vấn đề thời sự
nóng bỏng VIỆT NAM và HOA KỲ
(712 trang)

Xin gởi chi phiếu 33 Mỹ kim ở Mỹ,
35 mỹ kim ngoài nước Mỹ, Ấn phí
và cước phí bưu điện, (trả cho F Lamle),
về địa chỉ:
9651 Olympic Drive, Huntington Beach, CA 92646-4865. USA

Tìm đọc hai tác phẩm của Nguyễn Thị Ngọc Liên

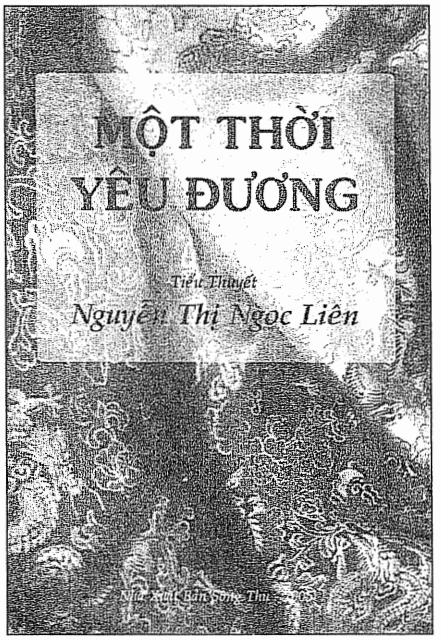

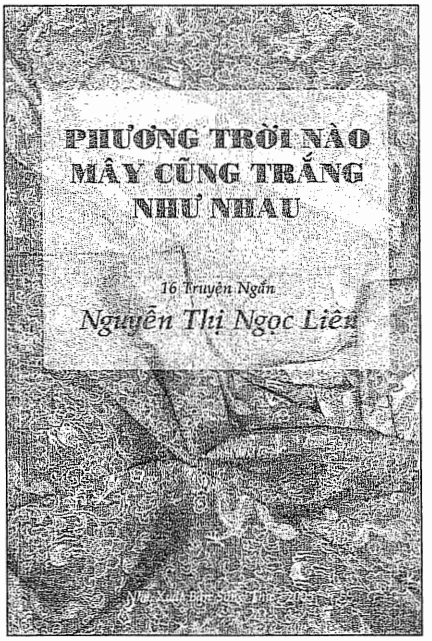

Giá $12.00 **Giá $15.00**

Mọi thư từ liên lạc:
Nguyễn Thị Ngọc Liên
P.O. Box 5704, El Monte, CA 91734
E-mail: nguyen.thi.ngoc.lien@gmail.com

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: Tòa Soạn: (714) 839-8746
Trị sự: (714) 892-9414 Ext. 141
E-mail: **theky21@tapchitheky21.com**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-2004)
Đỗ Việt Anh (2005-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
(714) 891-8142
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 462-8235

ISSN 1056-4640

BAN BIÊN TẬP
Bùi Bích Hà, Hoàng Chiều Nhân, Hoàng Khởi Phong, Lan Hương, Ngô Nhân Dụng, Nguyễn Ái Nhân, Nguyễn Chí Kham, Nguyễn Đức Tường, Nguyễn Hùng Vũ, Phạm Phú Minh, Thanh Thảo, Trần Doãn Nho, Trần Mộng Tú, Trần Ngọc Tuấn, Trần Quán Niệm.

Bìa: Freedom, tranh của **Nguyễn Việt Hùng**
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và **Nguyễn Thị Hợp**
Hí họa: **Babui**
Kỹ thuật: **Võ Thành Điểm**
Ảnh: Từ gia đình luật sư **Trần Văn Tuyên**; **Tôn Nữ Thu Nga**; tư liệu.

MỤC LỤC
Số 210 – Tháng Mười 2006

KINH TẾ – CHÍNH TRỊ – THỜI SỰ
9. Cuộc chiến tại Iraq và an ninh nội địa Hoa Kỳ – **Nguyễn Anh Tuấn**
18. Chặng đường 50 năm – Từ "Nhân Văn" đến "Tổ Quốc" – **Nguyễn Minh Cần**
22. Hiện tượng chống Mỹ – **Trần Hữu Thục**
30. Trung Hoa: trên đường phát triển – **Cổ Lũy**

TƯỞNG NIỆM LS. TRẦN VĂN TUYÊN
39. Nhắc lại thân thế và sự nghiệp của nhà cách mạng Trần Văn Tuyên – **Nguyễn Quốc Khải**
48. Vài lời tưởng niệm chiến hữu kiên cường Trần Văn Tuyên – **Nguyễn Tường Bách**
49. Tấm gương bất khuất – **Vân Uyên Nguyễn Văn Ái**
54. Người khách lạ – **Trần Văn Tuyên**
71. Chuyện thúng trứng gà – **Đạm Phương**
73. Trần Văn Tuyên và Võ Nguyên Giáp – **The Korea Herald**
75. Một linh hồn bất tử – **Phan Vỹ**
77. XYZ, ông là ai? – **Trần Tử Thanh**
80. Một ít kỷ niệm với gia đình luật sư Trần Văn Tuyên – **Đoàn Thanh Liêm**

CÁC BÀI KHÁC
83. Vệ sinh chủng tộc – **Nguyễn Đức Tường**
89. Kiếp xa (thơ) – **Chu Vương Miện**
93. Đỉnh gió hú – **Nguyễn Tường Thiết**
97. Trầu cau (thơ) - **Nguyệt Thư**
98. Lá thư – **Trần Mộng Tú**
100. Nắng úa – **Lê Đình Thông**
101. Dấu lặng (thơ) – **Tường Linh**
103. Nén nhang tưởng niệm anh Đỗ Ngọc Yến – **Hồ Trường An**
105. Đọc bài "Làm sáng tỏ một sự kiện văn học" của ông Nguyễn Tường Thiết – **Trọng Đạt**
107. Niềm vui không trọn – **Song Thao**
109. Mùa thu vào thành phố (thơ) – **Trần Mộng Tú**
113. Tasmania, những ngày đầu thu – **Tôn Nữ Thu Nga**
115. Một ngày như mọi ngày (thơ) – **Nguyễn Tường Giang**

MỤC THƯỜNG LỆ
7. Bạn đọc viết
8. Tòa soạn và bạn đọc, Thư trị sự
57. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
63. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Hát về cái chết

Nhân đọc bài của Phạm Xuân Đài viết trong Thế Kỷ 21 về đề tài CÁI CHẾT trong ca khúc Phạm Duy, tôi xin anh vui lòng chuyển lời cám ơn của tôi với chị Bích Liên và mong ước được chị hát bài KHÚC CA LY BIỆT (Chanson de Solvejg) của Phạm Duy, mà tôi đã re-edit một chút ít, chiểu theo bài hát nguyên thủy mà tôi vừa sưu tập được:

Khúc Ca Ly Biệt

Chanson De Solvejg

Nhạc Edouard Grieg – Lời Việt Phạm Duy

1.

Hồn xuân vừa tàn hơi
Hay nắng ấm lung linh qua đời
Nghe lá biếc hiu hiu rơi ngang trời.
Người yêu đang đi về xa xôi
Như sống suốt âm u một đời
Như gió tuyết đêm đông tuôn vời vợi.
Một lần người đưa tiễn nhau
Như vẫn cầu lời hứa năm nào
Đằm thắm cho vui lòng nhau
Cuộc đời từ trong chiếc nôi
Tới lúc quay về cùng với gió bụi
Về chốn không tên (y y) xa xôi (y y)
A á a a à a a...

2.

Người đi về mai sau
Nghe lóc cóc xe tang đưa sầu
Nghe bóng xế khăn sô bay ngang đầu.
Người đi vào không gian
Nghe ấm áp yêu thương vô vàn
Nghe tiếng hát êm êm ru linh hồn.
Người về dần trong cõi mơ
Như chót lúc nào vừa mới ra đời
Chào đón xuân tươi ngày mới
Cuộc đời từ trong chiếc nôi
Tới lúc quay về cùng với gió bụi
Về chốn không tên (y y) xa xôi (y y).
A á a a à a a...

Phạm Duy *(Internet)*

Bài hát trên đây quả đã được nhạc sĩ Phạm Duy sửa đổi lại một vài nơi, khiến cho cái chết bớt bi thảm hơn bài cũ cách đây 50 năm. Hình như càng lớn tuổi, người ta càng nhìn cái chết một cách dung dị, và có thể... thân thiết hơn. Bạn đọc nào muốn tìm ra sự khác biệt này, xin so sánh bản trên đây với bản đăng ở trang 73, báo Thế Kỷ 21 số 209 vừa rồi.

Một thoáng về Đỗ Ngọc Yến

Tôi không có hân hạnh quen ông Đỗ Ngọc Yến, nhưng được biết một số hoạt động thanh niên và xã hội của ông. Tôi ngưỡng mộ Đỗ Ngọc Yến vì:

- Trong bối cảnh hỗn loạn của xã hội Miền Nam vào thập niên 1960, nhất là sau đảo chánh 1-11-1963, các công tác, chương trình do Đỗ Ngọc Yến và các bạn khởi xướng đã ảnh hưởng tốt đến không ít thanh niên, sinh viên, học sinh. Nhờ các hoạt động này mà họ đỡ hoang mang và tránh khỏi cảnh ăn chơi trụy lạc hay sa vào ảnh hưởng tuyên truyền của Cộng sản. Cộng sản đã từng lên án các phong trào trại công tác hè 65, CPS, cứu trợ, Du ca... là làm cho thanh niên Miền Nam quên đi việc "chống Mỹ."

- Xã hội Việt Nam trọng khoa bảng, thế mà chỉ với mảnh bằng Tú tài và vài chứng chỉ Văn khoa, Đỗ Ngọc Yến chẳng những đã làm bạn mà còn ảnh hưởng được đến nhiều trí thức lớn và quyền thế. Ông còn quy tụ được nhiều bạn bè mà phần nhiều có học vị hơn ông. Đa phần vẫn thủy chung với ông cho đến ngày cuối đời. Một điều rất hiếm trong cảnh "chẳng ai chịu ai" của người Việt Nam chúng ta!

- Phải có thực tài nên Đỗ Ngọc yến mới thu hút được sự chú ý của giới truyền thông ngoại quốc. Ông và các bạn cũng khéo léo vận dụng được những nguồn tài chánh và quyền lực của chính quyền, lẫn các cơ quan Hoa Kỳ, cho các hoạt động có tính cách quy mô toàn quốc. Cũng vì thế mà có nghi ngờ ông là CIA.

- Đỗ Ngọc Yến đóng góp không nhỏ trong việc phát huy vai trò của truyền thông của người Việt Nam tại hải ngoại. Công ty Người Việt và các cơ quan truyền thông khác của người Quốc gia đã dành sân, chiếm thế thượng phong trước nhà cầm quyền CSVN.

Làm sao một người nhỏ con, yếu ớt như Đỗ Ngọc Yến lại có thể làm nhiều việc lớn lao như thế?! Tôi cho rằng ngoài lý tưởng và sự tận tụy, miệt mài, hy sinh, Đỗ Ngọc Yến còn tạo được tình bạn quý nơi tất cả những người gặp gỡ và cộng tác với ông.

Nguyễn Thế Viên *(Seattle)*

Gạch nối

Báo Thế Kỷ 21 rất hay nhưng có một điều làm tôi dị ứng là cách viết đầy những dấu gạch nối (-) của tác giả Cổ Lũy. Trong bài của tác giả này gạch nối quá nhiều, đọc rất khó chịu, vì đã quen mắt trên sách vở báo chí bây giờ tuyệt đại đa số không ai viết có gạch nối nữa. Tôi không ưa gì Cộng sản Việt Nam, nhưng tôi chịu cách viết của họ là thống nhất bỏ hẳn cái gạch nối, ngoại trừ một số trường hợp như những tiếng phiên âm chữ nước ngoài, ví dụ như Oa-sinh-tông. Nhưng có riêng một trường hợp lạ là trên lăng của Hồ Chí Minh thì ba chữ này lại có gạch nối!

Cung Nguyên

Alfred Einstein không phải là Albert Einstein

Bài "Cái chết của Mozart" của Sơn Diệm Vũ Ngọc Ánh trên Thế Kỷ 21 số 207, tháng Bảy 2006 có

đoạn kết như sau:

"Để kết thúc bài này, tôi xin được phép được mượn lời của một thiên tài khác của thế kỷ 20, Albert Einstein khi ông nói về Mozart:

'Mozart là bậc vĩ nhân vĩ đại nhất. Beethoven đã sáng tác ra âm nhạc, trong khi nhạc của Mozart trong vắt và đẹp tới cái độ mà người ta nghĩ rằng Mozart đã chỉ như tìm thấy nó mà thôi, điều đó có nghĩa nó là một điều vẫn hằng có như một phần tử của cái đẹp vốn tiềm tàng trong lòng Vũ trụ đương luôn luôn chờ đợi con người chúng ta khám phá ra một lúc nào đó'."

Đây là một lầm lẫn của tác giả Sơn Diệm Vũ Ngọc Ánh. Người viết mấy dòng vừa trích dẫn là Alfred Einstein chứ không phải Albert Einstein. Theo *Wikipedia Encyclopedia* thì Alfred Einstein là người viết tiểu sử Mozart: *"Alfred Einstein, a biographer of Mozart, is quoted as saying, 'Mozart is the greatest composer of all. Beethoven created his music, but the music of Mozart is of such purity and beauty that one feels he merely found it – that it has always existed as part of the inner beauty of the universe waiting to be reveiled'."*

"Một độc giả" *từ Australia*

Thiếu cẩn trọng

Thế kỷ 21 số 208, tháng Tám 2006, trang 69 có đăng bài viết của nhà văn Thế Uyên "Nguyễn Ngọc Tư và Cánh Đồng Bất Tận" trong đó, ở đoạn so sánh văn tài của Nguyễn Ngọc Tư với văn hào quá cố Hồ Biểu Chánh, tác giả đã hạ bút viết: "Cô có sách được xuất bản rất sớm vì có tài viết truyện loại đồng quê cho nhi đồng và thiếu niên, và thường được coi như MỘT THỨ HỒ BIỂU CHÁNH mới..."

Tôi trộm nghĩ, viết về một nhân vật văn học có tầm cỡ như cụ Hồ Biểu Chánh mà tác giả hành văn như trên thì thật là thiếu cẩn trọng và khiếm nhã.

Hà *(Garden Grove, CA)*

Nghệ thuật về cái chết

Tôi cũng là một người nghe nhạc Phạm Duy nhiều, và từ lâu say mê tài năng của ông, nhưng chưa bao giờ để ý đến khía cạnh "cái chết" trong ca khúc của ông cả, cho đến khi đọc bài viết về chủ đề này trên Thế Kỷ 21 số 209 vừa rồi. Lạ thực, người có tài nói cái gì cũng hay, ngay cái đáng sợ nhất là cái chết cũng vẫn hay. Hay bởi vì thay vì nói "tắt hơi" thì ông nói "*hồn xuân vừa tàn hơi*," thay vì diễn tả dài dòng cái kiếp nhân sinh ngắn ngủi thì ông nói "*người về dần trong cõi mồ, như lúc nào vừa mới ra đời, chào đón xuân tươi ngày mới*"... Lời ông ngắn gọn mà đầy hình ảnh và ẩn dụ, phô ra trong tức khắc hết cả ý nghĩa của tử sinh. Lại còn cái chữ "lạ lùng" trong câu "*Lạ lùng, tay khép làn mi*" nói lên hết cái bỡ ngỡ, bàng hoàng khi sự sống chạm phải cái chết, cảm giác chỉ xảy ra trong khoảnh khắc không thể kể dài dòng, chỉ hai chữ thôi là người ta thấy đang đứng ngay trên biên giới sống chết, hơn nữa đang dùng bàn tay mình "sờ" lấy cái chết. Nghệ thuật thật "kinh," nó có thể dẫn ta đi vào những vùng lạ lẫm dễ dàng như không! Với rất ít lời.

Đào Thủy *(VA)*

Thưa quý văn hữu và độc giả,

Rốt cuộc, năm nào chúng tôi cũng thấy mình chuẩn bị số Xuân một cách gấp rút vội vàng. Kể cả năm nay, với quyết tâm từ đầu năm là trễ lắm đến giữa năm phải thật sự bắt đầu lo cho báo xuân. Nhưng rồi rõ ràng cuộc sống nó không cho phép mình lo xa một cách quá đáng như vậy.

Bây giờ nhìn lại thì chỉ còn có ba tháng nữa là báo Xuân phải ra rồi. Xin khẩn thiết kêu gọi văn hữu, thân hữu đóng góp mỗi người một tay, để cùng nhau ta có một số Xuân hay cống hiến cho độc giả khắp nơi.

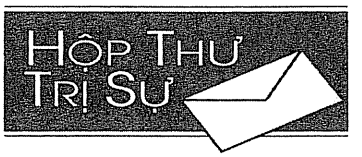

Độc Giả Mới

Nguyễn Đức Liêm – VA; Nguyen Linh Quang – France.

Độc Giả Gia Hạn

Ewing Diep – FL; Nguyễn Sĩ Thi – GA; Nguyễn Ngọc Anh – CA; Trần Đức Ái – CA; Nguyen N Thuy – CA; Lac Toi Nguyen – VA; Lương Minh Đức – CA; Huỳnh Lộc – CA; Phạm Băng Hồ – OR; Nghiêm Thị Hiệp – TX; Phu Quoc Pham – OK; Hoang Tuy Tran – CA; Nhật Nguyễn – CA; Duong Thuy Yen – CA; Đào Dân – CA; Đỗ Thị Nhung – TX; Trịnh Như Hoa – TX; Lê Hữu Thuần – MD; Nguyen Dinh Cuong – CA; Nguyen Ngoc Lien – TX; Tran V Roanh – MA; Hai Luu – CA; Hoàng Xuân Thiệu – CA; Nguyen Chi Thiep – TX; Nguyên An – CA; Lý Văn Giao Long – VA; Van Le – CA; Khuu Kim Thanh – OR; Phạm Đề – OH; Nghia Vu – CA; Kim D Le – MD; Nguyen Thi Trang – CA; Toan Pham – NY; Lê Khắc Lý – CA; Tran Cong Nghi – Canada; Nguyễn Xuân Tùng – Canada; Đàm Dung – CA; Ton That An – TX.

Độc giả đã đóng thêm tiền để nâng cấp gửi báo

Dr. To Ngoc Bui – CA; Bich Thi Ha – MD; Cung Van Nguyen – CA; Phan Hong Dieu – IL.

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Nguyễn Phạm An – MD.

Liệu cuộc chiến tại Iraq giúp bảo vệ được an ninh tại nội địa Hoa Kỳ?

NGUYỄN ANH TUẤN

Một trong nhưng luận cứ mà TT Bush và những người ủng hộ ông thường đem ra để biện minh cho cuộc chiến tại Iraq là quân đội Mỹ phải mất công đem quân sang tận chốn xa xôi ấy để diệt trừ bọn khủng bố hầu có thể tránh được hậu hoạn là bọn chúng có thể đem các loại vũ khí độc hại sang tấn công lên các thành phố lớn trong nội địa Hoa Kỳ. Do đó, cuộc chiến tại Iraq được coi như là một chiến lược phòng thủ bên ngoài vòng đai của nước Mỹ, cho dù nó ở xa đến hàng ngàn dặm và gây nhiều khó khăn lẫn tốn kém. Nói một cách đơn giản, Hoa Kỳ phải đánh bọn al-Qaeda và những thành phần Hồi-giáo cực đoan tại chiến trường khốc liệt ấy là để khỏi phải đương đầu với chúng sau này trên chiến trường ở New York và những thành phố khác trong nước Mỹ. Những luận cứ khác thì đã được dẹp bỏ vì sai lầm (như cái gọi là để diệt trừ kho vũ khí tàn sát quy mô) hoặc ít còn được nhắc tới vì không đủ sức thuyết phục (như cái gọi là để gieo rắc mầm tự do dân chủ để làm ngọn đuốc dẫn đường cho một sự canh tân và biến đổi vùng Trung Đông theo một trật tự thế giới mới).

TT Bush tin tưởng như vậy, hay muốn người dân Mỹ nhìn cuộc chiến tại Iraq qua lăng kính đó. Trong bài diễn văn đọc nhân dịp kỷ niệm năm năm biến cố khủng bố 9/11 xảy ra, ông tấn công và chỉ trích những người chống đối chính sách của ông bằng cách đưa ra lập luận rằng cho dù Hoa Kỳ có rút quân khỏi Iraq thì những bọn khủng bố cũng sẽ không từ bỏ chuyện tấn công chém giết. Chúng sẽ tiếp tục nhắm tới mục tiêu, sẵn sàng lao mình vào để tấn công mạnh bạo hơn nữa một khi lính Mỹ rút lui. Ông phát biểu: "*Bọn chúng sẽ không để cho chúng ta được yên ổn. Chúng sẽ đeo đuổi chúng ta. Sự an nguy của Hoa Kỳ tuỳ thuộc vào kết quả của trận chiến đang diễn ra hiện nay trên những đường phố tại Baghdad.*"

Lập luận này đúng hay sai? Có lẽ phải chờ một thời gian nữa mới có câu trả lời chính xác và có sức thuyết phục. Trong lúc chờ đợi, người ta chỉ có thể nhìn cả hai phe bênh hay chống đều tiếp tục tranh cãi cũng như phân tích về tình hình hay thẩm định về sự thành bại của cuộc chiến này, nhất là với những tốn kém về tài vật và nhân mạng mỗi ngày mỗi dâng cao. Con số quân nhân Mỹ đã bỏ mạng cho cuộc chiến này đã lên gần con số 2700, nếu cộng với số thiệt mạng của các quân nhân các nước cùng tham dự trong liên minh với Hoa Kỳ thì cũng đã hơn con số nạn nhân bị thiệt mạng trong biến cố khủng bố 9/11, tức là nói theo một chiều hướng bi quan hay tiêu cực thì vụ khủng bố 9/11 đã gây thiệt mạng cho khoảng 5400 quân dân Hoa Kỳ. Và ngân sách quốc gia thì đã hao phí đi cho chiến dịch này khoảng 400 tỉ Mỹ-kim một cách lãng xẹt với những hậu quả tai hại về thâm thủng ngân sách cho những thế hệ kế tiếp trong khi chỉ có các nhà đại tư bản chủ nhân các ngành trong kỹ nghệ chiến tranh là tiếp tục làm giầu. Đó là chưa kể đến con số thiệt mạng cho phía người dân Iraq, ước chừng khoảng 100,000, cả lính lẫn thường dân đều bị chết oan trong cuộc chiến này và một xứ sở tan hoang cần phải tái thiết rộng rãi từ hạ tầng cơ sở. Cũng là con người như nhau, nhưng có ai thèm để ý đến sinh mạng của người dân nước nhược tiểu hay bị trị.

Thế nhưng một tập hồ sơ tình báo cao cấp vừa mới được tiết lộ đã đưa ra những kết luận không mấy thuận lợi cho luận cứ của TT Bush. Đó là bản Thẩm Định Tình Báo Quốc Gia (National Intelligence Estimate NIE), một bản báo cáo và phân tích về tin tức tình báo liên quan đến tình hình an ninh quốc gia, đã được tờ nhật báo lớn New York Times trong số đề ngày 23-10 tiết lộ những nội dung chính với lời kết luận bi quan rằng cuộc chiến tại Iraq, thay vì góp phần vào chiến thắng trong tương lai cho cuộc

chiến chống khủng bố toàn cầu, thì lại càng khiến cho tình hình càng ngày càng tồi tệ hơn cho vị thế của Hoa Kỳ. Bản báo cáo NIE đã nói đến "vai trò cốt yếu" của cuộc chiến xâm lăng Iraq vào năm 2003 và dẫn đến cuộc nổi loạn của phiến quân kéo dài từ đó đến nay, và cho rằng đó là động lực chính để thôi thúc và khơi mào cho nhiều mạng lưới và tổ chức Hồi-giáo quá khích nổi lên khắp nơi với cùng một mẫu số chung duy nhất là muốn chống lại thế lực của phương Tây và Hoa Kỳ.

BẢN THẨM ĐỊNH TÌNH BÁO QUỐC GIA

Những bản báo cáo này được coi như là những hồ sơ có thẩm quyền nhất sau khi đã được phân tích và đúc kết bởi những nhân vật đầu não trong ngành tình báo của Hoa Kỳ để nghiên cứu về một chủ đề đặc biệt nào đó liên quan đến nền an ninh quốc gia, và bao giờ cũng được chuẩn thuận bởi nhân vật đứng đầu ngành tình báo cả nước, hiện nay là ông John D. Negroponte, tổng giám đốc tình báo quốc gia.

Trong quá khứ, vai trò này thuộc thẩm quyền của ông tổng giám đốc CIA (Cơ Quan Tình Báo Trung Ương). Tuy chỉ là một trong số 16 cơ quan đặc trách về an ninh tình báo của mạng lưới rộng lớn (gồm NSA, DIA, FBI và nhiều cơ quan an ninh riêng của nhiều phủ bộ liên hệ), nhưng ông trùm CIA cũng kiêm nhiệm luôn chức vụ tổng giám đốc tình báo quốc gia Hoa Kỳ. Sau đạo luật cải tổ về tình báo ban hành vào năm 2004, trách nhiệm và quyền hành này được giao lại cho người đứng đầu của một cơ quan mới được thiết lập, với mục tiêu là phối hợp sự liên lạc và nỗ lực của 16 cơ quan khác nhau để đạt được những kết quả hữu hiệu và mau lẹ hơn. Các bản báo cáo NIE là kết quả của những cuộc thảo luận và nghiên cứu của một hội đồng tối cao, National Security Council, quy tụ những chuyên viên đã hoặc đang giữ những chức vụ cao cấp trong lãnh vực tình báo và an ninh quốc phòng, để đưa ra những nhận định đánh giá về các đề tài chiến lược và báo cáo lên tổng thống và các viên chức tối cao của Hội Đồng An Ninh Quốc Gia.

Bản NIE vừa mới được tiết lộ ra ngoài thật ra đã được hoàn thành vào tháng Tư vừa qua, được coi như là bản đánh giá chính thức của các cơ quan tình báo Hoa Kỳ liên quan đến đề tài khủng bố toàn cầu, và là bản nhận định mới nhất kể từ sau cuộc chiến tại Iraq nổ ra vào tháng 3 năm 2003. Với tựa đề "Những Xu Hướng của Khủng Bố Toàn Cầu: Và Những Hệ Luỵ đến Hoa Kỳ," bản báo cáo dày 30 trang này đã xác nhận rằng phong trào Hồi-giáo quá khích, thay vì đã bị cầm chân hay đang bị dẹp tan, giờ đây trở thành di căn (metastasized) như một thứ ung thư khó trị để lan rộng khắp nơi trên địa cầu này.

Chương mở đầu của bản báo cáo với tiểu tựa "Những Chỉ Dấu về Sự Lan Rộng của Phong Trào Thánh Chiến Toàn Cầu" nói rằng cuộc chiến tại Iraq là lý do chính đã giúp truyền bá ý thức về một cuộc thánh chiến rộng rãi khắp nơi. Mặc dù tất cả các viên chức trong ngành tình báo và an ninh đều đồng ý rằng quân đội và chính quyền Mỹ trong thời gian qua đã triệt hạ bộ máy lãnh đạo của tổ chức al-Qaeda cũng như phá vỡ khả năng huy động và âm mưu thực hiện những vụ khủng bố to lớn trong tương lai, nhưng các mạng lưới Hồi-giáo cực đoan vẫn tiếp tục lan truyền và mọc rễ khắp nơi tuy không còn được điều hành và hỗ trợ bởi một hệ thống chỉ huy trung ương. Bản báo cáo NIE kết luận rằng những thành viên của các nhóm Hồi-giáo quá khích này thường xuyên liên lạc lẫn nhau, chia sẻ quan điểm và yểm trợ tinh thần cũng như học hỏi về kinh nghiệm đấu tranh trên diễn đàn Internet hiện nay với khoảng 5000 Websites liên hệ.

Cùng lúc với việc tiết lộ nội dung của bản báo cáo NIE này, tờ báo *New York Times* cũng đã phỏng vấn hơn một chục các viên chức cao cấp trong chính quyền cũng như nhiều chuyên viên trong ngành tình báo, gồm cả hai phe chống lẫn ủng hộ nội các Bush. Tất cả những nhân vật này đều xin được giấu tên để có thể trình bày vấn đề một cách thẳng thắn cũng như vì lý do bản NIE vẫn còn là một bản báo cáo mật, không được tiết lộ ra ngoài. Trong thực tế, nhiều tập hồ sơ mật vẫn được tiết lộ ra ngoài với những hậu ý chính trị khác nhau, kể cả từ phía chính quyền. Có điều hơi khác là chính quyền có lợi thế là được quyền quyết định hay tuyên bố giải mật một hồ sơ. Như trong vụ xì-căng-đan trước đây của ông Scooter Libby, chánh văn phòng của PTT Dick Cheney, liên quan đến việc tiết lộ danh tính mật của một nhân viên CIA, khi bị tố cáo là đã cung cấp những tin tức tình báo mật cho một vài nhà báo riêng được lựa chọn, ông Cheney lập luận rằng TT Bush đã quyết định rằng những tin tức đó không còn là điều bí mật nữa và do đó ông có quyền cho phép ông Libby tiết lộ ra ngoài cho dù có bị chỉ trích

là có dụng ý chính trị có lợi cho chính quyền.

Một viên chức tình báo nói rằng bản NIE mới này là một sự "*nhận định thẳng thắn, bộc trực. Nó chỉ nói một điều hiển nhiên.*" Thật ra, nếu để ý kỹ, người ta cũng có thể thấy là nhiều nhân vật cao cấp trong ngành tình báo cũng đã có những nhận định tương tự. Trong một bài diễn văn đọc hồi tháng Tư vừa qua trước một cử toạ quân đội tại San Antonio, tiểu bang Texas, Đại tướng Michael Hayden, phó tổng giám đốc cho ông Negroponte, cũng đã đưa ra những nhận định cùng chiều hướng với những kết luận của bản NIE này. Ông Hayden, sau đó được bổ nhiệm chức vụ điều hành cơ quan CIA, nói: "*Những mạng lưới hay các tổ quân chủ động thánh chiến, đôi khi chỉ có chung mục tiêu là chống lại phương Tây, nhiều phần là sẽ tiếp tục mọc lên. Nếu chiều hướng này tiếp diễn thì những mối nguy cho Hoa Kỳ trong nội địa cũng như tại hải ngoại sẽ càng rộng lớn hơn nữa, có thể dẫn đến nhiều vụ tấn công khắp thế giới.*"

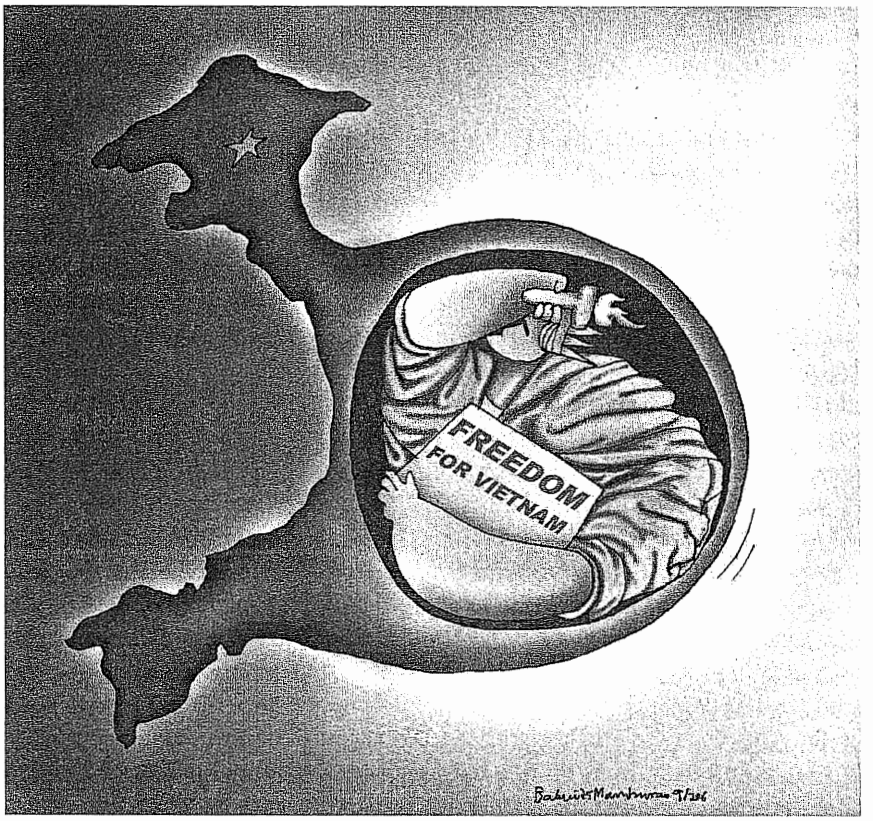

CUỘC TRANH LUẬN VỀ ẢNH HƯỞNG CỦA CUỘC CHIẾN TẠI IRAQ

Đa số những người chống đối chính sách của chính quyền Bush đều cho rằng Iraq không phải là chiến trường quan trọng nhất cho cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Những kẻ thù đối đầu với quân đội Mỹ tại nơi này thật ra cũng không hoàn toàn có liên hệ hay gắn bó gì với những kẻ đã tấn công vào nội địa nước Mỹ hơn năm năm về trước, cho dù họ có cùng tôn giáo và chia sẻ niềm căm thù nước Mỹ. Đa số những phần tử phiến quân tại Iraq, thành phần gây khó khăn và thiệt hại nặng nề cho nỗ lực của quân lực Mỹ trong những năm qua, đều là những người dân địa phương ở Iraq chứ không phải là những người trong một đạo binh quốc tế trong chiến dịch đi gieo rắc khủng bố khắp nơi. Theo sự nhận định của nhiều chuyên gia am tường về khủng bố, nhiều phần là những thành phần phiến quân này sẽ không tiếp tục theo đuổi để tấn công những mục tiêu là quân lính hay cơ sở vật chất của Hoa Kỳ một khi quân đội Mỹ rút lui khỏi chiến trường Iraq. Một trong những chuyên gia đó là ông John Mueller, giáo sư về chính trị học chuyên về an ninh quốc phòng tại trường Đại học Ohio State ở Columbus, đã nhận định: "*Lý luận này đã được đem ra áp dụng rồi, như trong thời chiến tranh Việt Nam, họ bảo rằng nếu rút khỏi chiến trường Việt Nam sớm thì quân đội Mỹ sẽ phải đối đầu với quân cộng sản tại chiến trường ở thành phố San Diego. Thật đúng là một luận cứ phi lý đến ngớ ngẩn và lố bịch.*"

Tuy nhiên, Toà Bạch Ốc và những người ủng hộ triệt để TT Bush như trường hợp của Thủ Tướng Tony Blair của Anh Quốc thì cho rằng lịch sử sau này sẽ phán xét một cách tốt đẹp hơn về cuộc chiến này. Họ cho rằng nó cần

phải được đánh giá hay phê bình trong một bối cảnh lịch sử rộng lớn hơn, với một mục đích cao đẹp hơn là giải trừ được một chế độ độc tài phi nhân trên thế giới. Nhưng điều quan trọng hơn hết là biến cố 9/11 đã đem lại một bài học quí giá cho Hoa Kỳ là kể từ nay, quốc gia này bắt buộc phải lo đối phó với những mối hiểm nguy từ xa trước khi nó có thể tiến vào nội địa mình.

Trong bài diễn văn đọc nhân dịp kỷ niệm này, TT Bush đã phải thú nhận một lần nữa (sau khi đã bị những người chống đối nhấn mạnh nhiều lần) là chế độ của Saddam Hussein không có dính líu gì đến vụ 9/11. Tuy vậy, sau khi vụ khủng bố 9/11 nổ ra, sự hiện hữu của chính quyền ông Hussein tự nó đã là một mối hiểm nguy mà Hoa Kỳ không thể nào xem thường được, và do đó cần phải mở cuộc tấn công trước để lật đổ chế độ này. Trong một bài diễn văn đọc hồi đầu tháng tại Hội Ái Hữu Sĩ Quan, ông Bush nói: "*Cùng với sự tiếp tay của các quốc gia đồng minh, chúng ta đã loại trừ được những sào huyệt của bọn khủng bố, phá huỷ hệ thống kinh tài của chúng, giết hoặc bắt giữ những thành viên chủ chốt, tiêu diệt những ổ khủng bố tại Hoa Kỳ cũng như tại nhiều nước khác, và đã ngăn chặn được từ trong trứng nước những âm mưu đánh phá mới. Chúng ta đang ở thế công chống lại bọn khủng bố trên khắp các mặt trận, và chúng ta chỉ có thể chấp nhận kết quả sau cùng là chiến thắng toàn diện.*" Việc ông có thuyết phục được nhiều người nghe cho hợp lý hay không cái luận điệu đầy chủ quan này là chuyện ông không màng tới, cho dù là đa số công luận và chính phủ các nơi trên thế giới hiện nay có vẻ như không chia sẻ quan điểm đó. Miễn là nếu đa số cử tri ở Hoa Kỳ còn có thể tin tưởng ở chủ trương này là đủ.

TT Bush nói rằng "*al Qaeda và những thành phần quá khích tại khắp nơi trên thế giới*" đã đổ về Iraq để chống lại sự vươn lên của một nền dân chủ còn non trẻ. Theo ông thì những thành phần đang hợp tác với bọn dư đảng của chế độ Saddam Hussein (đảng Baath) để cố đẩy cho quân đội Mỹ phải rời khỏi Iraq. Nếu như Hoa Kỳ rút lui thì Osama bin Laden và đồng đảng sẽ chiếm được một cứ địa an toàn với nhiều tài nguyên mới. TT Bush nhấn mạnh: "*Chúng ta không thể để cho tình trạng đó xảy ra. Hoa Kỳ sẽ tiếp tục ở lại chiến đấu trong cuộc chiến này.*"

Một số những chuyên gia khác thì nhận định rằng Iraq ngày nay vô tình cũng đã trở thành trận tuyến chính có tầm mức chiến lược trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Chẳng hạn như ông James Phillips, chuyên viên tư vấn đặc trách về Trung Đông của viện nghiên cứu Heritage Foundation ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn, đã lập luận rằng chính tài liệu tuyên truyền của al Qaeda đã nói lên mục tiêu của mình là thiết lập được "một tiểu quốc trong một quốc gia" trên lãnh thổ Iraq để dùng như một địa bàn an toàn và làm trung tâm huấn luyện cho những đội quân tình nguyện mới. Trong một bài phân tích mới đây, ông Phillips cho rằng tổ chức al-Qaeda (mà các lãnh tụ Ả Rập đều xuất thân từ thành phần Hồi-giáo Sunni) sẽ dễ dàng hoạt động hơn tại một số tỉnh ở Iraq, như miền Trung Tây thuộc tỉnh Anbar, thay vì tại hai quốc gia Hồi-giáo khác là Hồi Quốc (Pakistan) và A Phú Hãn (Afghanistan) vì những dân Ả Rập sẽ dễ bị lộ diện hơn khi di chuyển trong hai nước Hồi-giáo này. Ông Phillips viết: "*Nếu như Hoa Kỳ bỏ rơi Iraq thì đất nước này sẽ trở thành như một nước A Phú Hãn khác, tức là một quốc gia khơi nguồn và giúp đỡ cho bọn khủng bố được tự do hoạt động, từ đó có thể gieo rắc những vụ tấn công, chém giết và lật đổ chính quyền kéo dài trong nhiều thập niên tới.*"

Những phân tích gia khác thì cho rằng lập luận này đã đơn giản hoá vấn đề và gom tất cả những thành phần chống lại Hoa Kỳ vào một khối đồng nhất và gọi là "bọn khủng bố." Đã đành là trong số những nhóm phiến quân tấn công quân đội Mỹ và gây bất ổn lớn tại nhiều phần đất trên Iraq trong thời gian qua là "những chiến sĩ ngoại quốc" (*foreign fighters*) gồm những thanh niên Ả Rập và Hồi-giáo tại nhiều quốc gia khác đã tình nguyện và xung phong gia nhập vào lực lượng kháng chiến tại đây trong cái gọi là "cuộc thánh chiến" (*jihad*) chống lại thế lực của phương Tây và Hoa Kỳ để bảo vệ cho lý tưởng tôn giáo của họ.

Như trường hợp của lãnh tụ al-Qaeda tại Iraq, Abu Musab al-Zarqawi, một hung thần khủng bố gieo rắc kinh hoàng tại Iraq trong thời gian qua và đã bị quân đội Mỹ triệt hạ bằng một vụ thả bom vài tháng trước. Trùm khủng bố al-Zarqawi là một người Ả Rập Sunni gốc Jordan, luôn luôn chủ trương triệt hạ những người Shiite có tinh thần hợp tác với Hoa Kỳ, và là thủ phạm chính cố tình tạo thêm sự thù hận giữa hai khối Sunni và Shiite, góp phần cho tình trạng bất ổn có cơ nguy dẫn đến một cuộc nội chiến tại Iraq.

Tuy nhiên những thành phần đó cũng chỉ chiếm một thiểu số trong lực lượng phiến quân chống lại quân đội Mỹ tại Iraq mà phần đông là thành phần quân dân thuộc phe Sunni đang lo sợ cho một sự thay đổi mới sẽ làm thiệt hại cho quyền lợi và sự an nguy của họ. Dưới thời của lãnh tụ Saddam Hussein, khối Sunni tuy chỉ chiếm thiểu số tại Iraq, nhưng lại là thành phần được hưởng nhiều quyền lợi nhất vì tất cả các chức vụ quan trọng trong chính quyền đều nằm về tay nhóm này. Giờ đây với sự thay đổi thứ bậc và quyền lực mới dẫn ra sau sự can thiệp của Hoa Kỳ, phe Shiite sẽ chiếm đa số cầm quyền và do đó có thể sẽ có những biện pháp để trả đũa cho những chính sách thiên vị hay ngược đãi lúc trước, hay ít ra là cũng tước đoạt đi nhiều quyền lợi của khối dân Sunni. Những thành phần phiến quân này, đa số gốc Sunni, có thể tranh đấu để mong bảo vệ những mục tiêu cục bộ như quyền lợi riêng tư của họ, chứ không phải chỉ muốn nhắm tới mục đích tối hậu là tận diệt Hoa Kỳ.

Đó là chưa kể trong tiến trình xâm chiếm Iraq, cho dù là với mục đích cao cả là để giải phóng quân dân và đất nước này khỏi ách kềm kẹp của một lãnh tụ độc tài, quân đội Mỹ vô tình đã tạo nên nhiều đạo quân mới chống lại sự có mặt của mình. Vì nhiều lý do khác nhau, từ sự bất tài và ngạo mạn của các lãnh tụ ở Ngũ Giác Đài như tổng trưởng Rumsfeld đã không tiên liệu đầy đủ cũng như không chịu sửa sai cho đến sự khác biệt về văn hoá và chủng tộc, tự phương cách làm việc của quân đội Mỹ cũng đã tạo nên nhiều kẻ thù mới không ai khác hơn chính là những người dân tại Iraq.

Một chi tiết nhỏ tuy không được TT Bush nhắc tới nhưng tất cả các tướng lãnh chỉ huy ở chiến trường đều phải nhận thức đến một sự thật phũ phàng gây thiệt hại nặng nề cho quân đội Mỹ cũng như thêm khó khăn cho triển vọng thành công của sứ mạng. Đó là sự hiện hữu của người lính Mỹ tại chiến trường, thay vì có công dụng giảm bớt các vụ bạo động, lại biến cho tình hình tại Iraq càng ngày càng bạo loạn và bất an hơn, một điều nghe có vẻ như nghịch lý. Cái mặt trận quan trọng nhất mà Hoa Kỳ phải tốn bao xương máu và tiền bạc đổ vào hoá ra đã được tạo nên từ sự xâm lăng của quân đội Mỹ. Chính vì thế mà vị chỉ huy cao cấp ở chiến trường, Trung tướng Peter Chiarelli, tư lệnh lực lượng liên quân tại Iraq, đã phải nhìn nhận: "*Chúng ta phải hiểu rằng cung cách mà chúng ta đối xử với người Iraq có ảnh hưởng trực tiếp đến con số người tham dự vào lực lượng phiến quân mà chúng ta đang đối phó.*" Theo lời của vị tướng này thì ít nhất đã có 1/3 dân số trên toàn Iraq đều coi quân đội Mỹ là mối hiểm nguy to lớn cho nền an ninh của nước họ.

Ông tổng trưởng Rumsfeld đã phải từng thú nhận về sự khó khăn để diệt trừ được hết các nhóm phiến quân: "*Câu hỏi chính cần đặt ra là: Liệu chúng ta có bắt giữ, tiêu diệt được những phần tử khủng bố nhanh hơn tốc độ mà các trường đạo giáo (madrassas) và các giáo chủ cực đoan tiếp tục chiêu dụ được những toán quân tình nguyện mới để huấn luyện và thúc giục họ lao vào cuộc chiến chống đối chúng ta?*" Không ai muốn trả lời câu hỏi đó nhưng rõ ràng là quân đội hùng mạnh của đệ nhất siêu cường vẫn còn tin vào chủ trương dùng sức mạnh tuyệt luân và vượt trội của mình để đè bẹp đối phương: hoặc là bắt giữ hoặc là tiêu diệt. Thế nhưng trong cuộc săn đuổi kẻ thù để bắt giữ hay tiêu diệt những bọn khủng bố hay phiến quân này, quân đội Mỹ cũng đã gây thiệt mạng cho nhiều nạn nhân vô tội, thường được biện minh bằng một từ ngữ giả dối và độc ác: những thiệt hại dính chùm (*collateral damage*). Ngụ ý của từ ngữ này bao gồm những nạn nhân vô tội phải gánh chịu hậu quả vì trót sinh ra hay phải sống gần gũi với những kẻ xấu nên bom đạn vô tình không thể nào phân biệt nổi để tránh né. Từ ngữ này cũng đã coi nhẹ mạng sống của con người, nhất là ở phe đối nghịch, vì coi đó là những thiệt hại, đổ vỡ liên hệ tựa như khi đập phá một căn nhà thì có thể làm hư hại những căn nhà dính chùm gần đó. Nó không được tôn trọng đúng mức để coi họ là những nạn nhân vô tội đáng thương mà những người chủ động cuộc chiến trước khi ra tay cần phải đắn đo suy nghĩ kỹ về hậu quả khốc hại của những quyết định trọng đại. Một nạn nhân không thể được đánh giá như là một món đồ bị hư hại (*damaged*).

Khi các đoàn xe tăng Mỹ tiến vào sào huyệt của các phiến quân, bắn phá nhiều cơ sở và cuối cùng khám phá được nhiều kho vũ khí to lớn mà bọn này đã tích trữ từ lâu, nhiều khi họ lại chẳng bắt được những tay phiến quân nào vì chúng đã được hệ thống giao liên báo động trước để tìm cách lẩn trốn ra xa. Thế nhưng trong nhiều trường hợp, trong lúc săn đuổi kẻ thù các quân nhân Mỹ có thể bắn chết nhiều trẻ em hay phụ nữ người Iraq đã không có thì

giờ để tránh xa những vùng lửa đạn. Hoặc những cái gọi là "bom tinh khôn" (*smart bombs*) cuối cùng cũng có thể rót vào những nhà thương, hay những đám tiệc tùng của dân trong làng. Hàng trăm vụ "đáng tiếc" đó cứ xảy ra thường xuyên và càng tạo thêm kẻ thù cho quân đội Mỹ. Với truyền thống và văn hoá đặc thù của dân Ả Rập là phải tìm mọi cách trả thù để rửa hận cho các nạn nhân, cứ mỗi một người dân Iraq bị chết dưới bàn tay của người Mỹ là sẽ có từ hai đến ba thân nhân của họ như anh em, chú bác v.v... có mối căm hờn với đoàn quân xâm lược và sẽ quyết chí tìm đủ phương cách tấn công phục hận, kể cả việc tự nguyện hy sinh bản thân mình miễn là gây thiệt hại được cho đối phương một cách nặng nề. Trong hoàn cảnh khó khăn của đoàn quân viễn chinh, lạ nước lạ cái, ngôn ngữ bất đồng và văn hoá khác biệt cùng với tâm lý và cung cách đánh giặc kiểu nhà giầu nên rất sợ mất mạng, các toán quân giải phóng của Hoa Kỳ nhìn đâu cũng thấy mối nguy của kẻ thù trà trộn trong dân chúng nên đành phải dùng những biện pháp phòng ngừa quá cứng rắn cho chắc ăn cho dù có xúc phạm đến nhân phẩm của người dân địa phương. Đó là những đồn canh để kiểm soát gắt gao sự giao thông bất kể chuyện những người bị khám xét có phải bị dang nắng hay nằm dài giữa đường hàng giờ đồng hồ, hoặc những cuộc truy lùng khám xét từng nhà dưới họng súng đe doạ mà không kể gì đến truyền thống và phẩm giá của người phụ nữ trong nước này, hoặc những quyết định bắt giam tất cả mọi trai tráng trong làng để cho khỏi có một tên nào có thể tiếp tay cho bọn phiến quân theo đúng với chủ trương "bắt lầm hơn tha lầm." Tình thế đó dĩ nhiên không thể nào tạo được sự cảm thông của người dân địa phương, mà ngược lại nó đã đẩy họ vào con đường chống lại để tham gia hay hỗ trợ ngầm cho phe phiến quân.

Vì thế cho nên, trong thực tế con số những phần tử Hồi-giáo cực đoan theo al-Qaeda trong lực lượng phiến quân ở Iraq chống lại quân đội Mỹ, tuy đóng vai trò quan trọng chủ động lúc ban đầu nhưng cũng chỉ là một thiểu số nhỏ. Chính sự tham dự mỗi ngày mỗi tăng của người dân tại địa phương vào chiến tuyến chống lại quân đội Hoa Kỳ sau khi đã là nạn nhân của những cuộc truy lùng hay khám xét gây nhục nhã đến danh dự và phẩm giá, hoặc đã có thân nhân họ hàng là nạn nhân của những vụ tấn công của quân lính Mỹ, đã góp phần tăng thêm sức mạnh và kéo dài sự sinh tồn của lực lượng phiến quân này.

Một số các chuyên gia khác thì cho rằng chính quyền Bush đã đơn giản hoá vấn đề khi cho rằng một nhóm quân Hồi-giáo quá khích từ nhiều nước khác nhau đã tìm cách đổ về Iraq để từ đó lãnh đạo khối dân trong một trận chiến chống lại quân đội Hoa Kỳ. Theo lời nhận định của ông Juan Cole, một giáo sư chuyên dạy về lịch sử Trung Đông và Nam Á của trường Đại học Michigan, thì "*nếu như khối dân Sunni nắm được quyền tự chủ đất nước mình thì chắc chắn là họ sẽ không làm ngơ trước bọn khủng bố đang tìm cách tấn công và phá hoại tài sản và hạ tầng cơ sở của Iraq.*"

Hơn thế nữa, không phải tất cả những phần tử khủng bố Hồi-giáo ở Iraq hiện nay đang lăm le và mong muốn chống lại thành trì của quân đội Mỹ tại chiến trường này để rồi từ đó sẽ đổ xô tràn sang Hoa Kỳ để tấn công tiếp. Cuộc chiến đấu hiện nay, theo nhận định của nhiều chuyên gia, là một cuộc tranh đấu về ý thức hệ chứ không phải là một cuộc chiến để giành lấy đất đai. Chính vì thế mà cuộc xung đột tại Iraq đã làm cho phe al-Qaeda, vốn đã không được cảm tình ngay cả trong lòng khối dân Ả Rập và Hồi-giáo sau biến cố 9/11 ngoại trừ một thiểu số nhỏ cũng hả hê khi thấy một nước khổng lồ như Hoa Kỳ cũng phải thảm bại nhục nhã, có cơ hội để chứng minh cho những thành phần có cảm tình trong vùng thấy rằng họ đang cố gắng chống chọi lại với kẻ thù Hoa Kỳ trong một sứ mạng bảo vệ cho những người dân Hồi-giáo từ lâu đã bị áp bức.

Nhận định của bản báo cáo NIE không khác gì quan điểm chung của các chuyên viên độc lập am tường trong việc nghiên cứu các tổ chức và phong trào khủng bố, mặc dù từ hơn hai năm qua, đã có sự căng thẳng giữa Toà Bạch Ốc và các cơ quan tình báo chuyên ngành trong việc thẩm định tình hình an ninh tại Iraq. Một số chuyên viên này, trong chốn riêng tư, đã tỏ ra bất bình vì không đồng ý với những nhận định đầy lạc quan mà Bạch Cung muốn đưa ra cho dân chúng Mỹ biết về tình hình an ninh tại Iraq, hoàn toàn trái ngược với thực tế bi quan và khắc nghiệt hơn tại chiến trường. Tuy nhiên, các cơ quan tình báo của các quốc gia đồng minh khác cũng chia sẻ nhận định bi quan này. Ủy ban điều tra vụ khủng bố xảy ra tại Anh vào mùa hè năm 2005 mới đây vừa tường trình rằng các viên chức đầu não của hai cơ quan an ninh và

tình báo tại Anh là MI và MI6 đều nhấn mạnh đến mối hiểm nguy của phong trào Hồi-giáo quá khích càng ngày càng lớn dần. Mới đây, một viện nghiên cứu độc lập khác gồm những chuyên viên thượng thặng trong nghề, có tên là The Council on Global Terrorism, đã kết luận rằng "*tất cả những dấu hiệu đều cho rằng tinh thần cực đoan trong thế giới Hồi-giáo hiện nay càng ngày càng lớn rộng thay vì bị thu hẹp đi.*"

quốc phòng là lãnh vực duy nhất mà họ có thể giữ được sự hậu thuẫn của đa số dân chúng, dù chỉ là một đa số mong manh và khít khao. Nhưng nó có khả năng đem lại chiến thắng trong các thùng phiếu như đã được chứng minh trong hai kỳ bầu cử trước đây vào năm 2002 và 2004. Vì thế cho nên tất cả các cuộc tranh luận hiện nay đều phải được dàn dựng hay sắp xếp dưới lăng kính yêu nước và bảo vệ tổ quốc để giúp cho

NHỮNG HẬU Ý CHÍNH TRỊ NHÂN MÙA BẦU CỬ TẠI HOA KỲ

Nói một cách tổng quát, chính quyền Bush muốn cử tri Mỹ nhìn cuộc chiến tại Iraq như là một cuộc tranh đấu do Hoa Kỳ lãnh đạo để chống lại một đạo quân khủng bố thuần nhất, dưới quyền điều động của một bộ chỉ huy trung ương với mục tiêu là sẽ tạo ra một vụ tấn công tương tự như vụ 9/11 hay tệ hơn thế nữa. Chiến dịch tuyên truyền gieo rắc sự sợ hãi trong lòng người dân Mỹ không nhiều thì ít cũng đã thành công trong lúc ban đầu với kết quả là đa số dân chúng cũng như Quốc Hội Mỹ đều ủng hộ cho một giải pháp tấn công Iraq của TT Bush vào năm 2002 đi ngược lại những nguyên tắc đạo lý và ngoại giao lâu đời.

Nhưng điều hy vọng duy nhất hiện nay cho TT Bush và phe Cộng Hoà là đề tài an ninh

đảng Cộng Hoà tiếp tục khai thác được ưu thế này.

Lịch sử cận đại Hoa Kỳ cho thấy là trong mấy thập niên qua, người dân Mỹ đã gần như có sẵn định kiến rằng phe Cộng Hoà có ưu điểm về các lãnh vực đối ngoại và quốc phòng trong khi đảng Dân Chủ được sự ủng hộ và tin tưởng nhiều hơn trên các địa hạt đối nội và dân sinh. Trong chiều hướng đó, mỗi khi đất nước đang nằm trong nguy cơ bất an hay có chiến tranh, các lãnh tụ phe Cộng Hoà thường giành lấy ưu thế. Thế nhưng lần này, điều tai hại đã xảy ra cho đảng Cộng Hoà với kết quả thất bại và tốn kém nặng nề của cuộc chiến tại Iraq, một cuộc chiến thiếu chính nghĩa với những lý cớ sai trái hoặc được nguỵ tạo, lại được thi hành một cách quá chủ quan và thiếu trách nhiệm bởi những lãnh tụ đầy kiêu căng nhưng bất tài như ông Rumsfeld, và đáng ngại hơn nhất, là càng ngày

càng gây bất ổn trên thế giới cũng như tạo ra thêm nhiều kẻ thù cho Hoa Kỳ. Trong kỳ bầu cử năm 2002, bộ máy tuyên truyền của chính quyền Bush đã thổi phồng lên mối nguy về kho vũ khí tàn sát quy mô của lãnh tụ độc tài Saddam Hussein để từ đó có thể chỉ trích tất cả các vị dân biểu hay nghị sĩ nào không ủng hộ TT Bush cho giải pháp quân sự tấn công Iraq. Qua đến kỳ bầu cử năm 2004, những hình ảnh sai trái và bất lợi về cuộc chiến chỉ mới được hé mở một phần nhưng chưa tạo được sự thức tỉnh của đa số quần chúng vì vẫn còn bị ảnh hưởng bởi chính sách tuyên truyền cố tình liên kết cuộc chiến tại Iraq với biến cố 9/11. Nhưng đến năm nay thì tất cả những sự thật đã được phơi bày, chính TT Bush cũng phải thú nhận trước giới truyền thông toàn quốc rằng chế độ Saddam Hussein không có dính líu gì đến vụ 9/11, và ngay cả trên Thượng Viện Mỹ dưới quyền của đa số theo đảng Cộng Hoà, một bản tường trình cũng đã được thông qua với lời kết luận rõ ràng rằng giới tình báo Mỹ đã biết chắc chắn rằng Iraq đã không có kho vũ khí độc hại trước đó, cũng như chính quyền Saddam Hussein đã không có liên lạc gì với tổ chức al-Qaeda, thậm chí còn coi tổ chức này là một phần tử nguy hiểm như kẻ thù.

Vì thế cho nên mà hầu hết các vị dân cử đối lập thuộc phe Dân Chủ đều đã không bỏ lỡ cơ hội này để tố cáo chính sách sai lầm tai hại của chính quyền Bush về cuộc chiến tại Iraq mà không sợ bị chụp mũ là thiếu tinh thần yêu nước và không cương quyết chống lại bọn khủng bố. Trong khi đó thì phía Toà Bạch Ốc đang lúng túng đỡ đòn, chỉ đưa ra nhận định khá yếu ớt rằng nội dung của bản báo cáo NIE chỉ là một phần trong bản tóm lược các nhận định của các chuyên gia cao cấp trong ngành tình báo và chính quyền lúc nào cũng quan tâm và nghiên cứu nội vụ.

Nhưng việc liên kết cuộc chiến tại Iraq với cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu là một cố gắng gượng ép thiếu khả năng thuyết phục, ấy là chưa kể việc nó có thể chứng tỏ là những người chủ trương chưa chắc đã hiểu rõ vấn đề và những căn nguyên chính dẫn đưa đến sự lớn mạnh và ra tay của bọn khủng bố Hồi-giáo quá khích.

Thật vậy, từ năm 2001 trở về trước, cũng có khá nhiều người chia sẻ quan điểm thù hận Hoa Kỳ như bin Laden, và do đó họ đã reo hò chiến thắng khi nhìn kết quả khốc hại và kinh hoàng của ngày 11 tháng 9 năm 2001. Nhưng cũng có một số đông khác không ủng hộ tinh thần quá khích đầy hận thù này, trong số đó phải kể đến nhân vật Muhammad Hussein Fadlallah, một giáo sĩ Hồi-giáo thuộc hệ phái Shia được nhiều người quí mến tại Lebanon. Vị giáo sĩ này cho rằng mặc dù khối đông dân Ả Rập và Hồi-giáo có những bất đồng sâu xa với các chính sách của Hoa Kỳ, nhưng những vụ tấn công khủng bố của ngày 9/11 là những hành động tội phạm và tàn ác, cũng như là một vết nhơ cho đạo Hồi.

Trong một bài thuyết giảng gần đây khi nói về cuộc chiến mới xảy ra tại chiến trường Lebanon, vị giáo sĩ Fadlallah đã trình bày quan điểm của mình một cách rõ ràng: "*Đây quả là một cuộc chiến do Hoa Kỳ chủ động và để cho Do Thái thi hành nhằm mục đích thực hiện những kế hoạch đầy kiêu căng của Hoa Kỳ muốn thiết lập một nền bá chủ về quân sự, chính trị và kinh tế lên toàn vùng Trung Đông này.*" Cái thông điệp đầy nét căm thù giận dữ đó đã vang dội lên khắp các vùng đất của người Ả Rập và Hồi-giáo. Sự thù ghét và đố kỵ đó đã lan rộng khắp nơi. Trong một cuộc thăm dò dân ý tại Iraq vào tháng Tư vừa qua, người ta mới biết rằng có khoảng đến 90% dân chúng Iraq, mặc dù đã được quân đội Hoa Kỳ giải phóng khỏi ách độc tài của lãnh tụ chuyên chế Saddam Hussein cách đây hơn ba năm, sẵn sàng từ chối việc sống chung đụng cận kề với người hàng xóm nếu đó là dân Mỹ.

Trong thực tế, phong trào khủng bố Hồi-giáo là một sự hỗn hợp của nhiều tổ chức địa phương với nhiều mục tiêu cục bộ có thể tròng tréo lên nhau với những phương tiện hay hình thức đấu tranh tương tự vì có cùng cảm hứng và hoàn cảnh, nhưng không nhất thiết là có cùng mục đích cũng như chịu sự chi phối của một ban lãnh đạo duy nhất.

Và đó chính là điều mà đa số các chuyên gia trong lãnh vực này đều cho rằng luận cứ của chính quyền Bush muốn coi cuộc chiến tại Iraq là một chiến trường chính yếu cho cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu là một nhận định không đầy đủ và thiếu suy xét. Vì vậy, nó sẽ không giúp cho Hoa Kỳ dễ dàng đạt được thắng lợi trong tương lai để có thể tự hào rằng chính nghĩa tự do và dân chủ của mình sẽ thắng chủ nghĩa quá khích cực đoan chỉ muốn gieo rắc kinh hoàng lên người dân. Ấy là chưa kể trong cuộc chiến hiện nay tại Iraq, sự yếu kém

và bất tài của bộ máy lãnh đạo ở Ngũ Giác Đài đã góp phần không nhỏ cho những khó khăn mỗi ngày mỗi dồn đến cho Hoa Kỳ, vừa không mong đạt được những thành quả lạc quan như mong muốn lúc ban đầu mà còn đem đến thêm nhiều kẻ thù mới. Cũng như việc không cân nhắc kỹ lưỡng đến quyền lợi của Mỹ mà phải chịu áp lực nặng nề của khối Do Thái ảnh hưởng mạnh lên chính trường Hoa Kỳ nên nhiều khi đã đồng hoá quyền lợi của Do Thái với quyền lợi của nước Mỹ, vô tình tạo thêm sự chống đối (tức là thêm thù bớt bạn) khắp nơi như trong cuộc xung đột giữa Do Thái và Palestine hoặc tổ chức Hezbollah tại Lebanon trong cuộc chiến hồi tháng Bảy vừa qua.

Theo lời nhận xét của tiến sĩ Jessica Stern, giáo sư chính trị học tại trường Đại học Harvard, lý do có thể để giải thích tại sao đã không có một vụ tấn công to lớn nào đã xảy ra tại nội địa Hoa Kỳ trong vòng năm năm qua không phải là những toán quân khủng bố đang bị đè bẹp và nằm chết dí tại chiến trường Iraq bởi sự có mặt của quân đội Mỹ. Mà có lẽ là nhờ ở nỗ lực về tình báo và công an khá hữu hiệu của chính quyền Mỹ trong thời gian qua, với khả năng và phương tiện dồi dào cộng với tinh thần cảnh giác cao độ. Giáo sư Stern cho rằng "*thật ra cũng rất khó cho bất cứ một nhóm khủng bố nào có thể đến từ một quốc gia khác để âm mưu tổ chức và thực hiện cho bằng được một vụ tấn công tương tự như vụ 9/11.*"

Bản thẩm định mới nhất về sự lan rộng của phong trào Hồi-giáo quá khích, dẫn đến mối nguy các vụ khủng bố nổ ra khắp nơi, đã vẽ ra chân dung của một cuộc chiến toàn cầu mà chiến trường ở Iraq thật ra không phải có một vai trò chính yếu cho sự chiến đấu giữa hai phía; mà thật ra những bom rơi đạn nổ tại Iraq trong thời gian qua đã là tiếng gọi chung có sức thu hút và thôi thúc tất cả những cá nhân cũng như tổ chức Hồi-giáo khác nhau cùng đứng lên để quyết lao mình vào một cuộc chiến mới mà niềm tin tôn giáo mãnh liệt của họ cho phép và bắt buộc phải làm cũng như khoác cho cái mầu áo anh hùng là "thánh chiến" (jihad).

Vì thế cho nên nó tương phản với những luận cứ sơ sài của chính quyền Bush chỉ muốn nhấn mạnh đến khía cạnh sức mạnh quân sự siêu việt của mình đã có khả năng tiêu diệt một số thành phần bất hảo và coi đó sự thành công trên chiến trường này như là con đường mau chóng nhất cho Hoa Kỳ đi đến chiến thắng trong cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu. Trong bài diễn văn đọc tại Atlanta trong tháng 9 năm nay, TT Bush đã nói: "*Nhiều người dân Mỹ ... đã đặt ra cùng một câu hỏi năm năm sau ngày 9/11. (Liệu Hoa Kỳ có an ninh hơn hay không?) Câu trả lời là có. Hoa Kỳ đã an toàn hơn. Chúng ta được an toàn hơn vì chúng ta đã có những hành động để bảo vệ quê nhà. Chúng ta được an toàn hơn vì chúng ta đang tấn công kẻ thù ở hải ngoại. Chúng ta được an toàn hơn nhờ ở sự hy sinh và tài năng của những chiến sĩ anh hùng quyết bảo vệ cho sự an nguy của người dân Hoa Kỳ.*"

Lời nói hùng biện ấy chắc chắn sẽ lấy phiếu được không ít một số cử tri cũng có tinh thần cực đoan và nặng tự ái cá nhân. Nhưng đứng về mặt chiến lược, theo nhận xét của một chuyên gia chống khủng bố trong chính quyền, nó đã cho thấy một lỗ hổng khá to, đó là "*chúng ta chỉ chú trọng đến những tên khủng bố mà không chịu để ý gì đến những nguyên nhân gây ra sự xuất hiện của bọn chúng. Nếu xét về những nỗ lực của Hoa Kỳ trong thời gian qua, có thể nói là chúng ta đã chi ra đến gần 90% tất cả những tài nguyên để đối phó với những tên khủng bố, thay vì chú trọng để tìm hiểu vì sao bọn họ có tinh thần quá khích và trở thành quân khủng bố.*"

Riêng cuộc chiến tại Iraq, với những mộng ước quá chủ quan lúc ban đầu của phe tân bảo thủ giờ đây đã trở thành ảo tưởng, mối ưu tư hiện nay của các tướng lãnh ở chiến trường cũng như các lãnh tụ dân sự ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn là làm sao có thể rút lui được để khỏi tốn hao thêm thiệt mạng và tốn kém cho Hoa Kỳ nhưng lại không gây ra một sự bất an nguy hiểm hơn là cuộc nội chiến giữa hai phe Sunni và Shiite nổ bùng lan rộng ra. Chiến tranh thường tạo ra những hậu quả không lường trước được (*unintended consequences*) theo đúng nghĩa của nó. Đó là tình trạng rối ren bất định tại Iraq mà Hoa Kỳ phải đối phó, không phải chỉ cho chính quyền Bush mà có thể cho cả vị tổng thống kế tiếp cũng như cho cả nhân loại.

Chiến tranh, nói theo binh thư của Tôn Tử cách đây hàng ngàn năm, bao giờ cũng được đặt trên một nền tảng là mưu mẹo dối trá. Cuộc chiến tại Iraq có lẽ sẽ được lịch sử đánh giá là đã đặt trên nền tảng tự dối trá mà Hoa Kỳ đã giăng ra và phải lãnh đủ.

Houston, Texas 25-09-2006

Chặng Đường 50 Năm - Từ "Nhân Văn" Đến "Tổ Quốc" *

Để kỷ niệm 50 năm ngày báo "Nhân Văn" ra số 1

NGUYỄN MINH CẦN

Một buổi sáng sớm mùa thu đẹp trời tại Hà Nội, khi công nhân, viên chức đang tấp nập đi làm, sinh viên, học sinh đang rộn rã đến trường... thì trên bờ Hồ Gươm bỗng vang lên tiếng rao lảnh lót của một em bán báo vừa vui tai, vừa có vẻ nghịch ngợm: "Báo Nhân Văn số 1 mới ra lò đây! Tờ báo rất hay, rất mới lạ, xin bà con cô bác mua ngay kẻo hết!" Một người đang đi bỗng dừng lại hỏi: "Cái gì? Nhân Dân à? Nhân Dân thì có gì là hay, là mới lạ?!" Em đáp lại: "Không phải 'Nhân Dân' mà là 'Nhân Văn' cơ! Tờ báo mới ra mà! Còn thơm mùi mực." Người kia bước lại gần: "Ừ, đưa đây, ta mua một tờ xem sao." Rồi hai, ba người nữa mua... Hôm đó, tôi từ bờ hồ tập thể dục buổi sáng trở về nhà tôi gần đấy, thấy vậy cũng mua một số. Chẳng mấy chốc xấp báo trên tay em bé đã vợi đi một nửa, và em chạy vội đến trường đại học cách không xa...

Đến bây giờ — vừa đúng 50 năm sau — tôi vẫn còn nhớ như in buổi sáng hôm đó. Báo "Nhân Văn" số 1 ra ngày 20.09.1956 (1) tại Hà Nội, trên báo có ghi rõ tên người chủ nhiệm Phan Khôi, thư ký toà soạn Trần Duy. Xem xong tờ báo, tôi cảm thấy thằng bé bán báo nói không sai, tờ báo quả là mới lạ thật. Rất mới lạ so với thời thế hiện tại — cái thời cực kỳ khắc nghiệt còn âm vang cuộc cải cách ruộng đất "long trời lở đất" ở nông thôn, cái thời của chế độ đăng ký hộ khẩu ngặt nghèo mới du nhập vào miền Bắc từ "các nước bạn" đàn anh, cái thời mà mọi người dân chỉ dám nói thầm trong xó bếp những nỗi bất bình của mình mà thôi, "*...cái thời/đến nghĩ ngợi cũng cần xin phép,*" như nhà thơ Trần Mạnh Hảo đã viết sau này trong bài "Nhớ Nguyễn Bính." Và cũng vì thế mà thật đáng lo cho những người dám cất cao tiếng nói...

Ngay trên trang đầu, toà soạn đã tuyên bố rõ ràng: "...báo 'Nhân Văn' đứng dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam, theo chủ nghĩa Mác-Lênin với tinh thần thực tiễn, để xúc tiến công cuộc củng cố miền Bắc, thống nhất nước nhà, để đi đến thực hiện chủ nghĩa xã hội, theo như ý muốn của Đảng cũng là ý muốn của nhân dân cả nước" (nguyên văn). Trong số 1 có một bài ngắn mang tựa đề: "*Ý kiến của Luật sư Nguyễn Mạnh Tường, Giáo sư đại học,*" trong đó ông Tường trình bày ý kiến của ông về mở rộng tự do và dân chủ. Thực ra, bài này cũng không có gì "ghê gớm," nhưng ông nói thẳng thắn. Một bài khác với tựa đề: "*Chống bè phái trong văn nghệ*" của Trần Công có phần "gây cấn" hơn: tuy lời lẽ nhẹ nhàng, lịch sự, nhưng tác giả dám đề cập đến sự độc đoán của nhóm lãnh đạo văn nghệ. Những chuyện này thời đó ít ai dám nói công khai. Chắc bài này đã "chạm nọc" ai đấy trong số các quan chức văn nghệ hồi đó. Một bài thơ của Lê Đạt nhan đề "*Nhân câu chuyện mấy người tự tử*" có một câu giống như lời kêu gọi tinh thần nhân văn mà tờ báo mang tên: "Phải hiểu, phải yêu, phải quý trọng con người". Đặc biệt nhất trong số 1 là bài ký dài của Hoàng Cầm, với tựa đề: "*Con người Trần Dần*" đã kể lại bi kịch tình yêu của Trần Dần, việc Trần Dần đã hai lần bị bắt và có lần đã tự cắt cổ mình, những lần bị "kiểm thảo" (nói theo từ ngữ thời ấy) vì bài thơ "Nhất định thắng" của ông. Qua bài ký đó, Hoàng Cầm đã hé tấm màn bí mật về sự đàn áp tự do tư tưởng, tự do sáng tác. Một bức ký hoạ của Nguyễn Sáng gây ấn tượng mạnh cho người đọc để minh hoạ bài của Hoàng Cầm, trên đó vẽ chân dung Trần Dần với vết thương chéo ngang cổ.

Trong ngày báo "Nhân Văn" ra mắt số đầu tiên - theo tôi được biết - vào khoảng 9 - 10 giờ sáng, ở Hà Nội người ta đã kịp truyền tin cho nhau, rồi rộn ràng chạy đi tìm mua báo, và số báo hôm đó "bán chạy như tôm tươi." Nhiều

người mua hai, ba số để gửi cho bạn bè các nơi khác. Tờ báo mới ra đời đã gây dư luận sôi nổi ở Hà Nội, rồi lan xuống Hải Phòng, Nam Định và truyền đi nhiều nơi khác.

Năm ngày sau, 25.09.1956, báo "Nhân Dân" của Đảng Lao động Việt Nam tung ra một bài dài của Nguyễn Chương, phó trưởng ban tuyên huấn trung ương, cố tình ghép tội chính trị cho báo "Nhân Văn" là "muốn nhân việc phê bình lãnh đạo văn nghệ hẹp hòi, mệnh lệnh mà làm cho người ta tưởng rằng toàn bộ sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam và toàn bộ chế độ chính trị ở miền Bắc là độc đoán, độc tài, chà đạp con người, không có nhân văn" (nguyên văn). Những ngày sau, các báo khác của Đảng đồng loạt đăng nhiều bài phê phán kịch liệt "Nhân Văn" với giọng điệu buộc tội tương tự: đánh vào đảng lãnh đạo, đánh vào chế độ. Người đọc tinh ý thấy ngay rằng chúng được cho ra từ một "lò sản xuất."

Nhưng những bài trên báo chí "chính thống" thường ít hấp dẫn người đọc, kém tính thuyết phục đối với đông đảo dân Hà Nội, vì họ cảm thấy bằng kinh nghiệm bản thân là báo "Nhân Văn" nói thật. Ai chứ những ông Nguyễn Mạnh Tường, Phan Khôi, Đào Duy Anh, Trương Tửu, Nguyễn Hữu Đang, Trần Đức Thảo... thì chẳng lạ gì với dân Hà Nội và họ thành thực có cảm tình. Vì thế, dù bị công an doạ dẫm, các cán bộ đảng ở cơ sở răn đe, nhiều trí thức, sinh viên, giáo viên vẫn cứ công nhiên cổ động cho báo "Nhân Văn," phản bác lại những điều báo Đảng viết. Hăng nhất là sinh viên, nơi các Giáo sư Đào Duy Anh, Trần Đức Thảo, Trương Tửu, Nguyễn Mạnh Tường giảng dạy.

Một hiện tượng nữa cho thấy ảnh hưởng của "Nhân Văn-Giai Phẩm" đối với thanh niên là hồi đó họ thường ngâm nga, như lời cửa miệng, mấy câu thơ nổi tiếng "*Đem bục công an/đặt giữa trái tim người/Bắt tình cảm ngược xuôi/Theo luật đi đường nhà nước*" (Lê Đạt), "*Tôi bước đi/không thấy phố/không thấy nhà/Chỉ thấy mưa sa/trên màu cờ đỏ*" (Trần Dần). Tôi còn nhớ một chuyện làm dư luận ở Hà Nội hồi đó rất phẫn nộ, là theo lệnh "trên", Sở Báo chí của Thủ tướng phủ đã phái cán bộ của Sở, tên là Thiết Vũ, đưa một bài phê phán báo "Nhân Văn" đến cho tờ "Trăm Hoa" của nhà thơ Nguyễn Bính và yêu cầu đăng, Nguyễn Bính không chịu nhận bài. Thiết Vũ nài ép không được, thế là anh chàng vũ phu kia đã hành hung nhà thơ. Dư luận phản đối ầm lên một dạo.

Vượt qua bao khó khăn do nhà cầm quyền gây ra, báo "Nhân Văn" ra được năm số. Đến số 6, khi nhà in đã lên khuôn, thì ông Tố Hữu hô hoán ầm lên rằng trong số 6, Nguyễn Hữu Đang trắng trợn xúi giục dân chúng biểu tình trong dịp Quốc hội họp, âm mưu gây bạo loạn... Rồi những tuyên bố đồng loạt được tung lên, đặc biệt là tuyên bố của "235 văn nghệ sĩ Nam Bộ" (nhiều người biết, đây là tác phẩm nguỵ tạo của báo "Thống Nhất") đăng trên báo "Nhân Dân" ngày 15.12.1956 buộc tội cho báo "Nhân Văn" để cho kẻ địch lợi dụng, gây chia rẽ Bắc Nam, gây sự hiểu lầm về chế độ tốt đẹp của miền Bắc, nguy hại cho sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Cùng ngày đó, Chủ Tịch Uỷ ban Hành chính Hà Nội đã ra lệnh cấm báo "Nhân Văn," Chủ Tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà Hồ Chí Minh ra sắc lệnh báo chí. Thế là những tờ khác, như "Trăm Hoa," "Đất Mới," "Giai Phẩm"... đều bị bóp chết không kèn không trống.

Về sau, số phận những người tham gia vào trào lưu Nhân Văn-Giai Phẩm này như thế nào thì chắc nhiều người đã biết: nhà văn nữ Thuỵ An chẳng dính dấp gì đến báo "Nhân Văn" cũng bị ghép vào nhóm "Nhân Văn" và đưa ra xử trong "vụ án gián điệp" cùng với các ông Nguyễn Hữu Đang, Trần Thiếu Bảo (nhà xuất bản Minh Đức) và hai ông Phan Tài và Lê Nguyên Chi bị coi là tòng phạm. Bà Thuỵ An và ông Nguyễn Hữu Đang mỗi người lĩnh án 15 năm tù ngồi, ông Minh Đức — 10 năm tù ngồi, tịch thu tài sản, hai tòng phạm — mỗi ông lĩnh năm năm tù. Đây chỉ mới là mặt nổi của tảng băng mà thôi. Số còn lại thì người ta không công khai xét xử tại toà án nhưng lại ngấm ngầm tống vào tù, như các ông Phùng Cung, Trần Duy, Phan Tại, Hoàng Công Khanh, Tuân Nguyễn... Ông Phùng Cung "âm thầm" ngồi tù đến 12 năm — từ tháng 12.1961 đến tháng 11.1972, qua nhiều nhà tù độc ác nhất trên miền Bắc, bị biệt giam nhiều lần với cùm kẹp man rợ. Nhà văn Phan Khôi, các Giáo sư đại học Trương Tửu, Trần Đức Thảo, Nguyễn Mạnh Tường, Đào Duy Anh đều bị cách chức, bao vây kinh tế và quản thúc cho đến cuối đời. Các văn nghệ sĩ có dính đến Nhân Văn-Giai Phẩm đều bị "kỷ luật" — trên văn bản ghi hai, ba năm nhưng thực tế thì kéo dài đến 30 năm, trong thời gian đó họ bị đưa đi lao động cải tạo, bị cô lập, bị "treo bút," nghĩa là suốt 30 năm không một tác phẩm nào được phép xuất bản,

như Trần Dần, Lê Đạt, Phùng Quán, Hoàng Cầm, Đặng Đình Hưng, Hữu Loan, Quang Dũng...

Khốn khổ nhất là những người gọi là "Nhân Văn phường," "Nhân Văn xã," "Nhân Văn huyện"... tức là những người có cảm tình với "Nhân Văn" ở khắp nơi, đã từng ủng hộ, bênh vực, chuyền tay báo, thậm chí chỉ đọc hay lưu giữ báo "Nhân Văn," đều bị công an địa phương ghép tội "liên quan với "Nhân Văn," thế là suốt đời bị kỳ thị, bị nghi ngờ. Mà "cái án" này thì không bao giờ được xoá cả. Đó là khổ nạn của người dân có chút đầu óc suy nghĩ.

Một điều cần nhấn mạnh, dù đảng cầm quyền đàn áp tàn bạo trào lưu dân chủ đến thế nào đi nữa, nhưng trong lòng Dân tộc, hồn tự do bất diệt vẫn sống mãi, khát vọng dân chủ mãnh liệt vẫn sục sôi, khi có điều kiện thì lại bùng lên không thể dập tắt được. Hồi năm 1987, "Câu lạc bộ Những người Kháng chiến cũ" được thành lập, do nhà cách mạng lão thành Nguyễn Hộ làm chủ nhiệm. Câu lạc bộ đã phát huy tinh thần tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, và dù không được phép vẫn cho ra báo "Truyền Thống Kháng Chiến" với hai ngàn bản in. Câu lạc bộ đã dám thảo luận những vấn đề chính trị rất hóc búa, như yêu cầu Bộ chính trị và Ban bí thư kiểm điểm công việc của mình trước Trung ương, yêu cầu thi hành kỷ luật những bộ trưởng, thứ trưởng phạm sai lầm để cho 10 triệu dân miền Bắc bị đói năm 1987, yêu cầu Trung ương đừng "độc diễn" khi Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng mà để cho Quốc hội được bầu cử dân chủ... Đến khi đảng cầm quyền đàn áp những người tham gia Câu lạc bộ thì ông Nguyễn Hộ — người đảng viên với 50 tuổi đảng — đã tuyên bố ra khỏi Đảng cộng sản Việt Nam (1990).

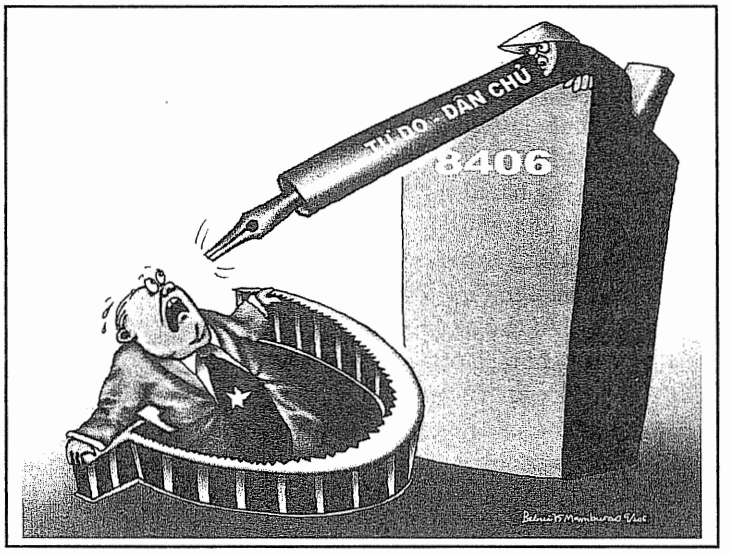

Cũng trong năm 1987, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh tuyên bố "cởi trói" cho văn nghệ sĩ — sự thật thì chỉ tạm thời nới lỏng dây trói thôi — nhưng giới trí thức, văn nghệ sĩ đã biết nhân cơ hội đó vươn lên. Ông Nguyên Ngọc đã đưa ra bản "Đề cương đề dẫn thảo luận ở hội nghị đảng viên bàn về sáng tác văn học," một lần nữa đặt lại quan hệ giữa văn học và chính trị, phản đối dung tục hoá mối quan hệ này, phản đối sự "tuyệt đối hoá chính trị, tuyệt đối hoá sự chi phối tất yếu của chính trị đối với văn học" (nguyên văn), nói một cách khác văn học đòi "tự do," đòi thoát khỏi sự đè đầu cưỡi cổ của "đảng tính." Thật ra cũng không khác mấy yêu cầu đòi Đảng "trả văn nghệ cho văn nghệ sĩ" mà ông Trần Dần đã đưa ra hồi cuối năm 1954 đầu năm 1955, khởi đầu cho trào lưu "Nhân Văn-Giai Phẩm." Trí thức văn nghệ sĩ, các nhà báo hồi đó đã không bỏ lỡ dịp dấy lên một phong trào sáng tác mạnh mẽ. Nhiều tác phẩm có tiếng vang một thời, như "Thời Xa Vắng" của Lê Lựu (1986), "Bên Kia Bờ Ảo Vọng" của Dương Thu Hương (1987), "Lời Khai Của Bị Can" của Trần Huy Quang (1987), "Cái Đêm Hôm Ấy Đêm Gì" của Phùng Gia Lộc (1988), "Tiếng Đất" của Hoàng Hữu Cát (1988), "Mùa Lá Rụng Trong Vườn" của Ma Văn Kháng (1985), "Tướng Về Hưu" của Nguyễn Hữu Thiệp, nhiều truyện ngắn của Nguyễn Minh Châu, nhiều bài thơ của Nguyễn Duy, Bùi Minh Quốc... đã để lại những dấu ấn đẹp cho thời kỳ đó. Những đổi thay của báo chí cũng tương đối tích cực, nổi bật là tuần báo "Văn Nghệ" dưới thời tổng biên tập Nguyên Ngọc, "Sông Hương" với tổng biên tập Tô Nhuận Vĩ, "Lang Bian" với tổng biên tập Bùi Minh Quốc, "Tuổi Trẻ" với tổng biên tập Kim Hạnh. Cũng cần nhắc đến vai trò của ông Trần Độ, hồi đó là trưởng Ban Văn nghệ Trung ương đã có công thuyết phục Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Bộ chính trị ra nghị quyết 05 (công bố đầu tháng 12.1987)

với tinh thần nới rộng tự do cho văn nghệ sĩ, phần nào đã có tác dụng mở đường cho các tác phẩm tốt ra đời. Về ấn phẩm bí mật thì phải kể đến tờ "Diễn Đàn Tự Do" do Giáo sư Đoàn Viết Hoạt chủ trương. Một thời gian sau thì đảng cầm quyền hoảng sợ, lại siết chặt dây trói, lại bày ra "vụ án Câu lạc bộ Những người Kháng chiến cũ," đưa vào tù các ông Tạ Bá Tòng, Hồ Hiếu, Đỗ Trung Hiếu, Đỗ Đình Mạnh... cuối cùng là ông Nguyễn Hộ, "vụ án Lang Bian" với việc khai trừ khỏi ĐCS và quản chế hai ông Bùi Minh Quốc, Bảo Cự và đàn áp Hội Văn nghệ Lâm Đồng. Ông Nguyên Ngọc, bà Kim Hạnh đều bị gạt ra khỏi cương vị tổng biên tập các báo họ đã phụ trách. Các nhà trí thức, tu hành từng ủng hộ ĐCS trong cuộc chiến tranh miền Nam, đến khi họ cất tiếng nói chính nghĩa cũng bị đàn áp, tù đày, quản chế, như Linh mục Chân Tín, ông Nguyễn Ngọc Lan... Đó là không nói đến vụ án Nguyễn Đan Quế, Đoàn Viết Hoạt với mức án cực kỳ nặng.

Trong tình hình khó khăn đó, cuộc đấu tranh đòi dân chủ hoá vẫn tiến tới không ngừng. Các nhà cách mạng lão thành Hoàng Minh Chính, Nguyễn Hộ, Lê Giản, La Văn Lâm, Nguyễn Văn Trấn, Ngô Thức, Trần Độ, Nguyễn Văn Đào, Hoàng Hữu Nhân, Lê Hồng Hà... đã cất cao tiếng nói chính nghĩa của mình. Ông Nguyễn Hộ đã cho ra tập luận văn "Quan Điểm Và Cuộc Sống," ông Nguyễn Văn Trấn — tập tạp luận "Viết Cho Mẹ Và Quốc Hội," ông Hà Sỹ Phu (Nguyễn Xuân Tụ) — ba tập sách "Dắt Nhau Đi Dưới Những Tấm Biển Chỉ Đường Của Trí Tuệ," "Đôi Điều Suy Nghĩ Của Một Công Dân" và "Chia Tay Ý Thức Hệ," Trần Thư — "Người Tù Bị Xử Lý Nội Bộ," Hoà Thượng Thích Quảng Độ — "Nhận Định Những Sai Lầm Tai Hại Của Đảng Cộng Sản Việt Nam Đối Với Dân Tộc Và Phật Giáo Việt Nam," ông Trần Độ — "Hồi Ký," Tiêu Dao Bảo Cự — "Nửa Đời Nhìn Lại"... Nhiều người khác, như Nguyễn Kiến Giang, Nguyễn Thanh Giang... cũng đã công bố những luận văn, những nghiên cứu của mình để chỉ rõ con đường tất yếu phải dân chủ hoá Đất nước. Cũng chính trong thời gian này, một tờ báo bí mật nhỏ nhắn viết rất hay mang tên "Người Sài Gòn" mà người ta đồ rằng do Ông Già Chợ Đệm Nguyễn Văn Trấn làm. Tờ báo được những người dân chủ đón nhận rất nồng nhiệt.

Mở đầu thế kỷ mới, nhà văn Bùi Ngọc Tấn đã cho ra "Chuyện Kể Năm 2000," nhưng bị thu hồi ngay, ông Nguyễn Thanh Giang đã tự xuất bản "Suy Tư Và Ước Vọng" cũng bị tịch thu. Tướng Trần Độ định cho ra "Nhật Ký Rồng Rắn" nhưng bị tước đoạt ngay khi sắp đưa đi photocopy...

Nhiều người đã phải trả giá rất đắt cho quyền tự do phát biểu của mình bằng nhiều năm tù, nhiều năm quản chế, bằng những sách nhiễu thường xuyên của nhà cầm quyền...

Ngày 8.4.2006, 118 nhà đấu tranh cho dân chủ trong nước đã tung ra Bản Tuyên Ngôn Tự Do Dân Chủ 2006. Tuyên Ngôn đó được nhiều người trong nước hưởng ứng, tính đến nay đã có trên hai ngàn người can đảm ký tên và được người Việt ở hải ngoại hoan nghênh nồng nhiệt. Tuyên Ngôn 2006 cũng được dư luận thế giới biết đến và ủng hộ. Mười mấy ngày sau, vào ngày 15.04.2006, tờ bán nguyệt san "Tự Do Ngôn Luận" do Linh mục Têphanô Chân Tín làm tổng biên tập đã ra số đầu tiên từ trong nước mà không cần xin phép. Đây là một tờ báo giấy được phổ biến ở khắp ba miền đồng thời được đưa lên mạng lưới điện tử. Cho đến ngày 15.09.2006, tờ "Tự Do Ngôn Luận" đã ra được 11 số. Và cũng trong ngày 15.09.2006, tờ bán nguyệt san "Tổ Quốc," tiếng nói từ suy tư và ước vọng của nhân dân Việt Nam, cũng đã ra số 1 từ trong nước do những cây bút trong nước với sự cộng tác của một số cây bút ngoài nước. Đây cũng là báo giấy đồng thời là báo điện tử. Anh chị em cố gắng ra số đầu tiên vào ngày này chính là để kỷ niệm 50 năm ngày báo "Nhân Văn" ra số 1.

Thế là chặng đường gian khổ từ "Nhân Văn" đến "Tổ Quốc" dài dằng dặc suốt 50 năm qua đã được tiếp nối không ngừng để góp phần vào cuộc đấu tranh hoà bình, bất bạo động nhằm chuyển hoá Đất nước ta từ chế độ độc đảng toàn trị sang chế độ dân chủ đa nguyên, đem lại tự do, hạnh phúc cho toàn thể dân ta.

Mong sao mọi cố gắng, mọi hy sinh của những người con của Mẹ Tổ Quốc Việt Nam, của những công dân thành tâm yêu nước, thương dân, khao khát tự do, dân chủ sẽ làm cho việc dân chủ hoá nước ta sớm thành tựu.

Moskva, 20.09.2006

** Bài này đăng trên bán nguyệt san Tổ Quốc, số 2, ngày 01.10.2006, ra trong nước.*

Ghi chú:

1. Đây đúng là ngày ghi trên tờ báo, chứ không phải ngày 15.09 như một vài người nhớ nhầm.

HIỆN TƯỢNG CHỐNG MỸ

TRẦN HỮU THỤC

Nhà văn Ý Ignazio Silone có lần viết "Nước Mỹ ở khắp mọi nơi" (1) .

Có lẽ đúng thế! Hầu như không có nơi nào trên thế giới mà thiếu dấu vết Mỹ: đó có thể là các tòa đại sứ nguy nga, là những căn cứ quân sự to lớn cùng với bom đạn, máy bay, xe cộ dềnh dàng, cũng có thể là những sách báo, phim ảnh, xe hơi, áo quần đầy ấn tượng, là vô số các thứ lỉnh kỉnh khác như giày dép, hộp quẹt, kẹo bánh, giấy bút, đồ chơi vân vân và vân vân và... tiếng Mỹ. Chúng mang lại những gì rất mới, rất tiện lợi, rất văn minh đồng thời với những gì rất đáng ngại: tạp chí *playboy*, phim *pornography*, đồng đô la và đôi khi... cả chiến tranh. Thế cho nên trong cả thế kỷ qua, Mỹ là một giải pháp mà đồng thời cũng là vấn đề của thế giới. Sự thành công hay thất bại và những sai lầm của nó, cách này hay cách khác, đều có một ảnh hưởng đáng kể trên tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội của cả hành tinh. Tuy thế, bàn đến nó không phải là điều đơn giản như bàn về một nước nào đó, Trung Quốc hay Pháp, chẳng hạn. Mỹ là một cái gì khác hơn, đa dạng hơn và phức tạp hơn một đất nước bình thường khác.

Với mọi người trên thế giới, Mỹ mang tính nhị nguyên. Nói đến Mỹ là nói đến sự hùng mạnh, giàu có, năng động và tự do đồng thời cũng là nói đến bạo động, bá quyền, bất bình đẳng và phân biệt chủng tộc. Vừa là kẻ gây lắm rắc rối mà cũng là người cứu chuộc. Tòa Đại Sứ Mỹ ở một nước Phi Châu nào đó, vừa là mục tiêu hàng đầu mà những tổ chức khủng bố nhắm đến để phá sập, nhưng đồng thời cũng là nơi mà những người dân nước đó cố tìm vào bằng mọi giá để được cấp chiếu khán đến Mỹ, biến giấc mộng vàng mà họ khát khao thành sự thật. Mỹ là kẻ thù mà Cộng Sản VN tìm mọi cách để thắng, bây giờ lại mở rộng vòng tay mời kẻ thù trở lại và đưa hàng trăm, thậm chí hàng ngàn cán bộ đến Mỹ thăm viếng, học tập: trung tâm William Joiner (Boston) đón tiếp cả hàng trăm nhà văn nhà thơ từ VNCS sang nghiên cứu, hội thảo về chiến tranh từ sau 1975. Chưa bao giờ Mỹ và CSVN lại thân thiện như hiện nay.

Khi Mỹ là giải pháp thì OK: viện trợ, tham quan (như chuyến viếng thăm của thủ tướng CSVN Phan Văn Khải năm 2005 vừa rồi). Khi là vấn đề, thì: chống Mỹ. Và xu thế chống Mỹ cũng ở khắp mọi nơi. Không chỉ ở thế giới Hồi Giáo, ở các nước Châu Mỹ La Tinh, các nước Phi Châu hay ở Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba, Bắc Hàn mà ở cả những đồng minh thân thiết nhất của Mỹ là các nước Tây Âu. Và lạ lùng hơn là... ngay cả trong nước Mỹ. Mỹ đã là một vấn đề, vẫn còn là vấn đề và càng là vấn đề, nhất là sau biến cố 11/9.

Biến cố đó, thật trớ trêu, không giảm bớt cường độ của chống Mỹ chút nào mà trái lại, chuyển biến nó thành một hình thức kỳ dị, đôi khi có tính cách bệnh hoạn. Ở một số nơi trên thế giới, nhiều người dân không những tỏ ra mừng rỡ trước biến cố 11/9 mà còn thống trách nạn nhân (tức là Mỹ) hơn là trách những kẻ khủng bố. Nhất là sau khi Mỹ tấn công Afghanistan và Iraq trong một nỗ lực toàn cầu chống khủng bố theo một cung cách rất... Mỹ. Các thăm dò dư luận quốc tế về thái độ của thế giới đối với Mỹ do "Pew Research Center" (2) tiến hành cho thấy uy tín của quốc gia Hoa Kỳ trụt giảm một cách thê thảm trên toàn thế giới. Xu thế chống Mỹ gia tăng, nhất là tại các nước Hồi Giáo và Âu Châu. Theo thăm dò năm 2002, 34 trong số 43 nước, đại đa số dân chúng không muốn xứ sở của họ chịu ảnh hưởng của Mỹ. Thăm dò tháng 3/2005 cho thấy, đại đa số người dân ở các nước Đức, Ý và Anh xem Mỹ là xứ sở phân biệt chủng tộc, bạo động và ưa thống trị. Tỷ lệ của những người có cảm tình với Mỹ chỉ 48% ở Anh, 31% ở Pháp và 14% ở Tây Ban Nha.

Nhiều người Trung Quốc tin rằng chính Mỹ là thủ phạm gây ra bệnh dịch SARS (3) ở Trung Quốc năm 2003; các lãnh tụ Hồi Giáo tại Nigeria không cho chích ngừa thuộc chủng chống

sốt tê liệt cho trẻ em vì sợ rằng đó là âm mưu của Mỹ gây ra bệnh AIDS ở Phi Châu, nhằm vào dân cư theo đạo Hồi; thậm chí Anh là đồng minh thân thiết nhất của Mỹ trong cuộc chiến tranh Iraq, đa số người dân ở đó, qua các cuộc thăm dò dư luận, xem Mỹ là đe dọa lớn nhất cho hòa bình thế giới không thua gì Iran và Bắc Hàn. Một vài cuốn sách xuất bản ở Pháp và Đức cho rằng biến cố 9/11 là một âm mưu của Mỹ do cơ quan tình báo Mỹ phối hợp cùng các tổ hợp kỹ nghệ-quân sự thực hiện nhằm kiếm cớ để gây chiến tranh ở Afghanistan và Iraq. Điển hình là tác phẩm *September 11, A Big Lie*, (được bày bán tại Mỹ từ cuối tháng 8/2002) dịch từ nguyên tác Pháp văn *L'Effroyable Imposture* (Sự dối trá đáng sợ) của một tác giả thuộc tả phái có tên là Thierry Meyssan, cựu lãnh tụ của đảng Xã Hội Cấp Tiến Pháp. Là một nhà lý thuyết về âm mưu (conspiracy theorist), ông cho rằng thảm kịch 11/9 chỉ là một sự lừa dối vĩ đại của chính phủ Mỹ. Theo tác giả này, nhân dân thế giới cũng như nhân dân Mỹ hoàn toàn bị tung hỏa mù, tưởng rằng đó là sản phẩm của một vụ khủng bố quốc tế.

Cuộc thăm dò được thực hiện vào tháng 6/2005 của "Pew Charitable Trusts" (4) , cho thấy dân chúng tại nhiều nước vẫn có ấn tượng tiêu cực về Hoa Kỳ mặc dù Tổng Thống Bush cố gắng trình bày một hình ảnh khác đi. Bản phúc trình thường niên của "Pew Charitable Trusts" nhấn mạnh một điểm là tại nhiều nước Âu Châu, vốn là đồng minh lâu năm của người Mỹ, Hoa Kỳ không được cảm tình bằng Trung Quốc. Ngay tại Anh, đồng minh số một của Hoa Kỳ, gần 2/3 người được hỏi cũng nói họ có cảm tình với Trung Quốc hơn. Giám đốc của "Pew Charitable Trusts" nhận xét rằng ác cảm đối với Hoa Kỳ dường như xuất hiện ở nhiều nơi trên thế giới và khó lòng thay đổi được điều đó (5) . Bản phúc trình thường niên năm 2006 - cũng của cơ quan thăm dò này công bố vào giữa tháng 6/2006 - cho thấy hình ảnh của Hoa Kỳ trên thế giới chẳng những không cải tiến hơn chút nào mà còn có dấu hiệu tệ hơn (6).

Đa số cho rằng chính quyền Bush và chính sách chống khủng bố, đặc biệt là vụ xâm chiếm Iraq, là nguyên nhân chính gây ra tình hình này.

Không hẳn như thế. Theo nhận định của những nhà chuyên môn, đó chỉ là một phần sự thật. Tổng thống Bush rõ ràng làm bùng nổ hiện tượng chống Mỹ, nhưng hiện tượng đó lớn hơn nhiều so với cá nhân của một tổng thống hay là của một chính sách. Trong quá khứ, rất nhiều lần, một số chính sách giai đoạn nào đó của Mỹ cũng gây ra nhiều phản ứng giận dữ trên toàn thế giới, như chiến tranh VN chẳng hạn. Sau đó, khi mọi chuyện qua đi, thì thứ tình cảm đó lắng xuống, nhưng không hề biến mất. Sự sai lầm của một chính quyền hay một chính sách chỉ làm nổi bật lên thứ tâm lý chống Mỹ tiềm tàng, tồn tại từ lâu, rất lâu, ngay từ khi nước Mỹ mới được thành lập. Chưa có dấu hiệu cụ thể nào cho thấy là hiện tượng đó sẽ chấm dứt trong một thời gian có thể nhìn thấy trước, cho dù bản thân chính quyền Bush hay các chính quyền kế tiếp tìm cách sửa chữa lại những sai lầm của mình.

Hiện Tượng Chống Mỹ (HTCM) (7) tạm dịch từ chữ *anti-Americanism*. Thực ra, từ này có thể hiểu theo nhiều cách, tùy trường hợp: tình cảm chống Mỹ (anti-American sentiment) hay thái độ chống Mỹ hay phong trào chống Mỹ. Cũng có thể hiểu là chủ nghĩa chống Mỹ. Xét về nhiều mặt, HTCM có vẻ như là một xu hướng hơn là một hệ thống gồm những niềm tin và phán đoán chặt chẽ nào đó. Nó là một nhãn hiệu chứa đựng ít ra là ba nội dung khác nhau:

- chống lại các chính sách đối ngoại của chính quyền Mỹ;
- chống lại bất cứ cái gì mang tính cách Mỹ, từ cách sống, các hình tượng, vật dụng, sản phẩm và người dân của nó;
- chống lại "Hiện Tượng Mỹ" (Americanism) (8) , bài bác cái gọi là "Tín Điều Mỹ" (American Creed). Trong một số trường hợp, HTCM được một số nhà trí thức Âu Châu hệ thống hóa lại trong một số ý niệm căn bản đưa đến một cái gì tựa tựa như một lý thuyết, một "chủ nghĩa" (sẽ được trình bày ở phần sau).

Anti-Americanism có trước khi thuật ngữ chỉ nội dung của nó xuất hiện. Tuy nhiên, người ta không biết cụm từ này ra đời từ thời điểm nào. Từ *Americanism* xuất hiện vào khoảng giữa thế kỷ 19, được dùng trong và ngoài nước Mỹ khá lâu trước từ *anti-Americanism* và chắc chắn là lâu hơn nhiều so với cách dùng hiện nay của chúng ta. Nhưng vì có tiếp vĩ ngữ "ism", người ta đoán rằng từ *anti-Americanism* ra đời vào cỡ những năm thập niên 1920 và 1930, là thời của sự phát triển các lý thuyết gọi là ý thức hệ.

I. Lịch sử của Hiện Tượng Chống Mỹ

HTCM xét như là một xu hướng văn hóa và

chính trị có thể được xác định bởi lịch sử của nó hay bởi sự nghiên cứu diễn tiến tất cả những hình thức phổ biến nhất có tính cách thù nghịch với quốc gia, dân tộc, với nền văn minh và với những hành động trên thế giới của Mỹ trong tất cả các biểu hiện của nó. Các nhà nghiên cứu chia HTCM ra làm năm giai đoạn (9) :

- Giai đoạn sơ khai: từ trước khi nước Mỹ được thành lập (1776). Người ta lập luận rằng vùng đất mới là vùng đất suy đồi, hình thành nên một lý thuyết gọi là lý thuyết suy đồi, cho rằng vùng đất dó sẽ không thể là nơi sống còn được.

- Giai đoạn từ ngày lập quốc (1776) cho đến Nội Chiến Mỹ – Civil War - (1861-1865). Khi nước Mỹ đã trở thành một thực tế và đang càng ngày càng phát triển, thì người ta cho rằng Mỹ là một phòng thí nghiệm chế độ dân chủ. Nhưng đây là một xứ sở không vua, không truyền thống, không tôn giáo chính thức, nghĩa là vô căn (rootless), nên dân chủ sẽ thất bại. Emmanuel Kant (1724-1804) cho rằng Mỹ là một thứ chủng tộc hạ cấp (sub-race), bán thoái hóa (half-derenerate), vô văn hóa và giả tạo. Samuel Johnson (1709-1784), nhà soạn tự điển vĩ đại của Anh, cho rằng người Mỹ là những người yêu tự do một cách giả dối, đạo đức giả, những kẻ ăn cắp, bách hại thổ dân và người da đen. "Tôi yêu cả nhân loại, chỉ trừ người Mỹ", Johnson khẳng định (10).

- Giai đoạn từ sau Nội Chiến Mỹ đến cuối Thế Chiến II (1945). Nước Mỹ trở nên hùng mạnh thật sự, nhất là sau khi giành thắng lợi vang dội trong cuộc chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha (1898) rồi tiếp đó là vai trò hàng đầu trong hai cuộc thế chiến, Mỹ trở thành nhân tố của chiến thắng và tái lập hòa bình quốc tế. Cùng với sức mạnh quân sự, ta thấy kỹ nghệ truyền thông, ngành giải trí và chính sách ngoại giao Mỹ bắt đầu ảnh hưởng mạnh mẽ ở Âu Châu. Đối với tầng lớp ưu tú Âu Châu, Mỹ được xem như là một xã hội mới giàu lên, đầy đầu óc cá nhân chủ nghĩa và có xu hướng biệt lập, chẳng có ích lợi gì cho thế giới về văn hóa và tri thức. Nhà văn Pháp Henry Montherlant (1895-1972), qua miệng một nhân vật tiểu thuyết cho rằng Mỹ là "Một quốc gia tìm cách hạ thấp trí tuệ, luân lý, phẩm tính con người hầu như trên tất cả bề mặt địa cầu, một điều như thế không bao giờ có trước đây trên hành tinh. Tôi tố cáo Mỹ vì đó là một nhà nước tội phạm chống lại nhân loại" (11) . Sigmund Freud, cha đẻ của học thuyết phân tâm, cho rằng "Mỹ là một lỗi lầm, một lỗi lầm khổng lồ" (12).

Rõ ràng là sự kiêu ngạo, khinh miệt của Âu Châu mất dần, nhưng tinh thần chống Mỹ lại lan rộng, tăng cao và đầy cay đắng. Người Châu Âu bắt đầu nhìn Mỹ với một thái độ ganh tỵ về sự thành công và giàu có của nó đi đôi với cảm giác bất lực, về cả ngoại giao lẫn thương mại. Nhất là khi Mỹ thi hành "chủ nghĩa Monroe" (Châu Mỹ chỉ dành cho người châu Mỹ), cấm không cho bất cứ quốc gia nào đụng đến Tân Thế Giới. Thời kỳ giữa hai cuộc thế chiến, các sản phẩm và lối sống Mỹ liên tục tràn ngập Âu Châu với một hiệu quả phi thường. Thập niên 1930 chứng kiến một Âu Châu vùng vẫy cố thoát ra khỏi sự chi phối về mọi mặt của lối sống Mỹ. Sách, báo, tạp chí đủ loại đủ kiểu liên tục tung ra các bài viết phê phán, chỉ trích, chê bai Mỹ không tiếc lời, từ những bài nghiên cứu hàn lâm rất công phu với nhiều dữ kiện đầy tính cách thuyết phục cho đến đủ loại suy luận ấu trĩ lẫn vào với những thông tin vô căn cứ. Mục đích là tìm cách đánh tan ảnh hưởng của Mỹ trong xã hội Âu Châu.

- Từ sau Đệ Nhị Thế Chiến đến khi chấm dứt Chiến Tranh Lạnh: chỉ trừ khối Cộng Sản, Mỹ chinh phục toàn thế giới hầu như trên tất cả mọi phương diện: chính trị, kinh tế, quân sự, nếp sống. Lần này, HTCM được tăng cường thêm một yếu tố mới: chính sách ngoại giao của Mỹ được hình thành trên đồng đô la và áp lực hiện đại hóa. Một sự sợ hãi toàn diện về bá quyền Mỹ bắt đầu ám ảnh Âu Châu trong suốt thập niên đầu tiên thời hậu chiến. Dẫu vậy, do nhu cầu chống lại khối Cộng Sản, HTCM tạm thời lắng xuống. Hơn nữa, ảnh hưởng Mỹ lại được tiếp sức bởi thế hệ nổi loạn của Âu Châu vào hai thập niên 50 và 60. Trong lúc thách thức với các định chế lỗi thời, đột nhiên thế hệ tuổi trẻ này tìm ở văn hóa Mỹ một cảm hứng mới, khiến cho HTCM vốn là cái gì đáng trân trọng, bỗng trở nên khôi hài, lạc điệu.

Tuy nhiên, khi cuộc chiến Việt Nam trở thành điểm nóng toàn cầu, các chính phủ liên tiếp của Mỹ bộc lộ nhiều sai lầm trầm trọng, tinh thần chống Mỹ lại được hun đúc bằng nhiều yếu tố xuất phát từ thực tiễn. HTCM tìm thấy lại giá trị thuyết phục của mình do chính hiện thực Mỹ cung cấp: một nước Mỹ phơi bày đủ nét thô lỗ, kiêu ngạo, chia rẽ trầm trọng và cũng nếm mùi thất bại như bất cứ nước nào khác (trong cuộc chiến tranh VN).

- Từ sau Chiến Tranh Lạnh: Liên Sô và khối Cộng Sản sụp đổ, Mỹ trở thành siêu cường độc nhất. Không còn sự đe dọa của chủ nghĩa Cộng Sản, Mỹ đột nhiên mất đi lợi thế của một kẻ bảo vệ. Và điều trớ trêu xảy ra: HTCM có cơ hội phục hồi mạnh mẽ. Tuy nhiên, tình hình chống Mỹ không như trước. Người ta không còn kịch liệt bài xích tất cả những gì dính dáng đến Mỹ, những gì Mỹ đại diện hay hành xử nữa mà thay vào đó là cuộc tranh đấu chống lại một số mệnh không tránh được giữa sự hội tụ (convergence) và đồng hóa (hemogenization) theo mẫu của Mỹ, để duy trì ít nhất một cảm giác bình đẳng trong một tình hình luôn luôn mất cân bằng. Không có một nước Âu Châu nào cảm thấy mình có thể sánh được với Mỹ: sự bành trướng không ngưng nghỉ của điện ảnh Hollywood, của khoa học không gian, của vệ tinh truyền hình, của máy điện toán và vũ khí. Có một cảm giác hoàn toàn bất lực khi đối phó với khả năng tổng hợp đa dạng, chồng chất của Mỹ trong bất cứ lãnh vực nào. Tính cách sáng tạo và ứng biến của nó là không lường được. Một ví dụ điển hình là sự xuất hiện vừa thực vừa hư của hệ thống truyền hình CNN siêu quốc gia 24/24 giờ vào đầu thập niên 1980 cùng lúc với sự bành trướng quân sự của Mỹ mà đỉnh cao là chiến tranh vùng Vịnh năm 1991 hay sự phát triển thần kỳ của mạng lưới điện toán toàn cầu trong thập niên vừa qua.

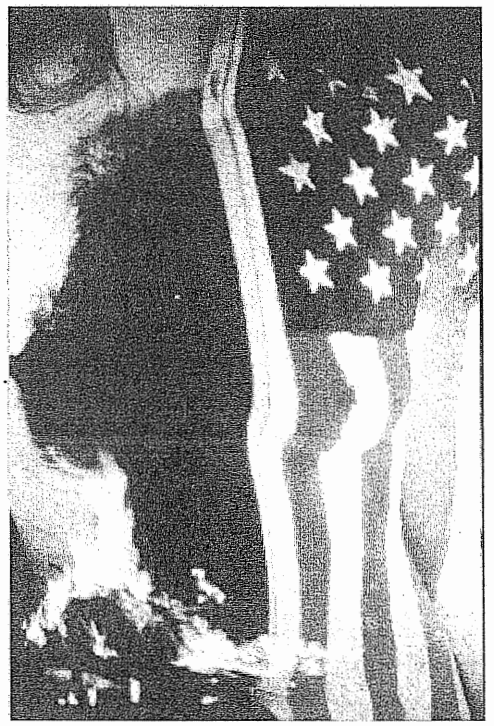

Xu th¿ chĐng M ghi được một thắng lợi lớn (tuy không toàn vẹn) khi Mỹ đơn phương quyết định tấn công Iraq: Pháp, Đức và một số nước khác kiên trì, không khuất phục trước các áp lực của Mỹ khiến cho Mỹ gặp phải rất nhiều lao đao về ngoại giao cho đến hiện nay. Max Gallo của tờ "Le Point" phấn khởi viết: "Người Mỹ, được thúc đẩy bởi sự kiêu ngạo và sức mạnh quân sự của họ, hình như đã quên rằng không phải mọi sự đều được giải quyết bằng sức mạnh của vũ khí. Dân tộc nào cũng có một lịch sử, một tôn giáo, một xứ sở" (13).

II. Hiện Tượng Chống Mỹ ở các nước Á Rập

Xu thế chống Mỹ ở các nước Á rập là một hiện tượng tương đối mới, xuất phát từ nhiều yếu tố khá phức tạp, chen lộn nhau, nên rất khó tìm ra một nguyên nhân chính xác. Đại thể, ta có thể quy vào hai điều: một là các chính sách của Mỹ đối với nước Hồi Giáo, hai là sự khác biệt giữa Hồi Giáo và Thiên Chúa Giáo nói chung.

Về điểm thứ nhất, HTCM xuất phát từ chính sách của Mỹ đối với các nước Á Rập:

- Mỹ ủng hộ Israel trong cuộc tranh chấp giữa Israel với Palestine và các nước Á rập. Trong suốt hơn 50 năm qua, Mỹ đứng trên cùng lập trường với Israel trong hầu như các cuộc đụng độ, hoàn toàn trái ngược với quan điểm của các nước Á Rập. Mỹ không bao giờ thẳng thắng lên án Israel ngay cả những lúc Israel hoàn toàn sai trái. Mỹ không bao giờ yêu cầu Israel rút quân ra khỏi các vùng đất chiếm đóng của Á rập. Tại Liên Hiệp Quốc, Mỹ luôn luôn phủ quyết bất cứ nghị quyết nào bất lợi cho Israel. Mặt khác, Mỹ viện trợ hết sức dồi dào cho Israel cả về kinh tế lẫn quân sự. Không có sự viện trợ lớn lao và liên tục này, Israel không bao giờ thắng được các nước Á rập. Điều đó cho thấy chính sách của Mỹ là thiên vị, phân biệt chủng tộc.

- Mỹ áp dụng một chính sách hàng hai đối với các nước Á Rập. Trong lúc Mỹ ủng hộ hết mình một số các nước và đặt căn cứ quân sự tại đó như Saudi Arabia, Qatar, Bahrain, Egypt, Jordan, Morocco thì Mỹ lại thù nghịch với một số nước Á rập khác như Syria, Lybia, Iraq, Iran, đưa đến các cuộc không kích, cấm vận, xâm lăng. Việc thiết lập các căn cứ quân sự, sự hỗ trợ một số chính phủ Á Rập thân Mỹ cũng như cuộc xâm lăng mới đây ở Afghanistan và Iraq nằm trong ý đồ chiến lược của Mỹ nhằm vẽ lại

bản đồ các nước Á Rập, kiểm soát các mỏ dầu hỏa, phục vụ cho quyền lợi lâu dài của Mỹ.

- Mỹ thiếu nhất quán trong chính sách ngoại giao. Một mặt Mỹ luôn luôn đề cao việc hỗ trợ dân chủ và nhân quyền, thì mặt khác, Mỹ lại hỗ trợ các chế độ độc tài nhằm giữ các chế độ này tiếp tục nắm quyền.

Tóm lại, theo một số nhà nghiên cứu quan hệ Mỹ-Á Rập như Ussama Makdisi thì "Tình cảm chống Mỹ là một hiện tượng diễn ra do các chính sách của Mỹ chứ không phải là một cuộc 'Đụng độ giữa các nền văn minh'," (Clash of Civilizations) như Samuel Huntington(14) quan niệm. Sự thù nghịch với Mỹ nhắm đến một số chính sách đặc biệt nào đó, chứ không phải đối với nước Mỹ hay nhân dân Mỹ. Hàng ngàn người Mỹ làm việc hay du lịch sang các nước Á Rập đều được đón tiếp thân tình, không có cử chỉ thô bạo nào. Mặt khác, nhiều người Á Rập mơ ước được du học, định cư hay làm việc ở Mỹ. Các cuộc thăm dò dư luận cho thấy một số đáng kể các người Á Rập bình thường rất ngưỡng mộ nền giáo dục Mỹ, sự tự do Mỹ, nền khoa học, phim ảnh, truyền hình Mỹ và dân Mỹ nói chung. Sự yêu/ghét Mỹ không xuất phát từ cội nguồn văn hóa mà xuất phát từ những gì người Mỹ thực hiện đối với các nước Á Rập. Họ không chống lại các giá trị về tự do, dân chủ, bình đẳng và lòng khoan dung của nước Mỹ.

Tuy nhiên, đề cập đến tình hình khủng bố từ các nước Á Rập, Paul Berman, trong một bài báo đăng trên *New York Times*, "The Philosopher of Islamic Terror" (15) , cho rằng thái độ chống Mỹ không chỉ là sự giận dỗi đối với một số chính sách nào đó, mà xuất phát từ một quan niệm triết lý hẳn hoi do Sayyid Qutb – một trí thức Ai Cập - đề xướng, theo đó, chủ nghĩa đế quốc Tây Phương chẳng có gì khác hơn là sự nối tiếp cuộc Thập Tự Chinh thời trung cổ chống Hồi Giáo. Qutb vạch rõ ông chủ trương chống Mỹ đến cùng không phải do những sai lầm của nó mà do ở chỗ những nguyên tắc căn bản giúp hình thành nó. Nói cách khác, Qutb chống Mỹ không phải vì Mỹ thất bại trong nỗ lực của họ xây dựng một xã hội tự do dân chủ mà chính là vì nỗ lực của họ để xây dựng một xã hội như thế. Mối hiểm nguy thực sự ở Hoa Kỳ không phải ở chỗ chủ nghĩa tư bản hay chính sách ngoại giao hay sự phân biệt chủng tộc hay quan niệm về nữ quyền mà còn nằm ở chỗ chủ trương phân cách giữa Nhà Nước và Giáo Hội. Điều đó, theo ông, là di sản chính trị sai lầm của Thiên Chúa Giáo: phân cách giữa cái thiêng liêng và cái trần tục.

Vậy sự tranh chấp giữa Tây phương và Hồi Giáo chủ yếu là "ý thức hệ," tức là tôn giáo. Qutb muốn tất cả những tín đồ Hồi Giáo phải hiểu rõ điều đó và hô hào tiến hành một cuộc thánh chiến liên tục, bền bỉ cho đến khi thắng lợi hoàn toàn (16).

III. Hiện Tượng Chống Mỹ ở Châu Mỹ La Tinh

Địa lý và lịch sử giữa Mỹ và các nước Châu Mỹ đan bện vào nhau trong suốt mấy trăm năm. Xứ nào càng gần Hoa Kỳ, những mối ràng buộc lại càng phức tạp và khúc mắt. Tổng thống Mễ Tây Cơ Profirio Diaz có lần than thở: "Pobré Mexico, tan lejo de Dios y tan cerca de los Estados Unidos" (Hỡi xứ Mexico tội nghiệp, quá xa Thượng Đế và quá gần Mỹ). Trong thực tế, Mỹ luôn luôn xem các nước Châu Mỹ La Tinh như là "el patio de abás" (back yard = sân sau) của Mỹ. Sân sau là gì? Sân sau là nơi anh tạm thời cất giữa những thứ mà anh không hay chưa cần, nơi anh ngồi dưới nắng uống bia, gãi ngứa, dắt chó đi tiêu đi tiểu, là khoảng không gian anh quay lưng lại, đóng cửa và không lo lắng gì, đó cũng là nơi anh trồng cây và làm vườn. Ấy, tương quan Mỹ- Châu Mỹ La Tinh y như tương quan giữa chủ nhà và khoảng không gian đằng sau nhà như thế. Nó trở thành mối quan hệ chính thức giữa hai thực tại. Kết quả là Mỹ tạo ra các chế độ độc tài quân phiệt ở vườn sau để dễ sai bảo. Tuy vậy, quan hệ đó không luôn luôn ổn định: love-hatred, yêu và thù. Khi cơm lành canh ngọt, Mỹ cư xử y như những người bạn chân thành. Khi cơm không lành canh không ngọt là Mỹ sẵn sàng xem như kẻ thù: lật đổ và trừng phạt không nương tay (17).

Đầu thế kỷ thứ 19, Mỹ bắt đầu bành trướng đất đai và kinh tế tại các nước châu Mỹ. Sau khi cho ra đời chủ thuyết Monroe và tiếp đó trong suốt thế kỷ 19, Mỹ thực hiện nhiều cuộc can thiệp quân sự gây ra chiến tranh Mỹ-Mễ Tây Cơ, chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha, lần lượt đưa quân đến Panama để đào kênh, chiếm quần đảo Haiti, cộng hòa Dominic, Nicaragua rồi Cuba, Puerto Rico. Từ năm 1869 đến 1897, trong vòng chưa tới 20 năm, Mỹ đã thực hiện tất cả khoảng chừng... 5980 hành động quân sự chống các nước Châu Mỹ La Tinh. Sau cuộc

chiến tranh Mỹ-Tây Ban Nha, tình cảm chống Mỹ ở châu Mỹ dâng cao. Nhân dân các nước đó tỏ ra căm thù Mỹ, tiến hành nhiều hành động phá hoại các quyền lợi và cơ sở Mỹ tại nước họ. Các chính trị gia và các nhà văn gọi Mỹ bằng những danh từ như "đế quốc," "bọn can thiệp." Từ năm 1920, các học giả và báo chí Mỹ La Tinh sử dụng danh từ Yankee để chỉ Mỹ, tạo nên một thứ tình cảm bài ngoại gọi là Yankeephobia (tinh thần bài Mỹ).

Sau đệ Nhị Thế Chiến, dưới thời chiến tranh lạnh, trong quá trình bành trướng ý thức hệ Cộng Sản trên toàn thế giới, Liên Sô và Trung Quốc đưa cán bộ tuyên truyền vào Châu Mỹ. HTCM bây giờ mang thêm sắc thái mới, trở nên rộng và sâu vì được tiếp sức bởi lý thuyết Cộng Sản cũng như bởi sự hình thành các nước Thế Giới Thứ Ba (Third World) tập hợp để tạo thành Phong Trào Không Liên Kết. HTCM lúc bấy giờ bao gồm cả chống tư bản chủ nghĩa, chống vật chất chủ nghĩa, chống đế quốc chủ nghĩa và nêu bật tinh thần ái quốc. Từ năm 1960, Bộ Ngoại Giao Mỹ bắt đầu sử dụng từ *anti-Americanism* để chỉ các cuộc nổi loạn chống Mỹ ở các nước thế giới thứ ba, trong đó có các nước Châu Mỹ La Tinh. Dần dần, từ chính trị, từ ngữ này mang thêm ý nghĩa tâm lý. Nhân dân ở đây vừa ngưỡng mộ sự thành công và giàu có của Mỹ đồng thời vừa đau đớn và sợ hãi. Đã thế, người Mỹ lại luôn luôn tìm mọi cách khoe khoang sự giàu mạnh của mình mà không chú ý đến tình cảm của nhân dân trong các nước này. Y như những người trong xóm thấy người láng giềng giàu có, thì vừa thèm muốn vừa giận dỗi lại vừa mặc cảm.

Trong thế kỷ 20, Mỹ đàn áp tất cả mọi nỗ lực cải cách dân chủ và tự trị về kinh tế của các nước Trung và Nam Mỹ. Lợi nhuận của chính sách này tuôn về hết ở thủ đô tài chánh thế giới Wall Street. Viên tướng huyền thoại Smedley Butler trong công cuộc chinh phục Nam Mỹ tóm tắt vai trò mà ông ta đóng trong cái được gọi là "chiến tranh như một cuộc kinh doanh" như sau: "Tôi giúp làm cho nước Honduras trở thành 'hợp lý' cho các công ty trái cây Mỹ vào năm 1903. Tôi giúp làm cho Mexico, đặc biệt là Tampico, trở nên an toàn cho các quyền lợi dầu hỏa Mỹ vào năm 1914. Tôi giúp làm cho Haitii và Cuba trở thành nơi tươm tất cho các quý vị nhân viên Ngân Hàng National City thu thập lợi nhuận vào. Tôi đã giúp chiếm đoạt nửa tá nước cộng hòa Trung Mỹ vì lợi nhuận của Wall Street. (...) Tôi giúp làm trong sạch nước Nicaragua để xây dựng trụ sở ngân hàng quốc tế của Brown Brothers từ 1909 đến 1912. Tôi mang ánh sáng đến cho Cộng Hoà Dominic để bảo vệ an toàn cho quyền lợi Mỹ vào năm 1916." (18)

IV. Hiện Tượng Chống Mỹ ở Âu Châu

Nếu HTCM ở các nước Hồi Giáo hay Châu Mỹ La Tinh xuất phát từ các chính sách của Mỹ, nghĩa là từ thực tế, thì HTCM ở Âu Châu xuất phát từ tư tưởng và xuất hiện ngay từ lúc nước Mỹ mới thành lập. Những khảo sát mới đây về nguồn gốc tri thức ở trong các trào lưu chống Mỹ cực đoan trong Hồi Giáo, ngoài một số yếu tố về địa lý và tôn giáo, chịu ảnh hưởng khá sâu đậm của các dòng tư tưởng phương Tây.

Châu Mỹ, trước hết là một sản phẩm thuần túy Châu Âu. Ngay trước khi khám phá ra Tân Thế Giới, người Âu Châu đã mơ tưởng đến một vùng đất mới, một thứ "terre promise" giúp họ thoát khỏi lục địa Châu Âu già nua, cũ kỹ và rối rắm. Theo Alfonso Reyes, Châu Mỹ là "một vùng đất mơ ước trước khi được tìm thấy" (19) bởi vì người Âu Châu đã nhìn thấy mọi khía cạnh của nó trước khi là một sự thực được chứng minh, nó trước hết là một dự cảm vừa khoa học lại vừa nhiễm chất thơ." Sự khám phá ra Mỹ Châu không phải là một chuyện tình cờ. "Châu Âu tìm ra Châu Mỹ bởi vì Châu Âu cần nó," theo Leopoldo Zea. "Châu Mỹ không gì khác hơn là lý tưởng của Châu Âu. Châu Âu chỉ muốn thấy trong Tân Thế Giới cái mà nó mơ ước được thấy" (20). Không lạ gì, sau khi được tìm thấy, nó trở thành cái nôi chứa một Âu Châu khác qua rất nhiều đợt di dân. Họ - hoặc là những nông dân Âu Châu nghèo đói hoặc là những tội phạm không chốn dung thân nơi quê nhà hoặc là những kẻ có đầu óc phiêu lưu, có tinh thần tự do, khai phá vân vân -, muốn đi tìm một đời sống mới. Có thể nói, ở một bình diện nào đó, Mỹ là một Âu Châu mới tự do, rũ bỏ quá khứ không thương tiếc.

Nhưng rồi, do những điều kiện rất riêng của lịch sử không ai ngờ trước, thoắt một cái, nước Mỹ được thành lập và không phải chờ đợi lâu, nó vuột khỏi tầm ảnh hưởng của Âu Châu. Âu Châu khựng lại, ngỡ ngàng để rồi rốt cuộc khước từ thừa nhận Mỹ như là một sản phẩm của chính mình. Càng về sau, người Âu Châu càng bàn về hoặc chỉ trích Mỹ y như thể nó là một cái gì hoàn toàn xa lạ và được hình thành

từ một nguồn gốc khác.

Suốt hơn hai thế kỷ, Âu Châu nung nấy, dằn vặt, giận dỗi Mỹ không ngưng nghỉ. HTCM Âu Châu xuất phát từ thành kiến và được xây dựng thành tư tưởng. Thay vì xem Mỹ là một cái gì có thực, một xứ sở, một dân tộc chẳng hạn, thì họ xem Mỹ là một biểu tượng, biểu tượng của một cái gì quái dị, lố bịch, mất gốc. Từ đó, hiện tượng chống Mỹ vô hình chung trở thành một chủ nghĩa, chủ nghĩa chống Mỹ, có luận thuyết hẳn hoi với đầy đủ những lập luận và sự kiện chứng minh.

1. Các "lý thuyết" chống Mỹ (21)**:**

• **Lý thuyết về sự suy đồi:** Vào giữa thế kỷ thứ 18, người ta tìm thấy những nghiên cứu khoa học về Mỹ hình thành nên một lý thuyết gọi là "Degeneracy Thesis" (Lý thuyết về sự suy đồi). Đây là thời kỳ "tiền sử" của HTCM, vì nó xuất hiện ngay trước khi thành lập nước Mỹ và quy cho toàn thể lục địa mới, tức là Châu Mỹ (America). Theo đó, vì những điều kiện môi sinh và khí hậu, đặc biệt là do sự ẩm ướt quá đáng, tất cả sinh vật không chỉ thấp kém hơn những gì tìm thấy ở Âu Châu, mà còn trên đà suy thoái. Lý thuyết gia của quan điểm này là Compte de Buffon và George Leclerc, được những nhà tư tưởng như Emmanuel Kant, G.W.F. Hegel và Fiedrich von Schlegel ủng hộ. Một tác giả khác, Cornelius de Paw, viết một bộ sách ba cuốn khảo sát về châu Mỹ bằng tiếng Pháp, bắt đầu bằng nhận xét "Thật là một quan cảnh vĩ đại và khủng khiếp khi nhìn thấy một nửa quả địa cầu lại bị thiên nhiên bạc đãi đến nỗi mọi vật tìm thấy ở đó đều suy đồi và quái dị" (...) "Những người Âu Châu, ngay khi mới đặt chân xuống đó, là họ bắt đầu ngay tiến trình suy thoái về cả thể xác lẫn tinh thần. Do đó, Mỹ châu không bao giờ có thể sản xuất ra được một hệ thống chính trị hay văn hóa gì đáng kể. Những con vật bốn chân chỉ nhỏ bằng 1/6 đồng loại ở Âu Châu, đói rét và rất dễ bị nhiễm trùng. Cọp, sư tử ở Mỹ nhỏ bé và hèn nhát, ít nguy hiểm một ngàn lần hơn ở Á và Phi Châu. Chó sói cũng thế. Những con chó mang sang từ Âu Châu khó mà sống còn ở Mỹ. "Chó mất giọng, hết biết sủa." Đất đai thì đầy lươn, rắn, đủ loại bò sát gớm ghiếc (22). Nói cách khác, theo nhà soạn bộ bách khoa tự điển Abbé Raynel "Mỹ châu chẳng thể sản xuất ra được một thi sĩ hay một nhà khoa học nào."

• **Lý thuyết chống-duy lý**: Đến thế kỷ 19, khi cái quốc gia gọi là suy đồi đó tồn tại và có vẻ càng ngày càng vững chắc thì người ta xoay hướng chỉ trích, lần này, dựa trên nền tảng của quan điểm chống duy lý. Được sự hỗ trợ của các nhà tư tưởng lãng mạn Âu Châu vào đầu thế kỷ 19, người ta cho rằng sự suy thoái của Mỹ có nguyên nhân phát xuất từ bên trong, nghĩa là từ tư tưởng. Joseph de Maistre (1753-1821), nhà văn và nhà ngoại giao Pháp, chủ trương rằng thế giới này chỉ có một nước duy nhất và nước đó được cai trị bởi giáo hoàng, là lãnh tụ tinh thần của nhân loại, còn ngoài ra, loại nhà nước dựa trên tinh thần duy lý như Mỹ hay cách mạng Pháp chỉ là những hình thức tạm thời. Vì chẳng có nguyên tắc duy lý nào là có giá trị phổ quát, tồn tại mãi mãi để hỗ trợ cho hình thức nhà nước đó. Maistre phủ nhận sự hiện hữu của cái gọi là "con người" nói chung hay "nhân loại" như trong "Tuyên Ngôn Độc Lập" của Mỹ khi cho rằng "tất cả mọi người sinh ra đều bình đẳng." "Tôi đã thấy trong đời tôi những người Pháp, người Ý, người Nga... nhưng như là một con người, tôi tuyên bố rằng tôi chẳng hề gặp một ai như thế cả; nếu quả thực hắn hiện hữu, tôi hoàn toàn không biết."

Nikolaus Lenau (1802-1850) - một nhà thơ Áo, sinh ra ở Hung – quả quyết rằng Mỹ là một nước vô căn (rootlessness). Cái được gọi là tổ quốc ở Mỹ chỉ là một thứ kế hoạch bảo hiểm tài sản (property insurance scheme). Nói khác đi, không có một cộng đồng thực sự ở Mỹ. Văn hóa Mỹ không xuất phát từ bên trong, mà chỉ là một thứ chủ nghĩa duy vật lụn bại "Người Mỹ chẳng biết gì, chẳng tìm cái gì ngoài tiền bạc, nó không có lý tưởng." Đó là "Vùng đất cùng trời cuối đất thực sự, nằm ở mé ngoài của con người."

Nhà thơ Heinrich Heine (Đức gốc Do Thái, 1797-1856) gọi Mỹ là một "vùng đất Tự Do bẩn thỉu," là "nơi cư ngụ của những người quê mùa sống trong bình đẳng." Hơn thế nữa, đó là "một nhà tù vĩ đại của tự do," nơi mà thực chất chỉ là "một chế độ độc tài mở rộng" với một thứ "quyền hành thô lỗ."

• **Lý thuyết phân biệt chủng tộc:** Quan điểm "Aryan master race" được sáng tạo vào giữa thế kỷ 19, do Arthur de Gobineau (1816-1882), một nhà văn, nhà ngoại giao và lý thuyết gia Pháp. Trong tác phẩm dày cả ngàn trang tựa đề là *An Essay on the Inequality of the Human Races* (1855), ông cho là có nhiều chủng loại người khác nhau, được sắp thứ tự dựa theo sức

mạnh, trí thông minh và lòng can đảm, trong đó, Aryan là chủng tộc thuần nhất và thông minh được xếp vào thứ hạng cao nhất. Để giữ gìn một giống dân như thế, không thể cho họ sống chung đụng với những giống dân khác. Cách hay nhất là quy tụ họ về một vùng đất mới. Mỹ được xem là nơi tốt nhất, nơi đó giống dân Aryan có thể bảo đảm ưu thế của họ trên thế giới. Nhưng tiếc thay, Mỹ chấp nhận chế độ dân chủ. Mà một chế độ dân chủ thì đưa đến sự hợp chủng và do đó, giống dân thuần chủng bị mất dần. Mỹ rốt cuộc trở thành một thùng rác để Âu Châu vứt vào đó tất cả những "rác rưởi" của họ, tức là những di dân nghèo đói bỏ quê hương đi xây dựng đời sống mới. Mỹ tạo nên một giống dân mới, là giống dân cuối cùng của loài người. Dùng lại khái niệm của Hegel xem "Lý trí" là động cơ cao nhất tạo nên lịch sử, Gobineau cho rằng "Race" là động cơ tạo nên lịch sử. Một nước Mỹ hợp chủng, trong tương lai, sẽ tạo nên một xứ sở tầm thường cả về thể chất, sắc diện, tri thức. Nước Mỹ trở thành "vô nghĩa" (nothingness).

• **Quan điểm của Frederick Nietzsche:** Khi phát triển cao độ về kỹ thuật, Mỹ được nhìn dưới một biến dạng khác. Lần này nó trở thành một thứ người khổng lồ kỳ dị. Friedrich Nietzsche (triết gia Đức, 1844-1900) là triết gia đầu tiên chỉ trích phương pháp sản xuất hàng loạt, qua đó, mọi thứ biến thành con tính. "Cái cách họ làm việc vội vội vàng vàng không kịp thở đang bắt đầu lây lan một cách hung hãn sang Âu Châu cũ và truyền bá một thứ tinh thần rỗng tuếch trên toàn lục địa." Arthur Moeller Van Den Bruck (1876-1925), một môn đệ của Nietzsche, đề nghị gọi ý niệm trên là "Amerikanertum" = Americanness (Mỹ-tính). Mỹ-tính ở đây hiểu như một khái niệm về tinh thần, tri thức. Mỹ-tính "đánh dấu một bước quyết định qua đó, con người mở lối từ một sự lệ thuộc trên trái đất đến chỗ sử dụng trái đất, một bước cơ khí hóa và điện khí hóa vật chất bất động và làm cho những thành tố của thế giới biến thành những thứ cho con người sử dụng." Con người dùng tinh thần chinh phục, sử dụng và khai thác đến tối đa thiên nhiên, đó là tinh thần kỹ trị (technologism= die technik). Ở Mỹ, mọi thứ đều là một khối, chuộng chủ nghĩa thực dụng và làm việc theo hệ thống kiểu Taylor toàn quốc.

(Còn tiếp)

Chú thích

(1) America is everywhere

(2) Pew Research Center là một cơ quan tham dò dư luận của Mỹ hiện do Madeleine K. Albright – nguyên ngoại trưởng Mỹ dưới thời tổng thống Clinton - và John C. Danforth, trụ sở đặt tại Washington. Xem http://people-press.org/pgap/

(3) SARS = Severe Acute Respiratory Syndrome, Hội Chứng Hô Hấp Cấp Tính Nặng, là một chứng bệnh đường hô hấp do một loại virus hình vương miện, bộc phát lần đầu tiên ở Á Châu vào tháng 2 năm 2003, rồi lan ra nhiều nơi trên thế giới khiến khoảng 774 người thiệt mạng.

(4) Một trong sáu cơ sở hình thành nên Pew Research Center, trụ sở ở thành phố Philadelphia, tiểu bang Pennsylvania.

(5) BBC, 24/6/2005

(6) International Herald Tribune, 13/6/2006

(7) Từ đoạn này về sau, chúng tôi dùng các chữ cái HTCM để chỉ cụm từ "Hiện Tượng Chống Mỹ." Cụm từ này, trong một vài ngữ cảnh, có vẻ không thích hợp lắm, nhưng tôi vẫn để nguyên. Cho gọn và thống nhất.

(8) Xin tạm dịch Americanism là "Hiện Tượng Mỹ" cũng như anti-Americanism là "Hiện Tượng Chống Mỹ."

(9) Xem Judy Colp Rubin, *The Five Stages of Anti-Americanism.*

(10) Xem Wikipedia, mục Anti-Americanism.

(11) Xem Wikipedia, như trên.

(12) Judy Rubin, bđd.

(13) James W. Ceaser, *A genealogy of anti-Americanism.*

(14) Samuel Huntington, *The Clash of Civilizations.*

(15) Paul Berman, *The Philosopher of Islamic Terror.*

(16) Xem thêm Reuven Paz, *Islamists And Anti-Americanism*, Meria, Journal, Volume 7, No. 4- December 2003.

(17) Trường hợp Noriega của Panama chẳng hạn. Tướng Manuel Antonio Noriega Moreno, sinh năm 1938, là lãnh tụ quân sự của Panama. Ông là người hùng của Panama, được Mỹ hết lòng ủng hộ, trở thành tổng thống Panama từ năm 1983. Về sau không nghe lời Mỹ, năm 1989, tổng thống Bush-Cha đem quân qua bắt và mang về xử tại Mỹ về tội buôn lậu thuốc phiện. Ông bị kết án 40 năm tù và bị nhốt tại Florida.

(18) Smedley Butler, *War is a Racket*, Round Table Press, New York 1935, dẫn theo Andrew Ross & Kristin Ross, *Anti-Americanism*, tr. 2 và 3.

(19) Alfonso Reyes: L'Amerique fut une region desirée avant d'être trouvée (dẫn theo Fernando Ainsa, "La découverte de l'autre et l'invention de l'utopie," trang 48).

(20) Leopoldo Zea, dẫn theo Fernando Ainsa, bđd trang 51.

(21) Xem James W. Ceaser, bđd.

(22) Có người cho rằng Cornelius de Paw viết cuốn này có mục đích làm nản lòng những kẻ muốn di cư sang Mỹ châu, theo ý đồ của các triều đình Âu Châu thời bấy giờ.

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU
TRUNG-HOA: TRÊN ĐƯỜNG PHÁT-TRIỂN

CỔ-LŨY

Đầu tháng Bẩy vừa qua Trung-Hoa khánh-thành đường xe lửa từ Bắc-Kinh đến Lhasa, Tây-Tạng (Tibet). Chuyến xe lửa đầu tiên chạy thẳng từ thủ-đô Trung-Hoa đến thủ-đô Tây-Tạng hôm thứ Hai, ngày 3 tháng Bẩy, sau hành-trình dọc theo đường xe lửa cao nhất thế-giới với những rặng núi chất-ngất tuyết phủ quanh năm — cao đến độ áp-suất trong không-khí thay-đổi làm mực trong các bút máy phọt ra hết và những kiện hàng bó chặt bị nứt tung ra.

Sau hơn bốn năm, đường xe lửa nối vào Tibet tốn hơn bốn tỉ đô-la xây trên nhiều đoạn đường cao quá năm ngàn thước trên mực nước biển, đã hoàn-tất. Đoạn đường dài được xây trên đất với tuyết phủ thường-trực, qua các đầm lầy, núi non cao ngất; các kỹ-sư Trung-Hoa phải dùng những "dù" lớn và phun khí lạnh khi xây-cất để đá tuyết khỏi tan vỡ — gần như một kỳ-công. Và đây cũng cho thấy những tiến-bộ cũng như tham-vọng của Bắc-Kinh.

Nhiều người Tây-Tạng trung-thành với lãnh-tụ tinh-thần của họ, đức Đạt-Lai Lạt-ma lưu-vong xem đường xe lửa này như một nỗ-lực của Bắc-Kinh nhằm đập nát phong-trào đòi độc-lập và văn-hóa Tây-Tạng (đã bị Bắc-Kinh xâm-chiếm cả nửa thế-kỷ nay) cùng với việc khuyến-khích người Trung-Hoa (với chín-mươi phần trăm là người gốc Hán) di-cư sang Tây-Tạng với ý-định đồng-hóa dân địa-phương. Bắc-Kinh đã dành gần hai trăm triệu đô-la để bảo-tồn môi-sinh dọc đường xe lửa và nhận rằng người Tây-Tạng gần như hoàn-toàn không được dính-dáng tới dự-án này. Nhưng giới truyền-thông Trung-Hoa xác-nhận dự-án sẽ gia-tăng gấp đôi lợi-tức du-lịch ở Tây-Tạng trong vòng năm năm và làm giảm giá chuyên-chở xuống đến ba-phần-tư — nhưng cũng không nói rõ ai sẽ được hưởng quyền-lợi hơn hết, cũng như nỗ-lực tìm nhiên-liệu tối cần-thiết cho phát-triển kỹ-nghệ và quân-sự của Bắc-Kinh ở đây. Đức Đạt-Lai Lạt-ma là bực tu-hành chưa cho biết ý-kiến về đường xe lửa liên quốc-gia này.

Về mặt quân-sự, như đã nhắc trước đây trên Thế-Kỷ 21, Bắc-Kinh như cho thấy những sửa-soạn di-chuyển vũ-khí và căn cứ quân-sự tối-tân về hướng tây, sâu vào lục địa và cách xa tầm hoạt-động trả đũa quân-sự của Hoa-Kỳ một khi đối đầu giữa hai nước không tránh khỏi. Có lẽ cũng trong chiều-hướng dùng kinh-tế bổ-túc cho quân-sự này, Bắc-Kinh đang nhích gần lại Campuchea và có lẽ cả Lào nữa — hai nước nằm sát nách phía tây Việt-Nam, và phía đông của Thái-Lan. Đồng thời với phát-triển, những vấn-đề về kinh-tế, xã-hội và chính-trị trong nước đưa ra nhiều thử-thách lớn-lao nhà nước không thể làm ngơ được.

Trong chiều-hướng lưu-tâm đến Trung-Hoa vì vị-trí cận-kề và liên-hệ chính-trị, văn-hóa lâu-dài giữa Việt-Nam với "người khổng-lồ phương Bắc," chúng tôi thu-thập và đưa ra những cái nhìn từ giới quan-sát chuyên-nghiệp, gồm những phóng-viên, ký-giả, học-giả và thông-tấn-xã thẩm quyền quốc-tế.

CỔ-LŨY

Trong hai bài viết liên tiếp về Trung-Hoa trên hai số *Thế-Kỷ 21* tháng Chín và Mười năm vừa qua chúng tôi đã nhắc nhiều đến nhu cầu bành trướng về phía tây Trung-Hoa của nhà nướcBắc-Kinh. Mục đích quân sự và kinh tế của Trung-Hoa ở trong vùng xem ra khá rõ rệt, nhằm phù hợp với các phát triển nhà nước lưu tâm nhiều nhất.

I. VỀ MIỀN VIỄN-TÂY VÀ "BẮC MỘT NHỊP CẦU"

Miền Viễn-Tây thuộc Trung-Hoa, kể từ thời nhà phiêu lưu tiền phương Marco Polo đi trước đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế và tham vọng bá chủ thế giới qua chủ nghĩa thuộc địa Tây-phương (Western colonialism, từ thế kỷ Mười-ba), chưa bao giờ nhộn nhịp hơn thời gian

gần đây.

A. **Về miền Tây**

Dưới con mắt đặc phái viên người gốc Hoa Don Lee thuộc nhật báo *Los Angeles Times*, Kasghar là một tỉnh lẻ, cũng như những tiền đồn khác ở vùng Viễn-Tây Trung-Hoa đang như bùng nổ lớn với những sinh động về dầu hỏa, bông vải, than đá và những hoạt động thương mại lớn nhỏ. Đường xe lửa nhộn nhịp, những xa lộ mới toanh và một phi cảng quốc tế đưa đón hàng ngàn người từ Hồi-Quốc (Pakistan) sát nách đến du lịch và mua hàng hóa sản xuất bởi Trung-Hoa với giá rất hời. Vài tháng trước đây dầu hỏa từ Kazakhstan (một cộng hòa với đa số người Hồi-giáo, mới độc lập sau khi đế quốc Nga Xô-viết sụp đổ đầu thập niên 1990) được chuyển đến đây qua đường ống dẫn dài sáu trăm dặm, tài trợ bởi nhà nước Trung-Hoa đang khát dầu hỏa vì nhu cầu phát triển kỹ nghệ và giao thông. Trao đổi thương mại với hai cộng hòa với những đặc điểm chính trị và dân số tương tự như Kazakhstan, là Kyrgystan và Tajikstan, cũng lên đến mức kỷ lục.

Phát triển kinh tế với mức độ ghê gớm (từ chín đến mười phần trăm mỗi năm; xin xem hai bài viết nói trên về phát triển kinh tế) ở Trung-Hoa thường được mô tả trên báo chí, truyền thông với hình ảnh những tòa nhà chọc trời mới tinh sáng loáng, đường phố chen chúc nhộn nhịp, shopping "như điên," và từng dẫy xe hơi chạy "loạn xà ngầu," phun khói dầy đặc tại thủ đô Bắc-Kinh và các thành phố hải cảng dọc phía Đông Thái-Bình-Dương (Eastern Pacific, so với Bắc Mỹ-Châu ở Tây Thái-Bình-Dương, Western Pacific). Nhưng phát triển kinh tế cũng không hạn chế ở các vùng nói trên; chiến dịch "Về Miền Viễn-Tây" của Trung-Hoa được hơn một thập niên (không khác mấy phong trào Tây-Tiến ở Hoa-Kỳ thế kỷ 18 và 19) đang biến đổi hàng loạt những vùng đất rộng lớn ở Trung-Á qua những phát triển, mở rộng vùng phía Tây hoang dã của Trung-Hoa với hàng triệu người thiểu số khác biệt. Hàng trăm ngàn người Hoa gốc Hán đã đổ dồn về miền Tây với hy vọng kiếm công ăn việc làm trong ngành xây cất và những buôn bán hùn hạp.

Những nhà phân tích chính trị nhận xét nhà nước Trung-Hoa đang hướng về phía Tây với hai mục tiêu rõ rệt: trải rộng phát triển kinh tế và kiểm soát dân chúng Tây-Tạng cũng như các nhóm thiểu số khác với cùng một tôn giáo (Hồi-giáo). Khoảng chín triệu người Uighur (thuộc gốc người Turkic) Hồi-giáo sống ở vùng Xinjiang, trong đó gồm những nhóm ly khai từng đụng độ với lực lượng quân sự Trung-Hoa để đòi hỏi độc lập và tự do tôn giáo. Những tổ chức bảo vệ nhân quyền quốc tế từng lên án nhà nước Trung-Hoa lợi dụng cuộc chiến chống khủng bố do chính quyền George W. Bush ở Hoa-Kỳ đề xướng để gia tăng đàn áp người Uighur với bạo hành và súng đạn thật sự.

Nhân viên trên "đường xe lửa cao nhất thế-giới," nối Bắc-Kinh và thủ đô Tây Tạng Lhasa, chỉ dẫn hành khách cách dùng bao dưỡng khí nếu xe lên quá cao.

Nhưng những vũ khí nhà nước sử dụng mới đây không phải là súng đạn mà là những người Hoa như nhân vật "Wong" ở tuổi đã năm-mươi chẳng hạn. Ông Wong đang xây cất một trung tâm thương mại quốc tế trị giá năm-mươi triệu đô-la giống hệt như trung tâm thương mại khổng lồ đã xây ở thành phố Yiwu phía tây-nam — "bắc một nhịp cầu đến Trung-Á," như ông Wong nói. Bắc-Kinh đã bỏ ra mười-lăm tỉ đô-la để xây cất đường xá, cầu cống, đập nước và nhà máy điện khí; những công ty nhiên liệu quốc doanh cũng đổ vào nhiều tỉ bạc nữa nối ống dẫn dầu từ Kazakhstan. Nỗ lực cạnh tranh chiếm dầu hỏa của Bắc-Kinh là một thử thách đối với Hoa-Kỳ, và chính quyền Bush nói riêng đang cố o bế giới

lãnh đạo độc tài tàn bạo ở nguyên vùng dầu khí này —dù chính quyền sẵn sàng xiển dương dân chủ bằng vũ lực ở các nơi khác. Một số giới dân cử Mỹ cũng đã than phiền Hoa-Kỳ càng ngày càng bị cô lập trong khi Trung-Hoa mỗi lúc một gắn bó chiến lược với những cộng hòa đầy dầu khí trong vùng.

Bắc-Kinh cũng có những nỗ lực phát triển kinh tế và kiềm chế chính trị tương tự ở Tây-Tạng. Trong những đẩy mạnh về hướng Tây, Trung-Hoa đã xây đường xe lửa đến Tây-Tạng như nhắc ở trên, và vùng Xinjiang có thể là trục chính trong địa bàn hoạt động. Nguyên vùng này rộng bằng kích thước tiểu bang Alaska vĩ đại ở Hoa-Kỳ nhưng có thời tiết khá ôn hòa như ở California, với dân số hai mươi triệu trong đó người Hán chiếm khoảng bốn mươi phần trăm —và tỉ số Hán mỗi lúc một tăng thêm. Ở tỉnh Zhejiang nhân số người Hán đã tăng gần hai trăm ngàn người trong thập niên vừa qua, với phần lớn dọn đến đây để làm ăn trong kỹ nghệ than, bông vải, trái cây và rượu vang. Nhưng các học giả, chuyên viên Tây phương cho biết số người Hán di cư đến đây đông hơn con số Bắc Kinh công bố, biến nguyên vùng thành những thành phố giống hệt như ở Trung Hoa với các chung cư sơn mầu nhạt quanh một Công viên Nhân dân, và rải rác khắp nơi là những quán bán "KFC"(Kentucky-Fried Chicken).

Về mặt chính trị, dân chúng cho biết sau những chiến dịch đàn áp của Bắc-Kinh người Uighur hết hy vọng tranh đấu cho độc lập và tự do tôn giáo. Nhiều người không muốn được phỏng vấn vì sợ công an trả thù; có người nói tốt hơn là im lặng mà kiếm sống, nếu không sẽ bị đàn áp tức khắc. Giáo sư Joanne Smith thuộc viện đại học Newcastle ở Anh, một chuyên viên về người Uighur, nhận xét dân chúng đang trải qua "giai đoạn im lặng và thực tế." Các viên chức nhà nước không có ý kiến về nhận xét này.

Phần lớn cư dân ở thành thị có lợi tức đồng niên khoảng một ngàn đô-la, sau gia tăng tám phần trăm so với hai năm trước; nhưng lợi tức đồng niên của dân thành thị Trung Hoa là một ngàn ba trăm đô-la. Lợi tức giữa người Hán và người Uighur còn chênh lệch gấp bội. Một số người địa phương buôn bán làm ăn phát đạt với dân Hán di cư. Nhưng đa số người Uighur không nói được tiếng Hoa, nhất là những người có tuổi chỉ biết tiếng Turkic và đọc được tiếng A-Rập nhờ nghe giảng và đọc kinh Qu'ran Hồi-giáo, và do đó rất khó mà kiếm công ăn việc làm trong các hãng xưởng nói tiếng Hoa. Họ cũng không thay đổi trang phục, cắt râu tóc để dài, nghi lễ tế bái năm lần mỗi ngày theo truyền thống tôn giáo nên cũng khó cho chỗ nào nhận họ vào làm.

Ông Don Lee kết luận với cái nhìn ra Công viên Nhân dân để có thể nhận ra ngay mức độ thất nghiệp thật sự rất cao với người địa phương. Cả người trẻ lẫn già ngồi ngơ ngác trên các ghế gỗ dài dưới lùm cây giữa buổi trưa nắng gắt, với người Hoa bán đồ giải khát và quà bánh. Bên kia công viên là một bức tượng lãnh tụ Mao Trạch Đông bằng đá cao gần ba mươi thước —được xem là lớn nhất ở Trung-Hoa— như muốn nhắc nhở mọi người ai là bá chủ. Nỗ lực quân sự nhằm chuyển vũ khí tối tân và căn cứ quốc phòng về phía Tây của Trung-Hoa, ra khỏi tầm tấn công của hải và không lực Hoa-Kỳ ở Thái-Bình-Dương một khi có chiến tranh giữa hai nước, đã được nhắc đến trong hai bài viết về Trung-Hoa nói trên.

B. **"Bắc [thêm] một nhịp cầu"**

Nhưng Bắc Kinh không chỉ tiến về phía Tây của mình để đi vào Trung Á mà thôi; hai bài viết trước cùng người viết cũng cho thấy nỗ lực của Bắc Kinh đi đến châu Phi, và châu Mỹ La-Tinh (Trung và Nam Mỹ) với như cùng hai mục tiêu kinh tế và chính trị. Gần đây nhất Bắc Kinh lại xúc tiến thăm dò khai thác dầu hỏa cận duyên biển Đông Việt-Nam, bắt tay thân hữu với Ấn Độ ở vùng biên giới đã từng tranh chấp đổ máu bốn thập niên trước, như báo chí đã loan tin. Giữa tháng Chín, ông Don Lee lại theo đuổi đề tài này ở phía nam Trung-Hoa, đúng ra là Nam Vang, thủ đô Campuchea, ngay sát nách phía nam Việt Nam và Thái Lan.

Theo ông Lee, ở Campuchea người Hoa đang đào xới hầm mỏ truy lùng khoáng chất và tìm kiếm dầu hỏa thềm lục địa. Họ đang chặt cây cối lấy gỗ và trồng cây mới cho tương lai. Và ở khắp nước này họ đang dựng nhà máy dệt, nhà máy điện khí, xây cầu cống đường xá nối tận đến nước Lào, phía bắc Campuchea và sát nách phía trung và bắc Việt Nam. Nói tóm lại, qua bao nhiêu thế kỷ người Miên từng cố gắng chống đỡ bao đợt xâm lăng từ những nước mạnh hơn như Thái Lan, Việt Nam và Pháp. Nhưng ngày nay họ lại đón tiếp người Hoa với hai tay mở rộng, khen ngợi Bắc Kinh như một chính quyền với những viện trợ, giúp đỡ rộng rãi và vô điều kiện.

Những con số nói rõ hơn hết: các công ty quốc

doanh và tư doanh Trung Hoa năm 2005 đã đổ vào Campuchea gần nửa tỉ đô-la —với mức gia tăng 460 phần trăm so với năm 2004— và đưa Trung-Hoa lên hàng nước đầu tư vào Campuchea lớn nhất. Bắc Kinh cũng trao cho Campuchea hàng trăm triệu đô-la cho vay và viện trợ, hơn hẳn con số sáu mươi hai triệu viện trợ và cho vay từ Hoa Kỳ nhằm vào dịch vụ y tế và giáo dục. Thêm nữa, "Trung Hoa cho thấy họ khác các nước [Tây phương] cho viện trợ. Họ không đưa ra điều kiện gì hết. Các nước [Tây phương] nói, 'Phải làm cái này với nhân quyền, phải làm cái nọ với cải thiện dân chủ.' Trung-Hoa không đòi hỏi gì cả," theo lời bộ trưởng thương mại Miên Cham Prasidh.

Trung Hoa làm những chuyện trên phần lớn là vì bị thúc đẩy bởi những nhu cầu không khác những nhu cầu đưa người Hoa đến những vùng xa xôi hẻo lánh ở châu Phi, Trung Á và Nam Mỹ: nắm giữ nhiên liệu cần thiết cho phát triển kinh tế, và gia tăng ảnh hưởng chính trị toàn cầu. Và họ đã ra tay một cách rất kín đáo và vô cùng khôn khéo (cũng xin xem hai bài về Trung-Hoa nói trên) rút từ lịch sử kỹ thương và thực dân lâu đời. Ông John Brinsden, phó chủ tịch một ngân hàng Anh ở Nam Vang, cho biết ông từng đi gặp khách hàng người Hoa trong rừng rậm u minh và đầy mìn còn sót thời chiến tranh. Đến nơi ông thấy một nhà máy khai thác khoáng chất rộng lớn qui mô, nhưng xem hồ sơ thì không có gì trên giấy tờ chính thức. "Họ rất kín đáo và không muốn phô trương trổi bật," ông kết luận.

Dĩ nhiên tiền bạc từ Trung Hoa đổ vào, nhất là từ người Hoa lục địa, giúp kinh tế Campuchea không nhỏ. Ngành du lịch và may quần áo phát triển nhanh chóng (quần áo "made in Cambodia" với công nhân Miên và chủ nhân người Hoa đã đến thị trường Mỹ, giống như quần áo "made in Việt-Nam"). Nhà băng Campuchea gia tăng số tiền đặt vào ba mươi phần trăm so với một năm trước đây. Và đường phố Nam Vang đầy rẫy những xe SUV đắt giá. Những bích chương vĩ đại quảng cáo dọc đường in hai thứ tiếng: Miên và Hoa. Sòng bài tân tiến của người Hoa xây ngay bên cạnh chùa chiền, và một khách sạn năm trăm phòng ngủ của chủ nhân người Mã-Lai gốc Hoa đang được một công ty Hoa xây cất ngay cạnh sòng bài với "xếp" an ninh là một người Miên từng làm cảnh sát ở thành phố Long Beach (phía nam tiểu bang California, nơi qui tụ đông đảo người Miên ở Hoa-Kỳ nhất).

Dĩ nhiên nhiều người Miên không hài lòng với hiện diện mỗi ngày một rõ rệt của Trung Hoa trên đất nước họ. Một số còn nhớ việc Bắc-Kinh ủng hộ lãnh tụ Pol Pot khát máu của Khmer Đỏ từng làm chết hơn một triệu người Miên qua các chiến dịch khủng bố khắp thành thị nông thôn Campuchea từ thời nắm quyền (1975). Có người than người Hoa cùng những ngoại nhân khác đang thu cướp tài sản quốc gia và buôn chiếm hết đất đai Campuchea qua những giao kèo mờ ám, mánh mung với các viên chức tham nhũng. Những trao đổi bất chính này khiến dân chúng phải đi tha hương và chịu những khổ sở đầy ải.

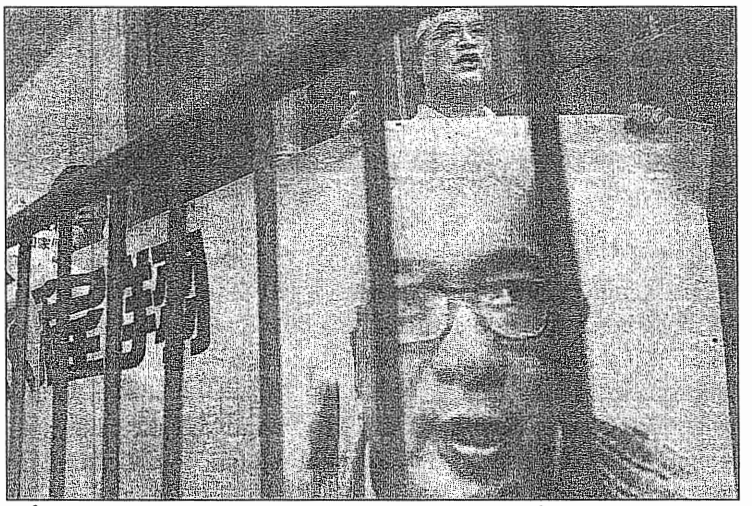

Biểu tình và bích chương ở Hương Cảng đòi nhà nước Bắc Kinh trả tự do cho ký giả Ching Cheong bị buộc tội "gian lận."

Người gốc Hoa sinh đẻ ở Campuchea chỉ đến một phần trăm dân số, nhưng như ở nhiều nước Đông-Nam-Á khác họ khống chế thương mại và nắm vai trò kinh tế quan trọng. Giới thương mại gốc Hoa đang hợp tác xây phố Tầu ngay cạnh tòa đại sứ Pháp ở Nam Vang.

Những công ty ngoại quốc cũng đang đua chen lùng kiếm dầu và khí đốt dưới thềm lục địa Campuchea mới khám phá ra năm ngoái; trong những giới này phải kể công ty Chevron của Hoa-Kỳ, và CNOOC thuộc nhà nước Trung-

Hoa —từng thua Chevron trong vụ mua công ty Unocal ở California năm ngoái, dù có trả giá cao hơn Chevron. Ngày nay CNOOC quyết chí nắm thế thượng phong ở Campuchea về dầu khí cho bằng được.

Viên chức nhà nước Bắc Kinh không muốn đưa ý kiến về sự hiện diện và những hoạt động của Trung Hoa ở Campuchea, nhưng giới đại học Hoa nói Bắc Kinh có nhiều lý do chính đáng để giao hảo với Campuchea. Bắc Kinh cần hợp tác với Nam Vang về vấn đề Đài Loan, Tây Tạng và nhân quyền [?]. Bộ trưởng thương mại Miên Cham Prasidh nói trên cho biết người Hoa không được ưu tiên trước những nước khác, và nếu người Mỹ có mất ảnh hưởng kinh tế thì đây chính là lỗi của họ. Ông nói, "Giới đầu tư Mỹ muốn mọi sự phải rõ ràng minh bạch. Họ không hiểu lối làm ăn của người Á Đông; họ không mềm dẻo khi thương lượng. Người Hoa rất thoải mái như ở tại nhà mình trên đất Campuchea."

II. KHE KHẮT TRONG CHÍNH TRỊ

Trong một phần tư thế kỷ vừa qua, bắt đầu với chủ trương thực tiễn của lãnh tụ Đặng Tiểu Bình ("Mèo trắng hay đen cũng tốt, miễn bắt được chuột") Trung Hoa đã tiến xa và nhanh trên đường phát triển kinh tế, đưa hơn ba trăm triệu người Hoa ở thành thị đến mức trung lưu (một tỉ số còn nhỏ trên hai tỉ ba dân số Trung Hoa, nhưng sức mạnh sản xuất và tiêu thụ đã vượt quá Hoa Kỳ). Tuy cởi mở trong địa hạt kinh tế với những nới lỏng về sinh hoạt kỹ thương kiểu kinh tế thị trường, Bắc-Kinh luôn luôn cứng rắn bóp chặt sinh hoạt chính trị dân chủ bị xem là một đe dọa với chế độ trong đường lối mà ông Đặng gọi là "socialist modernization" —có lẽ rút từ kinh nghiệm phát triển diễn ra trước đây ở Tân Gia Ba (nơi người Hoa chiếm khoảng tám mươi phần trăm dân số, rồi bỏ phiếu tách rời khỏi Mã Lai Á, Malaysia, khoảng nửa thế kỷ nay) với thủ tướng Lý Quang Diệu, một người Hoa thấm nhuần Khổng giáo thực tiễn cũng như hệ thống kinh tế, pháp lý và chính trị tư bản Anglo-Saxon (Anh và Hoa-Kỳ).

A. Giới truyền thông phải coi chừng

Theo tin của thông tấn xã Associated Press (AP), ngày 10 tháng Chín 2006, Bắc Kinh đã thắt chặt mức kiểm soát những phân phối tin tức truyền thông bởi các cơ quan thông tấn ngoại quốc, và qua quyết định này hạn chế thị trường truyền thông của nhiều cơ quan thông tấn trong nội địa Trung Hoa.

Luật lệ mới cho cơ quan truyền thông Trung Hoa Mới (Tân Hoa Xã) thuộc nhà nước quyền rộng lớn đối với các cơ quan truyền thông ngoại quốc, đòi hỏi họ phải phân phối tin tức, hình ảnh cùng những dịch vụ khác qua các cơ quan trực thuộc nhà nước hoặc những cơ quan nhà nước chỉ định.

Luật lệ khắt khe này trực tiếp ảnh hưởng đến các hãng thông tấn lớn như Associated Press, Reuters cùng các hãng thông tấn ngoại quốc khác đang tìm cách đi vào thị trường truyền thông Trung Hoa mỗi ngày một lớn mạnh. Chưa rõ các tổ chức truyền thông khác sẽ bị ảnh hưởng ra sao. Trung Hoa dưới quyền ông Hồ Cẩm Đào đã cố kềm chế giới truyền thông vẫn ở dưới quyền kiểm soát của nhà nước; giới này như đã mon men ra khỏi tầm kiểm soát chặt chẽ đi kiếm phúc lợi và thị trường tiêu thụ. Nhiều ký giả và chủ biên đã bị mất công ăn việc làm hoặc vướng vòng tù tội.

Với quyền hành mới Tân Hoa Xã cũng sẽ kiểm soát hoạt động truyền thông trên lục địa của các cơ quan truyền thông có trụ sở ở Hương Cảng và Đài Loan (tương đối tự do hơn ở trên lục địa nhiều). Theo luật lệ mới mọi truyền thông làm xáo trộn "trật tự kinh tế và xã hội hoặc, đe dọa ổn định xã hội Trung Hoa" sẽ bị ngăn cấm. Những tin tức làm băng hoại "đoàn kết, quyền hành và lãnh thổ quốc gia" cũng bị cấm ngặt. Một so sánh nhỏ để thấy khác biệt về tự do truyền thông và dân chủ thực sự: Nếu những luật lệ như trên được chính quyền đưa ra ở Hoa-Kỳ, bất cứ ai (độc giả, khán, thính giả) hoặc người làm truyền thông nào cũng có quyền kiện chính quyền vi phạm quyền tự do ngôn luận và báo chí trong Tu-chính-án số Một (First Amendment, trong hiến pháp quốc gia) vì lời lẽ, ngôn từ trong luật rất mơ hồ hoặc không rõ nghĩa ("vague") và vơ nắm quá rộng ("overbroad"). Tối cao Pháp viện quốc gia (United States Supreme Court) sẽ kết luận đây là vi phạm hiến pháp và vô hiệu hóa luật lệ dễ dàng và tức khắc —đến mức không một chính quyền nào dám nghĩ đến làm một luật lệ như vậy, trừ một số dễ dãi nhỏ Pháp viện cho chính quyền trong thời chiến (vì vậy chính quyền Bush cùng nhiều giới Cộng hòa mới liên tục nhắc đến "cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu" —không biết bao giờ mới xong— để vi phạm quyền tự do của người sống trên đất Hoa Kỳ và lăm le

đe dọa giới truyền thông với chiêu đề "an ninh quốc gia." Xin xem *"An Ninh Quốc Gia" và Dân Chủ, Thế Kỷ 21,* tháng Tám 2006, cùng người viết).

B. **Nhà báo vào tù**

Ngày cuối tháng Tám vừa qua, nhà nước Trung-Hoa tuyên án năm năm tù cho một phóng viên ở Hương Cảng vì tội gián điệp. Bản án là một thông điệp rõ ràng và đầy đe dọa gửi đến cộng đồng truyền thông chớ có vượt quá ranh giới "tự do." Nạn nhân là ông Ching Cheong, người Hoa làm việc cho tờ *Straits Times* có trụ sở ở Tân Gia Ba. Ông bị bắt giữ tháng Tư 2005 trong chuyến thăm viếng miền nam Trung Hoa và bị buộc tội giữa tháng Tám năm nay sau vụ xử kín kéo dài có một tiếng đồng hồ.

Theo Tân Hoa Xã, ông Ching bị buộc tội bán một số không rõ "những bí mật và tin tức tình báo quốc gia" cho một tổ chức không được tòa nêu danh tính ở Đài Loan mà viên chức Trung Hoa xác định là một cơ quan gián điệp.

Theo ông Ching Ching Ni, phái viên gốc Hoa cũng thuộc tờ *Los Angeles Times*, vụ buộc tội ông Ching Cheong xảy ra ngay sau những đàn áp cộng đồng truyền thông và pháp lý bởi nhà nước Bắc Kinh mà nhiều nhà quan sát chính trị xem là rất lo sợ đang bị mất dần quyền kiểm soát giới truyền thông và những sinh hoạt chính trị trong nước. Tuần lễ cuối tháng Tám, ông Zhao Yan, một nhà nghiên cứu thuộc nhật báo *New York Times,* được thoát tội "trao bí mật quốc gia cho ngoại nhân" nhưng lại bị tù ba năm vì tội gian lận. Một ngày trước tuyên án ông Zhao, ông Chen Guangcheng, một luật sư đã mù mắt từng tố cáo viên chức y tế nhà nước những nhiễu và buộc một số người phải phá thai (theo luật gia đình hạn chế sinh đẻ), bị án hơn bốn năm tù vì tội phá hoại tài sản và tổ chức nhiễu loạn ngăn trở lưu thông.

Giáo sư Joseph Cheng thuộc viện đại học thành phố Hương Cảng tuyên bố, "Những hiện tượng này cho thấy rõ giới lãnh đạo Trung Hoa quyết tâm duy trì độc quyền chính trị và sẵn sàng đàn áp mọi thách đố quyền lực của họ." Bà Serenade Woo, chủ tịch hội ký giả ở Hương Cảng cũng nói, "Chúng tôi rất bất mãn với quyết định của nhà nước trong trường hợp ông Ching vì từ khi ông bị tuyên án nhà nước không giải thích, không cho biết gì hết. Chúng tôi rất lo âu về tự do báo chí ở Trung Hoa. Chúng tôi e ngại tất cả giới cầm bút sẽ chùn tay lại khi viết lách. Họ đang ở trong hoàn cảnh cực kỳ nguy hiểm. Luật lệ rất mơ hồ. Giới cầm bút không hiểu thế nào là bí mật quốc gia theo cái nhìn của nhà nước." Giới truyền thông và bảo vệ tự do báo chí quốc tế cũng lên tiếng phản kháng rộng lớn. Họ sợ rằng nhà nước Trung Hoa còn siết chặt tự do báo chí hơn nữa và đe dọa giới báo chí ngoại quốc cũng như nội địa Trung Hoa. Trung Hoa bị xem là nước bỏ tù nhiều nhà báo hơn bất cứ nước nào khác với những lý do mơ hồ về vi phạm luật lệ an ninh quốc gia.

Trong trường hợp ông Ching, người nhà nói ông bị "gài" bởi một người trung gian được giấu tên. Người này khoe có thể trao cho ông những tài liệu độc quyền liên quan đến ông Triệu Tử Dương, nhà lãnh đạo đảng Cộng sản Trung Hoa bị tước quyền sau khi nhà nước thẳng tay bạo lực đàn áp sinh viên và thanh niên tranh đấu cho tự do ở Thiên An Môn (1989), và bị quản thúc tại nhà cho tới khi mất năm 2005. Vợ ông Ching cho biết ông có thể thành cái đích vì những liên hệ với giáo sư Lu Jianhua, một nhà xã hội học thuộc một viện nghiên cứu nhà nước; ông Lu có chia xẻ tin tức về những trao đổi kín trong giới lãnh đạo đảng và nhà nước. Một nhà tranh đấu dân quyền ở Hương Cảng cho biết giáo sư Lu bị xử án kín trong tháng Tám về những tội không rõ rệt nhưng có thể liên quan đến ông Ching. Vụ xử án kín kéo dài không đầy hai tiếng đồng hồ.

Giáo sư Cheng nhận xét, "Đây là điểm cực kỳ nguy hiểm. Như một nhà nghiên cứu hay một nhà báo người ta dễ nghĩ rằng được đọc những tài liệu hoặc bản thảo nào đó là chuyện thông thường trong công việc của mình. Vụ kết án ông Ching rõ ràng là một hình thức đe dọa cảnh cáo. Bất cứ một hành động nào bị xem là không thân thiện với nhà nước Trung Hoa có thể đưa đến những hậu quả ghê gớm."

C. **Phản đối nhà nước và bất công xã hội**

Cũng theo ông Chinh-Ching Ni, giữa tháng Tám nhà nước công bố gần bốn mươi ngàn trường hợp "phá hoại trật tự công cộng" trong nửa năm qua. Bộ Công an nhà nước cho biết thêm, so với cùng thời gian năm ngoái, con số có bớt đi 2.5 phần trăm, tuy không ai rõ những con số so sánh này lấy từ đâu ra. Tin tức quốc tế ước lượng khoảng chín mươi ngàn vụ phản đối nhà nước đã xảy ra.

Trung Hoa đang ở trong trong cơn lốc những thay đổi xã hội và kinh tế lớn lao, tạo nên một

xã hội với hai tầng lớp khác biệt nhau vì lợi tức. Bất công và bất mãn đã gia tăng trong những năm vừa qua, với lợi tức mỗi ngày một chênh lệch cách biệt, những tranh tụng về đất đai, ô nhiễm rộng lớn và một hệ thống pháp lý lỗi thời không đáp ứng nổi nhu cầu của dân chúng.

Bắc-Kinh thường rất miễn cưỡng không chịu tiết lộ những tin tức tiêu cực, nhất là tin tức liên quan tới an ninh, trật tự có thể làm hoen ố thanh danh quốc gia và đe dọa quyền cai trị độc đảng. Mấy năm gần đây nhà nước không thể che dấu những lo ngại về ảnh hưởng của tình trạng xáo trộn vào phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Nhà nước dưới quyền ông Hồ Cẩm Đào đề xướng chính sách xiển dương một "xã hội hòa hợp," với hy vọng đối phó với những phát triển không đồng đều cùng với bất công kinh tế và xã hội mỗi ngày một rõ rệt.

Ông Robin Munro, giám đốc cơ quan nghiên cứu China Labor Bulletin ở Hương-Cảng, nhận xét, "Xã hội Trung Hoa không công bằng mà cũng chẳng hòa hợp. Và nhà nước mới vừa để ý đến điều này thôi." Từ năm 2003 tới nay con số những bất ổn đã gia tăng gấp đôi, từ khoảng gần năm mươi ngàn trường hợp lên đến gần chín mươi ngàn năm qua, theo thống kê khiêm nhường của nhà nước. Ông Munro nói tiếp, "Nhà nước dĩ nhiên không muốn công bố những con số này. Nhưng họ quá lo sợ những phản đối nên phải đưa chúng ra như lời cảnh cáo viên chức nhà nước, nhất là ở cấp địa phương, phải để ý đến vấn đề này thay vì chỉ chú tâm vào mục tiêu kinh tế." Như đã nhắc ở trên người ta không rõ tại sao con số những chống đối nhà nước nửa năm nay đã xuống thấp hơn nửa năm qua; giới quan sát chính trị nhận xét các con số thống kê nhà nước đưa ra có tiếng là không đáng tin chút nào, và viên chức nhà nước thường "xoa nắn" con số tùy theo nhu cầu từng lúc. Nhà nước cũng không định nghĩa rõ thế nào là chống đối, phải có bao nhiêu người tham gia hoặc mục đích ra sao, do đó khó mà ước lượng mức chính xác của báo cáo. Tuy nhiên, ba mươi chín ngàn vụ chống đối trong vòng sáu tháng —chưa kể những bất ổn xã hội, nhất là ở những vùng xa xôi hẻo lánh thường bị lờ đi— vẫn là con số đáng kể, và cho thấy mức bất mãn với nhà nước khá cao tuy âm ỉ.

Theo ông Ching-Ching Ni, những bất mãn chống đối nhà nước có thể phát từ ba nguồn chính. Thứ nhất là việc chiếm đất đai của dân chúng. Tháng Mười hai năm qua, cảnh binh bắn vào dân làng biểu tình phản đối nhà nước chiếm đất để xây một nhà máy điện khí nhưng không bồi thường đầy đủ cho dân thuộc tỉnh Quảng Đông. Nhà nước báo cáo có ba người bị bắn chết. Lại có những chống đối bởi công nhân viên nhà nước bị mất việc ở thành thị và công nhân di cư làm việc cho các công ty tư nhân. Các nhóm bênh vực quyền lao động cho biết, tháng Bẩy vừa qua hơn một ngàn công nhân làm đồ chơi cho đại công ty Mỹ McDonald's cùng các công ty quốc tế khác nổi loạn phản đối tiền lương quá thấp và điều kiện làm việc thiếu tiêu chuẩn ở nam Trung Hoa.

Tình trạng bê bối về môi sinh trong nước cũng là điểm tập hợp những bất mãn của dân chúng khắp nơi phải uống nước có hóa chất độc, hít thở không khí ô nhiễm và tiêu thụ những đồ ăn nhiễm độc. Năm qua, dân chúng thuộc một vùng duyên hải quá bất mãn vì những nhà máy hóa học giết hại mùa màng và làm con trẻ bệnh tật, đã nổi dậy đốt phá xe cộ và đụng độ với lực lượng an ninh. Nhiều vấn đề khác nhau cũng gây ra những phản đối bộc phát. Tháng Bẩy vừa qua, khoảng hai ngàn người ở một thành phố tây nam Trung Hoa tấn công viên chức nhà nước, đập phá văn phòng, cơ sở và xe cộ vì một học sinh mười bốn tuổi bị đánh đập bởi các viên chức. Mỗi năm cũng có hàng ngàn người dân từ các địa phương đổ về thủ đô để trình bày những khiếu nại với viên chức nhà nước cao cấp. Theo một nhóm bảo vệ nhân quyền cho biết một nông dân tự thiêu ngay tại Thiên An Môn, trái tim chính trị của cả nước và cũng là cái nam châm thu hút những phản kháng chống đối.

Giáo sư kinh tế Hu Xingdou, thuộc viện đại học Kỹ thuật Bắc Kinh nhận xét, "Có thể mức phản đối đã giảm bớt phần nào vì nhà nước có cố gắng điều giải những mâu thuẫn và ngăn ngừa những lạm công quyền. Nhưng muốn chấm dứt những mâu thuẫn [và phản đối bạo động gay gắt] nhà nước cần phải đối phó với nguyên nhân xâu xa... Đây là chuyện khó khăn gấp bội, vì nhà nước phải làm những việc cần thiết như cải tổ luật lệ và cho phép tự do báo chí truyền thông để dân chúng có chỗ giải tỏa [những bất mãn]."

D. Phản-kháng qua internet - và nhân-quyền

Mỗi một lúc người dân Trung Hoa như muốn có những tin tức tự do hơn từ những nguồn tin

khác nhau và cũng như bớt đi những kiềm chế từ nhà nước. Nhà nước dĩ nhiên không hồ hởi mấy với những đòi hỏi này; nhà nước vốn dựa vào độc quyền truyền thông để củng cố độc quyền về chính trị. Nhu cầu có tin tức không bị gạn lọc, kiềm chế, và nhất là khả năng phát biểu ý kiến của mình một cách thật nhanh chóng qua Internet của dân chúng, nhất là giới trẻ, có lẽ sẽ là lý do đẩy nhà nước đến thất bại trong cuộc chiến truyền thông lâu dài.

Theo giáo sư báo chí Xian Qiang thuộc Dự án Internet về Trung Hoa thuộc viện đại học California tại Berkeley, "Sự kiện cho thấy viên chức Trung Hoa mỗi lúc một gay gắt hơn về truyền thông, và đây chứng tỏ mỗi lúc họ càng mất bớt khả năng kiểm soát. Từ đây cho đến Thế vận hội năm 2008 [ở Bắc-Kinh] nhà nước sẽ mất dần mức kiểm soát, kiềm chế. Họ đang thua trận chiến truyền thông." Liên đoàn Âu châu (European Union, EU) và bộ Ngoại giao Mỹ cũng chỉ trích Bắc-Kinh cho Tân Hoa Xã quyền kiểm duyệt và độc quyền phân phối tin tức từ các thông tấn xã quốc tế như Reuters và Associated Press . Tân Hoa Xã như muốn độc quyền thu lợi nhuận qua việc độc quyền phát hành tin tức.

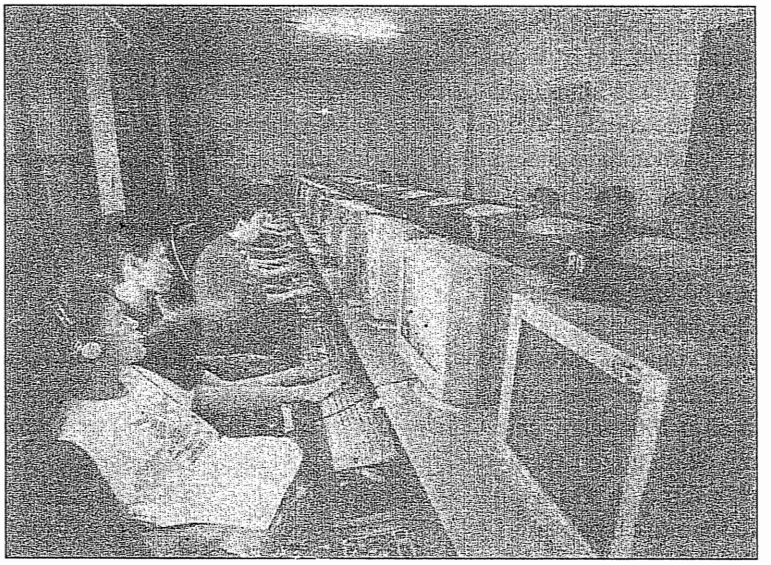

Internet Café ở Bắc-Kinh: Một điện-thư trên Internet hỏi nhà nước sao không phát minh thuốc cho dân uống để "mất khả năng suy nghĩ"và để nhà nước không phải âu lo gì hết.

Khoa trưởng phân khoa báo chí Li Xiguang, thuộc viện đại học Quinghua nói, "Kiểm soát là cái gì vượt quá khỏi khả năng của chính quyền. Chính quyền Mỹ hoặc nhà nước Trung Hoa đều không đủ sức kiểm soát [hệ thống Internet]." Một loạt những luật lệ, nghị định nhà nước ban ra trong vòng mười tám tháng qua phản ánh những khó khăn và bất lực của nhà nước trong nỗ lực kiểm soát hơn một triệu người sử dụng Internet trong nước. Giữa tháng Chín nhà nước đưa ra biện pháp kiểm soát chặt chẽ tin tức từ hệ thống tư pháp Trung Hoa. Giới chống đối chính quyền nói ông Hồ Cẩm Đào đã sử dụng kỹ thuật, những bản án có mục đích cảnh cáo rõ rệt và "tự kiểm thảo" để hạn chế các chỉ trích và ý kiến khác biệt trên Internet.

Bà Lucie Morillon, đại diện tổ chức Ký-giả Không Biên-giới (Reporters Without Borders) tại thủ đô Hoa Kỳ, nói, "Phải công nhận là nhà nước [Trung-Hoa] đã nỗ lực tối đa để kiểm soát Internet." Một nhà chuyên viết mục quan điểm cho Nhân Dân Nhật báo trước đây và nay là giáo sư tại viện đại học Victoria, Gia-Nã-Đại, ông Wu Guoguang tuyên bố, "Họ tiếp tục dùng bạo tàn, đe dọa và áp chế... Họ một mặt cười rất tươi và mời đón mọi người tới Trung-Hoa làm ăn buôn bán. Mặt khác, họ không hề có ý nới lỏng tay cho giới truyền thông."

Trong nỗ lực kiềm chế truyền thông nhà nước mỗi lúc lại càng có vẻ ngớ ngẩn và ấu trĩ. Năm ngoái khi nhật báo Trung Hoa Trẻ lập một qui chế tưởng thưởng cho phóng viên nào có bài vở được viên chức nhà nước khen ngợi nhiều nhất, chủ bút phụ trang rất "ăn khách" của nhật báo công khai phản đối qua hệ thống điện toán nội bộ. Nhưng ngay sau đó chi tiết về qui chế mới xuất hiện trên Internet, khiến bộ Tuyên truyền bị xấu hổ và vội vàng tìm cách xóa tin trên mạng lưới. Nhưng đã quá trễ và bộ phải dẹp bỏ qui chế mới đề ra. Giáo sư Xiao thuộc đại hoạc Berkeley nhận xét, "Tôi không nghĩ Trung Hoa sẽ nới tay nhanh chóng. Nhưng quyền kiểm soát của nhà nước mỗi lúc một bớt hiệu lực."

Trước tuần lễ cuối tháng Chín vừa qua, tổ chức Ân xá Quốc tế (Amnesty International) có trụ sở tại Luân Đôn (Anh) phúc trình rằng nhà nước Trung Hoa đã không giữ lời hứa hẹn

cải thiện nhân quyền trong nước nếu Bắc Kinh được chọn làm thành phố tổ chức Thế vận hội 2008. Amnesty International đưa ra một loạt những bằng chứng nghiêm trọng cho thấy nhà nước hay sử dụng án tử hình, giam cầm bừa bãi, đàn áp người tranh đấu nhân quyền cũng như kiểm duyệt truyền thông và Internet. Bắc Kinh phê bình phúc trình này không đích xác và có mục đích chính trị. Năm 2001, trong "đấu thầu" tranh tổ chức Thế vận hội, viên chức Bắc Kinh trình bày với Ủy ban Thế vận hội (International Olympic Committee, IOC) rằng nếu Trung Hoa được chọn, việc này sẽ góp phần vào nỗ lực cải thiện nhân quyền qua những phát triển kinh tế rộng lớn.

Trung Hoa đã cởi mở về kinh tế và cho dân chúng hưởng một ít quyền tự do cá nhân hơn trước. Nhưng những phát triển không đồng đều và lợi tức cá nhân mỗi lúc một cách biệt gây ra nhiều bất mãn và phản kháng rộng lớn khắp nơi. Những lo sợ về an ninh khiến nhà nước triệt để đàn áp những giới đối lập trong nước. Thế vận hội có thể là dịp để nhà nước phô trương các tiến bộ kinh tế, nhưng đây cũng có thể là cơ hội cho nhà nước lấy lý do quay lại với những biện pháp kiểm soát bóp nghẹt trước đây.

Như nhiều nhà phân tích đã nhận xét ngay từ năm 2001, cuộc chiến chống khủng bố toàn cầu chính quyền Bush ồn ào và hấp tấp đưa ra giúp tạo cơ hội cho chính quyền giới hạn nếu không nói là vi phạm nhiều quyền tự do pháp định của dân chúng Mỹ, và nhân quyền quanh thế giới vì Hoa Kỳ từ sau Thế chiến II (1939-1945) và nhất là sau sự sụp đổ của đế quốc Nga Xô-viết (đầu thập niên 1990), đã định nghĩa an ninh của mình như an ninh toàn cầu (chưa kể cơ hội "dọa dân lấy phiếu"—politics of fear hoặc politics of terror). Nó cũng giúp nhiều nước khác lấy chiêu bài chống khủng bố để áp chế người dân hoặc những nhóm nào đó nhà nước xem là đe dọa nguy hiểm, trong đó phải kể Trung Hoa.

Với chiêu bài giữ an ninh cho Thế vận hội, Bắc Kinh đã mở lại những "trại cải tạo bằng lao động" từ tháng Năm qua để "làm sạch" thủ đô Bắc-Kinh. Theo Amnesty International, dân chúng có thể bị bắt giữ vì tội quảng cáo không hợp pháp hay rải truyền đơn thương mại, lái tắc-xi không có bằng, buôn bán không môn bài, đi lang thang hoặc ăn mày. Những "tội" này có thể đưa đến án tù từ một đến ba năm, không có xét xử hoặc đi qua tòa án nào cả. Nhà nước còn tính bỏ mọi người mang bệnh tâm thần vào nhà thương trong thời gian Thế vận hội; đây là chưa kể những biện pháp hạn chế, bắt giữ hơn một triệu dân tha phương cầu thực tới thủ đô tìm công ăn việc làm. Một số dân cư thủ đô đã bị buộc phải bỏ nhà để nhường đất xây cất cho Thế vận hội. Những người đứng ra tranh đấu bảo vệ giới cô thế đều bị trừng phạt nặng nề, theo phúc trình của Amnesty International.

Amnesty International kể trường hợp ông Ye Guozhu định tổ chức một cuộc biểu tình phản đối gồm những chủ nhà đất bị tước bởi nhà nước ở Bắc Kinh. Ông hiện đang ở trong tù với án bốn năm vì bị buộc tội "gây gổ và sách động náo loạn." Trong nhà tù ông bị buộc tay treo lên xà nhà và đánh đập. Khi không chịu nhận tội ông bị đánh bằng gậy nối vào giây dẫn điện. Một người phản đối khác là ông Qi Zhiyong đã bị bắn cụt một chân thời còn trẻ biểu tình ở Thiên An Môn (1989); ông Qi bị buộc phải dọn cửa hàng nhỏ bé của mình nhiều lần vì những xây cất Thế vận hội. Ông bị giam 51 ngày sau khi tham dự tuyệt thực phản đối nhà nước đánh đập những người ủng hộ ông, theo phúc trình của Amnesty International.

Mùa Hè năm 2008 Thế vận hội sẽ mở màn, nhưng trước thời gian này chắc chắn giới truyền thông quốc tế sẽ có mặt tại Bắc Kinh và Trung Hoa nói chung để truyền thông tin tức liên hệ. Bắc Kinh sẽ khó che dấu vết tích đàn áp nhân quyền. Dù nhà nước hứa sẽ bảo đảm quyền tự do ngôn luận cho giới truyền thông quốc tế, Bắc Kinh lại đẩy mạnh kiểm soát dò xét truyền thông trong nước, bỏ tù người viết lách và dẹp bỏ những giao thông trên Internet. Amnesty International kêu gọi Bắc Kinh ngừng những hoạt động kiểm duyệt nói trên và yêu cầu IOC làm áp lực để nhà nước Trung Hoa giữ lời hứa về nhân quyền trước đây. IOC trả lời không có tư thế làm áp lực Bắc Kinh, và cũng xem chuyện này là "quá sớm" —hai năm trước khi Thế vận hội mở màn— để kết luận là Trung Hoa đã quên lời hứa.

Phát ngôn viên bộ Ngoại giao Trung Hoa tuyên bố, "Thực tế là Trung Hoa đã cải thiện khá nhiều, phát triển kinh tế và xây dựng một xã hội công dân, nhân đạo và thượng tôn luật pháp hơn. Chúng tôi có thể hãnh diện nói rằng chúng tôi đủ khả năng thành công trong Thế vận hội kỳ này."

Nhân Ngày Giỗ Lần Thứ 30, Nhắc Lại Thân Thế Và Sự Nghiệp Của Nhà Cách Mạng Trần Văn Tuyên (1913 - 1976)

NGUYỄN QUỐC KHẢI

Luật Sư Trần Văn Tuyên (1913-1976) (hình chụp năm 1974)

LTS - *Nhân dịp ngày giỗ lần thứ 30 của cố Luật sư Trần Văn Tuyên, từng là phó thủ tướng Việt Nam Cộng Hòa, trưởng khối dân biểu đối lập ở Hạ Viện VHCH, một nhà cách mạng, một lãnh tụ của Việt Nam Quốc Dân Đảng, một nhà văn, nhà báo, một nhà giáo, một huynh trưởng Hướng Đạo. LS Tuyên là một người bền bỉ tranh đấu cho tự do, dân chủ của đất nước và nhân quyền cho mọi người Việt Nam. Nhà báo Nguyễn Quốc Khải, một người thân thuộc với gia đình của LS Tuyên, hiện cư ngụ trên vùng Hoa Thịnh Đốn, viết về cuộc đời của ông trong bài dưới đây.*

Trước ngày 30-4-1975, Luật sư Trần Văn Tuyên dù có nhiều phương tiện để xuất ngoại đã chọn ở lại và ông đã chết trong trại tù Hà Tây, Bắc Việt, vào ngày 26-10-1976. Luật sư Tuyên có bảy người con với bà Trần Thị Phúc, người vợ đầu mất năm 1959. Hiện tất cả những người này đều ở hải ngoại. Người con trưởng là Luật sư Trần Tử Huyền, cũng là nhà báo Linh Chi hiện ở vùng Bắc California. Trưởng nữ là bà Trần Đạm Phương, được biết nhiều trong các cuộc tranh đấu cho nhân quyền Việt Nam cũng như cho sự tự do của thân phụ

lúc ông bị giam giữ tại Việt Nam. Ba người con trai cuối, các ông Trần Tử Thanh, Trần Vọng Quốc (trên vùng Hoa Thịnh Đốn) và Trần Tử Miễn (ở Pháp) đang theo hướng đi của thân phụ, hoạt động chính trị và tranh đấu cho dân chủ, nhân quyền ở Việt Nam.

Ngoài ra LS Tuyên còn có bốn người con gái với bà Phạm Thị Côn, người vợ thứ hai. Hai người con gái đầu là bà Trần Thị Huyền Lan và bà Trần Thị Giáng Quỳnh hiện sống tại Việt-Nam. Hai người sau là bà Trần Thị Bích Giao và cô Trần Thị Vân Nga hiện đang ở Hoa-Kỳ.

Bà Trần Thị Đạm Phương và những người con của LS Trần Văn Tuyên đang chuẩn bị viết một cuốn sách mô tả về cuộc đời của thân phụ với những tình tiết mà chỉ những người thân thuộc trong gia đình và những người từng góp sức ít nhiều vào cuộc đấu tranh cho dân chủ tự do của LS Trần Văn Tuyên mới hiểu biết. Chúng tôi trông đợi cuốn sách sớm ra đời.

*

Trong quá trình tranh đấu của dân tộc Việt-Nam chống ngoại xâm, chống độc tài, phong kiến và bất công trong thời kỳ cận đại, có một nhà cách mạng trong hàng ngũ quốc gia mà ít sách báo nói đến một cách đầy đủ, đó là cố LS Trần Văn Tuyên mà cách đây hơn một phần tư thế kỷ đã vĩnh viễn ra đi. Nhân ngày giỗ lần thứ 30 sắp tới, chúng ta nhắc lại thân thế và sự nghiệp của ông để tưởng nhớ đến một người đã một đời tranh đấu cho dân tộc trong một giai đoạn lịch sử đau thương đầy máu và nước mắt của đất nước mà các thế lực ngoại bang từ thực dân, quân phiệt, đến cộng sản quốc tế đã không ngừng xâu xé. Các cường quyền này đã lợi dụng sự dại dột, nông cạn và chia rẽ của chúng ta để giết hại chính chúng ta, cả ở hai miền Nam Bắc.

Hoạt Động Thanh Niên và Văn Hóa

LS Trần-Văn-Tuyên sanh ngày 1.9.1913 tại Tuyên Quang, tốt nghiệp trường Bưởi tại Hà Nội vào khoảng 1930. Ông là một học sinh xuất sắc thi đậu hai bằng trung học và tú-tài cùng một năm. Trong thời gian học tại trường Bưởi, LS Tuyên đã đoạt giải nhất về cuộc thi hùng biện tiếng Pháp dành cho các học sinh trên toàn quốc. Lúc đầu LS Tuyên dự định học ngành Y khoa. Sau đó vì ngành này quá tốn kém, ông chuyển qua học trường Đại-Học Luật Khoa tại Hà-Nội và tốt nghiệp cử nhân Luật vào năm 1943. LS Tuyên tham gia phong-trào Hướng Đạo (H.Đ.) từ năm 1931. Ba năm sau ông thành lập thiếu đoàn Đại La tại Hà-Nội. Ông Bùi Diễm, cựu Đại Sứ của Việt-Nam Cộng Hòa (VNCH) tại Hoa-Kỳ, đã gia nhập đơn vị này. LS Tuyên và ô. Diễm từ đó đã trở thành đôi bạn tri kỷ. Cuộc đời của hai người tiếp tục gắn bó với nhau qua bao nhiêu biến cố của đất nước trong năm thập niên kế tiếp. Vào năm 1945, LS Tuyên cùng với các ông Mai-Liệu, Phan Xuân Thiện, BS Nguyễn Tường Bách [1] thành lập Quốc-Gia Thanh-Niên Đoàn để chống lại thực dân Pháp và chủ nghĩa Cộng Sản. Ngoại trừ BS Nguyễn-Tường-Bách, những người lãnh đạo Quốc Gia Thanh Niên Đoàn đều là các cựu huynh trưởng H.Đ. Vào ngày 12.6.1945, LS Tuyên giữ chức giám-đốc trường Huấn-Luyện Đoàn Trưởng Thanh-Niên Xã-Hội Miền Bắc [2].

LS Trần-Văn-Tuyên là một trong những sáng lập viên của phong trào truyền bá quốc ngữ và Hội Bình Dân Giáo-Dục vào thập niên 30 để giảm thiểu nạn mù chữ, nâng cao trình độ văn hóa, ý thức dân chủ, hiểu biết về quyền công dân của một nước độc lập, chống lại một nền giáo dục nô lệ mà "chế độ thực dân muốn giới hạn tối đa cho một vài thành phần ân sủng" [3]. LS Tuyên là giáo-sư dậy về Việt Văn, Pháp văn và toán tại trường trung học tư-thục Văn-Lang và Thăng-Long tại Hà-Nội cùng với một số đồng nghiệp như các ông Võ-Nguyên-Giáp, Hoàng-Minh-Giám, Phan-Anh, Phan-Mỹ và Đặng-Thai-Mai. LS Trần-Văn-Tuyên mở văn phòng luật sư tại Sài Gòn cùng với hai đồng nghiệp Vũ-Văn-Huyền và Nguyễn-Văn-Huệ vào năm 1957. Ông là một trong những sáng lập viên vào năm 1958 của hội Bách-Khoa Tự-Điển cùng với các ông Đào-Văn-Tập và Đào-Đăng-Vỹ. Nhóm này được mệnh danh là Nhóm Bách-Khoa Tự-Điển Nguyễn Du. Ngoài việc hành nghề luật sư, LS Tuyên còn giảng dậy tại các trường đại-học Đà-Lạt, Huế, Vạn-Hạnh, Chiến-Tranh Chính Trị và Cao Đẳng Quốc Phòng từ năm 1965 trở về sau.

Tác phẩm văn chương đầu tay của LS Tuyên là cuốn tiểu thuyết "Hiu Quạnh" xuất bản năm 1944. Sau đó là cuốn tiểu luận "Đế Quốc Đỏ" (1957), tùy bút "Tỉnh Mộng" (1957), Hồi Ký Hội-Nghị Genève (1954, 1964), tiểu luận "Chánh Đảng" (1967), tập truyện ngắn "Người Khách Lạ" (1968) [4]. Bản thảo "Khổng-Tử" dịch từ tiếng Trung-Hoa bị chính quyền của

Tổng Thống Ngô-Đình-Diệm tịch thâu vào năm 1960 rồi mất tích luôn. Ngoài ra LS Tuyên còn xuất bản hai cuốn sách "Lịch-Sử Việt-Nam" (1964) và "Cách-Mạng Đi Về Đâu" (1967) nhưng không thấy ghi trong tạp khảo văn hóa "Việt-Nam Gấm Hoa" của ô. Thái-Văn-Kiểm. Trong các năm 1967-1968, ông đã cho đăng trên nhật báo Quyết-Tiến xuất bản tại Sai Gon nhiều bài nghiên-cứu về tình-hình kinh-tế và chính-trị của hai miền Bắc và Nam rút từ tập khảo-luận nhan đề "Vận-Mệnh Việt-Nam". Rất tiếc là trong số sách đã xuất bản, gia đình của LS Tuyên chỉ tìm lại được cuốn "Hồi-Ký Hiệp-Định Genève 1954" và tập truyện ngắn "Người Khách Lạ." Lối hành văn của LS Tuyên trong các truyện ngắn này rất giản dị, nội dung mộc mạc, nhưng luôn luôn bao hàm một triết lý về lòng người và tình đời. Nếu tin rằng văn tức là người, thì khó mà hiểu được rằng qua bộ mặt nghiêm nghị của LS Tuyên, chúng ta có thể tìm thấy được hai con người vừa đơn giản vừa phức tạp. Đơn giản ở chỗ không đòi hỏi một đời sống vật chất xa hoa, nhưng quí trọng sự hồn-nhiên trong sáng, tôn thờ di sản của tiền nhân, thiết tha yêu quê hương dân tộc, phức tạp ở chỗ muốn có một cái gì tuyệt đối về tinh thần.

"Và ngày ngày, mỗi buổi chiều, tôi tới vườn Diên Hồng ngồi đợi khách.

Nhưng Cách Mạng! Anh còn đây hay đã đi đâu?"

Đây là hai câu cuối cùng của truyện ngắn "Người Khách Lạ" [5], viết xong vào ngày 30.10.1965, mở đầu cho tuyển tập mang cùng một nhan đề. LS Tuyên đi tìm một người khách lạ mang tên là Cách-Mạng vào giữa thập niên 60. Người đó chỉ thấy hiện lên trong giấc mơ, mà không đến với mình trong thực tại.

LS. Trần-Văn-Tuyên bắt đầu sự nghiệp bằng nghề ký giả. Cùng với ô. Võ-Nguyên-Giáp, LS Tuyên xuất bản tờ báo chui và in truyền đơn để chống lại chế độ thực dân. Bà vợ đầu tiên của ông là bà Trần Thị Phúc [6] giúp chồng phát hành tờ báo và đi rải truyền đơn trong thành phố Hà-Nội [7]. LS Tuyên là người chủ xướng tờ báo Sao Trắng của Việt-Nam Quốc Dân Đảng (VNQDĐ) vào năm 1942. Sau này ông còn là một ký giả cộng tác với nhiều tờ báo trong nước như Thời-Luận, Chính-Luận, Quyết-Tiến, Đại Dân-Tộc, Tin Sáng, v.v. trong khoảng 1958-1975 dưới nhiều bút hiệu khác nhau: Chính Nghĩa, XYZ, Trần Côn, v.v. Trong thập niên 40, LS Tuyên còn dùng bút hiệu Trần-Vĩnh-Phúc. Ngoài tiếng mẹ đẻ, ông còn rất thông thạo một số ngoại ngữ như tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Quảng-Đông và tiếng Quan Thoại. Ngoài các báo Việt ngữ, LS Tuyên còn viết bài cho một số báo Pháp là Le Monde, l'Express, France - Asie, v.v.

Hoạt Động Chính Trị

Ô. Thái Văn Kiểm trong cuốn *Việt-Nam Gấm Hoa* đã viết trong bài Tưởng Niệm Liệt Sĩ Trần-Văn-Tuyên như sau: "LS Trần-Văn-Tuyên đã hiên ngang đi vào lịch sử bằng cửa lớn. Người đã nêu cao tinh thần bất khuất của Nguyễn-Thái-Học. Người đã viết lịch sử với máu đỏ lòng son." "Với kinh nghiệm bản thân, ông thấu hiểu thế nào là nghèo khổ, đói khát, thế nào là bất công xã hội, thế nào là áp bức, ngục tù. Vì những lý do đó mà ông đã hy sinh cả cuộc đời để tranh đấu cho Tự-Do, Dân-Chủ, Công Bằng Xã-Hội và An Sinh cho dân tộc Việt-Nam" [8].

Giai Đoạn Chống Pháp

LS Tuyên bắt đầu sự nghiệp chính trị với sự gia nhập Việt-Nam Quốc Dân Đảng (Việt Quốc) vào năm 1929 lúc 16 tuổi, một năm trước khi xẩy ra vụ khởi nghĩa Yên-Bái. Ông tham gia cuộc tranh đấu dành độc lập cho đất nước cùng với những nhà cách mạng như Nguyễn-Hải-Thần, Nguyễn-Tường-Tam, bị mật vụ Pháp bắt bỏ tù vào năm 1943 vì tội phá rối trị an, hoạt động chính trị chống sự đô hộ của người Pháp. LS Tuyên tham chính lần đầu tiên với chức vụ Tri Huyện Hải-Dương, Bắc Việt vào năm 1944. Khi có vụ tổng khởi nghĩa vào năm 1945, chính cán bộ thuộc Việt-Nam Độc-Lập Đồng-Minh Hội (Việt-Minh) đã mật báo cho ông biết trước để thoát khỏi một vụ mưu sát do Việt-Minh chủ-trương vì dân chúng trong huyện Thanh-Miên, tỉnh Hải-Dương và những người cán-bộ này kính phục tài đức của ông. Đến năm 1946, LS Tuyên tham gia chính-phủ liên hiệp do ô. Hồ-Chí-Minh làm Thủ Tướng, với chức vụ Đổng Lý Văn Phòng Bộ Ngoại Giao do ô. Nguyễn-Tường-Tam làm Tổng-Trưởng. Một năm sau ông cùng với các lãnh tụ VNQDĐ khác như Nguyễn-Tường Tam, Nguyễn Hải-Thần, Vũ Hồng Khanh,v.v. trốn qua Trung-Hoa vì Việt-Minh chủ-trương liên kết với chính quyền thực dân Pháp để diệt trừ các phần tử quốc-gia. Ô. Jean Sainteny, Cao-Ủy Lâm-Thời của chính-quyền thực dân Pháp thời đó đã tiết lộ: "Hồ-Chí-Minh

cần dựa vào sự giúp đỡ của nước Pháp một cách hiển nhiên để củng cố địa vị và diệt trừ các đảng đối lập" [9]. Sau khi Việt-Minh rút ra khỏi Hà-Nội, LS Tuyên trở về Việt-Nam năm 1948, tiếp tục tranh đấu dành độc lập cho đất nước, tìm một giải pháp không cộng-sản cho một quốc-gia Việt-Nam. Tiếp theo cuộc hội đàm giữa chính quyền thực dân Pháp và vua Bảo-Đại tại Vịnh Hạ Long vào ngày 6.12.1947, LS Tuyên và ô. Lưu-Đức-Trung được vua Bảo-Đại lúc đó đang lưu trú ở Hồng-Kông cử đi tiếp xúc với các nhân sĩ trong nước để thành lập một chính-phủ quốc-gia. LS Tuyên giữ chức vụ Tổng-Trưởng Thông-Tin vào năm 1949 trong nội-các của Tướng Nguyễn-Văn-Xuân, sau đó tham gia vào nội các Trần-Văn-Hữu (1949-1951) với chức vụ Bộ Trưởng Phủ Thủ-Tướng. Khi tham gia hội-nghị Pau để thương lượng với chính quyền Pháp trao trả chủ quyền cho Việt-Nam, LS Tuyên đã quyết liệt phản đối sự vi phạm trắng trợn các thỏa ước Pháp đã ký kết. LS Tuyên đã thẳng thắn nói với Cao-Ủy Pháp là Tướng De Lattre de Tassigny rằng ông ta không có quyền can thiệp vào nội bộ Việt-Nam và yêu cầu ông này rời khỏi phòng họp nội-các của chính-phủ Việt-Nam. Tướng De Lattre de Tassigny tức giận ra lệnh trục xuất LS Tuyên ra khỏi Việt-Nam. LS Tuyên đã tuyên bố:

"Không một người Pháp nào có quyền trục xuất một người Việt-Nam ra khỏi nước Việt-Nam" [10].

Sau đó LS Tuyên rút ra khỏi nội các Trần-Văn-Hữu. Khi biết tin mật vụ Pháp đang đi lùng bắt để trục xuất ra khỏi nước và lưu đầy đi qua Mã đảo (Madagasca), ông trốn vào khu bưng biền Tây-Ninh, liên kết với các giáo phái Cao-Đài và các đảng phái quốc-gia như Đại-Việt, VNQDĐ, Việt-Nam Phục-Quốc Hội, Dân-Xã Đảng và một số các nhà trí-thức để lập một mặt trận liên kết chống lại cả Pháp lẫn Cộng-Sản. Mặt Trận Thống Nhất Quốc Gia ra đời vào năm 1953. Năm sau, Mặt-Trận Liên-Minh Tổ-Quốc, bao gồm cả hai lực lượng Hòa-Hảo và Bình-Xuyên, được thành-lập.

Bên Lề Hội Nghị Geneva

Năm 1954, sau khi Pháp thua trận Điện-Biên-Phủ, LS Trần-Văn-Tuyên được cử làm Ủy Viên trong phái đoàn Quốc-Gia Việt-Nam (QGVN) tại hội nghị Genève. Lúc đầu phái đoàn QGVN do Ngoại Trưởng Nguyễn-Quốc-Định cầm đầu, sau đó là BS Trần-Văn-Đỗ. Trong phái đoàn QGVN có hai cựu huynh trưởng H.Đ. là Trần-Văn-Tuyên và Cung-Giũ-Nguyên. Ở bên trong phòng họp phái đoàn QGVN đã phản đối việc chia đôi đất nước dù chỉ là tạm thời để chờ một cuộc tổng tuyển cử ở cả hai miền vào năm 1956. Ở bên ngoài, ô. Võ-Thành-Minh thổi sáo bên bờ hồ Leman kêu gọi chấm dứt chiến tranh trên lãnh thổ Việt-Nam [11]. Ô. Võ-Thành-Minh đã một lần bị Việt-Minh bắt vì bị nghi là gián-điệp khi ô. Võ-Thành-Minh đi xe đạp từ bắc vào nam để kêu gọi hoà-bình. Nhờ sự can thiệp của hai bạn Hướng Đạo cũ là các ông Hoàng-Đạo-Thúy và Tạ-Quang-Bửu, ô. Võ-Thành-Minh đã được thả ra. Chán Việt-Minh, ô. Võ-Thành-Minh vượt tuyến qua sống trong vùng quốc-gia. Năm 1949 thất vọng với phe quốc-gia, ô. Võ-Thành-Minh bỏ ra ngoại-quốc. Người ta được biết rằng các ông Tạ-Quang-Bửu, Trần-Văn-Tuyên và Võ-Thành-Minh đã từng sinh-hoạt trong cùng Tráng-Đoàn Lam-Sơn tại Hà-Nội. Ô. Võ-Thành-Minh tuyệt thực đòi hai phe Việt-Nam phải đến gặp mình để hòa-giải. LS Tuyên đã đến thăm ô. Võ-Thành-Minh bên hồ Leman, nhưng ô. Võ-Thành-Minh từ chối tiếp chuyện vì không có sự hiện diện của phái đoàn Dân-Chủ Cộng-Hòa Việt-Nam (DCCHVN). Khi được tin đất nước Việt-Nam sắp bị chia cắt, ô. Võ-Thành-Minh vào Trụ sở Vạn-Quốc định tự vẫn nhưng được cứu thoát. Sau đó ô. Võ-Thành-Minh bị trục xuất ra khỏi Thụy Sĩ [12].

Hội Nghị Genève cũng là nơi chứng kiến một cuộc hội ngộ của hai cựu huynh trưởng H.Đ. Việt-Nam một lần cuối cùng trong đời là LS Trần-Văn-Tuyên và KS Tạ-Quang-Bửu. Thông thường, nhân-viên của hai phái đoàn Việt-Nam không muốn nhìn mặt nhau. Tuy nhiên trong các phiên họp thâu hẹp của các Ủy-Ban Quân-Sự, các đại biểu QGVN và DCCHVN đã lịch sự chào nhau. Riêng các ông Tuyên, Bửu và Hoàng-Nguyên" [13] "có lẽ vì tình anh em Hướng Đạo cũ đã dám bắt tay nhau và chào hỏi nhau dù rằng chỉ nói có một hai lời" [14]. Ngồi đối diện nhau trong bàn hội nghị vì chính-kiến khác biệt, tuy nhiên trong những phút riêng tư họ vẫn trao đổi một vài câu chuyện với nhau. Ô. Bửu lúc đó là Thứ Trưởng Quốc Phòng của Chính phủ Cộng-Sản nói với LS Tuyên rằng "Anh Giáp (Tướng Võ Nguyên Giáp) thường tâm sự với tôi là đời anh có một hối hận rất lớn đó là đã để cho anh Tuyên vào Nam..." [15]. KS Bửu [16] lớn hơn LS Tuyên có ba tuổi. Một người sinh ở Nghệ An. Người kia sinh ở Tuyên-

Quang. Cả hai đều xuất thân từ hai hai gia đình nho-giáo. Cả hai đều là học sinh xuất sắc, thông minh vượt bực. Cả hai là huynh trưởng Hướng Đạo tham gia vào việc khai sinh và phát triển phong-trào giáo dục thanh thiếu niên này từ thời kỳ phôi thai. Cả hai đã trở thành các vị đại trí thức thời đó, thành thạo nhiều ngoại ngữ. Cả hai cùng có một đời sống thanh bạch dù cả hai dư phương tiện để sống xa hoa. Về phương diện nghề nghiệp, ô. Bửu là một kỹ-sư điện, ô. Tuyên trở thành luật-sư. Cả hai cùng giữ những chức vụ quan-trọng trong guồng máy chính-quyền [17]. Cả hai cùng liêm chính và cương trực, cùng yêu nước thương nòi, cùng làm cách mạng, nhưng mỗi người làm cách mạng một cách khác nhau. Một người chọn con đường cách-mạng vô-sản chuyên-chính. Người kia chọn con đường cách-mạng tư-sản với chủ trương "Dân-Tộc Độc-Lập, Dân-Quyền Tự Do, Dân-Sinh Hạnh-Phúc." Cả hai cùng tin rằng con đường của mình đi sẽ mang lại cho đất nước một nền độc-lập, dân-chủ, tự-do và no ấm.

Hơn 20 năm sau Hội-Nghị Genève, LS Trần-Văn-Tuyên chết đột ngột vào ngày 26.10.1976 trong khi bị giam cầm bởi những người làm cách-mạng vô-sản. Một thập niên về sau, KS Tạ-Quang-Bửu mất ngày 21.8.1986 trong hoàn cảnh nghèo khổ và bạc đãi của chế độ vô-sản [18]. Chỉ bốn tháng sau đó, vào cuối năm 1986, ô. Nguyễn-Văn-Linh Tổng-Bí-Thư của Đảng Cộng-Sản Việt-Nam (CSVN) phát động chương-trình cải tổ kinh-tế "Đổi Mới", mặc nhiên chấm dứt cuộc Cách-Mạng Vô-Sản, nhằm ngăn chặn nạn đói đang làn tràn tại Việt-Nam và trở thành trầm-trọng vào năm 1985, do sự thất bại của chính sách Nông Trường Tập Thể. Đất nước độc-lập, Nam Bắc thống-nhất, nhưng đa số người dân Việt-Nam còn thiếu tự-do và hạnh-phúc.

Thời Đệ Nhất Cộng-Hòa

Hội nghị Genève chấm dứt. Trở về nước LS Tuyên thành lập Mặt Trận Quốc-Gia Liên-Hiệp vào năm 1955 để vận động xây dựng một chế độ dân chủ thực sự cho miền Nam. Ông là người đầu tiên vào năm 1958 kêu gọi Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm dân chủ hóa chính quyền, chống bất công xã-hội, thiết lập các quyền tự do căn bản (ngôn luận, báo chí, lập hội...). Trong những năm đầu sau khi về nước chấp chánh, ô. Ngô-Đình-Diệm đã được lòng dân vì những tiến bộ đạt được trong các lãnh vực kinh tế và xã hội. Trong những năm kế tiếp, chính sách thiếu sáng suốt của ông, sản phẩm của một chế độ độc-tài và phong-kiến, đã đưa miền Nam Việt-Nam dần dần đến chỗ suy sụp về mặt xã-hội, kinh-tế và xáo trộn về chính-trị. Được Tổng-Thống Diệm mời vào làm Bộ Ngoại Giao sau khi BS Trần-Văn-Đỗ từ chức, nhưng LS Tuyên đã khước từ vì quan niệm rằng mình không thể hợp tác với một quan lại của triều-đình Huế mà lại truất phế vua. Ô. Diệm đã một lần được Vua Bảo-Đại định mời lập chính-phủ vào thời 1945. Sau khi lực lượng viễn chinh Nhật vào ngày 9.3.1945 đảo chính Pháp, tấn công vào các nơi trú quân của Pháp, bắt nhốt các binh-lính và các viên chức Pháp, Nhật buộc vua Bảo-Đại ly-khai chế-độ bảo-hộ của Pháp và tuyên bố nước Việt-Nam độc-lập trong Khối Đại-Đông Á của Nhật. Ô. Ngô-Đình- Diệm, một người thân Nhật, được chọn làm Thủ-Tướng. Nhưng vào phút chót, Nhật đổi ý và chỉ định ô.Trần-Trọng-Kim, một sử gia, không biết về chính trị, ra lập nội-các vì ô. Trần-Trọng-Kim ôn-hòa và dễ bảo hơn ô. Diệm [19]. Vào năm 1954, được sự ủng-hộ của Hoa-Kỳ, ô. Diệm đã được Vua Bảo-Đại mời về nước chấp chánh. Ngày 23.10.1955, qua một cuộc trưng cầu dân ý, ô. Diệm truất-phế vua Bảo-Đại và lên làm Tổng-Thống.

Trong những năm 1955-58, tình trạng tài chánh của gia-đình rất eo hẹp, LS Tuyên phải đi dậy học ở một số trường tư ở Saigon để mưu sinh như trường Hoàng-Việt, Thăng-Long và Phước Truyền. Cũng trong khoảng thời gian đó, ông bị công-an bắt cóc đôi ba lần ngay ngoài đường phố. Có lần xe hơi của ông do tài xế lái, đang trên đường đi đến trường học của các con, thì bị hai xe khác đi kèm ép sát hai bên để bắt ngưng lại. Ông chỉ kịp nhắn lại với các con vài lời trước khi bị lôi đi. Trong giữa thập niên 50 cho đến cuối năm 1963 tại "miền Nam Tự-Do" đã xảy ra những cảnh bắt cóc người giữa thanh thiên bạch nhật như vậy. Ô. Nguyễn-Hữu-Chung, cựu Dân-Biểu trong khối Đối-Lập châm biếm: "Thời ô. Diệm, ô. Nhu, con thằn lằn ban đêm không dám tắc lưỡi" [20]. Mặc dầu vậy, tháng 4.1959, LS Tuyên cùng với 17 nhà chính trị độc-lập nổi tiếng của miền Nam như các ông Lê Ngọc Chân, Trần Văn Đỗ, Trần Văn Hương, Phan Huy Quát, Phan Khắc Sửu, Nguyễn Bảo Toàn, Trần Văn Văn, Nguyễn Lưu Viên họp tại khách sạn Caravelle, Sài Gòn thành lập nhóm Tự Do Tiến Bộ [21] và thảo ra một văn thư gửi cho Tổng Thống Ngô Đình

Diệm để kêu gọi ông dân chủ hóa guồng máy chính-trị của miền Nam, thừa nhận đối lập, tôn trọng dân quyền. Văn thư phản đối chính-sách độc-tài đàn áp các đảng phái quốc gia đối lập của chính-phủ đương thời [22]. Vì lý do đó, sau vụ đảo chánh hụt của Đại-Tá Nhẩy Dù Nguyễn-Chánh-Thi vào ngày 11.11.1960, LS Trần-Văn-Tuyên và nhóm Tự-Do Tiến-Bộ bị nghi ngờ dính líu vào vụ đảo chánh và bị bắt giam. Một số bị đưa ra Côn Đảo, trong đó có cụ Phan-Khắc-Sửu, một số bị giam tại Trại Võ-Tánh của Tổng-Nha Cảnh-Sát Quốc-Gia, trong đó có LS Tuyên [23].

Thời Đệ Nhị Cộng-Hòa

Sau cuộc đảo chánh 1.11.1963, chính phủ của Tổng-Thống Ngô-Đình-Diệm bị lật đổ, chế độ Đệ Nhất Cộng-Hòa chấm dứt. LS Tuyên được thả về. Trong những năm đầu của nền Đệ Nhị Cộng-Hòa, với chức vụ Tổng-Thư-Ký, LS Tuyên tổ chức lại xứ bộ VNQDĐ Miền Nam. Cùng trong năm đó LS Tuyên được bầu làm Chủ-Tịch Hội-Đồng Dân-Chính (1963) và là một đại biểu trong Hội-Đồng Soạn Thảo Hiến-Pháp (1964). LS Tuyên tham gia vào chính phủ dân sự cuối cùng của Miền Nam (1965) với chức vụ Phó Thủ Tướng Đặc Trách về Kế Hoạch trong nội các của BS Phan-Huy-Quát với Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu làm Tổng Trưởng Quốc Phòng. Đây là chính-phủ dân-sự duy nhất của miền Nam sau khi Tổng-Thống Diệm bị lật đổ. Chính-phủ của BS Quát được thành lập trùng hợp với việc các toán quân Mỹ đầu tiên đổ bộ vào bờ biển Đa -Nẵng vào ngày 8.3.1965 mà không có sự thỏa thuận trước của chính-phủ Quát. Thủ-Tướng Phan Huy Quát và LS Trần Văn Tuyên chủ trương chống lại việc mang quân Mỹ vào Việt-Nam. Phần khác, có sự mâu thuẫn giữa Quốc Trưởng Phan Khắc Sửu và Thủ Tướng Phan Huy Quát về vấn đề cải tổ nội các, đặc biệt liên quan đến hai chức bộ trưởng nội vụ và bộ trưởng kinh tế. Ngoài ra một số phe phái quốc gia, đặc biệt là Công Giáo và Phật Giáo, chống đối chính phủ Quát. Nên chỉ sau 4 tháng cầm quyền, nội các Phan-Huy-Quát bị phe quân nhân của Tướng Nguyễn-Văn-Thiệu, với hậu thuẫn của Hoa-Kỳ, lật đổ vào tháng 6.1965 [24].

Trong thời gian ngắn ngủi làm Phó Thủ Tướng trong nội các Phan Huy Quát, LS Tuyên đã công du qua 10 nước Phi Châu và Toà Thánh La-Mã. Phái đoàn Việt-Nam do LS Tuyên lãnh đạo đã được đón tiếp trọng thể ở mọi nơi. Đức Giáo Hoàng Joan Paul VI đã không hạn chế giờ giấc để tiếp chuyện riêng với LS Tuyên. Tổng Thống Houary Boumedienne của Algeria đã tuyên bố: "Tôi đang tiếp một chiến sĩ cách mạng cùng chí hướng chống thực dân Pháp với tôi trước đây chứ không phải tiếp một Phó Thủ-Tướng của một nước. Do đó sẽ không có vấn đề giới hạn giờ giấc và nghi lễ." Quốc Vương Haile Selassie của Ethiopia đã tiếp kiến LS Tuyên ba giờ liền thay vì chỉ có 30 phút như đã dự tính trước. Sau chuyến công du trở về, Phái đoàn Việt-Nam đã hoàn trả lại cho công quỹ gần 50 ngàn đô la [25].

Trong 11 năm cuối cùng của cuộc đời, LS Tuyên tiếp tục tranh đấu cho nhân quyền và dân quyền. Ông sáng lập và làm chủ-tịch Hội Quốc Tế Bảo Vệ Nhân Quyền, chi Nhánh Việt-Nam (1967). Cùng năm đó LS Tuyên tham gia vào Hội Luật Gia Quốc Tế có trụ sở tại Genève. Ông còn làm Luật Sư Cố Vấn cho Tổng-Liên Đoàn Lao Công Việt Nam. Năm 1971, LS Tuyên ra tranh cử chức Dân-Biểu quận 3, Sài Gòn. Cuộc tranh cử vào Hạ Viện của ông trong thời Đệ Nhị Cộng Hòa cũng có nhiều điều đáng nhớ. Dấu hiệu tranh cử của LS Tuyên là cây thông, một biểu tượng cho tính cương trực và lòng yêu chuộng tự do. Bích-chương và truyền đơn tranh cử của LS Tuyên chỉ vọn vẹn có dăm ba chữ. Ông tuyệt đối không chấp thuận bất cứ hình thức mua phiếu nào. Việc vận động tranh cử cũng được hạn chế thí dụ như không được phép phát truyền đơn lẻ tẻ từng nhà. Tuy nhiên LS Tuyên đã được sự đắc cử và giữ chức Dân Biểu Quận Ba từ năm 1971 cho đến 30.4.1975 và được bầu làm trưởng khối Dân Tộc Xã Hội trong Hạ Viện, đối lập với các chính phủ quân sự. Các Tướng Nguyễn Cao Kỳ và Nguyễn-Văn-Thiệu đã từng mời LS Tuyên giữ chức Đại-Sứ tại Anh quốc, nhưng vì tình hình quốc nội thời đó sôi bỏng ông quyết định ở lại trong nước dù đã được chính-phủ Anh chấp thuận. Vào ngày 26.4.1975, trong khi lưỡng viện Quốc hội còn đang bỏ phiếu trao quyền hành pháp cho Tướng Dương Văn Minh để thành lập chính phủ lâm thời thì LS Tuyên đã được Tướng Minh mời giữ chức vụ Đại-Diện Việt-Nam tại Liên-Hiệp-Quốc, nhưng trong hoàn cảnh dầu sôi lửa bỏng trong nước, ông cũng đã khước từ lời mời đó.

Từ Hiệp Định Paris 1972/1973 Tới Chiến Dịch Hồ Chí Minh 1975

LS Trần-Văn-Tuyên đã từng giữ nhiều chức

vụ trong các tổ-chức hành-pháp quan trọng hơn chức-cụ dân-biểu. Khi được hỏi, LS Tuyên giải thích rằng quyết định tranh cử vào quốc-hội nhằm mục đích để tạo một cái thế đối-lập hợp-hiến hợp-pháp với chính-phủ quân-nhân và để chuẩn bị cho một cuộc đấu tranh chính-trị công khai với Mặt-Trận Giải-Phóng Miền-Nam (MTGPMN) mà ông tiên đoán rằng dù muốn hay không tình hình đất nước đòi hỏi một giải pháp chính trị mà phe quốc-gia bị áp lực phải công nhận vai trò của MTGPMN trong chính trường của miền Nam. Nhận định rằng chính sách của các chính-phủ quân-nhân trong thời-gian 1965-1975 đưa đất nước đến chỗ bất ổn và tình trạng này của Miền-Nam trong năm năm cuối càng trở nên trầm-trọng hơn. Trong khi đó tại Hoa-Kỳ, phong-trào phản-chiến càng ngày càng lan rộng với con số thương vong của binh-sĩ Mỹ càng ngày càng cao. Bốn năm sau khi thủy quân lục chiến Mỹ đổ bộ vào bờ biển Đà-Nẵng, chính sách của Hoa-Kỳ đã hoàn toàn thay đổi với quyết định rút quân ra khỏi Việt-Nam bằng mọi giá. Vào năm 1969, lần đầu tiên số binh sĩ Hoa-Kỳ không tăng lên mà còn giảm đi 60,000 người, xuống còn còn 480,000 người [26]. Sau đó việc giảm quân số tiếp tục. LS Tuyên tin-tưởng rằng giải pháp trung lập hóa miền Nam là một giải-pháp thực tiễn, khôn ngoan và khả thi ở thời điểm đó để cứu vớt tình thế, mở đường cho quân Mỹ rút khỏi miền Nam, tránh sự tàn phá thêm của chiến tranh, tái lập hòa-bình cho Việt-Nam.

Ngày 28.1.1973 Hiệp-Định Paris được ký-kết đòi hỏi thành lập tại miền Nam Việt-Nam một chính phủ liên-hiệp gồm ba thành phần: chính-phủ VNCH, chính phủ Cách-Mạng Lâm Thời của Mặt Trận GPMN và lực lượng thứ ba [27]. Hai năm sau (1975) giải pháp trung-lập của Pháp mang ra thử nhưng đã quá trễ. Ngày 28.4.1975, sau khi đi dự lễ nhậm chức Tổng-Thống của Tướng Dương-Văn-Minh tại Dinh Độc-Lập trở về với tư cách Trưởng Khối Đối Lập của Hạ Viện, LS Tuyên đã nói với một người đồng chí của mình như sau: "Lá bài trung-lập của Trần-Văn-Hữu không thành, Pháp đã thất bại. Con cờ Dương-Văn-Minh chỉ là ngày giờ! Chuyện lỡ rồi, bàn cờ đã bị xóa. Chúng ta đã thua trận! Chúng ta là nạn nhân của các siêu cường vì chúng ta ngu dại! Thật đáng tiếc" [28]. Đây không phải là lần đầu tiên LS Tuyên chứng tỏ sự hiểu biết về chính trị và thời cuộc. Vào năm 1970, Tướng Nguyễn-Cao-Kỳ ngỏ ý muốn được giới thiệu ra tranh cử chức tổng-thống, LS Tuyên đã tuyên bố: "Đây là một trò chơi dân chủ. Mỹ sẽ đưa Nguyễn-Văn-Thiệu lên làm tổng-thống" [29].

Trong mùa xuân 1972, ba sư-đoàn cộng sản Bắc Việt đã thử lửa trong cuộc tấn công vào Kontum từ tháng 4.1972 đến tháng 7.1972 [30] cùng một lượt với cuộc tấn công đại quy mô vào Quảng-Trị và An-Lộc với tổng-cộng thêm chín sư-đoàn ở hai mặt trận này, một cuộc trắc nghiệm đầu tiên về kế-hoạch Việt-Nam hóa chiến-tranh, trong khi cuộc hoà-đàm ở Paris đang tiếp diễn [31]. Năm 1974, nhắc lại chiến-lược của Tướng Võ-Nguyên-Giáp là ưu-tiên dành quyền kiểm-soát Cao-Nguyên, LS Tuyên báo-động các giới chức quân-sự là Cộng sản Bắc Việt (CSBV) có thể sẽ đánh Ban-Mê-Thuột. Quả thật, trận chiến then chốt này thực tế xẩy ra vào 4.3.1975 — 3.4.1975 trong chiến dịch Tây-Nguyên [32] mở đầu cho sự suy sụp toàn bộ của miền Nam Việt-Nam vào ngày 30.4.1975. Vào những năm 1952-1954, LS Tuyên đã làm cố vấn về cả hai phương diện chính-trị và quân-sự cho Đức Hộ-Pháp Phạm-Công-Tắc và tướng Trình Minh Thế với chức Đại Tá Quân Hàm. LS Tuyên được cử vào trong Ủy-Ban Quân-Sự của phái-đoàn QGVN tại Hội-Nghị Genève 1954 cũng vì sự hiểu biết quân-sự của mình. Cuốn sách "Hồi Ký Hội Nghị Genève 1954" của LS Tuyên đã trình bầy rất đầy đủ về thế trận, vị trí đóng quân và tiến quân của các phe liên hệ.

Tình Bạn Với Tướng Võ Nguyên Giáp

Ô. Võ Nguyên Giáp, xấp xỉ tuổi của LS Tuyên, sinh vào năm 1912 tại làng An Xã, tỉnh Quảng-Bình, một vùng nghèo nhất nước dưới thời Pháp đô-hộ. Ô. Giáp bắt đầu học tại trường Quốc-Học Huế vào năm 1924, cùng trường với các ông Hồ-Chí-Minh và Ngô-Đình-Diệm. Sau khi đậu tú tài ở Huế, ô. Giáp ra Hà-Nội, học một năm tại trường Trung-Học Albert Sarraut, rồi sau đó theo học trường Đại-Học Luật Khoa Hà-Nội và tốt nghiệp cử nhân vào năm 1937. Sau đó Tướng Giáp tiếp tục học thêm một năm cao học [33]. Trong khoảng đầu thập niên 40, ô. Võ-Nguyên-Giáp và người bạn đồng nghiệp Trần-Văn-Tuyên cùng dậy học tại trường tư thục Thăng Long. Ô. Giáp chuyên dậy về sử-ký và địa-dư, nhưng lại ham mê đọc sách về quân-sự. Hai người rất thân nhau vì cùng theo học ngành luật khoa, cùng lý tưởng chống thực

dân Pháp. Gia đình của hai người cũng rất thân nhau, nhưng ô. Giáp không bao giờ mê hoặc được LS Tuyên về chủ-thuyết vô-sản của Karl Marx. Có một lần ô. Bùi-Diễm đưa cho LS Tuyên coi cuốn sách Tư-Bản Luận do ô. Giáp cho mượn, LS Tuyên có nói với ô. Bùi Diễm: "Khó nghe lắm đấy. Chú đọc thì cứ đọc. Cần gì thì anh giảng cho chú nghe" [34]. Trong lần cuối cùng gặp gỡ nhau nhân hội-nghị sơ bộ với Pháp khai mạc vào ngày 19.4.1946 tại trường Yersin, Đà-Lạt để chuẩn bị cho hội nghị Fontainebleau, Tướng Giáp thuộc phái đoàn Việt-Nam Dân-Chủ Cộng-Hòa (Việt-Minh) còn kêu gọi LS Tuyên trở về hợp-tác với ô. Hồ-Chí-Minh. Sau khi bị từ khước Tướng Giáp còn nói với LS Tuyên một câu bằng Pháp ngữ nguyên văn như sau : "Alors, tu restes toujours mon ami." (Dù sao anh cũng sẽ mãi mãi là bạn của tôi). LS Tuyên và Tướng Giáp vẫn kính mến nhau mặc dù hai người ở hai chiến tuyến khác nhau. LS Tuyên đã nhắc lại kỷ niệm đó với một ký giả của tờ báo the Korea Herald trong một cuộc phỏng vấn vào tháng 9.1972 [35].

LS Tuyên hi-vọng một ngày nào đó sẽ được tiếp Tướng Giáp tại căn biệt thự trắng thuê tại 198 đường Hồng-Thập-Tự, trước vườn hoa Tao-Đàn, Sài Gòn. Ước mong đó không bao giờ thành. Tướng Giáp không bao giờ bước chân tới căn nhà trắng của LS Tuyên. Nhưng ông đã nhờ người tới địa chỉ đó để liên-lạc với LS Tuyên. Trong những năm 1954-1956, sau khi Việt-Nam bị chia cắt ra làm hai miền, Tướng Giáp vẫn liên lạc với LS Tuyên qua một vài sĩ quan trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến. Có lần LS Tuyên nhận được cành đào của Tướng Giáp gửi từ Hà-Nội vào tặng gia-đình ông nhân một dịp tết. Sau khi Miền Nam thất thủ, Tướng Giáp cử một sĩ quan cao cấp vào Sài Gòn đưa thư đề nghị LS Tuyên viết thư cho Bộ Chính Trị tại Hà Nội để khỏi đi học tập cải tạo. LS Tuyên đã cám ơn Tướng Giáp nhưng không chấp thuận đề nghị của ông. Ít lâu sau, theo lệnh của nhà nước LS Tuyên đi trình diện để học tập cải tạo và không bao giờ trở lại căn nhà 198 đường Hồng-Thập-Tự nữa.

Sinh ở Đây Thì Chết Cũng ở Đây

Vào năm chót của nền Đệ-Nhị Cộng-Hòa, LS Tuyên được bầu làm Thủ Lãnh Luật Sư Đoàn của Tòa Thượng Thẩm Saigon (1975). Trong những giờ phút cuối cùng các luật sư đến xin giấy giới thiệu để di tản ra ngoại quốc, LS Tuyên sẵn sàng ký cho họ, nhưng cũng nói với các đồng nghiệp là mình quyết định ở lại. Bà Trần Đạm Phương theo chồng sống tại Mỹ đã được ít lâu, vào ngày 29.4.1975 điện thoại về để thuyết phục cha dời Việt Nam. LS Tuyên đã trả lời: "Thà chết vì bàn tay của kẻ thù còn hơn sống yên thân trong sự khinh thường của đồng bào, của bạn bè, của đồng chí và đồng minh." Khi ô. Bùi Ngọc Lâm, một đồng chí, cùng hai người con trai của LS Tuyên là Trần Tử Thanh và Trần Vọng Quốc đến trao công điện của bộ Ngoại Giao Hoa-Kỳ xác nhận đã dành đủ chỗ cho cả gia đình di tản, LS Tuyên đã khẳng định rằng mình "...không phải là người đi làm bồi cho Mỹ. Sinh ở đây thì chết cũng ở đây..." Tuy nhiên LS Tuyên cho phép các con được tự do quyết định theo ý muốn của mỗi người.

Ngày17.6.1975, nhà cầm quyền Hà-Nội đã bắt LS Tuyên vào "trại cải-tạo" tại Long-Thành. Khi bị bắt buộc viết bản tự kiểm thảo, LS Tuyên vỏn vẹn chỉ viết có mấy hàng chữ dưới đây:

"Tôi không có tội gì với tổ quốc và đồng bào của tôi cả. Nếu có tội thì đó chỉ là tội chống cộng sản, chống thực dân, chống độc tài và bất công."

Khi những hàng chữ này lọt ra ngoài lãnh thổ VN và xuất hiện trên các báo chí ngoại quốc, Ký giả Theodore Jacqueney trên trang nhất của tờ báo *New York Times* ra ngày 17.9.1976 đã gọi LS Tuyên là "Solzhenitsyn của Quần Đảo Ngục Tù Việt Nam" (Solzhenitsyn of Vietnam's Gulag Archipelago). Đến ngày 5.10.1975, nhà cầm quyền Hà-Nội đã đưa LS Tuyên về một trại giam ở Thủ Đức. Đến tháng 4.1976 LS Tuyên được di chuyển bằng máy bay ra miền bắc và bị giam trong trại Hà Tây sau này đổi tên là Hà Sơn Bình. LS Tuyên chết đột ngột trong trại giam này vào ngày 26.10.1976. Khi qua Pháp vào tháng 6.1977 để xin viện trợ, Thủ Tướng Phạm-Văn-Đồng tuyên bố là ô. Trần-Văn-Tuyên vẫn sống và khoẻ mạnh, vì sợ công luận thế giới. Năm 1977, Hội Ân Xá Quốc Tế tuyên xưng LS Tuyên là một tù nhân lương tâm. Đến ngày 19.5.1978, tòa Đại Sứ Hà Nội tại Hòa Lan chính thức trả lời các tổ chức nhân quyền quốc tế là ô. Trần Văn Tuyên đã chết vì băng huyết ở trong não bộ. Trong số những người chứng kiến và đã mô tả cái chết đột ngột của LS Tuyên đã di tản khỏi Việt-Nam và đã sống ở hải ngoại là các ông Phan Vỹ, Thái-Văn-Kiểm [36], BS Trần Vỹ [37] và BS Nguyễn-Văn-Ái [38].

Kết Luận

LS Trần Văn Tuyên đã dành cả cuộc đời của mình để tranh đấu cho nền độc lập của đất nước và quyền tự do và hạnh phúc của dân tộc. Một cuộc tranh đấu bền bỉ, mãnh liệt, nhưng lại ôn hòa dựa trên căn bản dân quyền và nhân quyền, lấy ngòi bút, tiếng nói, diễn đàn quốc hội và luật pháp làm công cụ để đấu tranh. Chỉ tiếc rằng khi chết đi, ước mộng của ông chưa thành. Sự ra đi của LS Tuyên là một mất mát to lớn cho tổ quốc Việt Nam. Ông đã để lại trong lòng mọi người, cả bạn lẫn thù, một niềm tôn kính sâu sa. Ông đã đi vào lòng đất mẹ do sự chọn lựa của chính mình, đã đi theo Nguyễn Thái Học và để lại tấm gương oai hùng muôn đời cho các thế hệ mai sau. Tác giả xin mượn lời nhắn nhủ của chính LS Trần Văn Tuyên viết trong Hồi Ký Hội Nghị Genève 1954 để kết thúc bài tiểu-sử này:

"Nhắc lại quãng lịch-sử quá khứ ... tôi mong các bạn nhớ bài học lịch sử để hiểu sự việc ngày nay và chuẩn bị công việc ngày mai, để sẵn sàng ứng phó với những biến cố lịch-sử ."

Hoa-Thịnh-Đốn, 15.09.2006

[1] Nguyễn Tường Bách là em của nhà văn Nguyễn Tường Tam bút hiệu Nhất Linh trong nhóm Tự-Lực Văn-Đoàn.

[2] Chính-Đạo Vũ Ngự Chiêu, "Việt Nam Niên Biểu 1939-1975", Văn-Hóa, 1996. Cũng theo tài liệu này, vua Bảo Đại vào ngày 15.6.1945 xuống dụ thành lập Hội-Đồng Thanh-Niên, chỉ định ô. Hoàng-Đạo-Thúy làm chủ-Tịch, ô. Trần-Duy-Hưng và ô. Tạ-Quang-Bửu làm Phó Chủ-Tịch.

[3] Nguyễn-Ngọc-Bích, "Trần-Văn-Tuyên và Lý Tưởng Nhân Quyền ở Việt-Nam," diễn văn đọc trong buổi lễ tưởng niệm 20 năm cố LS Tuyên tại George Mason University, Law School, Virginia, 1996.

[4] Hương-Giang Thái-Văn-Kiểm, "Việt-Nam Gấm Hoa," Làng Văn, Canada, 1997.

[5] Trần-Văn-Tuyên, "Người Khách Lạ," Sáng Tạo, Saigon, 1968.

[6] Bà Trần-Thị-Phúc mất năm 1959 tại Saigon. Bà Phạm-Thị-Côn là người vợ thứ hai của LS Tuyên.

[7] Paul Hendrickson, "The Living and the Dead - Robert McNamara and Five Lives of a Lost War", Alfred A. Knopf Publisher, New York, 1996.

[8] Viện Vận-Động Dân-Chủ Cho Việt-Nam, "Tiểu-Sử Trần-Văn-Tuyên", Washington D.C., Mùa Đông 1988.

[9] Jean Sainteny, "Histoire d'une Paix Manquée", Amiot-Dumont, Paris 1954 (t. 171).

[10] Theodore Jacqueney, "They Are Us, Were We Vietnamese", WorldView April 1977.

[11] Ô. Võ-Thành-Minh bị mất tích trong biến cố Tết Mậu Thân, 1968 tại miền Trung.

[12] Trần-Văn-Tuyên, "Hồi Ký Hội-Nghị Genève 1954", Nhà Xuất Bản Chim Đàn, Saigon, 1954.

[13] Ô. Hoàng-Nguyên làm thông-dịch-viên cho phái-đoàn Dân-Chủ Cộng-Hòa Việt-Nam.

[14] Xin xem xuất xứ ở chú-thích 10.

[15] Bùi-Ngọc-Lâm, Bút Ký "30 Năm Với Lãnh-Tụ Cách-Mạng Trần-Văn-Tuyên", Đặc San Vận-Động Dân Chủ Cho Việt-Nam, Washington, D.C., 1988.

[16] Tôn Thất Thiện, "Anh Tạ Quang Bửu ", Bạch Mã, Cypress - California, 1996.

[17] Ô. Tạ Quang Bửu (1910-1986) từng giữ chức vụ Thiếu tướng Quân đội Nhân Dân, Thứ trưởng Quốc Phòng và Bộ-Trưởng Bộ Đại-Học.

[18] Thành Tín Bùi Tín, "Hoa Xuyên Tuyết", Nhà Xuất Bản Nhân Quyền, Saigon Press, Irvine, California 1991.

[19] Stanley Karnow, "Vietnam : A History" , Penguin Books, New York 1997.

[20] Nguyễn-Hữu-Chung, "Nhớ Anh Trần-Văn-Tuyên", Báo Tiếng-Chuông, Montreal, Canada 5.1997.

[21] Báo chí gọi là nhóm Caravelle.

[22] Ô. Bùi-Diễm có mặt trong buổi họp ở khách-sạn Caravelle, tham dự vào việc soạn thảo nhưng không ký vào lá thư gửi Tổng Thống Ngô-Đình-Diệm.

[23] Trái với một số tài liệu đã viết sai rằng LS Tuyên bị đầy ra Côn-Đảo.

[24] Bui Diem with David Chanoff, "In the Jaw of History", Houghton Mifflin Company, Boston 1987.

[25] Xin xem xuất xứ liệt kê ở chú-thích số 15.

[26] Xin xem xuất xứ ở chú thích 19.

[27] Tiziano Terzani, "Giai-Phong - The Fall and Liberation of Saigon", St. Martin's Press, New York 1976.

[28] Xin xem xuất xứ liệt kê ở chú-thích số 15.

[29] Trích trong diễn-văn của ô. Tạ-Quang-Trung đọc trong buổi lễ tưởng niệm 20 năm cố LS Tuyên Tuyên được tổ chức tại George Mason University Law School, Virginia, 1996.

[30] Lý Tòng Bá, "Hồi-Ký 25 Năm Khói Lửa, của Một Tướng Cầm Quân Tại Mặt Trận", 1996.

[31] Xin xem xuất xứ ở chú thích 24.

[32] Văn-Tiến-Dũng, "Our Great Spring Victory - An Account of the Liberation of South Vietnam", Monthly Review Press, New York 1977.

[33] Vo-Nguyen-Giap, "The Military Art of People War, Selected Writings of General Vo-Nguyen-Giap", edited by Russell Stetler, Monthly Review Press, New York 1970.

[34] Trích trong diễn văn của ô. Bùi Diễm đọc trong buổi lễ tưởng niệm 20 năm cố LS Tuyên được tổ chức tại George Mason University, Law School, Virginia, 1996.

[35] Korea Herald, September 27, 1972.

[36] Xin coi chú-thích số 9.

[37] P.V. Tran, "Prisonner Politique Au Viet-Nam,1975-1979" , Editions L'Harmattan, Paris, 1990.

[38] Văn-Uyên (Nguyễn-Văn-Ái), "Luật Sư Trần-Văn-Tuyên - Tấm Gương Bất Khuất", trong Thư Mục Y Giới.

VÀI LỜI TƯỞNG NIỆM CHIẾN HỮU KIÊN CƯỜNG
TRẦN VĂN TUYÊN

NGUYỄN TƯỜNG BÁCH

Nhắc đến tên bạn Trần Văn Tuyên, tôi lại bồi hồi nghĩ tới những ngày xa xưa bảy mươi năm trước, trong một thời kỳ cực kỳ gian nan và hỗn loạn đầy bi kịch, một thời kỳ chuyển tiếp vô cùng quan trọng đối với lịch sử nước nhà, với sự đối chọi của nhiều yếu tố, nhiều thế lực ảnh hưởng tới mệnh vận của cả dân tộc và cả nhân loại nữa.

Đó là thời kỳ 30 – 40 của thế kỷ trước, sau cuộc khởi nghĩa oanh liệt Yên Bái do anh hùng Nguyễn Thái Học lãnh đạo Việt Nam Quốc Dân Đảng cử hành, đất nước vẫn còn bị thực dân Pháp thống trị trong ách nô lệ tàn bạo. Vì thế dân chúng vẫn tiếp tục đấu tranh, trong đó gồm nhiều thanh niên bất khuất, không nề nguy hiểm. Anh Tuyên là một tiêu biểu trong những thanh niên ấy.

Anh học trường Luật, còn tôi học trường Thuốc, hay nói đúng hơn, Y khoa Đại học. Nhưng nói chung có một Tổng hội Sinh viên. Tôi đã có năm được bầu vào ban Chấp Hành, và anh cũng vậy, tôi không nhớ vào năm nào. Tổng hội Sinh viên có cử hành những hội họp, hoạt động chung, nên chúng tôi cũng nhiều khi gặp nhau. Khi trò chuyện, tôi thấy anh không giống nhiều sinh viên khác chỉ quan tâm đến học hành đỗ đạt, mà hay quan tâm đến vấn đề đất nước, xã hội. Anh tỏ ra hận ghét bọn thực dân, cũng bất bình trước những bất công, đau khổ trong xã hội. Vì vậy, trong những lúc trao đổi ý kiến, chúng tôi có nhiều quan điểm giống nhau. Nhiều khi, anh ngỏ ý muốn làm những điều gì thực tế, có ích cho xã hội và đất nước hơn là chỉ chúi đầu vào sách vở, thi đỗ rồi ra làm quan...

Ở đây, tôi xin nói thêm là ngày đó, tôi đã gia nhập đảng Đại Việt Dân Chính do anh Nguyễn Tường Tam sáng lập, với mục đích đánh đuổi thực dân. Đảng này về sau đã sát nhập vào Việt Nam Quốc Dân Đảng. Còn anh Tuyên cũng đã gia nhập Việt Nam Quốc Dân Đảng, vào năm nào tôi không rõ.

Thời cục biến chuyển rất nhanh không ai ngờ tới. Năm 1945, quân Nhật đầu hàng. Tháng Tám, Việt Minh cộng sản cướp chính quyền, thành lập nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, nhưng thực ra đó là một chế độ độc tài cộng sản. Phe quốc gia vì chậm chạp, bỏ lỡ thời cơ, đã rơi vào nguy cơ bị tiêu diệt.

May có quân Tưởng Giới Thạch kéo vào với nhiệm vụ tiếp thu quân Nhật đầu hàng, nên Việt Minh chưa dám ra tay. Với sự dàn xếp của Hoa quân, một Chính phủ Liên Hiệp Kháng Chiến ra đời, với Chủ tịch là Hồ Chính Minh, phó Chủ tịch là Nguyễn Hải Thần, và bộ trưởng bộ Ngoại Giao là Nguyễn Tường Tam. Anh Trần Văn Tuyên được cử làm Chánh văn phòng bộ Ngoại Giao.

Phe quốc gia dù sao vẫn còn rất yếu so với phe cộng sản. Cần phải tăng cường lực lượng của Việt Nam Quốc Dân Đảng, nên quyết định tổ chức hàng ngũ thanh niên. Do đó, với đề nghị của tôi và một số anh em, đảng thành lập Quốc gia Thanh niên Đoàn.

Tôi được cử làm đoàn trưởng, hai anh Trần Văn Tuyên và Phan Kích Nam làm phó đoàn trưởng. Rồi sau có các anh như Mai Ngọc Liệu, Hoàng Tích Thông v.v... Do cố gắng thúc đẩy của anh Tuyên, đoàn Thanh niên Quốc gia phát triển nhanh chóng không ngờ. Sau đó, vì tình thế cấp bách, đoàn phải rời Hà Nội để lên Đệ Tam khu, tới Việt Trì.

Từ đó, do Việt Minh tấn công tới tấp, chúng tôi phải bỏ Việt Trì, rút lên Yên Bái. Cuối cùng, cũng phải rời khỏi đất nước. Về sau, tôi rất ít nghe được tin về anh Tuyên và các anh em khác tại Việt Nam.

Khi nhận được tin buồn về anh đã rời bỏ cõi đời, lòng tôi không khỏi bồi hồi xúc động. Thời đại chiến tranh ly loạn, sống chết cũng là sự thường thôi. Nhưng anh Tuyên là người thân mến của tôi từ thủa trẻ, lại là chiến hữu đã đồng cam cộng khổ, trải qua bao hoàn cảnh nguy nan, khiến tôi không thể không ngậm ngùi trước cái chết quá sớm trong hoàn cảnh bi đát của anh, một chiến hữu bất khuất, một nhân tài của đất nước.

Hình ảnh anh Trần Văn Tuyên sẽ sống mãi trong lòng mọi người Việt Nam, trong lòng dân tộc.

9-06

Tấm Gương Bất Khuất

BS VÂN UYÊN NGUYỄN VĂN ÁI

Trời Thu miền Bắc sáng dậy đã thấy lạnh. Ông bạn đồng cảnh ngộ nằm bên tay mặt thấy tôi cựa mình liền bắt chuyện: "Sáng nay nghe Trần Văn Tuyên thuyết trình đây! Đề tài thật hiếm, không biết anh ta sẽ xoay sở ra sao?"

Phải! Đề tài hiếm thật: *Những đảng phái phản động ở miền Nam Việt Nam.*

Từ gần tuần nay Trần Văn Tuyên đã phải bị gọi đi làm việc với những cán bộ giảng huấn để được hướng dẫn phải nói những gì và không nên nói những gì.

Tôi được nghe nói tới Trần Văn Tuyên từ khi còn ở trại Long Thành trong Nam. Tại đây khoảng 3000 người thuộc chế độ cũ được tập trung để bắt đầu học tập cải tạo. Trong một buổi học, đang ngủ gà ngủ gật ngồi chen vai thích cánh trên những băng gỗ mộc ọp ẹp bẩn thỉu, chợt mọi người như được đánh thức dậy chăm chú nghe, khi cán bộ thuyết trình viên oang oang qua các loa phóng thanh về một số bài của các cải tạo viên đã nộp, trong đó có bài của Trần Văn Tuyên.

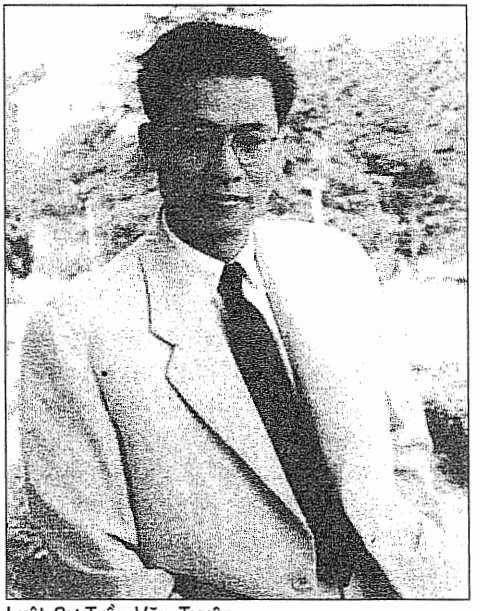

Luật Sư Trần Văn Tuyên

(...) Sau khóa học vừa qua các anh đã làm những bài đúc kết về bản thân của mình (...). Trong đại đa số các bài chúng tôi đã nhận thấy có những biến chuyển tốt. Cứ tiến theo đà này các anh sẽ sớm được trở về đoàn tụ với gia đình.

Tuy nhiên còn một số ít bài mà chúng tôi cần phải nêu lên để chúng ta cùng nhau phân tích với mục tiêu là giúp các người viết các bản này tự biết suy nghĩ chín chắn hơn, sớm giác ngộ về tội lỗi của mình là con đường duy nhất để có thể nhận chân đâu là chính nghĩa.

Trong số những người này có trường hợp của Trần Văn Tuyên."

(...)

Mãi đến khi chuyển ra Bắc vào trại Hà Sơn Bình tôi mới gặp lại Trần Văn Tuyên (...)

Vì chúng tôi tuy cùng ở một khu nhưng ở hai nhà khác nhau nên những dịp gặp nhau và chuyện trò rất hiếm và ngắn ngủi.

Tôi còn nhớ anh có dặn tôi như một luật sư nói với thân chủ: *"Đối với cộng sản nó muốn hành mình thế nào cũng được, nhưng mình đừng giúp nó có thêm bằng chứng giấy trắng mực đen để kết tội mình. Trong những tờ khai báo chỉ nên ghi tối thiểu những hoạt động công khai mà ai cũng biết, ngoài ra cứ lờ đi. Nếu không nó sẽ khai thác liên miên không biết bao giờ mới chấm dứt."*

Sau ngày đó tôi không còn được nói chuyện với anh cho tới khi tôi được chứng kiến cái chết của anh.

(...)

Sáng hôm đó cũng như mỗi sáng trước khi nghe thấy tiếng kẻng đánh thức dậy để xếp chăn màn chờ cán bộ tới mở khóa mở xích cửa, để mọi người ra sân tập thể dục, ở trong nhà đã nghe thấy tiếng xì xào nói chuyện, tiếng hút thuốc lào, tiếng guốc dép của những người đi vào nhà cầu.

Tôi cũng vươn vai ngồi dậy đáp lời anh bạn láng giềng: *"Khỏi lo! Không phải là lần đầu tiên Trần Văn Tuyên thuyết trình."* Mồm thì nói vậy nhưng lòng tôi không khỏi ái ngại vì được biết Trần Văn Tuyên đã thố lộ với một vài người bạn về cái thế kẹt mà cộng sản đang gài bẫy cho anh.

Chúng tôi tuy ở hai nhà nhưng cùng chung

một cái sân rộng được ngăn đôi bởi một bức tường mỏng cao quá đầu người, được thông qua một cửa tò vò vừa ba người đi lọt, lúc thường cấm cải tạo viên qua lại. Ở cuối mỗi khu sân là một bể nước để mọi người tắm rửa, giặt quần áo.

Trong khi hàng trăm cải tạo viên đang xếp hàng ngang, hàng dọc để sửa soạn tập thể dục, có người đang nhảy nhảy tại chỗ cho dãn gân cốt nóng người, có người co ro run rẩy vặn lưng xoa bóp chân tay cho đỡ lạnh, thì tôi chợt thấy qua cửa tò vò về phía sân nhà bên cạnh Trần Văn Tuyên trong bộ quần áo ngủ, tay cầm đồ đánh răng rửa mặt đi về phía cán bộ, rồi khi cách cán bộ độ hai thước dừng lại và nói gì như xin phép được miễn thể dục, để đánh răng rửa mặt trước mọi người và chuẩn bị cho buổi thuyết trình, sáng hôm đó. Cán bộ làm mặt khó khăn, nghiêm nghị rồi hất đầu bằng lòng. Thế là Trần Văn Tuyên một mình lững thững đi về phía trước bể nước.

Buổi tập thể dục đã bắt đầu và từ đó tôi không còn để ý theo dõi, nhưng vì mọi người đều quay mặt về phía những bể nước nên thoảng hoặc tôi cũng lờ mờ thấy bóng dáng Trần Văn Tuyên ở xa xa.

Theo những người ở hàng đầu gần bể nước về phía Trần Văn Tuyên đứng khí trời hôm đó tuy không buốt nhưng cũng lạnh, thế mà Trần Văn Tuyên không những đã đánh răng, rửa mặt lại còn lau cả mình và gội đầu. Họ đã ngại Trần Văn Tuyên sẽ bị cảm vì biết anh người không được khỏe vẫn thường uống thuốc do anh mang theo.

Sau buổi thể dục, ăn sáng, quét dọn phòng, làm vệ sinh cầu tiêu, mặc quần áo cải tạo chỉnh tề, mọi người xếp hàng tuần tự đi về phía phòng cuối ở dãy nhà bên phải cũng là phòng giam, nhưng hôm nay biến thành hội trường.

Khi chúng tôi những người ở dãy nhà mé trái đi qua cửa tò vò tới phòng, đã thấy những anh ở nhà bên phải ngồi suốt một dọc dài, từng hàng ba bốn người một, sít sát nhau bên dãy phản gỗ phía trước mặt cửa phòng.

Chúng tôi vào ngồi trên dãy phản bên ngoài mặt nhìn ra phía trước cửa, tại đó ở đầu hành lang, giữa hai dãy phản được kê một chiếc bàn nhỏ và ba cái ghế để dành cho cán bộ giảng huấn và hai cán bộ phụ trách hai nhà, hai dãy phản phía trước được bỏ trống.

Sau phần thủ tục mở đầu buổi họp, cán bộ giảng huấn lên nói về kết quả khóa học vừa qua và ý nghĩa của buổi họp hôm nay như phần thực tập các khóa học, rồi nhường lời cho hai cải tạo viên được họ tín cẩn gọi là nhà trưởng đại diện các cải tạo viên thuộc về hai nhà nói về ưu khuyết điểm trong sinh hoạt tuần qua của các cải tạo viên. Tiếp theo phần này sẽ tới Trần Văn Tuyên thuyết trình.

Trong khi một nhà trưởng đang gân cổ nói mà chẳng ai buồn nghe, bỗng có tiếng ồn ào ở dãy phản bên phải phía gần đầu phòng cạnh một cửa sổ qua chấn song sắt thấy rung rinh theo gió trên dây phơi những quần áo giặt của các cải tạo viên ở mé sân sau.

Thuyết trình viên yêu cầu giữ yên lặng và trật tự thì có tiếng đáp *"có người sỉu."* Các cán bộ người bắc hình như không hiểu *sỉu* là gì nên châu đầu hỏi các nhà trưởng. Cả phòng nhốn nháo nhất là những người ngồi xa ở cuối phòng đều nhấc đít ngẩng cổ hoặc đứng lên phản để nhìn, có người táo bạo bước hẳn xuống phản đi lên để xem có chuyện gì.

Một cán bộ lớn tiếng kêu mọi người ai nấy phải ngồi yên tại chỗ, rồi năm cán bộ nhà trưởng đi về phía có sự ồn ào lúc đầu. Lúc đó tôi ngồi ở quãng giữa dãy phản bên phía đó thấy khá rõ một người đang ngồi gập mình xuống, hai bên có người đỡ, lại thêm có người xoa ngực, xoa lưng, bôi dầu cù là vào cổ, vào trán, vào mang tai. Tôi nghe thấy tiếng xì xào: *"Chắc Trần Văn Tuyên bị cảm gió."*

Một cán bộ bảo các người đang đỡ Trần Văn Tuyên đặt anh nằm xuống và yêu cầu những người kế bên ngồi xích ra xa. Tôi thấy Trần Văn Tuyên nằm thẳng đơ, mắt nhắm, mồm mở to, thở khò khè. Tên cán bộ lấy tay đập vào người, vào tay, vào mặt Trần Văn Tuyên và gọi: "Anh Tuyên! Anh Tuyên!", nhưng anh không trả lời. Sau khi làm đủ mọi cách không thấy anh tỉnh lại, cán bộ cho đi gọi tên phụ trách y tế của trại.

Trại Hà Sơn Bình ngoài khu tù cải tạo lúc đó gồm khoảng hai trăm người, còn nhiều khu khác của tù thường phạm trên một ngàn người và ban y tế toàn trại chỉ có một y tá già và hai phụ tá y tế trẻ.

Một lát sau hai phụ tá trẻ đi lên nói anh phụ trách y tế đi công tác vắng. Các cải tạo viên lo lắng sức khỏe của Trần Văn Tuyên đề nghị với cán bộ, trong số cải tạo viên có vài bác sĩ xin để họ khám cho Trần Văn Tuyên. Cán bộ chấp thuận và để cho một anh bác sĩ tới khám. Sau khi khám xong anh bác sĩ này nói gì tôi không nghe rõ, nhưng thấy cán bộ bảo hai tên phụ tá

chuyển Trần Văn Tuyên về phòng y tế. Hai tên này trở về phòng mang lên một tấm ván. Anh em cải tạo viên phụ giúp đặt Trần Văn Tuyên lên tấm ván lấy chăn của anh đắp lên người rồi hai tên phụ tá khiêng tấm ván từ từ đi ra cửa.

Lúc đó lòng tôi nao nao nhưng tôi không ngờ hình ảnh anh nằm trên một tấm ván, sau chúng tôi biết là cánh cửa phòng y tế mà hai tên phụ tá đã tạm gỡ để mang lên khiêng anh về phòng, lại là hình ảnh vĩnh biệt cuối cùng mà tôi thấy về anh.

Không ai được theo anh về phòng y tế. Cán bộ giảng huấn tuyên bố buổi họp hôm đó chấm dứt. Ai về phòng nấy trong trật tự và các nhà trưởng cho phân phát sách báo để mọi người đọc trong ngày.

Câu chuyện Trần Văn Tuyên bất thình lình hôn mê giữa hội trường là đầu đề cho mọi người to nhỏ với nhau suốt ngày, buồn thương cho số phận của Trần Văn Tuyên, đặt nghi vấn, băn khoăn không biết anh được chạy chữa ra sao, trong hoàn cảnh tù mà đau nặng như vậy thì dữ nhiều lành ít.

"Buổi sáng trời lạnh, người yếu lại phong phanh lau mình gội đầu cạnh cửa sổ, bị trúng gió là cái chắc!", một cải tạo viên đạo mạo, tóc bạc, nguyên là đảng viên đảng Dân Chủ, vốn là đông y sĩ bày tỏ ý kiến như vậy.

Có người lại nói: *"Cảm thật hay cảm ngoại giao để khỏi phải thuyết trình?"* ý kiến này bị phản đối dữ: *"Bất tỉnh hẳn hòi đến giờ này còn chưa tỉnh, nhất định không phải cảm vờ."*

Người ngồi cạnh Trần Văn Tuyên về phía cửa sổ kể lại: *"Đang tự nhiên tôi thấy Trần Văn Tuyên gục mặt xuống ngã về phía trước. Tôi vội đỡ Trần Văn Tuyên dậy và nghe thấy anh nói: Không sao! Không sao! Nhưng sau đó anh bất tỉnh luôn."*

Đến giờ cơm trưa anh em truyền tai nhau tin tức do những người đi công tác bên ngoài qua phòng y tế kể lại: *"Trần Văn Tuyên vẫn nằm cong queo trên chiếc chõng tre chẳng thấy ai chữa chạy gì!"*

Phòng y tế được gọi như vậy, nhưng thật ra chỉ là một lớp nhà tranh nền đất, bên trong kê vừa đủ chỗ cho một chiếc chõng tre, một cái bàn ọp ẹp, một chiếc ghế và một tủ thuốc đựng lèo tèo một vài món thuốc tây y: thuốc cảm, thuốc ho, thuốc đau bụng, thuốc bổ do bộ Y tế Bắc Việt chế tạo với liều độ không quá một phần mười liều độ quốc tế, một ít thuốc của khối xã hội chủ nghĩa, còn lại toàn là thuốc đông y: thuốc tễ, thuốc tán lá cây, rễ cây phơi khô...

Anh bác sĩ "ngụy" khám Trần Văn Tuyên buổi sáng cho chúng tôi biết Trần Văn Tuyên bị hôn mê vì đứt gân máu ở não, bệnh tình nặng lắm cần phải được đưa đi bệnh viện cấp cứu.

Được biết tin tức như vậy các cải tạo viên thuộc cả hai nhà đều lo lắng và thúc dục các nhà trưởng phải trình lên các cán bộ phụ trách nhà, để đề nghị với trưởng trại cho Trần Văn Tuyên được nhập viện.

Các cán bộ phụ trách lúc đầu còn trả lời đó là trách nhiệm của phòng y tế, nhưng về sau nhận thấy toàn thể các cải tạo viên đều xúc động và nôn nóng nên đã phải báo cáo lên ban lãnh đạo trại và sau đó thông báo cho các cải tạo viên biết Trần Văn Tuyên sẽ được đưa đi điều trị tại bịnh viện Hà Đông.

Trong số các anh em tận tình theo dõi bệnh tình của Trần Văn Tuyên có một anh sốt sắt nhất tạm gọi là Hùng, nguyên là luật sư, dân biểu và tự nhận là học trò của Trần Văn Tuyên. Anh được làm tổ trưởng một tổ lao động, thường có dịp đi chỗ này chỗ nọ, nên mỗi khi thuận tiện đi lại lén ra ngoài lởn vởn qua phòng y tế theo dõi và về nhà kể chuyện với một số anh em để thông tin cho mọi người.

"Chúng nó đã mang Trần Văn Tuyên đi rồi. Thảm lắm các anh em ơi! Chúng nó đặt Trần Văn Tuyên quấn trong một manh chiếu, nằm trên sàn gỗ ở đằng sau chiếc ca-mi-ông cũ rích vẫn dùng để chở gỗ, chở gạo, chở heo, chở đồ cho trại, trống trơn, chẳng có mui che nắng che mưa, chỉ có một thằng phụ tá đi theo nhưng ngồi ở phía trên bên cạnh tài xế."

Mọi người nghe kể đều ngao ngán, thương cho Trần Văn Tuyên và tủi cho thân phận của mình.

Chiều và tối hôm đó chúng tôi không được biết thêm tin tức gì, mặc dù các nhà trưởng và tổ trưởng đều có lân la hỏi chuyện các cán bộ để săn tin.

Sáng hôm sau trong khi mọi người đang tập thể dục thì có tin Trần Văn Tuyên đã chết và xác đã được chiếc ca-mi-ông hôm trước trở về đậu ở ngoài cổng trại. Tất cả mọi người đều xôn xao, riêng tôi tự nhiên nước mắt cứ trào ra cố gắng cầm lại mà không được.

Sau khi các cải tạo viên đã vào nhà và xếp dọn trật tự ở các phòng cán bộ đến nói chuyện: *"Chúng tôi đến thông báo để các anh rõ: anh Tuyên đã không may bị bạo bệnh mà chết. Như*

các anh đã biết các cán bộ phòng y tế và các bác sĩ ở bệnh viện đã cố gắng hết sức chữa chạy cho anh tuyên."

Mạng sống của một người là quý trọng hơn hết, dù phải dùng thuốc đắt tiền đến bao nhiêu, dù phải tốn công đến thế nào các cán bộ y tế thuộc mọi cấp cũng đã không quản ngại để cố cứu sống anh Tuyên. Nhưng vì bệnh tình của anh đã quá nặng nên không còn phương cách nào chạy chữa nổi.

Chúng tôi rất thấu hiểu tình cảm các anh. Cái chết của anh Tuyên làm các anh xúc động. Đó là tự nhiên nó phải như thế.

Nhưng nay chúng ta phải nghĩ đến việc mai táng anh tuyên. Mọi tổ chức vật chất đã có trại chịu trách nhiệm phải lo cho thật chu đáo.

Chúng tôi biết tất cả các anh đều muốn được tham dự lễ an táng anh Tuyên, nhưng trước nhất kỷ luật của trại không cho phép làm như vậy. Hai nữa chúng ta cũng không nên làm xáo trộn sinh hoạt bình thường của toàn trại gồm có khu vực này của các anh, nhưng còn cả các khu thường phạm rất nhiều người hỗn tạp và ngoài ra thêm vào còn có dân làng ở xung quanh trại.

Vì vậy chúng tôi đề nghị các anh chỉ nên cử ra một số anh em đại diện, thí dụ mỗi nhà độ năm người và nếu có ai là gia quyến hoặc thân thuộc của anh Tuyên thì nên để người đó ưu tiên dự đám tang."

Cán bộ nói vậy nhưng khi thực hiện lại tự chỉ định những nhà trưởng và một số tổ trưởng vẫn thường được tín cẩn. Lúc đầu không có tên anh Hùng, nhưng về sau do lời nài nỉ của anh Hùng nói là học trò cũ của anh Tuyên, là chỗ quen biết rất thân với gia đình anh Tuyên vẫn thường lại chơi ăn cơm với cả vợ chồng con cái anh Tuyên, thêm vào lời ủng hộ của các anh em nên cán bộ cũng chấp thuận cho anh Hùng được tham dự.

Các người được cử làm đại diện anh em đi dự lễ an táng anh Tuyên đều được cán bộ ra lệnh phải thay quần áo cải tạo viên của trại là quần áo vải thô nhuộm màu xanh như quần áo của đồng bào Thượng gốc Hoa, để ăn mặc trang trọng lịch sự bận quần áo riêng của mình.

Các người ở lại nhìn theo đám người này đi về phía cổng trại mà ngậm ngùi, lòng nặng buồn, mắt rưng rưng lệ.

Trong khi đó ở buồng bên một cán bộ chứng kiến việc kiểm kê đồ đạc của anh: va li, túi dết, quần áo, vật dụng, thức ăn, thuốc men... cho làm một biên bản kê khai, nói là để gửi vào kho của trại khi nào gia đình anh Tuyên ra thăm sẽ đem trao trả lại.

Anh Tuyên là người thứ nhất bị chết trong số những cải tạo viên được chuyển từ Nam ra Bắc vào trại Hà Sơn Bình. Sự việc này làm giao động tinh thần mọi người, nhất là cái chết của anh lại đột ngột không một ai có thể ngờ nó xảy ra nhanh như vậy, nên không tránh khỏi có những lời bàn tán sôi nổi và nhiều nghi vấn được đặt ra.

Phải chăng anh đã uống thuốc độc tự vận? Trong hành lý của anh có rất nhiều loại thuốc an thần, thuốc ngủ, biết đâu anh không còn dấu mang theo độc dược hiệu nghiệm hơn?

Hay tụi cán bộ lãnh đạo trại đã cho tay sai đầu độc anh vì lập trường của anh có thể gây gương xấu làm trở ngại cho việc cải tạo tư tưởng của toàn trại và làm mất điểm của tụi cán bộ phụ trách?

Mỗi người một ý về lý do bất thình lình ngã gục hôn mê dẫn đến cái chết của Trần Văn Tuyên, nhưng tất cả mọi người đều nhận thấy ở phòng y tế trại Trần Văn Tuyên không được chăm nom chữa chạy gì, đến khi được chuyển đi nơi khác qua một đêm không biết có được săn sóc hơn hay không?

Một không khí nặng nề bao trùm cả khu cải tạo không có một tiếng động nào mạnh. Mọi người nói chuyện thì thầm như trong một gia đình có đám tang. Suốt cả buổi chiều không thấy bóng dáng cán bộ xuất hiện qua cả hai nhà.

Đến xế chiều chúng tôi mới thấy các người đi dự lễ an táng Trần Văn Tuyên trở về, người nào người nấy có vẻ mệt nhọc, quần áo, giầy dép, tay chân dính đầy bùn đất. Anh em xúm cả lại hỏi tin tức nhưng các người này chỉ nói qua loa, rồi hấp tấp ra bể nước ngoài sân rửa tay chân, mặt mũi, về phòng thay quần áo để kịp bữa ăn tối.

Riêng anh Hùng đầu tóc bơ phờ, mắt còn đỏ hoe trả lời đám chúng tôi là những người ở cùng chung buồng với anh: *"Để đến tối về buồng sẽ nói chuyện"*. Và câu chuyện anh kể có thể tóm tắt như sau: *"Khi ra ngoài cổng trại đi về phía dãy nhà ở của bọn cán bộ võ trang canh gác trại, chúng tôi gặp chiếc ca-mi-ông chở đồ của trại đậu gần đó và xác của Trần Văn Tuyên vẫn đặt nằm ở phía sau, bên cạnh một cỗ quan tài màu đỏ.*

Cán bộ bảo chúng tôi nhập quan cho Trần Văn Tuyên. Chúng tôi thấy Trần Văn Tuyên hình

như vẫn nằm nguyên chỗ giống như lúc được chở đi ngày hôm trước. Chúng tôi nghĩ bụng không biết Trần Văn Tuyên có thực sự được đưa vào bệnh viện để cứu chữa hay không?"

Mãi đến gần nửa năm sau chúng tôi mới được nghe một tù thường phạm có người quen làm ở bệnh viện Hà Đông cho biết, Trần Văn Tuyên có được đưa tới bệnh viện nhưng không được nhập viện, vì ở đó coi Trần Văn Tuyên như đã chết và không muốn chịu trách nhiệm về cái chết đó, Trần Văn Tuyên lại được trở về để ở ngoài cổng trực, đến gần sáng hôm sau mới thật sự dứt thở.

Anh Hùng nối tiếp kể chuyện: *"Còn cái hòm quan tài thì thật thảm hại, bằng gỗ tạp bào sơ sài, bên ngoài được quét một lớp nước đỏ không phải là sơn, lại hà tiện gỗ nên chật hẹp phải đặt Trần Văn Tuyên ngoẹo đầu gập chân mới đậy được nắp áo quan."*

(...)

Anh Hùng kể tiếp: *"Quan tài của Trần Văn Tuyên được bốn anh em trong đó có tôi ghé vai khiêng đi theo cán bộ hướng dẫn và các anh em khác xếp hàng tề chỉnh đi sau.*

Từ lúc đầu đến lúc chuyển quan và nhập mộ đều thấy một cán bộ đứng chụp ảnh kỹ lưỡng. Có nhiều cán bộ theo dõi đám táng nhưng họ đều đi bên cạnh, đi trước hoặc đi theo xa ở sau, hình như để tỏ họ không có đi đưa đám nhưng là tò mò để xem, hoặc làm nhiệm vụ canh chừng.

Đi khỏi khu trại chúng tôi thấy toàn đồng ruộng xa xa có những túp nhà tranh trong thôn xóm bên cạnh các lũy tre. Đường ruộng hẹp và trơn thế mà cán bộ dẫn đường cứ đi phăng phăng, hơn hai cây số rưỡi tới một khu vuông vắn đầy mồ mả là khu nghĩa địa của trại, ở đây một số hố sâu đã được đào sẵn, bên cạnh những ngôi mả cũ. Cán bộ bảo chúng tôi nhập mộ và đắp mộ cho Trần Văn Tuyên rồi lại hướng dẫn chúng tôi trở về."

Trong khi kể chuyện nhiều khi anh Hùng xúc động khóc nức nở làm cho cả phòng đều chảy nước mắt theo. Anh Hùng còn muốn nói thêm nhiều chi tiết nhưng chợt nghe thấy tiếng đập ầm ầm vào cánh cửa sổ gần chỗ anh Hùng đứng và tiếng quát tháo của các cán bộ võ trang đi tuần ở ngoài sân: *"Làm gì mà nói chuyện ồn ào ở trong đó! Phải giữ im lặng và đi ngủ ngay đi!"* Rồi đèn điện thấy tắt phụt trước giờ có tiếng kẻng đi ngủ như mọi ngày.

Hôm sau suốt buổi sáng cán bộ giảng huấn tới họp nói chuyện với toàn thể cải tạo viên của cả hai nhà để học tập về cái chết của Trần Văn Tuyên.

Quanh đi quẩn lại vẫn một luận điệu về chính sách nhân đạo khoan hồng của đảng và chính phủ, về bệnh tình quá nặng của Trần Văn Tuyên, về sự tận tâm chữa trị cho Trần Văn Tuyên, về việc làm chu đáo của trại để an táng cho Trần Văn Tuyên đúng theo phong tục cổ truyền của dân tộc. Rồi cán bộ kết luận câu chuyện Trần Văn Tuyên coi như chấm dứt và từ nay cấm không ai được bàn ra tán vào về chuyện này nữa.

Nhưng câu chuyện được truyền nhau trên bia miệng làm thế nào cấm nổi. Nó chỉ có thể tự lắng dịu dần với thời gian. Thế mà hơn một năm sau vẫn còn có người hỏi tôi về Trần Văn Tuyên và người hỏi này lại không phải là cán bộ hoặc anh em đi cải tạo. Nhân một buổi đi lao động ở ngoài đồng về, đang lúc tổ lao động của tôi lững thững xếp hàng đi trên đường về phía cổng trại, bất chợt một toán tù thường phạm ở một con đường ngang, gồm đa số là thanh niên, rẽ tới và đi song song với toán chúng tôi. Tôi nhìn sang phía họ và thấy một thanh niên mặt mày sáng sủa khi đi ngang qua tôi tủm tỉm cười và hỏi: *"Bác có phải là ông Trần Văn Tuyên không?"* Tôi quá đỗi ngạc nhiên nhưng cũng tươi cười không trả lời thẳng mà hỏi lại: *"Tại sao cháu biết tên ông Trần Văn Tuyên?" "Ồ! cháu nghe lóm thấy cán bộ to nhỏ với nhau về ông ta, nên cháu muốn biết mặt."*

Hai bên đang nói chuyện bị cắt ngang ở nay, vì cán bộ võ trang tới gần quát bắt toán thường phạm ngưng lại để nhường cho toán của chúng tôi đi trước, nên tôi cũng không kịp nói cho thanh niên đó biết Trần Văn Tuyên đã chết và hỏi xem cán bộ đã to nhỏ gì về Trần Văn Tuyên.

Trở lại buổi chiều hôm cán bộ đến cho học tập về cái chết mà họ muốn mọi người quên đi, ở phòng có họp tổ bất thường và anh Hùng mất chức tổ trưởng.

Độ một tháng sau anh Hùng cùng vài anh em khác được lệnh chuyển trại. Theo tin cán bộ hở ra cho biết anh bị đổi đến một trại kỷ luật và từ đó đến nay tôi không còn được tin gì về anh nữa.

Sáng sớm hôm thứ tư kể từ ngày anh bạn láng giềng tỏ ý băn khoăn về bài thuyết trình của Trần Văn Tuyên mà không một ai được nghe, một buổi sáng cuối thu năm bảy mươi sáu, qua trấn song sắt cửa sổ nhà tù cải tạo miền Bắc tôi nhìn về hướng Nam thấy hơi sương ban mai nhẹ tựa lông hồng từ từ bay, gặp ánh nắng ngưng đọng thành những hạt long lanh lặng lẽ rơi từ ngọn lá cây như những giọt lệ.

NGƯỜI KHÁCH LẠ

TRẦN VĂN TUYÊN

Tặng những con người Cách Mạng Việt Nam

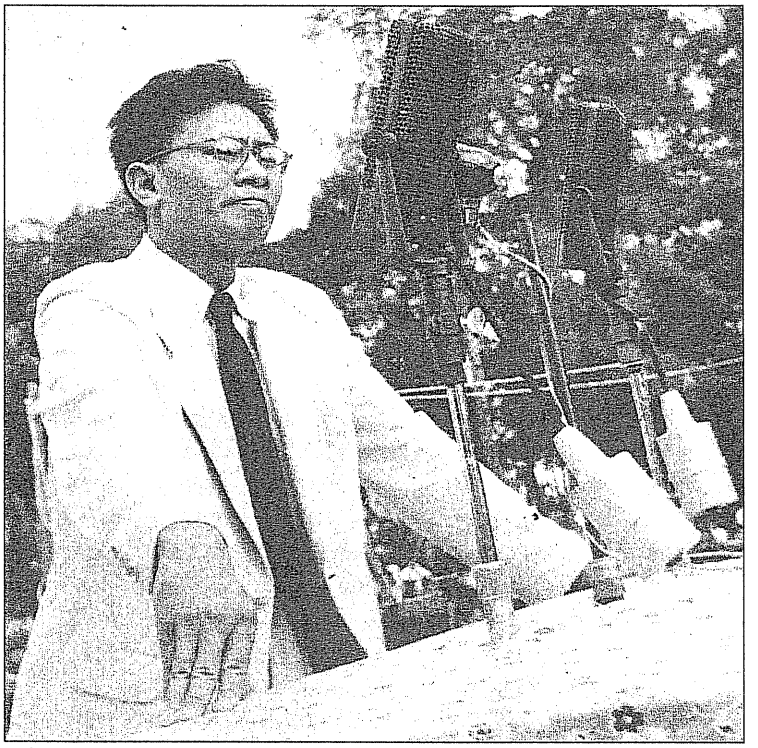

Trần Văn Tuyên thời làm Bộ Trưởng

Đêm nay là đêm trước ngày Quốc-khánh.

Điện vẫn thiếu nhưng đèn thành phố vẫn sáng rực.

Gạo vẫn đắt, nhưng các quán ăn vẫn đầy nhóc; đồ ăn vẫn ê hề; các bar, dancing vẫn tưng bừng; rượu huýt ky, sâm banh vẫn lênh láng...

Trong đêm tối thôn quê, các chiến sĩ, thường dân, vẫn ngã gục trước bom đạn cuộc nội chiến, nhưng đường phố vẫn ròn rã những tiếng cười, nghênh ngang những bộ mặt nhởn nhơ, đắc chí hay "mặc kệ"...

Giữa ồn ào của đô thành, tôi cố kiếm một chỗ ngồi yên tĩnh để nghỉ chân và để "hoàn hồn".

Tôi tới vườn Diên-hồng, ngồi trên một ghế đá.

Đây với kia, chỉ cách một đoạn đường rất ngắn, mà là hai thế giới riêng khác.

Tiếng ầm ĩ vang xa như tận đâu đâu. Mấy nhánh liễu phất phơ, rung rinh trước gió. Một chiếc đò nhè nhẹ lướt trên nước sông đen theo nhịp một mái chèo câm.

Không gian hình như khác.

Thời gian hình như khác.

Tâm tư con người cũng hình như bị lôi kéo vào một thế giới khác lạ.

Tôi giật mình, cảm thấy có người ngồi ngay bên cạnh.

Có lẽ tôi mải vẩn vơ mà không để ý.

Tôi nhìn khách.

Người không tuổi. Bảo là trẻ cũng được. Bảo là già cũng không sai.

Khó nói khách là người Âu, người Á hay người Phi, vì mặt rắn rỏi như gỗ mun, vóc lớn như người Âu, nhưng vẻ mặt lại trầm lặng như một người Á.

Mắt sáng ngời, khách lên tiếng trước, giọng sang sảng, dõng dạc, tự nhiên:

- Chào anh!

Tôi đứng lên, đáp lễ, nhìn kỹ khách.

Vẻ mặt khách, tiếng khách nói, phảng phất quen quen.

Gặp ở đâu ta? ở Thượng-hải? ở Nam-kinh? ở Quảng-châu? ở Vọng-các? ở Paris? ở Londres? ở Rome? ở Genève? ở Le Caire? ở Tunis?

Trên hết, một cảm giác sâu sắc: linh tính tôi nhận thấy khách là người đáng kính.

- Xin lỗi anh, anh ở Saigon hay là một khách lạ ở phương nào tới?

Khách ngần ngừ:

- Tôi không phải là người lạ mà là người lạ; lạ đối với Saigon, lạ bất cứ đối với nơi nào...

- Xin lỗi anh, nay câu "bốn bể một nhà" là một sự thực. Sao anh còn có thể coi mình là người xa lạ bất cứ nơi đâu?

Khách mỉm cười, chua xót:

- Anh nói sao?

"Bốn bể là một nhà" ư?

Nhưng sao nhân loại chia rẽ nhau, chửi rủa nhau, đánh giết nhau?

Anh quên ư? Ngay ở đất nước này, người ta đang đánh giết nhau vì những cái gọi là "lý tưởng"!

Tôi đã đi khắp bốn phương. Tôi đã ở đây hai năm.

Nhưng tôi vẫn thấy mình là người khách lạ, cô khổ, bơ vơ...

Tôi nghĩ lầm khách là người thất nghiệp, lỡ độ...

- Tôi có thể giúp đỡ được bạn chăng? Tôi không giàu, nhưng xin bạn đừng vì khách khí...

Khách gượng cười, nụ cười tàn héo ngay trên môi:

- Cám ơn bạn. Tôi không những cần một người giúp tôi, mà cần tất cả mọi người giúp tôi! Tôi không cần tiền, tôi không cần gạo, tôi không cần nhà. Nhưng tôi cần mọi người giúp tôi về đủ mọi mặt, vật chất, tinh thần...

- Nỗi bơ vơ cô khổ của bạn nhường bao mà lại nói vậy! Nếu bạn cần một chỗ nương thân, tôi có thể kiếm giúp bạn một nơi tạm trú.

- Tôi đã đi khắp các nơi quán trọ; đã ở nhiều lâu đài, dinh thự cũng như nhà tranh, chòi lá, ngục tối, trại giam. Tôi đã trải khắp các vùng đồng bằng rừng núi, bưng biền, ở Âu, ở Á, ở Phi, ở Mỹ...

Tôi tới đâu, ai cũng tưng bừng đón rước. Nhưng người ta chỉ tưng bừng đón rước được buổi ban đầu. Không ai dám chứa tôi lâu, nên tôi không có chốn dung thân, không có nơi gieo ý, không có đất xây dựng. Tôi không đòi ăn. Tôi đòi người ta nghe tôi, nghe lẽ phải. Tôi không tuyệt vọng, tôi chỉ thất vọng. Tôi không mệt, không cần chỗ nghỉ ngơi; tôi muốn có một căn cứ làm việc, sáng tác và xây dựng một tương lai yên vui cho mọi người...

Tôi lặng yên nghe. Rồi tự nhủ thầm:

"Người sao quái lạ! Nói khôn mà hình như điên."

Khách như đoán được ý tôi:

- Tôi điên thực bạn ạ. Nhưng con người dù điên cũng còn cảm thấy bơ vơ. Vì lòng con người trống rỗng!

Tôi ngỏ ý mời khách về nhà chơi. Khách đáp:

- Tôi đã đến nhà bạn rồi. Tôi đã đến nhà tất cả mọi người như bạn rồi. Tôi đã đến mấy chục lần, mấy trăm lần. Nhưng chuyện chỉ là chuyện suông. Câu chuyện trà dư tửu hậu nào có ích gì cho ai?

Đến nữa mà chi!

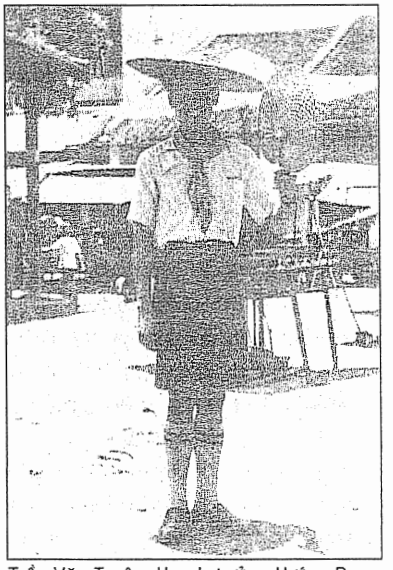

Trần Văn Tuyên, Huynh trưởng Hướng Đạo trong thập niên 30 với tên Rừng: Ngỗng Trắng Ngoài Trời. (Hình chụp tại Lạng Sơn năm 1937)

Tôi chắc khách là người điên thực. Tôi rùng mình. Sương đêm lạnh? Lo sợ mình ngồi với người điên?

Tôi lại nhắc lời mời khách về nhà chơi.

Khách cười gằn:

- Nếu bạn biết tôi là ai chắc bạn chẳng mời tôi nữa?

- Vậy khách là ai?

Khách lên giọng chua chát, nhưng lời nói rào rạt như sóng bể:

- Tôi là Cách Mạng đây!

Tôi tới đây để đạp đổ những thể chế lỗi thời; đập tan những xã hội thối nát, tiêu diệt những tinh thần lạc hậu để rồi xây dựng những thể chế tiến bộ, những xã hội công bằng trong đó người người được sống trong yên vui, sảng khoái vì vật chất, tinh thần.

Tôi đã mang hoang tàn, tang tóc tới khắp nơi, nhưng mục đích tôi theo đuổi không phải là hoang

Phó Thủ Tướng Trần Văn Tuyên với Công Tác Hè 1965

(Thuật lại theo lời kể của Đỗ Ngọc Yến)

"Đầu năm 1965, Nhóm Chủ Trương Chương Trình Công Tác Hè phải đi gõ cửa nhiều cơ quan chính quyền như Bộ Thanh Niên, Bộ Xã Hội, Bộ Giáo Dục để xin được sự chấp thuận và yểm trợ cho chương trình. Về phương diện tài chánh, chương trình được sự tài trợ của Đoàn Thanh Niên Chí Nguyện Quốc Tế (IVS — International Voluntary Service) là một tổ chức đã hoạt động ở Việt Nam từ 1957. Với sự hợp tác và hỗ trợ của IVS vốn là một tổ chức ngoài chính phủ (NGO), Chương Trình Công Tác Hè được sự linh động, độc lập tự trị và sinh hoạt thoải mái phù hợp với tính cách tự nguyện của đông đảo quần chúng thanh niên hơn là bị gò bó trong khuôn khổ của một chương trình do Chính quyền trực tiếp điều khiển, dù là thông qua Bộ Thanh Niên, Bộ Giáo Dục hay Bộ Xã Hội.

"Đây là một lề lối quá mới mẻ đối với nhiều vị lãnh đạo các Bộ nói trên, do đó, Nhóm Chủ Trương chúng tôi gặp sự khó khăn, ngập ngừng không dứt khoát chấp thuận của phía Nhà Nước. Chỉ đến khi chúng tôi tới gặp Phó Thủ Tướng Trần Văn Tuyên trong nội các của Thủ Tướng Phan Huy Quát, thì chúng tôi mới có được sự thông cảm, khích lệ, mà từ đó đưa đến sự yểm trợ của các cơ quan chính quyền đương thời. Tôi nhớ sau khi nghe chúng tôi trình bày dự án Chương trình Hè, Phó thủ tướng Trần Văn Tuyên suy nghĩ một lúc, rồi nói: "Ba hôm nữa các anh đến gặp tôi." Ba ngày sau chúng tôi đến, thì giấy phép hoạt động đã có sẵn. Nhờ vậy mà Chương Trình Công Tác Hè mới khởi sự được.

"Luật sư Tuyên là người có viễn kiến rộng và rất bén nhạy, thông cảm, khích lệ đối với khát vọng dấn thân nhập cuộc của giới trẻ chúng tôi thời đó."

***Đoàn Thanh Liêm** ghi lại.*

tàn tang tóc mà là xây dựng trên hoang tàn tang tóc cần thiết đó, một kiến trúc nhân quần nguy nga hợp lý, hợp nguyện vọng, ao ước của quần chúng, và phải là đám quần chúng nghèo nàn, dốt nát, bị đè nén, bị bóc lột!

Nhưng người ta chỉ để cho tôi phá hoại, giết chóc gây tang tóc hoang tàn. Không ai để cho tôi xây nhà "công bằng", trồng cây "yên vui" trên hoang tàn, tang tóc.

Sở dĩ như vậy, chỉ là vì lòng người xấu xa, ích kỷ. Và...

Xấu xa ích kỷ chỉ có thể nẩy nở trưởng thành được trong hoang tàn, tang tóc mà thôi!

Giọng khách cương quyết, nhưng mấy giọt lệ long lanh trong khoé mắt, làm dịu hẳn vẻ cứng rắn, bạo tàn của khuôn mặt dày dạn phong sương.

*

Lẳng lặng, chúng tôi đứng lên ra khỏi khu vườn.

Một ánh sáng chói lòa. Tôi giật mình ngẩng đầu nhìn, tưởng lựu đạn hay plát-tích nổ.

Bên cạnh tôi, một đám khói trắng bùng lên.

Tôi nhìn khách. Không thấy khách.

Cũng không phải là lựu đạn hay plát-tích. Cũng không phải pháo bông ăn mừng Cách Mạng thành công.

Ngẩn ngơ, tôi thủng thẳng bước đi.

Mình cảm thấy lòng mình cũng bơ vơ, cô khổ; không có nơi dung thân, không có nơi reo ý, không có nơi xây dựng!

Mình cảm thấy lòng mình cũng buồn thương mênh mang. Như khách, tôi cũng nhận con người mới chỉ thấy hoang tàn, tang tóc của Cách Mạng mà chưa được thấy phần sáng tạo xây dựng của Cách Mạng.

Tiếng khách vẫn còn văng vẳng;

Tôi chưa mệt. Tôi không tuyệt vọng. Tôi không cần nghỉ... Tôi chỉ muốn xây dựng...

*

Và ngày ngày, mỗi buổi chiều, tôi tới vườn Diên-hồng ngồi đợi khách.

Nhưng Cách Mạng! Anh còn đây hay đã đi đâu?

30-10-1965

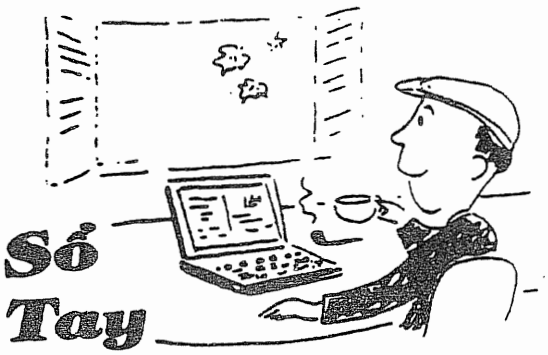

NGÔ NHÂN DỤNG

Giã từ chủ nghĩa Mác

Quan điểm Mác-xít về lịch sử có thể tóm tắt trong câu đầu bản Tuyên ngôn Cộng Sản: "Lịch sử là lịch sử đấu tranh giai cấp." Nhưng mấy năm nay khóa trình lịch sử dậy ở các trường trung học bên Trung Quốc đã bắt đầu thay đổi. Việc thay đổi sách giáo khoa môn sử do ông Chu Xuân Sinh (phiên âm theo Baidu.com), một giáo sư Đại học Sư Phạm Thượng Hải chủ trương. Năm 1998 Đại học Sư phạm Thượng Hải đã lập ra một nhóm chuyên về "Sách Giáo khoa lịch sử bậc Trung học." Trong bài "Các quy tắc hướng dẫn về việc dậy sử ở các trường trung học trong tế kỷ 21," đưa ra vào tháng Sáu năm 1999, Chu Xuân Sinh đã đề nghị thay đổi cách dậy sử. Xưa nay, trong sách giáo khoa của cộng sản Trung Quốc và Việt Nam, lịch sử vẫn được chia ra làm năm thời kỳ theo đúng sách vở Mác-xít: Thời kỳ xã hội Nguyên thủy, xã hội Nô lệ, xã hội Phong kiến, xã hội Tư bản, và sau cùng là chế độ Xã hội chủ nghĩa. Nay Chu Xuân Sinh, một sử gia chuyên về lịch sử văn minh tây phương, đề nghị chia lịch sử với các thời kỳ văn minh: Văn minh Tiền Canh nông, Văn minh Nông nghiệp, Công nghiệp, và Hậu công nghiệp mà trong đó có cuộc cách mạng tin học. Sự thay đổi này có tính cách nền tảng, từ bỏ luôn duy vật sử quan, cho thấy giới trí thức Trung Quốc dám dứt khoát "Chia tay Ý thức hệ" (chữ của Hà Sĩ Phu, viết ở Việt Nam từ hơn 20 năm trước) trong việc giáo dục con em. Chu Xuân Sinh chịu ảnh hưởng lối dậy "lịch sử toàn diện" mà Fernand Braudel, một sử gia Pháp chủ trương, từ thế kỷ 20.

Dưới thời Mao Trạch Đông, viết sách lịch sử mà bỏ qua không dùng khuôn mẫu "năm thời kỳ xã hội" theo duy vật sử quan thì coi như tác giả khó sống. Tất cả cách nhìn đó nay đã bị xóa bỏ. Trong sách cũ, xã hội dưới đời nhà Nguyên được phân tích gồm bốn giai cấp chính, bây giờ không còn nhắc tới nữa.

Năm 2001 Đại học Sư Phạm lập ra "Trung tâm Nghiên cứu Sách Giáo khoa Lịch sử" để bắt đầu viết lại sách. Từ năm 2003, hai cuốn giáo khoa do nhóm này soạn đã được đem ra dậy thử, ở 50 trường sơ trung và cao trung tại Thượng Hải, sau tăng lên thành 100 trường. Niên khóa này sách mới được chính thức dậy ở các trường ở Thượng Hải, thành phố đông dân nhất Trung Quốc. Các thành phố Bắc Kinh, Quảng Châu và tỉnh Triết Giang cũng đang nghiên cứu thay đổi theo.

Việc thay thế quan niệm "Duy vậy lịch sử" của Karl Marx bằng lối nhìn lịch sử theo quá trình văn minh là một quyết định quan trọng trong chương trình "đổi mới" của những người cầm đầu đảng Cộng Sản Trung Quốc. Việc thay đổi ngay từ đầu đã gặp nhiều ý kiến tranh luận. Nhiều giáo viên chống đối vì họ còn tin tưởng ở lý thuyết Mác-xít về lịch sử. Có người chống vì lo họ sắp phải "học lại" môn lịch sử theo lối mới trước khi dậy học sinh. Nhưng sau cùng sách giáo khoa mới được ban hành cho thấy chủ trương giã từ Mác-xít đã được cấp lãnh đạo cao nhất trong đảng Cộng Sản chấp thuận trước khi đem thí nghiệm ở Thượng Hải.

Mao Trạch Đông là một "nạn nhân đầu tiên" của sự thay đổi. Trong hai cuốn giáo khoa lịch sử mới, chỉ ở bậc sơ trung mới viết rõ về Mao Trạch Đông. Trong cuốn lịch sử bậc cao trung nhằm giới thiệu lịch sử các nền văn minh, lịch sử các phong tục, tư tưởng, thì tên Mao chỉ được nhắc đến một lần trong bài dậy về phong tục "hạ cờ rủ" khi có người chết, lấy thí dụ khi Mao chết năm 1976 thì cả nước treo cờ rủ. Đặng Tiểu Bình, người lái nước Trung Hoa theo hướng mới thì được nhắc đến trong hai cuốn giáo khoa cả hai bậc trung học, nhấn mạnh đến quan điểm ông về cải cách theo kinh tế thị trường.

Bộ sách lịch sử mới có vẻ cân bằng và sát với thực tế hơn, tuy nhiều giáo viên chỉ trích rằng ở bậc cao trung học sinh được học nhiều về lịch sử nhân loại cho nên phần lịch sử Trung Quốc bị giảm đi nhiều và pha trộn chung trong sử thế giới. Chủ nghĩa Xã hội vẫn được mô tả là có tương lai tươi sáng nhưng chỉ được trình bầy như một trong 52 "chủ đề" của cuốn lịch sử bậc cao trung. Cuộc cách mạng "xã hội chủ nghĩa đạo lộ" không được nói nhiều bằng lịch sử cuộc cách mạng công nghiệp và cách mạng tin học. Chúng ta có thể thấy một ý hướng rõ rệt của các nhà soạn sách giáo khoa mới là họ hướng dẫn học sinh Trung Hoa tách xa ý thức hệ cộng sản lỗi thời.

Chính trị vẫn chi phối sách giáo khoa

Nhưng các nhà soạn sách giáo khoa mới vẫn bị chỉ trích là họ còn thiếu tinh thần độc lập. Họ vẫn còn bị giới lãnh đạo chính trị chi phối trong khi lựa chọn các đề tài lịch sử nêu trong sách. Người ta có thể đoán được dụng ý của giới lãnh đạo Trung Hoa bây giờ. Họ đề cao thống nhất và hòa hợp chủng tộc; không muốn nhắc nhở học sinh về những thời kỳ nội loạn ở Trung Quốc; không đề cao các cuộc khởi nghĩa của nông dân như trước đây, và vẫn tránh dùng những chữ "húy kị." Sách chỉ dùng hai chữ "chuyên chế" một lần khi viết về Tần Thủy Hoàng đế, và cũng không nhắc tới hành động đốt sách, chôn Nho sĩ của vị vua nổi tiếng tàn bạo này.

Để đưa ra cho học sinh hình ảnh một nước Trung Hoa thống nhất từ ngàn năm, sách giáo khoa mới không muốn nhắc nhở sự kiện trước đây người Hán đã từng chiến đấu chống lại các dân tộc ở chung quanh, đã bỏ qua các chi tiết mang vẻ xung đột. Ý định "bảo vệ tình đoàn kết" đã dẫn tới những điều phi lý, như việc bỏ qua không đề cao Nhạc Phi, một người nổi tiếng trung thần thời Nam Tống, đã đánh quân Kim nhiều trận đại thắng, sau cùng bị gian thần hãm hại. Văn Thiên Trường với bài "Chính Khí Ca" nổi tiếng cũng bị bỏ qua không nêu tên nữa; vì ông cũng như Nhạc Phi bị coi là chống một dân tộc thiểu số để phục vụ chính quyền phong kiến. Sách mới không nói đầy đủ tới các triều đại do một sắc tộc thiểu số cai trị một phần nước Trung Hoa như triều Bắc Ngụy, nhà Kim, và các triều vua thời Ngũ đại Thập quốc. Vì họ muốn cho thấy một nước Trung Hoa hòa hợp nhiều chủng tộc. Ngược lại, có những chương viết đầy đủ hơn về các cuộc viễn chinh của Ban Siêu đời Hán, bẩy chuyến hải hành của Đô đốc Trịnh Hòa đời Minh (một người Hồi giáo, thế kỷ 15), việc linh mục Matteo Ricci người Ý tới Trung Quốc vào thế kỷ 16, 17, vân vân.

Một chủ ý đáng nêu lên là những người soạn sách giáo khoa lịch sử bây giờ không đề cao những cuộc nổi dậy của nông dân Trung Quốc chống lại chính quyền trung ương như thời Mao Trạch Đông. Họ không nhắc đến những cuộc nổi loạn của Hoàng Sào đời Đường. các cuộc khởi nghĩa Khăn đỏ cuối đời Nguyên, và cuộc khởi nghĩa của Lý Tự Thành vào cuối đời Minh. Cuộc cải cách ruộng đất thời Vương Mãng đời Hán cũng không được nhắc tới.

Dụng ý trên cho thấy một mối quan tâm của những người đang cai trị nước Trung Hoa là không muốn cho thanh niên biết gì về các cuộc khởi nghĩa lật đổ các triều đại thối nát bất lực làm cho nông dân khốn khó. Trong số các cuộc khởi nghĩa của nông dân họ chỉ nhắc tới Trần Thắng và Ngô Quảng vào thế kỷ thứ hai trước Công nguyên, cuối đời nhà Tần, và loạn Thái Bình Thiên quốc vào thế kỷ 19. Ông Chu Xuân Sinh giải thích rằng những cuộc nổi dậy của nông dân thường chỉ thay thế một triều đại phong kiến này bằng triều đại phong kiến khác chứ không tạo được một tiến bộ vật chất nào, không đóng góp vào sự tiến bộ của nền văn minh nhân loại.

Phần "Hiểu biết thế giới" trong cuốn lịch sử cấp cao trung bắt đầu với bài "Văn minh loài người thời sơ khai" và kết thúc với "Tiến tới một nền văn minh thời đại kinh tế toàn cầu" và "Thực tại và tương lai nền văn minh hiện đại," cho thấy cách nhìn toàn diện và hướng về tương lai mà giới lãnh đạo muốn học sinh phải nghe.

Có thể kết luận rằng các sách giáo khoa môn lịch sử ở Thượng Hải là một bước tiến bộ, vì người ta đã dứt khoát từ bỏ lối nhìn lịch sử theo quan điểm Mác-xít. Tuy nhiên, chính quyền Trung Quốc vẫn coi việc dậy sử là một phương tiện tuyên truyền chính trị. Họ vẫn dùng việc dậy lịch sử để nhào nặn các học sinh suy nghĩ theo chính sách của đảng Cộng Sản trong từng giai đoạn, tức là vẫn không khác gì chính sách của Mao Trạch Đông khi xưa. Bao giờ việc dậy học được tự do, việc soạn sách giáo khoa do tư nhân đảm trách, lúc đó môn học này mới được tự do không bị chính trị khống chế.

Nhưng riêng việc tháo gỡ chủ nghĩa Marx ra khỏi môn học lịch sử đã là một tiến bộ đáng kể, mà chắc rằng các đảng viên Cộng Sản ở Việt Nam lo về giáo dục sẽ phải chú ý. Từ hai chục năm nay cứ cái gì bên Trung Quốc làm thì mười năm, hai mươi năm sau bên Việt Nam cũng thi hành. Bây giờ các nhà lãnh đạo đảng ở Hà Nội được coi là cấp tiến hơn trước; cho nên có thể họ sẽ theo bước Trung Quốc sớm hơn được dăm năm. Vì vậy, hy vọng đến năm 2010 các học sinh Việt Nam học lịch sử sẽ có sách giáo khoa mới để chính thức Giã từ Mác-xít.

Nhưng mong rằng các nhà soạn sách giáo khoa môn sử ở Việt Nam sẽ không dựa theo cuốn Lịch Sử Cận đại và Hiện đại của Á Đông mà Bắc Kinh đã xuất bản trong một chương trình hợp tác với Nhật Bản và Nam Hàn. Trong ấn bản mới nhất của sách này, được sửa chữa nhiều chỗ sau khi thu thập ý kiến, vẫn còn viết rằng: "Trung Quốc trong lịch sử không bao giờ can thiệp vào việc nội bộ của một nước nào khác." Học một câu như vậy

chắc các học sinh Việt Nam sẽ phải bật cười. Trừ khi hành động "cho một bài học" được coi là giáo dục chứ không phải là can thiệp.

Bán máu

Trong báo Người Việt tháng trước có câu chuyện một người "Giấu vợ đi... bán máu" ở Sài Gòn, Việt Nam. Nhân vật chính là một người thợ hồ trên 40 tuổi đã "làm nghề bán máu" được sáu năm. Vợ anh làm công nhân lương tháng triệu rưỡi đồng Việt Nam, hai con đang đi học. Có thể coi gia đình anh khá giả hơn nhiều người khác. Mỗi lần anh bán máu được trả 400,000 đồng, tương đương với 25 đô la Mỹ, cũng bằng lương vợ làm việc một tuần lễ. Nhưng anh giấu vợ việc bán máu, giấu giếm sáu năm trời mà vợ không hề biết.

Thời miền Bắc Việt Nam còn quyết tâm xây dựng chủ nghĩa Xã hội thuần túy đã có những nhà văn như Mạc Lân phải đi bán máu để sống, theo lời kể chuyện của nhà văn Bùi Ngọc Tấn trong cuốn "Viết về Bè bạn."

Mặc Lân tên là Lê Văn Lân, con trai lớn của nhà văn Lê Văn Trương. Anh từng chiến đấu trong trung đoàn Thủ Đô đánh nhau với Pháp từng góc phố, từng ngôi nhà, suốt ba tháng đầu cuộc kháng chiến từ cuối năm 1946. Anh cũng đeo trên ngực Huy hiệu Điện Biên sáng chói. Nhưng trong nghề làm báo, viết văn thì chế độ không muốn dùng anh vì lý lịch xấu. Vì gia đình anh di cư vào Nam nên anh bị kỳ thị. Sau vụ Nhân Văn, Giai Phẩm, anh là bạn của Trần Dần, Phùng Quán, và ủng hộ các ý kiến của họ, cho nên bị đẩy ra ngoài tờ báo anh đang làm. Bọn lãnh đạo văn nghệ nhất định hất đổ nồi cơm của gia đình Mạc Lân. Sau năm 1967 các báo và nhà xuất bản được lệnh miệng, "không thành văn," là không bao giờ được in bài hay sách do anh viết nữa. Nhà văn mất cần câu cơm!

Một người bạn họa sĩ và dịch giả, có kinh nghiệm bản thân, mách kế cho anh đi bán máu. Trước hết, Mạc Lân đi mua nửa cân trà Thái Nguyên đem tới làm lễ ra mắt với ông phó phòng huyết học Bệnh viện Việt Đức. Chỉ một việc bán máu mà cũng phải làm "thủ tục đầu tiên," chứng tỏ lúc đó nền tảng một "xã hội xã hội chủ nghĩa" ở miền Bắc vững vàng như thế nào. Sau các thủ tục khám xét, anh được phép bán 200 cc (phân khối) máu. Bùi Ngọc Tấn kể, "Bán máu êm ả là thế mà nhiều lúc vẫn giật mình. Ví như đang ngồi nhìn cả vào người y tá chờ gọi tên mình thì người ấy bỗng bật ra những cái tên bất ngờ nhất." Đó là tên của những nhà văn, nhà thơ đồng nghiệp, cũng phải đi bán máu mà cũng muốn giấu.

Giá máu hồi đó ở Hà Nội có vẻ cao hơn giá máu bán ở Sài Gòn bây giờ. Vì ngoài số tiền, người bán còn được "lĩnh tem hai cân đường, bốn cân đậu phụ, hai kí thịt, hai hộp sữa." Những người bán máu xong, ra cửa bệnh viện là đã thấy một đám con buôn mua tem phiếu đứng chờ sẵn, đông hơn số người bán máu. Ngoài ra người bán máu còn được "bồi dưỡng" bằng "một bát phở tái bò" ngay trong bệnh viện.

Biết xấu hổ

Nhưng nhà văn Mạc Lân cảm thấy thấy ngượng ngùng khi "lần đầu ngồi xì xụp bát phở ngoài hành lang" bệnh viện. Bùi Ngọc Tấn viết, "ngượng lắm. Cắm mặt mà và, mà xụp xoạt cho nhanh." Nhưng có khi "đang bưng bát phở lên ăn, nghe tiếng gọi giật giọng" và nghe thấy một cái tên bạn bè, không ngờ cũng phải đi bán máu. "Toàn những người quen. Toàn những trí thức. Ngượng nghịu nhìn nhau. Rồi cũng quen dần," Bùi Ngọc Tấn kể. Người bạn dịch giả của Mạc Lân nặng 40 ký, chỉ bán mỗi lần được 150 cc máu, Mạc Lân nặng 60 ký bán được 200 cc. Về sau anh khôn hơn, đeo thêm chì vào người cho lên đến 70 ký, bán được đến 250 hay 300 phân khối máu! Nhà văn còn cho biết có loại người "bán máu chuyên nghiệp," không thể bán ở một bệnh viện liên tiếp trong cùng một hai tháng được thì từ Hà Nội lên Sơn Tây, Thái Nguyên để bán máu. Trông dân chuyên nghiệp biết ngay vì ống tay chằng chịt vết kim châm hút máu.

Kể từ thời Mạc Lân đi bán máu thì tới bây giờ dân bán máu chuyên nghiệp như anh thợ hồ kể trong báo Người Việt đã khôn ngoan hơn nhiều. Nhân vật trong bài báo cho ký giả biết sau khi bán máu nên uống một ly nước trà đường, vết kim châm sẽ không nổi rõ lên; vợ có nhìn cũng không biết mình đã bán máu. Điều này chứng tỏ đất nước ta đã tiến bộ cực kỳ, đến nghệ thuật bán máu giấu vợ cũng tinh vi hơn xưa.

Như Bùi Ngọc Tấn viết, nhà văn bán máu lấy lại được uy tín với gia đình, cảm thấy hãnh diện vì mang tiền về nhà, nói dối vợ đó là tiền nhuận bút! "Mất đi một ít máu nhưng túi nằng nặng tiền và tem phiếu. Cho nên ngày đi bán máu rất vui. Con người mình bỗng nhiên tăng thêm giá trị trước gia đình, và trước bao cặp mắt của cánh chuyên sống bằng buôn bán tem phiếu.

Cái cảm giác "mình tăng thêm giá trị" với gia đình sẽ bị sứt mẻ nếu người ngoài biết mình đi

bán máu. "Lương thiện thì rõ ràng là lương thiện rồi. Nhưng nó tố cáo bước đường cùng." "Không người vợ nào muốn cho chồng mình đi bán máu!" Anh thợ hồ ở Sài Gòn năm 2006 cũng nghĩ giống như ông họa sĩ ở Hà Nội 40 năm trước.

Những câu chuyện như trên, dưới ngòi bút của Bùi Ngọc Tấn, cho thấy bộ mặt cả một xã hội sống dưới chế độ độc tài toàn trị. Hồi 1965, 66 Mặc Lân đã bán máu ở Hà Nội. Sau khi đất nước thống nhất, năm 2006 nhiều người dân Sài Gòn vẫn đi bán máu. Bốn mươi năm trước, ngoài Bắc còn nghèo, các nhà văn nghệ bị trù dập phải bán máu để sống đã đành. Bây giờ kinh tế phát triển bảy hay tám phần trăm một năm, sao vẫn còn nhiều người phải lén vợ, giấu con đi bán máu như vậy? Người bán máu biết xấu hổ, còn các ông các bà đẩy người dân vào cảnh bán máu suốt 40 năm thì sao? Một điều chúng ta ngạc nhiên là những người gặp bước đường cùng phải đi bán máu đều cảm thấy ngượng, nhưng những người xây dựng cái chế độ tạo ra cảnh bán máu đó họ không thấy ngượng! Họ vẫn cứ hô hào đồng bào tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên thiên đường! Bán máu chỉ là một trong nhiều thành tích của chế độ cộng sản. Từ thượng cổ có bao giờ ở nước ta có cảnh những cái chợ bán cô dâu hay không? Có cha mẹ nào đua nhau bán gả con gái cho người nước ngoài để lấy tiền sống hay không? Ai gây ra những cảnh tượng đó? Những người này có phải giấu vợ giấu con khi đóng vai lãnh đạo một nước mà để cho người dân phải bán máu, bán con gái để sống hay không? Nếu vợ con họ biết, họ có cảm thấy nhục lây hay không? Con người có liêm sỉ, cũng phải biết ngượng chứ?

Tôn giáo không bạo lực

Đế quốc Byzantine thường bị quên lãng, vì không có hậu duệ; dân Hy Lạp đi hết, giáo đường Chính thống giáo cũng trở thành Hồi Giáo. Ngay thủ đô của họ ở Constanstinople, trước có tên Hy Lạp là Byzantum, đã bị người Thổ đổi tên thành Istanbul. Cho nên ít ai biết đến một vị hoàng đế như Manuel II Palaeologus (1391 – 1425). Ông đã phải đầu hàng đạo quân Thổ, của đế quốc Hồi Giáo. Và đến năm 1453 thì đế quốc Byzantine chấm dứt, đế quốc Ottoman của người Thổ bắt đầu.

Nhưng trong tháng trước, hoàng đế Manuel II Palaeologus lại được cả thế giới nhắc tới. Nhờ Đức Giáo hoàng Benedict XVI đã trích dẫn một câu ông nói, vô tình gây ra những cuộc biểu tình chống đối và đốt phá nhà thờ Thiên Chúa giáo ở nhiều nơi. May mắn, Đức Giáo hoàng đã ngỏ lời hối tiếc về những hậu quả do lời nói của ngài tạo ra, và mời các đại diện của các nước Hồi Giáo đến đàm đạo, trong đó ngài bầy tỏ lòng tôn kính đối với tín ngưỡng của họ.

Nhiều người trong thế giới Hồi Giáo đã phản đối Đức Giáo hoàng vì những lời của vị hoàng đế đời Trung cổ. Quốc hội Pakistan đã làm một quyết nghị phản đối những lời họ coi là xúc phạm Hồi Giáo và yêu cầu phải xin lỗi. Tại Thổ Nhĩ Kỳ, một nước Hồi giáo mà đức giáo hoàng dự tính sẽ đến thăm vào tháng Mười Một năm nay, đảng cầm quyền đã dùng những lời lẽ nặng nề lên án, và phe đối lập yêu cầu đức giáo hoàng phải xin lỗi. Nhiều người lãnh đạo Iran còn nói rằng Đức Giáo hoàng là một đồng minh của Tổng thống Mỹ George W. Bush; trong khi ai cũng biết tòa thánh Vatican vốn chống việc Mỹ đánh Iraq!

Nhưng thực sự Đức Giáo hoàng Benedict XVI đã nói những gì?

Những lời gây bão tố trong bài thuyết trình của giáo hoàng chỉ là một đoạn ngắn trong toàn thể bài thuyết trình ngài nói tại Đại học Regensburg, tiểu bang Bavaria. Đức Giáo hoàng đã dậy học ở đây từ năm 1966, khi ngài chỉ là Giáo sư Joseph Ratzinger. Đây là một bài "thuyết trình" của một cựu giáo sư trở lại ngôi trường cũ. Thông điệp chính của ngài là tương quan giữa lý trí và niềm tin tôn giáo, ngài chủ trương rằng có thể dùng lý tính để hiểu rõ đức tin bằng cách "mang đức tin Thiên Chúa giáo trở lại hòa hợp với lý tính hiện đại," như lời đức giáo hoàng nói trong bài về nhà thần học Adolf von Harnack. Do đó, người ta có thể dùng lý tính mà đi vào tôn giáo, việc truyền giáo tốt nhất là thuyết phục người ngoại đạo bằng lời nói. Liên quan đến đề tài đó, Đức giáo hoàng nhấn mạnh không thể dùng bạo lực để truyền bá tôn giáo. Chính trong khi nói tới đề tài này, ngài đã nhắc tới một câu chuyện cổ gây nên những phản ứng bất hòa.

Chúng tôi xin trích một số đoạn về đại ý bài thuyết trình của Đức Giáo hoàng Benedict XVI tại Đại học Regensberger, nhưng tạm bỏ qua câu chuyện gây mâu thuẫn.

Mở đầu, Đức Giáo hoàng nhắc đến Đại học Bonn, nơi ngài đã dậy học năm 1959. Ngài nhắc lại đại học này có hai trường thần học, để đi vào đề tài chính về lý trí và đức tin: "Sự tương hợp sâu xa (của hai trường thần học) trong thế giới lý trí (của đại học) chưa bao giờ bị xáo trộn, ngay cả khi có một đồng nghiệp nói rằng thật là kỳ cục thấy ở trong một trường đại học mà lại có hai phân

khoa chỉ nghiên cứu về một thứ không có thật: Thượng Đế. ... Đứng trước những nỗi hoài nghi cực kỳ đó cần phải nêu lên vấn đề Thượng Đế qua việc dùng lý tính, trong truyền thống đức tin Thiên Chúa giáo."

Đức Giáo hoàng đã dẫn ra một câu chuyện trong cuốn sách của một học giả người Lebanon, giáo sư Theodore Khoury, trong đó kể lại một cuộc đối thoại vào thế kỷ 14. Đây là một thói quen của các giáo sư, trích dẫn công trình của một giáo sư khác. Sau khi kể lại cuộc đối thoại giữa Hoàng đế Manuel II Paleologus và một học giả Ba Tư, (chúng tôi sẽ ghi lại sau), Đức Giáo hoàng nhận xét rằng vì hoàng đế Byzantine "giải thích những lý do tại sao việc truyền bá đức tin bằng bạo lực là vô lý. ... (vị hoàng đế nói) bất cứ ai muốn hướng dẫn người khác vào tín ngưỡng của mình thì cần phải có khả năng nói giỏi và lý luận chặt chẽ, chứ không cần dùng đến bạo lực và đe dọa."

Trong đoạn kết, Đức Giáo hoàng nói, "Ý định của tôi không phải là nêu lên những lời phê bình tiêu cực mà là mở rộng khái niệm của chúng ta về lý tính và việc áp dụng lý trí :.. Chỉ khi làm được việc đó chúng ta mới có khả năng đối thoại đích thật giữa các nền văn hóa và các tôn giáo, một nhu cầu khẩn thiết của thế giới ngày nay."

Nếu bài thuyết trình của Đức Giáo hoàng Benedict XVI chỉ gồm những đoạn như vậy thì chắc không có phản ứng tiêu cực nào trong thế giới người Islam. Nhiều người nghĩ rằng Đức Giáo hoàng Benedict XVI đang muốn mở một cuộc thảo luận giữa các tôn giáo, đặc biệt là giữa Hồi Giáo và Thiên Chúa giáo, về vấn đề vai trò bạo lực trong các tôn giáo. Ngài muốn đặt thẳng vấn đề dùng bạo lực với thế giới Hồi Giáo, có thể tác động tới cuộc tranh luận nội bộ giữa các người Hồi Giáo, giữa cánh bảo thủ và cánh ôn hòa. Ngài có vẻ coi đó là một sứ mạng trong thời gian ngài ở ngôi vị giáo hoàng; không khác gì vị tiền nhiệm của ngài đã đặt vấn đề với chủ nghĩa Cộng Sản.

Mặc dù người Hồi Giáo có chấp nhận thảo luận vấn đề bạo lực hay không, hoặc có chịu đối thoại với các tôn giáo khác về vấn đề đó hay không, chắc họ cũng sẽ không có phản ứng mạnh mẽ bác bỏ một đề tài chính đáng như vậy.

Đụng vào lửa

Nhưng các phản ứng phẫn nộ của thế giới Hồi Giáo chỉ nhắm vào một đoạn trong bài diễn văn. Bây giờ chúng tôi xin trích lại những câu đã bỏ qua. Đức giáo hoàng kể cuộc gặp gỡ giữa Hoàng đế Paleologus và một học giả Ba Tư, dựa theo cuốn sách của Giáo sư Khoury: "Trong cuộc đối thoại thứ bẩy, hoàng đế đề cập đến vấn đề chiến tranh tôn giáo... Ông nói thẳng tới một vấn đề căn bản về tương quan giữa tôn giáo và bạo lực nói chung, ông nói, 'Ông kể cho tôi nghe (Thánh Tiên tri) Muhammad có mang lại cái gì mới hay không, và khi nhìn lại thì ông thấy chỉ có những thứ ác độc và phi nhân, chẳng hạn như ông ta ra lệnh truyền bá tín ngưỡng ông ấy dậy bằng gươm giáo."

Tất cả các vụ phản đối lời nói của Đức Giáo hoàng đều nhắc lại câu trên, như là bằng chứng là ngài bài xích Thánh Muhammad và Hồi Giáo. Khi nhắc lại những lời đối thoại đó, Đức Giáo hoàng đã thận trọng nhắc lại hai lần câu "Tôi xin trích dẫn," để chứng tỏ đó không phải là ý kiến của ngài. Nhưng nhiều người nhận xét rằng ngài không bầy tỏ một ý kiến nào tỏ ra ngài không đồng ý với lời của vị hoàng đế ngày xưa. Linh mục Hans Kung, giáo sư thần học người Đức nhận xét rằng Hoàng đế Paleologos là một người Thiên Chúa giáo (Chính thống giáo) và ông ta vốn là người chống Hồi Giáo. Hơn nữa, ông nói những lời trích dẫn trên trong lúc đang ở mặt trận, trong lúc các đạo quân của hai tôn giáo đang tranh giành ảnh hưởng. Giáo sư Hans Kung nói, "Nếu một người Do Thái giáo nói một câu tương tự về đạo Thiên Chúa thì chắc chúng ta cũng cảm thấy bị xúc phạm."

Chính cảm tưởng bị xúc phạm đó đã gây nên những phản ứng nổi giận trong thế giới Hồi Giáo. Cuối cùng hy vọng lý trí sẽ thắng trước những xung động tình tự để không gây nên những hành động đáng tiếc hơn. Mà đây chính là một đề tài mà Đức Giáo hoàng muốn mọi người thảo luận, Lý trí và Tín ngưỡng. Giữa Hồi Giáo và Thiên Chúa giáo có thể bất đồng về cốt lõi của vấn đề này. Nhưng nếu có đối thoại vẫn hơn là dùng bạo lực để bầy tỏ ý kiến.

Từ khi chủ nghĩa Cộng Sản tàn lụi trên thế giới, mối bất đồng giữa Thiên Chúa giáo và Hồi Giáo được chú ý đến nhiều hơn. Những người Hồi Giáo quá khích thường nhắc lại các cuộc chiến tranh Thập tự quân. Tổng thống Bush đã đụng vào lửa khi ông mô tả việc chống khủng bố là một thánh chiến – chữ crusade nguyên nghĩa là "thập tự chiến." Cho nên thường các nhà lãnh đạo quốc gia tránh không nhắc đến sự khác biệt tôn giáo. Tòa thánh Vatican trong thời Đức Giáo hoàng John Paul II đã hiểu thế giới Hồi Giáo, ngài là vị giáo hoàng đầu tiên bước vào một nhà thờ Hồi Giáo. Ngài biết rằng người Hồi Giáo không nhất thiết ghét Thiên Chúa giáo, mà họ lo sợ nhất là thế

giới của họ cũng sẽ đi theo con đường "thế tục" mà các nước Thiên Chúa giáo đã trải qua trong mấy thế kỷ vừa qua. Đó mới là kẻ thù nguy hiểm của họ. Giáo hội La Mã tránh không đứng vào giữa mặt trận này, giữa những người Hồi Giáo bảo thủ và những người cấp tiến. Nhưng Đức Giáo hoàng Benedict XVI đã có thái độ tích cực hơn. Năm 2004, khi đứng đầu Thánh bộ về Đức tin, ông đã bầy tỏ ý kiến là không nên nhận Thổ Nhĩ Kỳ vào Liên hiệp Âu châu, vì căn bản tôn giáo khác nhau. Trong nhiều cuộc hội thảo ông cũng tỏ ý là không thể canh tân Hồi Giáo, vì đức tin của họ không đủ linh động. Ông nói rằng những bản kinh trong Cựu ước hay Tân ước đều là do con người viết, thuật lại lời Thượng đế; trong khi đó Kinh Kuran được người Hồi Giáo coi là chính lời của Thượng Đế nói, không thể thay đổi được. Nhiều người không đồng ý với cách giải thích đó, nhưng lập trường của Đức Giáo hoàng Benedict XVI ai cũng biết.

Vài mẩu chuyện về Đỗ Ngọc Yến

Một câu chuyện về Đỗ Ngọc Yến thường được bạn bè nhắc đến là có lúc anh về nhà lấy nữ trang của vợ đem cầm để có tiền làm "việc thiên hạ." Trong cuốn "Đỗ Ngọc Yến Giữa Bạn Bè" Đỗ Tăng Bí (không có họ hàng với Yến) kể mẩu chuyện như sau:

"Giai đoạn nhộn nhịp nhất là khi anh là Tổng Thư Ký 'Chương Trình Công Tác Thanh Niên Sinh Viên Học Sinh Hè 65,' anh nhờ tôi làm phụ tá để đỡ cho anh những việc thường xuyên hàng ngày.

"Khi đoàn văn nghệ sinh viên học sinh Đường Sáng của Chương Trình Hè 65 đang trình diễn ở Miền Trung thì ngân quỹ của đoàn cạn sạch, hết không đủ cả tiền ăn. Các bạn gọi về kêu cứu. Mà ngân khoản của Chương Trình Hè thì ở ngân hàng chưa được tháo khoán, chỉ vì thủ tục giấy tờ, lại đúng lúc cuối tuần các ngân hàng đóng cửa. Bàn nhau, không biết tính sao, ai cũng lo anh em đang chờ tiền ăn ở nơi xa xôi. Anh Yến nhờ tôi đã chở về nhà. Anh vô phòng riêng lấy vòng vàng của chị Loan đi tới tiệm cầm đồ; được một số tiền đưa anh Phạm Quốc Bảo mang gấp ra Trung 'cứu đói' các bạn sinh viên nghệ sĩ. Nhưng sau đó, khi ngân khoản của IVS được chuyển sang Chương trình Hè, có tiền trong quỹ rồi thì anh lại e ngại bị hiểu lầm, không dám lấy tiền từ quỹ mà đi chuộc vàng về trả cho vợ.

"Năm 1991, lúc nghe tôi kể chuyện đó sau gần 30 năm, chị Loan mới ngẩn người ra. Chị bảo mấy chục năm nay chị vẫn băn khoăn về số vòng và kiềng vàng là của hồi môn của chị bỗng dưng biến mất. Mà chị không dám nghĩ có ai đã lấy mất, nên cứ thế nín lặng không dám hỏi ai cả!"

Cô Lê Minh Phú, một nhân viên lâu năm của Nhật báo Người Việt kể lại những ngày đầu cô sang Mỹ, "Khi tôi về báo Người Việt (1982), tờ báo đã sắp được năm năm và đã là Công Ty Người Việt. Tòa báo cũng còn nghèo lắm. Mỗi tháng đến kỳ phát lương, anh Nguyễn Đức Quang lúc đó làm tổng giám đốc cứ chắp tay sau lưng đi tới, đi lui để tính toán làm sao cho có đủ tiền trả lương cho mọi người. Lương nhân viên còn thiếu hụt như vậy đương nhiên anh Yến và ban giám đốc làm sao có được tiền lời từ công ty.

"Nhưng dù luôn thiếu hụt, không bao giờ chúng tôi nghe anh Yến nói cho bớt nhân viên nào nghỉ. Chỉ thấy anh và ban giám đốc xoay sở cách nào để lo cho đủ số tiền trả lương cho anh em. Anh có nồi cơm, dù không nhiều nhưng anh em đều được anh chia cho ăn. No cùng chia, đói thì anh và mọi người cộng tác chịu chung."

Ký giả Thiện Giao, vào làm báo Người Việt sau Lê Minh Phú gần 20 năm, thì kể câu chuyện này: "Một ngày nọ, một thanh niên đen đủi, hốc hác, trông 'bụi đời,' đi thẳng vào tòa soạn Người Việt, xin gặp thẳng ông Tổng Giám Đốc Đỗ Ngọc Yến. Mọi người ngạc nhiên, bối rối. Ông 'Tổng Giám Đốc Đỗ Ngọc Yến' xuất hiện: "Để tôi lo vụ này!" Rồi, trong căn phòng riêng, ông ngồi đối diện người thanh niên, nói chuyện thật lâu.

Người thanh niên ra đi. Ít hôm sau trở lại. Cũng xin gặp trực tiếp ông Tổng Giám Đốc Đỗ Ngọc Yến. Nói chuyện, rồi lại ra đi.

Tôi hỏi chuyện người thanh niên.

"Anh quen với bác Yến?"

"Em đến xin tiền."

"Sao lại xin bác Yến."

"Em mới đi tù về. Hồi trước, khi chưa vào tù, bác Yến vẫn hay cho tiền nên em biết bác."

Một nhân viên khác của Nhật báo Người Việt kể chuyện lúc mới vào làm tờ báo, trong giai đoạn làm thử:

"Có lần thấy ông mệt, lảo đảo vịn tường mà thở, tôi có ý ái ngại lo lắng cho ông, ông xua tay, cười: 'Không có sao, chắc tại Trái Đất nó quay'...

"Một thời gian rất ngắn sau đó... Tôi bị sưng gân chân, đau lắm, không biết làm sao, chỉ ráng lết. Từ cha sinh mẹ đẻ tới giờ chưa thấy bị như vậy nên rất sợ. Tôi mới ở Việt Nam qua, trắng tay, bảo hiểm lại chưa có (vì đang thử việc, chưa là nhân viên chính thức của Người Việt). Thấy tôi lo sợ, ông Yến hứa đích thân cho tôi đi bác sĩ..."

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

BẠC

Nói từ dưới nói lên thì bạc cắc là thứ... cặc ké nhất. Vậy mà Hui Bon Hoa, dân ta thường quen gọi là chú Hỏa, chỉ có buôn đồng nát, lượm bạc cắc mà thành triệu phú giầu ngất ngưởng một thời ở Sài Gòn xưa. Tại Little Saigon nay, ông Lê Chiêu cũng chỉ lượm bạc cắc mà từ một chiếc xe bán bánh mì dạo nay đã nên nghiệp với 25 nhà hàng nằm trên ba tiểu bang và một đội xe giao thức ăn tận nơi gồm sơ sơ có 500 chiếc! Bạc cắc nên nghiệp như vậy vẫn chưa chịu nằm yên. Chủ nhân của Lee's Sandwiches còn đang nỗ lực đưa thương hiệu này tới toàn thể nước Mỹ và ra cả thế giới dưới hình thức nhượng quyền thương mại. Tại sao Lee mà không phải Lê? Nghe như tên của người Hàn. Ông Chiêu cho biết là viết như vậy cho người Mỹ dễ đọc. Phải chi mà là Lê thì người Mỹ biết ngay là tiếng Việt chứ không ú ớ nghĩ là Đại Hàn! Hai mươi năm trước đây, vào cuối thập niên 70, ông Lê Chiêu và gia đình định cư tại New Mexico, một chữ tiếng Anh bẻ đôi không biết, may mắn tìm được việc làm trong một tiệm bán thịt. Chân ướt chân ráo tới Mỹ, miệng mồm ú ớ, được trả 8 đô một giờ là nhất rồi. Nếu là người khác thì cứ an phận thủ thường cho chắc ăn, nhưng ông Chiêu thì khác. Năm 1980, ông Chiêu bỏ việc ngon, dọn qua San Jose và ghi danh học tiếng Anh tại một trường trung học. Ông thấy hàng ngày có một chiếc xe bán đồ ăn của người Việt xẹt tới trường mỗi buổi trưa lượm bạc cắc, ông xin phụ việc. Một năm sau, ông dành dụm tiền mua được một chiếc xe riêng cho mình. Ông Chiêu cho biết: "Người bán xe không muốn bán xe cho tôi vì ông ta thấy tôi không biết tiếng Anh và nhìn thấy tôi lúc đó rất lớ ngớ và nghèo nàn." Hai vợ chồng được một số công ty cho đậu xe trong nhà xe của họ để bán thức ăn cho công nhân trong giờ giải lao và nghỉ trưa. Mỗi nơi dừng lại khoảng 10 hay 15 phút, bán xong chạy đi chỗ khác. Cứ luân phiên như vậy, xoay quanh giờ nghỉ của mỗi công ty mà bán. Hai năm sau, người em của ông Chiêu mua được một chiếc xe riêng. Và thương hiệu Lee Bros ra đời! Cha của ông Chiêu thấy cuối tuần, khi các công ty nghỉ, hai chiếc xe của gia đình nằm ụ ở nhà, phí của, ông lái xe xuống trung tâm thành phố San Jose để bán cho sinh viên trường Đại Học San Jose. Thấy ông bán được, các nhà hàng quanh đó kiện lên Hội Đồng Thành Phố. Ông không chịu thua, mua ngay một cửa tiệm gần đó và biến thành nhà hàng Lee's Sandwichs đầu tiên. Và bạc cắc tiến lên bằng những bước nhảy vọt. Theo báo Người Châu Á thì trong năm 2003, Lee's Sandwichs đã bán ra hai trriệu ly cà phê đá và cũng từng đó ổ bánh mì. Dự trù trong năm 2006 này, con số trên sẽ tăng gấp đôi. Lượm bạc cắc nhưng Lee's Sandwichs đã cho bạc triệu. Đầu năm 2006, gia đình ông Lê Chiêu đã tặng một triệu đô để xây dựng trường Đại Học Cộng Đồng Coastline, trường Đại Học đầu tiên trong vùng đông người Việt Westminster.

Ấy, cái thứ nhỏ nhít cùng mằng lủng củng trong túi nhiều khi đến bực mình mà cũng nên chuyện. Không biết trong số bạn đọc có nhiều vị cảm thấy như tôi không chứ đống bạc cắc trong túi luôn luôn làm tôi khó chịu. Giá trị thì chẳng bao nhiêu mà nặng túi thì quá quắt. Vài ngày lại phải tổng vệ sinh túi bằng cách ném những đồng bạc lẻ đáng ghét đó vào một xó một góc nào đó. Vậy mà chỉ vài ngày mua mua bán bán, cái túi lại bị phiền vì những ông bạn vô duyên này. Nhất là những ông tiền xu có tên Mỹ là *penny*! Một xu ngày nay làm được cái gì nhỉ? Có cho ăn mày chắc cũng bị họ mắng cho mất mặt! Có lẽ cái thứ bạc mạt hạng này chỉ còn có giá trị cho những anh con buôn chuyên để giá hàng có con số 99 xu ở cuối. Bảo những anh chuyên lượm tiền của bá tánh này đổi thì chắc chẳng anh nào bằng lòng. Đây là chuyện tâm lý nhằm câu túi bạc của khách hàng. Một món hàng giá $19.99 trông cũng dễ chịu hơn cái giá $20.00 chẵn chòi chứ tuy một xu lẻ là cái thứ chỉ đáng vứt đi! Chính phủ Mỹ

đang định vứt đồng một xu thật. Bởi vì để sản xuất ra một đồng penny Ngân Khố Mỹ phải chi ra 1.23 xu! Tiền gà bằng ba tiền thóc! Lỗ chổng gọng! Bên Canada của tôi, thường thì hay... nhất trí với Mỹ, nhưng lần này thì không. Lý do là Canada đã có kỹ thuật chế ra đồng *penny* với giá thành chỉ có 0.7 xu. Trước cuối thập niên 1990, đồng xu Canada được đúc hầu như toàn bằng đồng. Tỷ lệ là 98% đồng. Nay, với kỹ thuật mới, đồng xu được chế như một chiếc bánh *sandwich*, nghĩa là một lớp sắt nằm giữa hai lớp đồng và kẽm bọc ở hai mặt. Tỷ lệ của nó là 94% sắt! Như vậy, chỉ trong năm 2005, chính phủ đúc ra 790 triệu đồng xu, lời được hai triệu đô. Vẫn còn ngon! Nhưng nhà kinh tế Timothy Fisher của Đại Học Wilfrid Laurier ở tỉnh Ontario đã đá giò lái chính phủ trong một bản nghiên cứu mới được ông công bố. Bộ đồng *penny* của chính phủ nó có chân để chạy tới các nhà băng hay sao? Phải chuyên chở nó. Tiền chuyên chở phải tính vào vốn chứ! Mỗi năm chính phủ phải chuyên chở khoảng hai ngàn tấn tiền *penny*. Tính đi tính lại thì chỉ nguyên với đồng xu, chính phủ lỗ mỗi năm 3.6 triệu đô! Trong khi đó, với đồng hai đô, chi phí sản xuất chỉ có 25 xu, lời khoảng 700%. Nhìn ra thế giới thì Úc và Tân Tây Lan đã bỏ đồng xu từ hơn một thập kỷ nay rồi. Giá hàng của họ không một món gì tính bằng xu. Nghe nói tới đồng kim loại hai đô của Canada, nhiều vị cư ngụ tại các nơi khác có lẽ sẽ không khỏi ngạc nhiên. Bộ tiền mất giá tụt hạng đến vậy sao? Đúng, dân... nước tôi đã tiêu tiền một đô và hai đô bằng kim loại. Hồi đầu cầm đồng tiền cũng thấy bẽ bàng nhưng sau một thời gian cũng quen đi. Chỉ phải cái tội nặng túi!

Nếu cần phải biện minh cho nhà nước Canada thì tôi có thể cãi bằng lý do... vệ sinh! Tiền bạc là một thứ luân chuyển từ người nọ tới người kia, từ bàn tay này đến bàn tay khác, có bàn tay sạch có bàn tay bẩn. Vậy nên tiền bạc là thứ rất bẩn. Tiền giấy là thứ bẩn nhất, bẩn hơn tiền chì rất nhiều. Viện Vệ Sinh Dịch Tễ Trung Ương của Việt Nam vừa làm một cuộc nghiên cứu về độ bẩn của tiền bạc trong hai nhóm mẫu: nhóm tiền lấy ở ngoài chợ và nhóm tiền lấy ở trong quỹ của cơ quan. Kết quả, với nhóm tiền lượm nơi các hàng cá, hàng thịt tại nhiều chợ khác nhau, số vi khuẩn trung bình trên tiền giấy là 304.975.000 trong khi trên tiền chì chỉ có 20 ngàn vi khuẩn. Với nhóm tiền lấy từ các quỹ cơ quan thì số vi khuẩn trên tiền giấy là 87.187.500 trong khi tiền chì là 3167 thôi!

Đồng tiền giấy ở Việt Nam rất nhàu nát, bẩn thỉu. Điều đó ai cũng nhận ra nếu đã có dịp về Việt Nam, nhất là những đồng tiền có mệnh giá nhỏ như giấy bạc hàng trăm và hàng ngàn. Những tờ từ một ngàn trở xuống nhiều khi không muốn giữ trong người. Rất bẩy nhẩy. Mới đây Việt Nam đã cho in những loại tiền mới gọi là tiền *polymer*. Theo báo chí trong nước ca tụng thì đây là loại tiền sạch và rất khó làm giả. Độ nhiễm khuẩn nơi tiền *polymer* ít hơn khoảng 15 ngàn lần so với tiền giấy trước đây, ít hơn cả tiền kim loại. Mẫu tiền *polymer* lấy từ một hàng cá có 13 ngàn vi khuẩn trong khi tiền kim loại là 20 ngàn. Không biết khi lấy mẫu tiền để nghiên cứu, người ta có chú ý đến thời gian lưu hành và chuyển tiếp của tiền không. Có thể tiền *polymer* mới được phát hành sau này, chưa qua nhiều tay, nên vi khuẩn ít bám được vào tiền hơn. Dù sao, tiền *polymer* được in bằng kỹ thuật của Úc chắc cũng khá hơn.

Tiền bẩn như vậy giữ trong túi làm chi? Bẩn vậy chứ bẩn nữa cũng chẳng sao. Túi tiền càng phồng nhiều càng tốt. Bởi vì tiền làm nên giá trị con người. Nhiều người nghĩ như vậy. Rất nhiều! Vậy nên họ cố gắng kiếm được nhiều tiền càng tốt bằng bất cứ giá nào. Trong cái giá đó có cả cái lối kiếm tiền một cách... bẩn thỉu. Với họ, đồng tiền không có mùi, tiền nào cũng tốt miễn là có tiền. Các cụ còn xúi khôn xúi dại: có tiền mua tiên cũng được! Có đúng vậy không? Đông bạc là đông mọi thứ chăng? Trên bàn làm việc, trên cửa tủ lạnh, trên tường phòng tắm tại một số nhà quen, tôi thường thấy dán một tờ giấy nói về tiền khá lý thú. Bản này viết bằng tiếng Anh, tôi tạm dịch ra tiếng Việt. *Tiền có thể mua được gì? Tiền có thể mua được một chiếc giường nhưng không mua được giấc ngủ; mua được sách báo nhưng không mua được tri thức; mua được thực phẩm nhưng không mua được sự ngon miệng; mua được đồ trang sức nhưng không mua được sắc đẹp; mua được một căn nhà nhưng không mua được một mái ấm; mua được thuốc thang nhưng không mua được sức khỏe; mua được xa xỉ phẩm nhưng không mua được văn hóa; mua được sự giải trí nhưng không mua được hạnh phúc; mua được một cây thánh giá nhưng không mua được Đấng Cứu Chuộc; mua được chiếc ghế trong nhà thờ nhưng không mua được Thiên Đàng!*

Công lực của tiền bạc tưởng vô song hóa ra

yếu xìu! Trên tờ *The Gazette* xuất bản ở Montreal có một bài công nhận tiền yếu thật. Nó không mua được hạnh phúc. Bài báo viết về một cuộc điều tra được tiến hành lần đầu tiên ở Canada do hãng *Sensus Research* ở Vancouver thực hiện. Đối tượng là 165 các ông bà đông địa, gia sản từ 10 triệu đô trở lên. Có tiền là có hạnh phúc chăng? 48% bác bỏ ngay. Đồng tiền trong tay bắt họ có nhiều lo nghĩ và đối phó hơn. 24% lo việc con cháu họ ỷ vào tiền của có sẵn chỉ biết ăn chơi phá phách, 34% lo làm sao duy trì được mức sống hiện tại trong khi vật giá ngày càng leo thang. Nghe ra có vẻ khôi hài nhưng họ có cái lý của họ. Vật giá gia tăng hàng năm khoảng 3% nhưng những xa xỉ phẩm những anh nhà giầu thường dùng hàng ngày lại gia tăng tới 11% mỗi năm! Cũng lo chứ! Trong số 165 anh nhà giầu này thì 53% sở hữu ít nhất là một chiếc xe Mercedes-Benz, 43% có ít nhất một chiếc xe BMW, 33% chơi một chiếc xe Porsche. Nếu ngồi xe sang là hạnh phúc thì quả là họ có hạnh phúc!

Tiền đẻ ra tiền nhưng tiền cũng đẻ ra... *stress*! Càng ngày càng có nhiều phụ nữ có nghề nghiệp chuyên môn vững chắc mắc hội chứng *Bag Lady*. Nghĩa là nỗi lo sợ một ngày nào mình phải ra đường ngửa tay xin ông đi qua bà đi lại. Họ cảm thấy cuộc sống rất bấp bênh, không tin tưởng được vào ai cả. Trong số phụ nữ có lợi tức 100 ngàn đô một năm trở lên, có tới 46% mắc hội chứng này. Đó là kết quả cuộc thăm dò của *Allianz Life Insurance*.

Tiền tự nó không có giá trị. Nó cũng chỉ là tờ giấy. Cùng một tờ giấy người ta in số 5 thì nó có trị giá 5 đô, in số 100 thì nó có trị giá 100 đô. Phí tổn để sản xuất ra một tờ giấy gọi là tiền y như nhau, chẳng biết mấy xu. Nó chỉ là tấm giấy xác nhận một số quý kim tương đương nằm trong kho của Ngân Hàng của một quốc gia. Nếu số quý kim dự trữ ít hơn trị giá số giấy bạc in ra thì tiền của nước đó giảm bớt giá trị. Trong những thể chế dân chủ, có nhiều cơ chế quyền hành kiểm soát lẫn nhau, việc vi phạm rất hạn chế. Nhưng trong những nước thiếu dân chủ, nhà nước nắm trong tay hết quyền lực thì việc vi phạm rất dễ xảy ra. Vì vậy mỗi lần in thêm tiền mới là một lần người dân có quyền đánh dấu hỏi. Liệu có lạm phát chăng? Đó là yếu tố tâm lý. Không phải chính quyền cứ muốn in là in. Mệnh giá tiền có thích hợp với thói quen dùng tiền của dân không cũng là một vấn đề phải lý tới khi muốn in tiền. Những bạn nào còn kẹt lại Việt Nam sau năm 1975 chắc còn nhớ vụ nhà nước in tiền có mệnh giá 30 đồng! Cái mệnh giá ngược ngạo này là chuyện... chửi thề của dân chúng. Dân thì quen thói kẹp từng trăm đồng một cho dễ trao đổi mà giấy bạc 30 đồng thì kẹp làm sao cho ra đúng một trăm đồng?

Tại Canada hiện nay tiền có mệnh giá 100 đô là lớn nhất. Trước đây có tiền 1000 đô nhưng đã bị bãi bỏ không tiếp tục phát hành nữa. Mới đây, Ngân Hàng Canada có ý định in tiền giấy 200 đô. Trước khi thực hiện, họ nhờ hãng *SES Canada Research Inc.* thăm dò hai ngàn tiệm bán lẻ xem ý kiến của dân chúng ra sao. Kết quả có tới 59% phản đối, 40% mạnh mẽ chống đối. Vì sao họ chống đối? Bởi vì họ sợ tiền lớn nằm trong két thì khi bị cướp sẽ mất nhiều hơn. Một số còn cho biết là sợ tiền giả.

Tiền giả là một vấn đề nhức nhối tại Việt Nam. Bởi vì nước ta nằm ngay sát Trung Quốc, một nước có tiếng trên thế giới là chuyên sản xuất đồ giả, đồ nhái. Tiền *polymer* vừa được tung ra thị trường, nhà nước ta còn đang ca tụng là tiền này rất khó làm giả thì ông bạn láng giềng chơi liền! Tỉnh biên giới Lạng Sơn vừa cho biết là tiền giả mệnh giá 500 ngàn đồng được in tại những cơ sở nằm sâu trong nội địa Trung Quốc được chuyển ra khu vực biên giới bán gần như công khai tại các chợ Lũng Vài và Pò Chài. Tiền giả được in trên chất liệu rất giống với tiền *polymer* thiệt. Một nhân vật của Ngân Hàng cũng đã không phân biệt được giả thật bằng mắt thường. Vậy là dân chúng đổ xô đi mua máy dò tiền giả. Không tin được vào sự bảo vệ của nhà nước, dân chúng tự động... kháng chiến! Phóng viên của Thông Tấn Xã Việt Nam cho biết là đi một vòng quanh chợ Đồng Xuân, Hà Nội, chỗ nào cũng nhận được lời mời mua máy soi tiền. Có thứ máy hình dáng như chiếc bút bi giá chỉ có khoảng 10 ngàn đồng nhưng khả năng rất kém, có chiếc như chiếc đèn pin giá 25 ngàn đồng chỉ soi được tiền 50 ngàn đồng *polymer*, các loại tiền khác thì máy cười trừ. Chỉ có máy soi tiền Start giá khoảng 100 ngàn đồng là ngon lành hơn cả. Tiền nào cũng... chơi. Tiền giấy, tiền *polymer* và ngay cả tiền đô Mỹ, tiền Euro cũng soi tuốt. Câu "châm ngôn": tiền nào của đó, bao giờ cũng đúng!

Tiền để tiêu nhưng tiền cũng là một công cụ phục vụ dị đoan. Thày bói gieo quẻ bằng tiền trinh là điều ai trong chúng ta cũng biết. Lối

bói tiền của các nàng *gypsy* là điều tôi biết. Trong một cuộc rong chơi tại Baltimore khi còn trẻ tôi bị một cô nàng *gypsy* đứng chào mời khách bên ngoài một tiệm bói toán lôi vào. Bà thày bói, có lẽ là mẹ cô gái cò mồi đứng dụ khách bên ngoài, nhìn tôi đăm đăm bằng đôi mắt áp đảo. Xong bà bảo tôi lấy đồ trong túi ra. Tôi rút ra một bao kẹo cao su. Mặt bà có vẻ thất vọng. Bà dục tôi rút tiếp. Tôi rút đủ thứ linh tinh ra. Cuối cùng là chùm chìa khóa. Bà cầm chùm chìa khóa, đặt lại trên bàn, có vẻ sốt ruột. Rồi bà nói toạc móng heo là rút tiền trong túi ra cho bà làm phép để tiền đẻ ra tiền. Sinh viên nghèo, tôi quý tiền bạc như máu thịt mình, sức mấy tôi lóc tiền ra. Tôi bảo không có tiền, nhanh tay thu dọn mớ đồ linh tinh và đứng dậy. Bà ta la lên như tôi giật tiền của bà. Tôi vội chạy ra cửa. Cô gái chài khách vờ ôm giữ tôi. Tôi giữ chặt chiếc ví trong túi trong khi đám bạn tiến tới giải vây.

Bạc cắc còn có mặt trong lúc con người rời cõi tạm đi về cõi vĩnh hằng. Chúng ta thường tin tưởng là dương sao âm vậy, con người ra đi cũng cần có đồng bạc dằn túi mới yên tâm cho người ở lại. Chẳng lẽ đường xa là thế mà không có đồng bạc cắc trong người phòng khi lỡ vận. Khi nhà thơ Đinh Hùng rời chúng ta vào năm 1967 tại Sài Gòn, suýt nữa bạn bè và thân nhân quên nhét cho ông đồng xu dằn túi. *"Thiếu Lang quay sang hỏi chị Đinh Hùng và chúng tôi: 'Đã có ai đem tiền đi đường cho anh ấy chưa?' Không ai hiểu câu hỏi của Thiếu Lang. Anh vội nhìn xuống, nhìn vào miệng Đinh Hùng còn mở hé mà nói rằng: 'Giúp tôi một tay.' Bằng một chiếc đũa, Thiếu Lang cạy miệng người vừa mất để vào ít đồng tiền kẽm mà nói: 'Để anh đi đường tới cõi siêu sinh tịnh độ'."* Đó là lời kể của ký giả Lô Răng Phan Lạc Phúc trong bài "Kỷ Niệm Tao Đàn..."

Tiền là thứ ai cũng thích nên nhiều người tin là nó đem lại may mắn. Muốn cầu xin điều gì, người ta liệng tiền vào những bể nước nơi công cộng. Được cái là liệng tiền vào trong nước nên chỉ có thể liệng tiền cắc. Đỡ cho cái túi biết chừng nào. Trên trường thể thao tiền cũng có thể liệng một trái banh vào lưới đối phương. Ít nhất người ta đã tin như vậy. Trong Thế Vận Hội Mùa Đông năm 2002 tại Salt Lake City, ông chuyên viên tạo sân băng cho các trận *hockey* người Canada, Trent Evans, đã lén chôn đồng bạc cắc vào giữa sân. Kết quả là cả hai đội *hockey* nam và nữ Canada đều đoạt được huy chương vàng! Đồng bạc cắc này đã được để trong bảo tàng viện *Hockey Hall of Fame*! Trong trận đấu chung kết cúp Stanley năm nay giữa đội Carolina của Mỹ và đội Edmonton Oilers của Canada, một đồng xu cũng được đội chủ nhà chôn trên sân. Không ngờ, trong khi đội khách Oilers khởi động trên sân trước trận đấu, cầu thủ Ryan Smyth trượt đúng vào đồng xu. Anh cúi xuống lượm lên. Đó là đồng tiền cắc của Mỹ. Hành động của anh không qua mắt được toán công nhân trong sân. Họ đã lén chôn một đồng khác xuống sân băng. Kết quả: bạc cắc thắng. Đội chủ nhà ẵm cúp!

Bạc cắc chúng có cái thần của chúng. Thử hỏi bạn một câu chơi. Nếu đang đi trên đường bạn thấy một đồng bạc cắc, bạn có cúi xuống lượm không? Nhiều phần là có, trừ những người có chứng đau lưng! Tiền chúng mò tới với mình ai nỡ nhắm mắt làm ngơ. Tuy bạc cắc không có giá trị tiêu dùng nhiều nhưng chúng là cái may mắn, bỏ sao đặng! Có một người luôn luôn làm ngơ là Đỗ Ngọc Yến. Ông bạn chủ báo Người Việt này chỉ thích cho người khác tiền. Giúp cô này, giúp anh nọ, cho người này, cho người kia, ai cần thì anh sẵn sàng móc tiền ra. Cửa túi anh rất rộng, bạc cắc cứ thoải mái ra đi. Vậy mà tờ báo của anh, đúng ra tờ báo này không còn là của anh nữa khi anh đã khơi khơi chia cổ phần cho nhân viên, vẫn cứ ngày một khấm khá hơn. Không chủ tâm lượm bạc cắc mà bạc cắc cứ lò mò tới. Lạ chứ! Một anh bạn trẻ của Người Việt, trong một bài viết đã lý giải chuyện lạ này như sau: *"Tại sao một ông Chủ Nhiệm tờ báo, chuyên nghề cho tiền người khác, mà tờ báo cứ phát triển đều đều và tài chánh ngày càng mạnh? Không ai biết. Người Mỹ có câu ngạn ngữ này, nói về tình yêu: 'Nếu bạn yêu ai, hãy thả cho người ấy đi, nếu người ấy trở lại thì thực sự người ấy là của bạn.' Bác Yến đã dám bỏ tiền cho nó đi, rồi cuối cùng nó đã trở lại."*

Biết cho bạc tiền ra đi phải là một người có lòng. Hơn nữa, một triết nhân!

09/2006

TRỨNG

Một anh chồng mệt mỏi vì phải đi làm trong khi cô vợ ở nhà chơi không, xin với Thượng Đế.

"Thượng Đế ơi! Con khổ quá! Con phải làm việc cật lực ngày tám tiếng trong khi vợ con nó phây phây ở nhà. Con xin Ngài cho con đổi vị trí để vợ con nó biết con vất vả như thế nào."

Thượng Đế dễ tính nên cho anh chồng đau khổ biến thành phụ nữ.

Sáng hôm sau, anh chàng tỉnh dậy, dọn ăn sáng, đánh thức con cái, chuẩn bị áo quần cho chúng đi học, dục chúng ăn cho nhanh, gói đồ ăn trưa, đưa chúng đi học. Trở về nhà, mang quần áo đi giặt, tới ngân hàng trả *bills*, đi chợ, xếp đồ ăn vào tủ lạnh, dọn dẹp chỗ vệ sinh cho mèo, tắm cho chó.

Một giờ trưa, hút bụi, lau nhà, tới trường đón con về, cho chúng ăn bữa lỡ, kèm chúng làm bài vở, ủi quần áo.

của ta, ta tin rằng con đã học được nhiều điều và ta rất vui lòng khi đặt mọi thứ trở lại vị trí cũ sau chín tháng 10 ngày nữa, bởi vì con đã dính bầu tối qua!"

Chẳng nói bạn đọc cũng biết đây là chuyện... phiếm, đọc cho vui. Bởi vì khi Thượng Đế cho anh chồng biến dạng, chắc Ngài chẳng nghĩ tới chuyện trang bị cho anh ta vài cái trứng. Bởi vì trứng này nhỏ li ti, dễ quên lắm, chứ không to đùng như trứng gà trứng vịt bán ở ngoài chợ. Mà không có trứng thì sao mà bầu bì được?

Hoài thai là một cuộc gặp gỡ tại điểm hẹn

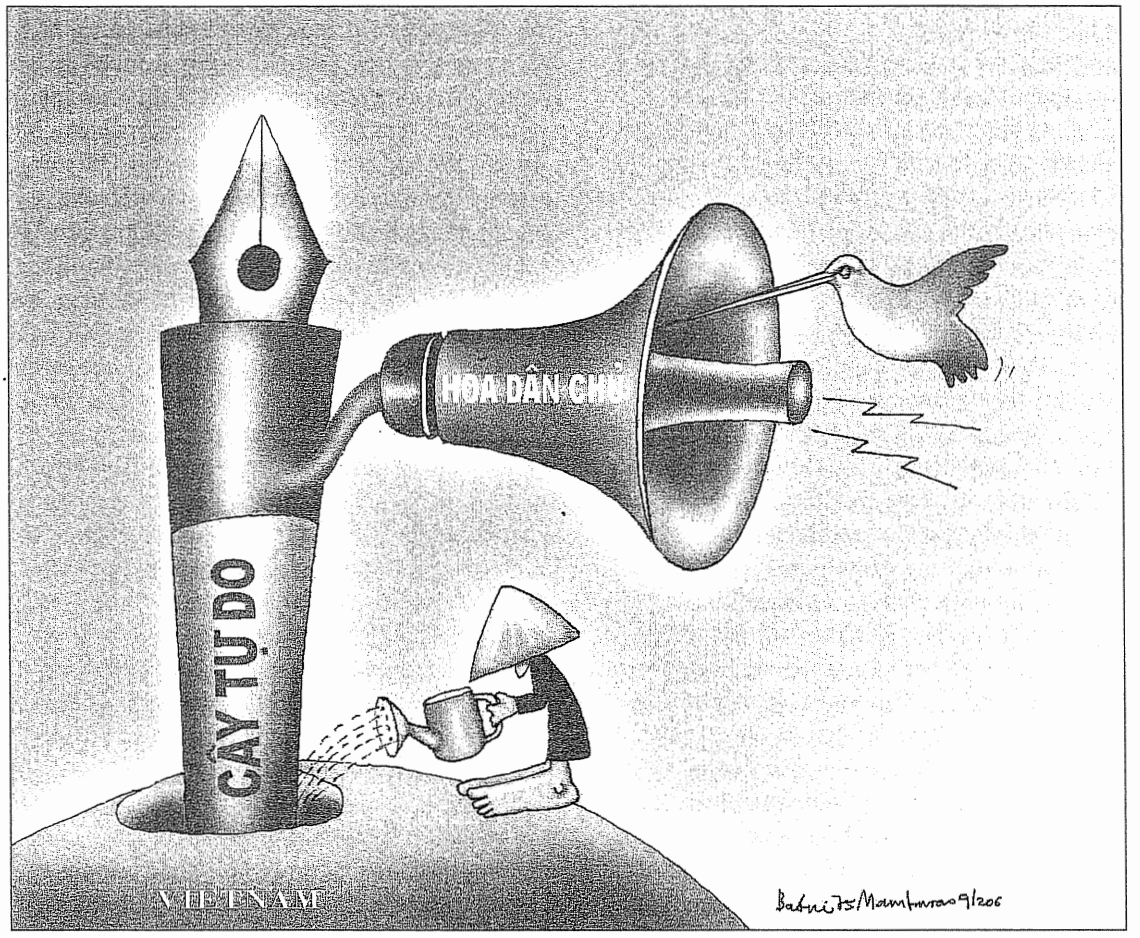

Bốn giờ chiều, làm cơm tối. "Chồng" đi làm về, ăn cơm, rửa chén bát, lau bếp.

Chín giờ tối, mệt mỏi leo lên giường. "Chồng" lại đòi hỏi, chiều cho qua quít xong thì thôi.

Sáng hôm sau, anh quỳ xuống cạnh giường kêu van Thượng Đế: "Thượng Đế ơi, con khổ quá! Con biết lỗi rồi. Xin Ngài cho con trở lại làm đàn ông."

Thượng Đế nhân từ trả lời: "Con yêu dấu

giữa một trứng và một tinh trùng có tốc độ chạy nhanh nhất. Đàn bà thì phải có trứng. Đúng quá, cãi chi nổi. Không những có mà còn có cả buồng. Dùng không hết. Trời cho rất dư, mà dư nhiều là khác. Bởi vì mỗi mụn con chỉ cần một trứng là đủ rồi. Có khi ba bốn mụn con xài chung một trứng vẫn cứ được như thường, tuy hiếm xảy ra. Bà Shruthi Vivekanandan, 26 tuổi, ngụ tại thành phố Madras, miền nam Ấn Độ, vừa sanh được bốn cô gái thụ thai trong cùng một

trứng, nặng từ 810 gram đến 990 gram. Một lúc sanh bốn con như vậy nhưng bà Shruthi vẫn sinh tự nhiên chứ không phải mổ. Điều cực hiếm trong ca sanh bốn này là bốn đứa trẻ có chung một mạch máu nhau thai. Thường thì chỉ sinh đôi. Nhưng sinh đôi cũng chia làm hai thứ: sinh đôi thật và sinh đôi giả. Thật nếu hai đứa trẻ chung nhau một trứng. Giả là hai đứa trẻ được tạo thành một lúc nhưng do hai trứng khác nhau. Nếu sinh đôi thật thì hai đứa trẻ giống nhau như khuôn, khó phân biệt nếu không có những dấu vết riêng. Những đứa trẻ này lớn lên là một sự phiền phức vì khi chúng lập gia đình, vợ chúng có thể lộn!

Trứng người cũng như trứng gà trứng vịt, chúng có thời hạn đàng hoàng. Quá đát thì chỉ có mang đi vứt. Thời hạn của trứng người là một tháng. Quá một tháng thì bị thải ra theo kinh kỳ. Uổng dữ! Một người đàn bà có thể có trứng cho tới khi... biệt kinh kỳ. Nhưng có trứng, có những chú lăng quăng chạy tới làm quen, không có nghĩa là có thể... sưng bụng. Diễn tiến đưa tới thai kỳ khá phức tạp nên có khá nhiều trục trặc. Trứng đó, cả triệu trái chứ ít ỏi gì, nhưng trứng cứ trơ gan cùng tuế nguyệt chẳng thai nghén gì cả. Có khi vì bệnh. Có khi chẳng vì sao cả. Tự nhiên trứng... lười biếng. Thế thôi.

Nếu trục trặc vì kỹ thuật không thể có cuộc hẹn hò chính xác giữa trứng và tinh trùng thì ngày nay khoa học có thể cho trứng thụ tinh trong ống nghiệm. Nghĩa là con người tạo cuộc gặp gỡ bằng cách lấy trứng và tinh trùng ra, cho chúng... giao lưu với nhau trong ống nghiệm. Khi phôi sinh đã thành hình thì cấy lại vào tử cung của người mẹ. Chờ cho đến ngày đến tháng là... *mang tiếng khóc bưng đầu mà ra* một cách thường tình. Đứa trẻ đầu tiên được thụ tinh trong ống nghiệm là bé Louise Brown, sinh ngày 25 tháng 7 năm 1978. Cha mẹ của bé là John và Lesley cố gắng ráp nối phi thuyền một cách tự nhiên trong chín năm mà không được nên mới phải nhờ đến bàn tay của y học. Từ đó đến nay đã có hàng triệu trẻ em ra đời bằng cách... lạnh lẽo này. Năm nay Louise đã 28 tuổi và có chồng là một viên sĩ quan an ninh tên Wesley Mullinder. Hai năm trước đây, vào tháng 9 năm 2004, đám cưới của cô đã gây xôn xao dư luận và cô đã nói ngay là cô hy vọng sẽ có con một cách thông thường như mọi người chứ không cần tới ống nghiệm. Cô vẫn có mặc cảm về thân phận mình: "Tôi từng nghĩ mình là một người đặc biệt. Tôi đã luôn bị ám ảnh bởi việc mình đã được sinh ra thế nào khi tôi mới được 10 tuổi. Nhưng nay thì tôi không còn nghĩ gì nữa bởi có rất nhiều đứa trẻ cũng được sinh ra như vậy. Giờ tôi chỉ còn chú tâm vào cuộc sống của mình." Có lẽ nhờ chú tâm nên chỉ hơn một năm sau ngày cưới, cô đã mang thai và đang chờ ngày ra đời của đứa bé, cháu ngoại của... ống nghiệm, vào tháng Giêng năm tới.

Cùng họ trứng thì trứng gà, trứng vịt hay trứng người cũng đều có thể bị ung, không dùng để đón tiếp tinh trùng được. Đó là trứng của những người trên 40 niên kỷ hay những người có dấu hiệu suy buồng trứng. Vậy thì mần răng? Trứng gà trứng vịt thì có thể ra chợ mua trứng tươi, trứng người cũng vậy. Nhưng muốn mua trứng người thì không phải ra chợ mà đi tìm... cò trứng nếu ở Việt Nam. Chỗ nào có lợi nhuận là chỗ đó có cò. Cò nhan nhản khắp nơi. Cò trứng thường trụ ngoài cổng những bệnh viện chuyên về sản khoa. Theo thống kê của Bệnh viện Từ Dũ thì mỗi năm số người điều trị thụ thai bằng mua trứng mỗi tăng. Năm 2001 có 40 ca, năm 2003 có 133 ca, 2004 có 248 ca, qua 2005 là 349 ca. Năm 2002, Việt nam có luật về cho trứng theo đó người cho trứng phải từ 18 đến 35 tuổi, việc cho trứng phải thực hiện trên nguyên tắc tự nguyện và bí mật và, trên pháp lý, người mang nặng đẻ đau là mẹ, đứa trẻ sinh ra không có quyền thừa kế đối với người cho trứng. Bệnh viện thêm vào một số điều kiện khác như: có gia đình, có con để tránh tranh chấp.

Như vậy thì việc mua trứng qua cò là trái luật, vi phạm nguyên tắc tự nguyện và bí mật. Nhưng luật là một chuyện, tiền là một chuyện, người ta vẫn cứ ngang nhiên mua bán. Muốn bán trứng thì phải móc trứng ra mà bán. Chuyện khá phức tạp. Trước hết là ủ cho trứng chín. Trứng gà trứng vịt thì cứ rơm rác là xong. Trứng người quý phái hơn nên cần phải dùng thuốc. Mỗi ngày người cho phải được chích thuốc kích thích buồng trứng. Cứ cách hai ngày bác sĩ phải làm siêu âm, xét nghiệm máu và kiểm tra xem nội tiết có cân đối với lượng trứng hay không. Nếu chưa ăn thua gì, bác sĩ sẽ tăng liều thuốc kích thích. Khi siêu âm thấy trứng đã chín, bác sĩ mới tiến hành việc chọc hút trứng qua âm đạo. Nghe đã thấy... đau. Mà đau ngay từ khi chích thuốc kích thích trứng chứ không phải đợi tới khi... hút! Ngoài ra, phải canh sao cho chu kỳ của hai người cho và nhận trứng song song với nhau. Nếu không trùng hợp thì phải kéo trong thời gian cả tháng cho trùng.

Bán trứng vất vả hết siêu âm, kiểm tra, xét nghiệm đến co kéo như vậy, người bán được bao nhiêu? Theo thời giá thì là sáu triệu đồng. Nếu làm công nhân phải chắt chiu cả chục năm trời mới dành dụm được số tiền lớn như vậy. Vậy thì tội chi không bán. Có giữ được trứng đâu. Không bán thì chúng cũng tháng tháng bị đổ ra như rác rưởi, ích chi? Nhưng bán được trứng cũng gian truân lắm. Một nữ phóng viên của báo *Thanh Niên* đã vào vai một người bán trứng để coi sự thể ra làm sao đặng về chạy nhật trình. Qua giới thiệu của một người bạn, chị có số điện thoại của cò. Nhấc máy lên gọi, cò... bay vòng vòng tránh né, hỏi đi hỏi lại sao biết tui, ai cho số điện thoại, mãi sau mới chịu cho gặp mặt. Cò nhìn từ đầu đến chân cô phóng viên rồi điều tra: "Qua ai mà biết tui? Sao biết có vụ mua bán trứng?" Cật vấn cho ra lẽ xong mới dẫn tới... siêu cò tên Phượng. Sau khi nghe một màn kể khổ là sinh viên cần tiền của cô phóng viên, cò Phượng mới vào đề: "Em bao nhiêu tuổi? Có chồng con chưa?" Dạ thưa đàng hoàng, 30 tuổi, chưa chồng nhưng có ăn ở như vợ chồng với bồ, có xảy thai một lần. Cô phóng viên phải khai là xảy thai vì nếu chưa có kinh nghiệm chửa đẻ thì... rớt cái rụp liền. Cò phán: "Nếu đẻ con ra rồi mà không sống thì được, chứ xảy thai thì hơi gay. Nhưng không sao, tui sẽ nói dối là em có con hai tuổi rồi." Cò Phượng cho biết thủ tục: trước hết là gặp một bác sĩ tư để xem hình xem dáng và phải xuất trình bản photo thẻ Chứng Minh Nhân Dân. Nếu được, bác sĩ sẽ khám tổng quát. Đến ngày có kinh sẽ lên thử máu xem có bệnh gì không. Nếu ngày kinh của người mua và người bán trùng nhau, sẽ chích thuốc kích thích cho trứng tăng trưởng nhanh, rụng sớm. Nếu không trùng thì phải uống thuốc điều hòa kinh nguyệt, sau đó mới chích. Tùy trứng mỗi người tăng trưởng nhanh hay chậm, có thể chích từ tám đến 20 ngày. Khi nào trứng rụng sẽ tiến hành gắp trứng tại một bệnh viện phụ sản. Cò hẹn ngày hôm sau sẽ gặp tại một quán nước trước cửa phòng khám. Vừa gặp nhau, cò Phượng điện thoại cho thân chủ bằng giọng ngọt sớt: "Chị Tr. Tới chưa? Em dẫn con bé lên rồi nè. Con bé này xinh hơn con hôm trước, dáng đẹp, chị gặp là thích liền. Em gặp con gái nó rồi, dễ thương lắm." Phượng cúp máy, cười: "Nghề của chị mà em! Em cứ nói theo lời chị dặn là được."

Tại Mỹ ra sao tôi thật tình không rõ nhưng tại Canada chúng tôi cũng có cò trứng. Cò này là cò điện tử mang tên internet! Mặc dầu Canada đã có luật về Trợ Giúp Sinh Sản của Con Người (*Assisted Human Reproduction Act*) từ năm 2004 nghiêm cấm việc bán trứng nhưng lại không cấm cản việc quảng cáo. Vậy là trên nhiều trang mạng người ta cứ thản nhiên rao hàng. Dĩ nhiên không trắng trợn ra giá nhưng theo tìm hiểu của báo *Journal de Montreal* thì giá khoảng từ 500 đô tới 2000 đô một phi vụ cho trứng. Tại sao lại có cái giá chênh lệch như vậy thì tôi cũng mù câm. Chẳng lẽ trứng cũng có mùa, khi trồi khi sụt? Hay có thứ trứng tốt trứng xấu? Hoặc giả trứng quý phái, trứng bình dân? Người bán trứng là những người cần tiền, thông thường là các sinh viên. Báo *Journal de Montreal* đã tiếp xúc phỏng vấn sáu phụ nữ từ 18 đến 31 tuổi có ý định bán trứng thì có người nói là đang bị khó khăn tài chánh nhưng cũng có người nói là có ý định mua nhà! Chắc bà này có họ hàng với cô Perrett của ông Lã Phụng Tiên!

Cũng bà con họ hàng với nghề bán trứng là nghề cho thuê tử cung. Người cho thuê tử cung nhận cho người ta đặt vào bụng mình phôi sinh của người khác để mang nặng đẻ đau đứa con không phải của mình. Bộ người đàn bà muốn có con không có... dụng cụ thiên nhiên để tự mình sinh đẻ được hay sao mà phải đi mướn cái của người khác? Dĩ nhiên bà nào cũng có đủ thứ nhưng nhiều khi vì những trục trặc của cơ thể không tự mình bầu bì được, phải thuê người khác đẻ giùm. Nghề này đã trở thành nghề... quốc tế, nở rộ tại những nước nghèo khó, điển hình là Ấn Độ. Thành phố Anand của Ấn là thành phố đi tiên phong trong dịch vụ quốc tế này. Các bà tuổi từ 18 đến 45 ở thành phố nghèo đói này đã xuất cảng những đứa trẻ sơ sinh đến Mỹ, Do Thái, Singapore, Anh. Và số khách hàng từ các quốc gia khác cũng đang thăm dò. Lý do là giá thuê... bụng ở đây khá rẻ: từ 2500 đô Mỹ tới 5600 đô Mỹ một phi vụ. Rẻ như vậy nhưng đây là một gia tài kếch sù đối với người dân Anand mà lợi tức trung bình tính theo đầu người chỉ có 500 đô Mỹ một năm. Chị Mehli, một giáo viên tiểu học, là một điển hình. Chị mới cho thuê bụng cho một cặp vợ chồng bên Mỹ với giá năm ngàn đô Mỹ. Khi giao hàng xong, với số tiền thù lao này chị có thể làm được nhiều việc: sửa nhà cửa, trang trải tiền học cho con cái, làm của hồi môn cho con gái. Toàn những việc mà có cặm cụi suốt đời chị cũng chẳng thể dành dụm mà hoàn tất

được.

Việt Nam ta đâu có chịu thua các chị em xứ cà ri. Nghề cho thuê bụng cũng đang thịnh hành ở Việt Nam. Có điều chưa tới mức quốc tế. Bụng Việt Nam mới chỉ cho những thai nhi Việt tá túc thôi. Chị Liên là một phụ nữ tiên phong cho thuê tử cung. Chị đã không ngần ngại cho nhà báo biết: "Em chưa có chồng nhưng được bốn đứa con. Nhưng nói thiệt tới giờ em cũng không biết mặt mũi tụi nó ra sao! Sanh ra là chúng được rước đi hết!" Công xá mỗi lần sanh là từ bốn tới năm cây vàng. Cộng thêm tiền chi phí ăn ở hàng tháng người mướn phải trả để nuôi thai khoảng một cây nữa. Vậy là sáu cây. Trong suốt chín tháng mang bụng, Liên sống sung sướng bằng tiền của... đối tác. Muốn ăn cao lương mỹ vị gì họ cũng chiều cả, mỗi nửa tháng lại tới thăm, cho quà cáp hậu hĩnh. Một cặp vợ chồng khi siêu âm biết bào thai trong bụng Liên là con trai đã hào phóng tặng luôn một điện thoại di động! Cho thuê bụng mà... vương giả như vậy hèn chi nghề này đang rầm rộ phát triển tại Việt Nam. Chí ít nó cũng hơn nghề lấy Đài Loan, Đại Hàn vừa bấp bênh vừa gian nan nguy hiểm!

Tính theo tiền bạc thì ngon ăn như vậy, nhưng tính theo tình cảm thì không biết sao mà nói được những mất mát phải chịu. Đứa con dứt ruột sanh ra dầu không phải là con mình nhưng chín tháng hoài thai quá đủ cho sợi dây liên hệ tình cảm mẹ con nẩy nở. Tại những nước Âu Mỹ đã có nhiều bà mẹ... mướn khi sanh con nhất định không trả con khiến hai bên phải kiện tụng lôi thôi rất tốn kém. Vì vậy nên những cặp vợ chồng cần mướn bụng thích thuê những phụ nữ tại các nước nghèo khó để khỏi tranh chấp kiện tụng lôi thôi.

Cái tình cảm nhức nhối của một dịch vụ tưởng chỉ quy ra tiền bạc là xong đã đi vào văn học. Nhà văn miệt vườn đang là một hiện tượng văn học ồn ào ở trong nước Nguyễn Ngọc Tư đã xông vào chỗ rối rắm này bằng truyện ngắn "*Làm Mẹ*." Vợ chồng anh Đức và chị Diệu sống trong hạnh phúc. Chỉ có một điều họ không thể có được là một đứa con cho vui cửa vui nhà. Vừa lấy chồng, chị đã phải vào bệnh viện cắt buồng trứng vì một khối u trong bụng. "*Không ai nói cho dì biết trước là sau ca mổ vĩnh viễn dì không thể có con được nữa. Dì nằm trong phòng hồi sức, nước mắt chảy về hai phía đuôi mắt ròng ròng, len vào tóc, ướt gối. Hồi nhỏ, em dì đông, tuổi thơ cơ cực, dì Diệu bồng em chai hông, có lần dì ra ngoài đình, dì than, dì ghét con nít lắm. Có phải vì vậy mà trời phạt dì không hỏng biết. Dì Diệu buồn như ai rứt ruột, dì khóc, biểu chú Đức thôi dì đi, sống chung mà không có con chỉ buồn thêm thôi.*" Đức thương vợ nhất định không bỏ vợ đi tìm con. Diệu cười nói trở lại. Nhưng nỗi buồn nào cũng có thể nguôi đi được nhưng chuyện buồn không có con thì chẳng bao giờ nguôi. Hai vợ chồng đi tới giải pháp nhờ người cho thuê bụng. Người được nhờ là chị Lành, một người đàn bà gánh nước thuê không chồng con, thuê nhà của vợ chồng chị Diệu. Khi cái thai bắt đầu đạp trong bụng chị Lành, chị cảm thấy thương cái mầm sống đang lớn lên trong bụng. Chị nghĩ tới ngày sanh phải trả lại nó cho chị Diệu, chị buồn rơm rớm nước mắt. Phần chị Diệu, sờ vào bụng chị Lành trong đó có đứa con máu mủ của mình, "*Dì Diệu cười, rồi làm như một cơn gió từ đâu xộc tới, tim dì riết lại một nỗi đau. Dì thèm biết bao nhiêu cái cảm giác che chở cho một sinh linh sống trong mình, để được thèm tới cùng, tới chảy nước dãi món ngọt, món chua, để có thể cảm nhận từ trái tim chứ không phải bằng bàn tay đôi bàn chân bé bỏng quẫy đạp bụng mình thon thót. Đó là những cảm giác thiêng liêng không vay mượn, thuê mướn được: cảm giác làm mẹ.*" Gần tới ngày sanh, chị Lành bỏ đi trốn. Diệu tìm về quê chị Lành, gặp bà mẹ. "*Vậy ra nó không nói gì với cô sao? Tui hay tin nó hư hỏng, tôi từ nó rồi, tui tính bỏ nó luôn, nhưng thiệt tình tui thương nó lắm, phải nó về, tui cũng nuôi.*" Một cái bụng bầu, ba tình thương của ba người đàn bà, đã làm mẹ và chưa làm mẹ. Chị Diệu lau nước mắt cho mẹ chị Lành, lòng dằn vặt: làm người thì ai lại đi dành con với người ta. Dì không hy vọng gì gặp lại được chị Lành nữa. Nhưng "*khi đã không trông chờ gì, một ngày, khi mở cửa, dì Diệu nhìn thấy chị Lành đang ngồi ngoài hàng ba và khóc. Những người có tình có nghĩa, dễ gì bỏ được nhau. Dì Diệu cắn cho môi vằn đỏ dấu răng, dì ôm chị Lành vào lòng rất chặt. Dì cảm nhận được từ trái tim bàn chân bé bỏng của đứa bé đang lòi chòi. Nó háo hức nằm giữa hai tấm lòng của hai bà mẹ. Dì Diệu đi lấy tờ hợp đồng ra và đốt cháy thành một tờ tro mỏng. Đôi khi người ta hay bày chuyện nầy chuyện nọ để làm xao động cuộc đời đang hết sức yên bình, lãng nhách vậy đó.*"

08/2006

Website: www.songthao.com

Tưởng nhớ cha
CHUYỆN THÚNG TRỨNG GÀ

ĐẠM PHƯƠNG

Một trong những kỷ niệm tôi nhớ nhất về người cha yêu dấu của tôi – Luật Sư Trần Văn Tuyên – là một chuyện anh Huyền tôi và tôi gọi là: "Chuyện Thúng Trứng Gà."

Vào năm 1945, Ba tôi làm tri huyện tại Thanh Miên, tỉnh Hải Dương. Trên tôi có ba người anh trai nên từ khi mới đẻ ra tôi là con gái "rượu" của bố mẹ, nhất là Ba tôi thì chiều tôi vô kể. Tại vậy mà ngay từ khi mới chập chững biết đi tôi chuyên môn lẽo đẽo theo Ba tôi suốt ngày. Làm quan huyện thời đó thì nhà riêng, công đường, tòa án, nhà giam v.v... đều ở trong một khu của dinh quan huyện, có đất, vườn thật rộng và lính gác chung quanh.

Ba tôi được bổ tri huyện khi mới độ 30 tuổi – một trong những quan huyện trẻ nhất trong nước – và nhậm chức ở Hải Dương trước tiên. Sau đó Ba tôi nhận lời chuyển qua Thanh Miên vì không có một quan huyện nào khác chịu đi nhậm chức tại đây.

Thanh Miên nổi tiếng là một xứ nghèo và nhiều trộm cướp. Việt-Minh lại lộng hành ở miền này và quân lính Nhật cũng xâm nhập làm Pháp và chính quyền thời đó lo ngại rất nhiều. Thêm nữa không hiểu tại sao, ông quan huyện làm trước Ba tôi ở Thanh Miên lại treo cổ tự tử (hay bị giết?) chết ngay trong công đường. Khi Ba tôi nhận lời chuyển qua Thanh Miên, Mẹ tôi rất lo lắng cho an ninh của Ba tôi và cả gia đình. Tuy nhiên Ba tôi là người không nề ngại khó khăn, nhất là trong khi thời cuộc ở nước mình rất bấp bênh.

Việc tôi thích nhất trong ngày là mỗi sáng, sau khi bà vú tắm rửa tôi và diện đẹp xong, tôi chạy ngay vào công đường. Nếu Ba tôi không bận khách thì tôi trèo ngay lên lòng cha ngồi, giả vờ mình là quan huyện. Nếu Ba tôi bận việc thì tôi chui xuống gầm bàn ngay dưới chân Ba tôi, ngồi chơi một mình với đồ chơi.

Khi gia đình tôi dọn về Thanh Miên thì lúc đó đang có nhiều vụ trộm cướp trong tỉnh. Kẻ cướp rất lành nghề và lại giỏi võ nghệ nên dân trong huyện đều sợ hãi. Các lý trưởng, trương tuần và các người trong làng, tổng và tỉnh điên đầu vì không bắt được anh ta. Người nào cũng lè lưỡi và rùng mình vì tên cướp này.

Tôi phải nhắc ở đây là Ba tôi không giống nhiều quan huyện khác: Ba tôi không thích mặc quần áo quan huyện hay đeo thẻ bài ngà và ngồi xe có lính hộ vệ. Ba tôi ăn mặc giản dị, mặc quần cộc (short) và áo sơ mi ngắn tay – tựa như quần áo mà người ta gọi là safari outfit. Ba tôi ưa cưỡi ngựa chứ không đi xe. Có lần Ba tôi gần hụt vào họp với Hoàng Đế Bảo Đại chỉ vì không mặc quần áo quan và đi xe có lính theo hầu hai bên. Ba tôi cưỡi ngựa đến dinh và chỉ đi với một người cận vệ mà thôi.

Một buổi tối Ba tôi cùng người hộ vệ cưỡi ngựa đi bắt kẻ cướp ngay lúc anh ta đang hành nghề, đem về huyện và nhốt trong nhà giam ngay bên cạnh dinh. Hôm sau tôi thấy kẻ cướp bị xử phạt trước mắt một số người, ngay trong sân trước của dinh. Anh ta khóc lóc, lạy lục xin Ba tôi tha tội vì có năm đứa con mà không có tiền nuôi. Anh hứa xin chừa tật ăn cướp và xin làm bất cứ việc gì để chuộc tội. Tôi không nhớ Ba tôi bỏ tù người này bao nhiêu lâu nhưng Ba tôi lại cho người vợ anh cướp hai con gà đem về.

Rồi một hôm, tôi đang ngồi dưới gầm bàn trong khi Ba tôi làm việc thì có người đội lính vào thưa là có một người đàn bà ngồi ngoài cổng từ sáng sớm nhất định đòi xin vào gặp quan huyện. Hỏi về chuyện gì thì bà ta không nói, chỉ nhất định là phải gặp quan huyện tận mặt chứ không đi qua ai khác cả. Ba tôi bảo đem bà ta vào.

Một người đàn bà cắp một cái thúng sợ sệt đi theo người đội vào công đường, quỳ xuống đất vái Ba tôi. Ba tôi vội đứng dậy và mời bà ngồi ghế. Bà nói bà là vợ tên cướp mà Ba tôi đã cho hai con gà về nuôi. Giờ gà đẻ ra một lô trứng nên chồng bà nhất đem đến biếu quan huyện. Ba tôi vui vẻ cám ơn bà nhưng nhất định không nhận và bảo bà đem trứng về hoặc bán

hoặc cho nở thêm một đàn gà con để nuôi mà bán ngoài chợ hay cho các con ăn thịt. Người đàn bà tỏ vẻ thất vọng phải đem thúng trứng gà về. Khi bà ta đi rồi, tôi hỏi Ba:

- "Sao Ba không lấy trứng? Con ăn trứng mỗi buổi sáng mà." Ba tôi nhìn tôi rồi nói:

- "Con bé này, sao con lại tham thế? Con muốn ăn bao nhiêu trứng Ba mua cho con ăn. Tại sao mà phải lấy của người nghèo? Con nhớ là không bao giờ được tham lam lấy của người khác nhất là người có ít hơn mình, trong khi đáng lẽ mình phải giúp đỡ người ta."

Và Ba tôi giảng cho tôi một bài học về lòng khoan dung, rộng lượng, thương người. Tôi còn bé quá nên lúc đó chỉ hiểu mang máng là mình làm sai và nhớ là Ba dạy lúc nào cũng phải kính trọng, giúp đỡ và chia sẻ với những người thiếu thốn hơn mình.

Một hồi lâu nữa, anh đội lính lại vào công đường thưa là cái bà có thúng trứng không chịu về mà cứ ngồi khóc ở ngoài cổng dinh. Ba tôi bảo đưa bà ta vào. Bà vợ người ăn cướp trở vào công đường khóc sụt sịt:

- "Bẩm thưa quan lớn, quan lớn không thương vợ chồng chúng con nên quan lớn không lấy trứng mà chúng con đem đến biếu. Con không dám đem trứng về nhà vì nếu chồng con biết sẽ giận con lắm."

Ba tôi đi ra chỗ trứng, cầm lấy một quả trứng trong tay và nói với người đàn bà:

- "Đây nhé, tôi lấy trứng đây. Bây giờ chị mang trứng còn lại về đi không có các con nó chờ mẹ ở nhà một mình."

Người đàn bà lúc bấy giờ mới nở một nụ cười và cắp thúng trứng về, gương mặt tỏ vẻ sung sướng hơn trước.

Vụ này làm tôi nhớ mãi trong trí óc thơ ngây và là tượng trưng một trong những hình ảnh cá nhân Ba tôi.

Sau khi mãn tri huyện Ba tôi mang gia đình về Hà Nội tiếp tục tranh đấu dưới lá cờ Việt Nam Quốc Dân Đảng cùng các đàn anh như nhà văn Nguyễn Tường Tam để dành lại độc lập cho Việt Nam. Ba tôi gia nhập nhiều nội các quốc gia và sau khi mang gia đình vào Saigon (năm 1950) đã có lần từ chức nội các Trần Văn Hữu vì không đồng ý với chính sách của Pháp tại Việt Nam.

Ba tôi là người yêu chuộng hòa bình và công bằng xã hội nên năm 1967 đứng ra thành lập Hội Nhân Quyền Quốc Tế – Hiến Chương Việt Nam và đi tham dự hội nghị "Pacem in Terris" tại Geneva cũng năm đó. Năm 1971 Ba tôi làm chủ tịch khối Dân Tộc Xã Hội tại quốc tế hội và nhiệm chức thủ lãnh khối độc lập trong Hạ Viện (1971-1975).

Trước khi mất nước năm 1975, tôi gọi điện thoại từ bên Mỹ về cố lạy lục Ba tôi nên rời Việt Nam vì tình hình lúc đó quá nghiêm trọng. Tòa Bạch Ốc cho tôi biết là Đại Sứ Martin đã chuẩn bị máy bay đem Ba tôi và gia đình ra khỏi Saigon. Trong lần điện thoại cuối cùng vào ngày 30 tháng Tư, Ba tôi nói với tôi:

- "Nếu con muốn thuyết phục Ba thì con phí thì giờ. Ba đã hy sinh cả cuộc đời tranh đấu cố dành lại độc-lập và thanh-bình cho quê-hương, giờ đang nửa chừng sao bỏ đi cho được? Làm sao Ba có thể chạy ra ngoại quốc để rồi sống như một con chó cúp đuôi? Mặt mũi đâu mà nhìn các đồng chí, các anh em, con cái và đồng bào của mình? Ai là người sẽ ở lại để đứng lên mang tiếng nói của người dân đen yếu đuối? Các anh em con ai muốn đi thì Ba để tự ý. Còn Ba thì Ba sẽ không đi đâu cả. Thắng hay bại, Ba cũng ở lại với quê-hương và dân-tộc."

Tôi biết nếu tôi không xoay chuyển được ý định của Ba tôi thì không còn ai khác có thể làm nổi.

Ba tôi bị những người tự nhận là "tranh đấu cho giai cấp vô sản" sát hại trong một trại tập trung lao động ở Bắc Việt, vào ngày 26 tháng 10 năm 1976 (theo lời kể lại của các bạn tù trong trại giam). Vậy mà tháng 5 năm 1978 (18 tháng sau), khi thủ tướng cộng sản Việt Nam là Phạm Văn Đồng đi công du qua Pháp đã dám tuyên bố trắng trợn trước báo chí và các hội Nhân Quyền Quốc Tế cùng chính phủ Pháp là Ba tôi "vẫn khỏe mạnh ở Bắc Việt."

Ba tôi là một người cương nghị, có một cuộc sống giản dị, thanh liêm, không ưa chuộng của cải vật chất; nghiêm khắc đối với bản thân và gia đình mình nhưng lúc nào cũng khoan dung đôn hậu với các con và mọi người. Khi lớn lên anh em chúng tôi nhiễm được đức tính mà cha chúng tôi dạy dỗ và truyền lại và lúc nào chúng tôi cũng cố gắng làm những điều cha mẹ dạy bảo khi còn bé. Chúng tôi rất hãnh diện là mình thuộc dòng dõi một người cha trong sạch, có nhiều đức tính hiếm hoi của một nhà lãnh đạo đã hy sinh cuộc đời cho tổ quốc và dân tộc theo truyền thống Tổ Tiên Việt Nam.

Ngày 18 tháng 9, 2006

TRẦN VĂN TUYÊN và VÕ NGUYÊN GIÁP

LTS. *Người ta đã nói về tình bạn giữa hai ông Trần Văn Tuyên và Võ Nguyên Giáp. Tờ báo The Korea Herald vào năm 1972 cũng có một bài nói về tình bạn này, mà sau đây là bản lược dịch.*

Saigon (AFP). Người ta nói rằng Võ Nguyên Giáp chưa có học qua một bài học quân sự nào trong đời ông ta cả. Nhìn vào ông ta, không thấy thể hiện một con người quân sự. Thế nhưng cái bộ mặt no tròn của một cựu giáo sư trung học này đã được xem như là một trong những người nổi tiếng trên thế giới về nghệ thuật du kích chiến.

Có một người ít nhất sẽ không ngạc nhiên về thiên tài quân sự của Giáp, đó là luật sư Trần Văn Tuyên, lãnh tụ phe đối lập ở Saigon.

Ông Tuyên (57 tuổi) đã là một người bạn thân của Giáp trong những năm 1930 khi hạt giống đầu tiên của cuộc cách mạng vùng Đông Dương khởi đầu bởi những cảm tình viên của Mặt Trận Bình Dân tại Pháp đã nẩy mầm. Cả hai người là giáo sư dạy ở trường Gia Long Hà Nội – Giáp dạy sử địa, ông Tuyên dạy toán.

"Chúng tôi biết nhau và thành bạn khi trao đổi những sách giáo khoa," ông Tuyên nói "Giáp có một thư viện thật nhiều sách chính trị. Ông ta làm việc rất siêng năng và đọc sách không biết mệt. Tôi đã bị lôi cuốn bởi nghị lực đó."

"Trong suốt thời gian đó, đầu tiên tôi đã nhận ra được rằng anh ta bị lôi cuốn bởi những sách về đường lối quân sự." Ông Tuyên tiếp tục: "Quyển sách gối đầu đặc biệt của ông ta là những cuộc chiến tranh của Napoleon."

"Và để diễn tả rõ ràng hơn, ông ta luôn mang trong mình một bản đồ đánh dấu những sự di chuyển và những vị trí của quân đội. Ông ta có thể giải thích cho người nghe rằng tại sao trận đánh này thắng, trận đánh kia thua.

Tôi nhớ đã có lần tôi nói với ông ta là ông đã quá chăm chú vào ba cái việc quân sự làm chi, ông là giáo sư sử địa, hơn nữa, đây là một trường nhỏ, mà ông cũng không phải là tướng. Tôi nói với ông ta như vậy, nhưng 10 năm sau, ông ta thật sự trở thành một ông tướng có tên tuổi. Nhìn lại quá khứ, tôi không có gì ngạc nhiên cả."

Một thời niên thiếu lờ mờ

"Suốt thời niên thiếu của Giáp là một bóng mờ. Nhưng mà dường như chánh sở mật thám Pháp ở Đông Dương, ông Louis Marty, đã là một chìa khóa chính để từ một anh nhà quê trở thành một "con người thép" ở miền Bắc Việt Nam.

Như là một thiếu niên phiến loạn, bừng lửa lên bởi tinh thần chủ nghĩa quốc gia của người Việt Nam, Giáp đã liên tục bị kẹt với cảnh sát Pháp. Năm 16 tuổi, anh ta đã bị tù về tội biểu tình chống Pháp trong khu kỹ nghệ Vinh, đã có bằng chứng cụ thể là anh ta đã sắp bị đem chém rồi.

Nhưng thật là may mắn cho anh ta khi gặp Marty, lúc đó là trưởng ty cảnh sát ở Vinh. Marty nhận ra được giá trị của Giáp, do đó đã đối xử với ông ta như một đứa con nuôi.

Trong khi nhà cầm quyền thực dân đang vây bắt những người quốc gia và cộng sản, Marty cho Giáp đi học tại một trường trung học nổi tiếng của Pháp – Albert. Ở đó, Giáp là con của một người nhà quê nghèo, được học trong một trường chỉ dành riêng cho con của Tây và nhà giàu.

Không bỏ lỡ cơ hội, ông ta cố gắng học và luôn đứng đầu trong các lớp.

Về việc học, Giáp là một học sinh ưu tú, nhưng về gia đình là một thảm cảnh; người vợ thứ nhất của Giáp, Minh Thái và đứa con sơ sinh của ông bà ta, đã chết trong nhà ngục Vinh trong khi Giáp đang trốn lánh ở Trung Hoa.

Ông Tuyên nói rằng ông Giáp không bao giờ quên cũng như tha thứ người Pháp về việc này. Nhưng ông ta đã khóc thảm thiết, ngon lành trước mặt ông Tuyên khi nghe thuật lại chi tiết cái chết của vợ ông ta một năm sau, năm 1945 và ông Tuyên giải thích:

Dễ dàng chuyển hướng

"Ông ta là một người cộng sản cuồng tín cứng như một cái đinh. Tuy nhiên ông ta rất có tình người như đã thể hiện trong câu chuyện sau

đây."

Hai người gặp nhau lần cuối vào tháng năm 1946 tại một hội nghị với Pháp ở Đà Lạt, một vùng nghỉ mát vào khoảng 320km phía bắc Saigon, với mục đích là để định nghĩa liên hệ trong tương lai giữa hai quốc gia.

Ông Giáp, đại biểu của phái đoàn Việt Nam, mời ông Tuyên đến ăn tối và cố gắng thuyết phục ông Tuyên tham gia với Việt Minh trong việc chống thực dân.

"Trở về đi, chỗ đứng của anh là với nhân dân" ông ta cãi lại.

Ông Tuyên là một người quốc gia thuần thành, nhưng chống đối cộng sản mãnh liệt, ông từ chối. Sau cùng ông Giáp thấy cuộc nói chuyện không thể nào có kết quả gì, chìa tay ra bắt và nói: "Thôi được, dù sao chúng ta vẫn là bạn."

Từ đó, vị thế không thay đổi. Ông Tuyên sống yên lặng trong một biệt thự gần dinh Độc Lập ở Saigon, hy vọng một ngày nào đó sẽ gặp lại ông Giáp.

"Tôi rất thích anh ta, mặc dầu chúng tôi trên hai chiến tuyến khác nhau" ông Tuyên nói.

(Dịch theo báo The Korea Herald, thứ tư 27/9/1972)

Vài hình ảnh xưa

Luật Sư Trần Văn Tuyên (trái) và "Hùm Xám" Lê Văn Viễn, tức Bảy Viễn (bên mặt) tại mật khu Rừng Sát

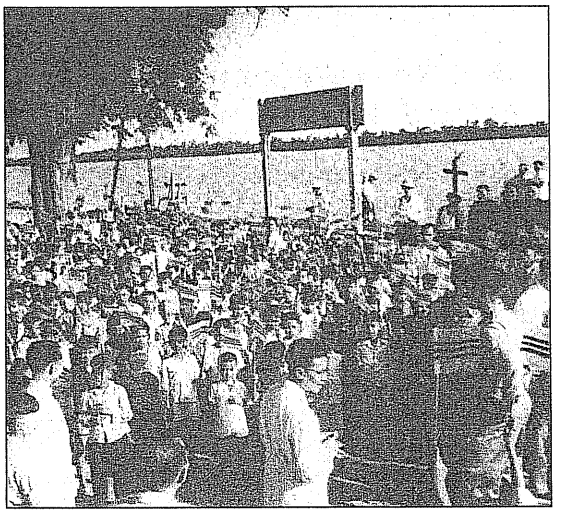

Bộ Trưởng Trần Văn Tuyên đi thăm một trường tiểu học ở Hậu Giang, 1951

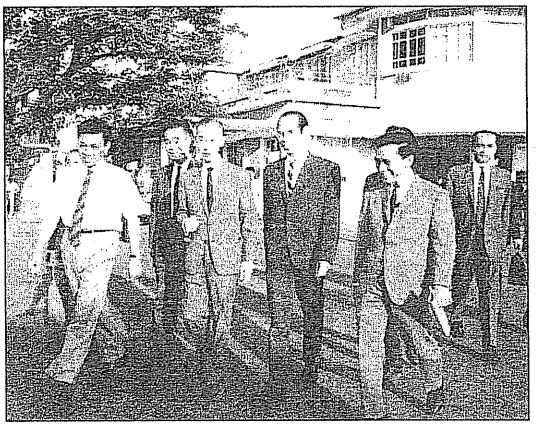

Phó Thủ Tướng Trần Văn Tuyên về tới trường bay Tân Sơn Nhất, sau cuộc viễn du Âu Châu và Phi Châu, 1965

Giây thép gai ngăn cản không cho Dân biểu Luật Sư Trần Văn Tuyên và các Dân biểu đối lập vào pháp đình để cãi cho tù nhân chính trị.

Một Linh Hồn bất tử:
Nhà Cách Mạng Trần Văn Tuyên

PHAN VỸ

Gần đây, hằng năm cứ đến ngày cuối tháng Mười dương lịch, nhiều nơi ở hải ngoại đều có hoặc bạn bè, chiến hữu, môn đệ hay thân thuộc giỗ Ông -để tưởng nhớ, để ghi lại những nét hoặc anh hùng, hoặc đáng yêu của người Lãnh tụ, người Đồng chí...

Nhưng gần như chưa thấy người cùng sống chung trong phút cuối cùng này -hay nói đúng hơn đã ngồi ngay trước Ông khi chứng kiến cảnh Ông "gục" xuống từ giã cõi đời để lại bao thương tiếc người đã có một cuộc sống hào hùng và đáng kính.

Trần Văn Tuyên, người Lãnh tụ, người Đồng chí vô cùng đáng kính!

Riêng với tôi lại thêm nghĩa là một ân nhân đã hai lần thọ ơn -nên xin gọi đúng nghĩa tiếng Anh như ngày ấy, để nhắc lại những điều không bao giờ quên được.

Và làm sao quên được!

"Trại *Hà Tây* là một trong hai Trại Trung Ương mà chúng đưa về đây cả số Tù chúng tập trung từ Chính Phủ miền Nam gồm Hành Chánh, Đảng phái, Công an và Tình Báo. (Trại thứ hai là Trại Nam Hà -tức Hà Nam Ninh, gần Phủ Lý, Nam Định).

Ra đến Hà Tây không lâu, bọn chủ ngục đã thừa lệnh Đảng, bắt đầu đi ngay vào kế hoạch *Khai Báo* với danh hiệu mỹ miều *Học Tập*. Kế hoạch khủng khiếp này khỏi nói dài dòng hẳn chẳng mấy người không ghê tởm. Chúng nghiên cứu tinh vi để làm sao chúng ta phải *"Khai hết, Khai đúng"* mà không cần phải đánh đập, hay áp dụng biện pháp.

(...)

Lúc này đến giờ nghỉ chẳng còn không khí vui vẻ như trước mà mọi người đang lo nghĩ tìm cách đối phó, chẳng ai tin ai. Khi hết giờ, cửa đóng lại để tiếp tục... là in như thấy kẻ thù đang chờ giờ đưa mình lên máy chém.

Tối lại, chỉ có chí thân nhau mới mượn cớ uống trà, xầm xì nho nhỏ... nhưng hẳn nhiên đề phòng tuyệt đối với vài người đã bị anh em biết là *"Ăn Ten"* -vì cũng chính những lúc này họ mới có dịp "làm việc."

Anh *Tuyên* thì khác!

Anh thường nằm thẳng người, tay gát lên trán... suốt đêm...

Anh sẽ phải phát biểu vào ngày mai... và nhất là biết rõ phải chuẩn bị để trả lời những nhát *"Búa"* ghê gớm... tên Cán bộ đang chờ sẵn. Đa số anh em đều biết việc ấy!

...Bởi vì đã có một sáng tên này "đay nghiến" anh những lời xác định trong Bản tự khai mà chúng buộc anh *Ngoan Cố*. Anh đã nói gì? Một cán bộ mà anh em ta đã mua chuộc được, rỉ tai cho biết rằng Trung Ương của chúng tôi đã vô cùng tức giận khi đọc thấy Anh khẳng định lời khai từ trước *"Tôi không có tội gì với Tổ quốc và đồng bào cả. Nếu có tội chẳng qua là tội chống Cộng sản..."* mà ngày mai là lúc chúng vận động rỉ tai với anh em trong Đội, nhất là những người đã lung lay lập trường, những người chỉ mong được tha về sớm... phải lên tiếng *"Đấu"* đến cùng, không tha thứ trước khi cán bộ Trung Ương nhận xét.

Đấy là điểm "quan trọng" mà Anh phải chuẩn bị!

Như từ mấy hôm... cứ tối lại... tôi thường qua chỗ Anh nằm để săn sóc nơi cổ chân cho Anh -bởi vì thiếu dinh dưỡng và gian khổ nên nơi cổ chân Anh bị "xủi" và ngứa như bị phong thấp. Tôi dùng "Pôm mát" và "cồn" đã mang theo từ trong Nam hoặc anh em tặng xoa chữa. Lợi dụng... cuối sát vào Anh, nói nhỏ

- Ngày mai là ngày Anh phải chịu trận với chúng rồi! Thấy Anh im lặng tôi tiếp: bọn nó chỉ chờ mong có thế!

Anh thở ra nhè nhẹ.

- Rất khó chú Vỹ ơi!... Chỉ cần nói cho chúng không bực tức... chứ đừng nói là vừa ý thì cũng đã tiêu ma cả công trình đấu tranh của mình rồi. Mà nói đúng lòng mình... đúng lương tâm thì chắc chắn chúng sẽ chẳng để mình yên! Nhất là khi nói trước mặt anh em, trước mặt toàn Đội!

Anh im lặng. Tôi cúi đầu như thông cảm không nói gì thêm, vì muốn tôn trọng cái giây phút quan trọng của người mà mình đã biết

Khối Dân Tộc Xã Hội tuyệt thực tại Quốc Hội (Đêm Giao thừa năm Ất Mão (1975) để phản đối Tổng thống Thiệu độc tài đàn áp đối lập, đóng cửa báo chí, bỏ tù ký giả. Từ trái sang phải: DB Hồ Văn Minh, DB Nguyễn Trọng Nho đang bắt tay Tướng Dương Văn Minh đến thăm xã giao, DB Hồ Ngọc Cứ, DB Trần Văn Tuyên, DB Hồ Ngọc Nhuận và một số dân biểu khác.

nhiều lần *Vì đại cuộc hơn vì toan tính riêng.*

- Thôi anh nghỉ!

Về chỗ, lại nhìn sang thấy anh vẫn gát tay lên trán... Tôi thương anh quá! Bởi tôi biết hoàn cảnh và địa vị Anh, chứ đâu phải như tôi mà dám *Liều* hoặc đánh nước cờ *Xả Láng* với bọn chúng!

Một đêm khá dài... mà tôi chắc Anh không thể nào ngủ được.

Sáng ra, sau những việc làm như mọi ngày, lại vào *Thảo Luận*...

Tôi thuộc Đội khác, ngồi đối diện với Đội Anh Tuyên, chỉ cách con đường giữa buồng.

Linh tính như biết chẳng an lành, nên thỉnh thoảng tôi lại cứ nhìn sang... đến nỗi chẳng còn lưu ý ở Đội mình ai nói, và nói những gì.

Bên Đội Anh, người thứ nhất nói xong, đang thảo luận. Tiếp... người thứ hai được giới thiệu, thì...

Đột nhiên, mọi người xôn xao,... tôi nhìn sang, thấy rõ!

Anh Tuyên gục xuống... trong khi hai bàn tay như nắm chặt lại nhau... Trong buồng xôn xao...

Anh Tuyên ngã!... Anh Tuyên trúng gió...! Anh Tuyên ngất xỉu!...

Hai tên cán bộ ra dấu mọi người giữ yên lặng, và chúng cho bốn người đứng lên -trong số ấy tôi nhớ có anh Vũ Văn Vi, anh Trần Cảnh Chung... khiêng anh qua chỗ nằm cách đó độ năm thước, và bảo mọi người ngồi lại tiếp tục...

Người tinh ý sẽ nhận thấy vài chi tiết trong buồng lúc này. Hai thái độ rõ ràng!...

Nhìn nhau như nghi ngờ, và hốt hoảng. Nghi ngờ... tại sao lại ngất xỉu đột ngột như vậy? Trong số này có tôi... Mất bình tĩnh đến độ cứ nghĩ như có kẻ đã mưu sát Anh, đã dùng súng hãm thanh bắn Anh.

Và, ngược lại, một vài người có thái độ khác... nghĩa là không nói ra, nhưng mỉm môi như nghi ngờ..., chắc hẳn họ nghi ngờ anh giả vờ, anh đóng kịch. Đấy là những người đã bị bùa mê của Cộng sản, đã được chúng hứa hẹn sẽ cho về nay mai...

Nhưng... đa số thì thầm với nhau "Anh... trúng gió!"

Trần Cảnh Chung nói nhỏ với tôi:

Anh rất yếu... chỉ thì thầm... *Không Sao!... Không Sao* nhưng mê man...

Bọn cán bộ trên Trại nghe báo cáo xuống chỉ định bốn người khiêng Anh về Trạm xá.

Đến lúc này không ai bảo ai nhưng đều cảm thấy hai thái độ lúc nãy đều sai cả. Vì không ai hạ sát Anh... mà cũng chẳng phải Anh đóng kịch. "Anh vì căng thẳng thần kinh mà bị đứt mạch máu."

Buồng bên cạnh có vài người chạy sang như muốn hỏi tin tức, nhưng thấy trong này còn đang thảo luận, nên rút lui... vài người chạy theo xuống Trạm xá.

Lúc vừa tan giờ... thì số anh em này lên cho biết là Trại đã chở Anh về tỉnh ngay.

Đến đây ta hẳn nín thở... im lặng vài giây để tưởng tượng xem họ chở Anh bằng gì, và có cho ai trong số anh em mình theo không?

Chiều lại, ai cũng nghe rõ ràng, chúng đã chở Anh bằng *Xe Chở Đá,* bỏ Anh nằm phía sau xe -vì anh em làm ở Trạm xá đều chứng kiến- mà không cho ai trong chúng ta cùng đi theo. Người hiểu Cộng sản, không bị bùa mê của chúng... hẳn phải thở dài lắc đầu!

Chiều nay, anh em hầu như bớt nhút nhát như những ngày qua của cái không khí học tập, thảo luận, mà qua lại... bàn về chuyện Anh Tuyên. Đa số đã kết luận... vì căng thẳng thần kinh để nghĩ cách trả lời, cách đối phó với bọn Cộng sản chủ trương trong dịp này hỏi cho ra lập trường xác định của Anh về hai tiếng *"Vô Tội"*... mà anh đã bị đứt thần kinh. Anh biết rõ chúng sẽ cho *Đấu* Anh đến cùng.

Anh em buồn rầu, đi đi lại lại... như để *Van vái cầu nguyện* cho Anh.

(Trích trong *Kinh Nghiệm Để Đời* của Phan Vỹ)

XYZ, ông là ai?

TRẦN TỬ THANH

Thời gian trôi thật mau! Thấm thoát miền Nam Việt Nam Tự Do đã mất vào tay cộng sản ba mươi mốt năm hơn! Ba mươi mốt năm quả là một thời gian khá dài so với một đời người, nhưng so với chiều dài lịch sử của dân tộc đó chỉ là một khoảnh khắc ngắn ngủi. Lại thêm một giai đoạn nữa của giòng lịch sử Việt Nam cận đại đã sang trang và khép kín, mang theo hàng loạt những bí ẩn của chính trường miền Nam xuống đáy mồ cùng những nhân vật đã từng giữ những vai trò lãnh đạo then chốt trong cuộc chiến chống Cộng.

Cho đến nay, khá nhiều bí mật lịch sử thời đệ nhất, đệ nhị Cộng Hòa vẫn còn trong vòng bí ẩn, chưa được tiết lộ và chưa được công khai bạch hóa. Trong khi có một số người, khi viết lại lịch sử, ký sự hay hồi ký đã vô tình hay hữu ý ghi lại những sự kiện thiếu chuẩn xác, đôi lúc còn tự bịa đặt hoặc suy diễn một cách tùy tiện. Thiếu đạo đức hơn nữa, có người lại còn hứng chí phóng bút tự nhận mình là những nhân vật đã từng đóng những vai trò chính trị quan yếu trong hậu trường chính trị Miền Nam. Thậm chí họ đã từng tham gia vào cả những việc làm, trên thực tế, nằm ngoài tầm tay, khả năng cũng như vị thế của họ lúc bấy giờ.

Ai là người đã "ra lệnh" sát hại Cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm và bào đệ ông, Cố Vấn Chính Trị Ngô Đình Nhu? Phải chăng lệnh đó xuất phát từ Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ, Đại Sứ Henry Cabot Lodge, từ CIA, Đại Tướng Dương Văn Minh hay Trung Tướng Trần Văn Đôn?

Ai đã âm mưu giết cố Trung Tướng Đỗ Cao Trí, Tư Lệnh Quân Đoàn III , kiêm vùng 3 Chiến Thuật, người Tổng Chỉ Huy cuộc hành quân vượt biên giới Việt Nam-Kampuchea truy kích đầu não Trung Ương Cục Miền Nam (Cục R)? Qua tin tức khai thác tù binh cao cấp VC, ban lãnh đạo Trung Ương Cục R (Rờ) đã trối chết "chém vè," trốn sâu vào vùng Kratie, Kampuchea để ẩn náu. Trung Tướng Đỗ Cao Trí đã có kế hoạch tiếp tục cuộc hành quân truy kích địch để bắt sống hoặc tiêu diệt toàn bộ ban lãnh đạo TU/Cục R. Nhưng tiếc thay, trực thăng của ông đã bị nổ tung chỉ ít phút sau khi cất cánh.

Ai là người đã ban mật lệnh giết Đại úy Nguyễn Văn Nhung, sĩ quan tùy viên kiêm cận vệ của Đại Tướng Dương Văn Minh bằng giây dù cho đến chết rồi loan tin Đại úy Nhung treo cổ tự vẫn? Đại Úy Nhung là người thừa hành lệnh giết cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu.

Chỉ mới đặt ra vài câu hỏi trong hàng vạn bí mật lịch sử của chính trường Miền Nam mà mãi cho đến nay sử sách vẫn chưa tìm ra được câu giải đáp chính xác.

Một trong những hàng vạn bí ẩn lịch sử nữa chúng tôi muốn ghi lại ngày hôm nay để chúng ta tìm hiểu và nếu không lầm, tôi nghĩ ít nhiều chắc cũng có người còn nhớ tới. Đó là tác giả bí mật của những bài tham luận chính trị vang dội đến cả các nước Âu Mỹ được đăng trên tờ *Le Figaro* nổi tiếng tại Pháp , *France Asie* tại Hồng Kông và *New York Times* tại Hoa Kỳ. Đặc biệt những bài nhận định chính trị liên quan đến tình hình Việt Nam được đăng hàng tuần trên tuần báo *Thời Luận* vào những năm 1957-58 với bút hiệu XYZ và Chính Nghĩa.

Ngược dòng thời gian vào những năm 1957, 1958, quý vị độc giả nào sống tại Sài Gòn và các thành phố phố tại Miền Nam chắc còn nhớ hoặc nghe đến ông Nghiêm Xuân Thiện, Quốc Vụ Khanh, cựu Đại Biểu Chính Phủ tại Bắc Phần vào năm 1948. Năm 1957 ông được phép ra tờ tuần báo *Thời Luận*, với tư cách Chủ Nhiệm, kiêm Chủ Bút. Những số báo đầu tiên chỉ in vỏn vẹn vài ngàn số với số độc giả nhất định. Đa phần độc giả của *Thời Luận* là những người quan tâm tới thời cuộc nước nhà và tình hình chính trị thế giới.

Khoảng mấy tháng cuối năm 1957, tuần báo *Thời Luận* đột nhiên khởi sắc với hàng loạt bài tham luận chính trị của một tác giả khi lấy bút hiệu XYZ, khi ký tên Chính Nghĩa. Nếu độc giả nào tinh ý, qua cách hành văn, bố cục và nội dung bài tham luận dễ nhận ra ngay XYZ và Chính Nghĩa chỉ là một người. Mỗi tuần tác giả chỉ viết duy nhất một bài, được đăng trịnh trọng ở trang đầu, trên góc phải của trang báo. Những bài tham luận thường đặt trọng tâm vào những khuyết điểm

của chính phủ liên quan đến các hành động tiêu diệt đảng phái quốc gia, các vụ bắt bớ, giam giữ, xử án trái pháp luật những nhà đối lập chính trị, các tệ nạn độc quyền kinh tế; hoặc những chia rẽ xáo trộn trong hàng ngũ quân đội và công chức qua đảng Cần Lao, làm suy yếu quân đội trong công cuộc bảo vệ đất nước. Đặc biệt hơn nữa, XYZ và Chính Nghĩa còn viết một loạt bài "Thư gửi ông Nghị của tôi," phê bình những việc làm vi hiến của các ông "Nghị Gật," chỉ biết tuân thủ, gật đầu làm theo chỉ thị của chính phủ... Những bài viết rất dễ đọc, không cầu kỳ, khách quan phân tách và nghiêm khắc phê phán những việc làm thiếu dân chủ của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và nội các. Những bài báo của XYZ và Chính Nghĩa đã làm cho Tổng Thống Diệm và ông Nhu, nhất là Bộ Thông Tin vô cùng bối rối và bực tức.

Lúc bấy giờ, cứ đến mỗi sáng Thứ Bẩy, chúng tôi thấy các em bé bán báo rong ôm từng xấp báo vừa chạy vừa rao to "Thời Luận mới ra lò! XYZ, Chính Nghĩa viết nóng hổi đây!" Gần cửa trường học chúng tôi, bên hông Dinh Độc Lập có hai sạp báo lúc nào cũng tấp nập người mua. Khắp nơi trong thành phố, hàng bó báo *Thời Luận* vừa đem từ nhà in về, chưa kịp bày lên sạp, chỉ trong chốc lát đã bán hết sạch. Các bác tài xế taxi hoặc xích lô trong khi chờ khách hầu như ai cũng có tờ *Thời Luận* đọc một cách thích thú.

Chính chú Ba Khánh (1), quê ở Thốt Nốt, Long Xuyên, người tài xế trung thành của gia đình chúng tôi, tuần nào cũng mua tờ *Thời Luận*. Một hôm trên đường đưa mấy anh em chúng tôi từ trường về nhà, trên xe có Ba tôi, chú hỏi "Ông có đọc bài 'Thư gửi ông Nghị của tôi' của XYZ tuần này chưa?" Vừa nói vừa xoay người đưa tờ báo cho Ba tôi, "cha XYZ này là ai mà gan thiệt, viết vậy 'nó' bắt được nó dám cho đi Côn Đảo lắm!" Ba tôi cầm tờ báo, vừa cười vừa trả lời bâng quơ "Biết ai mà bắt."

Nhiều bạn thân đến thăm cha mẹ chúng tôi cũng thường bàn tán và suy đoán về XYZ và Chính Nghĩa. Người thì nói đó là ông Nghiêm Xuân Thiện. Vì lúc làm Tổng Trấn Bắc Phần năm 1948, ông Thiện đã cưu mang ông Diệm và ông Nhu lúc hai ông này còn hàn vi, nên bây giờ họ mới để yên cho ông làm báo. Có người còn quả quyết đó là Bác sỹ Phan Quang Đán, hoặc là Kỹ sư Trần Văn Văn... Chính nhà báo tiếng tăm quốc tế Bernard Fall trong quyển *The Two Vietnams*, tại trang 270-271 cũng ghi rõ:

"Ngày 15 tháng 3 năm 1958, Nghiêm Xuân Thiện, Cựu Tổng Trấn Bắc Phần, trong một lá thư ngỏ 'Gửi Dân Biểu của tôi' (2) đăng trên tuần báo *Thời Luận* do ông làm Chủ nhiệm nhận xét rằng..."

Có lần đến thăm cha tôi vào buổi sáng sớm để tránh theo dõi của mật vụ, bác Nghiêm Xuân Thiện có cho cha tôi biết tuy bác đã cho in tuần báo Thời Luận đến một trăm hai mươi ngàn bản (120.000) mà vẫn không đủ báo để bán. "Ngô Đình Nhu đang đau đầu vì ngòi bút của XYZ và Chính Nghĩa." Vào thời điểm đó, *Thời Luận* là tờ báo đối lập duy nhất với chính quyền, bán chạy nhất, với số ấn bản cao nhất. Trong lịch sử làng báo Miền Nam tự do, chưa bao giờ có một nhật báo hoặc tuần báo nào có số ấn bản kỷ lục như vậy.

Theo nhà văn Hoàng Hải Thủy, nhật báo *Sàigòn Mới* của bà Bút Trà là tờ báo (thân chính quyền) bán chạy nhất nước cũng không bao giờ in được trên bốn mươi ngàn số (40.000).

Không lâu sau đó, thấy khắp nơi, từ công sở đến quần chúng đều bàn tán xôn xao về tờ Thời Luận và tác giả XYZ, Chính Nghĩa, ông Ngô Đình Nhu đã ra mật lệnh cho công an, mật vụ tổ chức một số côn đồ, giả dạng thường dân đến tòa báo *Thời Luận*, nằm tại ngã tư Đinh Tiên Hoàng, Hiền Vương đập phá tan nát máy móc, phóng hỏa thiêu rụi tòa soạn và chiếc xe Citroen 15 ngựa của vị chủ nhiệm. Bác Nghiêm Xuân Thiện bị bắt giữ. Mặc dù bị tra tấn cực kỳ dã man, bác vẫn tuyệt đối không khai báo XYZ và Chính Nghĩa là ai. Bác bị chính quyền truy tố về tội "Sử dụng báo chí để phỉ báng chính quyền" và bị phạt 10 tháng tù giam. Tuy tuần báo *Thời Luận* đã bị rút giấy phép và đóng cửa, nhưng những bài báo ký tên XYZ và Chính Nghĩa viết về Việt Nam vẫn thỉnh thoảng còn thấy xuất hiện trên tờ *Le Figaro* tại Paris và trên nguyệt san *France-Asie*, văn phòng đặt tại Hồng Kông. Theo một người bạn của cha tôi, thân cận với văn phòng Cố Vấn Chính Trị, ông Ngô Đình Nhu đặt giải thưởng một triệu đồng (1,000.000 đồng) cho bất cứ ai tố giác bắt được XYZ hoặc Chính Nghĩa! Một triệu đồng vào năm 1958 là một số tiền rất lớn.

Từ năm 1958 trở đi, chính quyền gia tăng bắt bớ bất cứ ai phê bình chính phủ. Nhà chúng tôi bị ném lựu đạn, cha tôi bị mật vụ bắt rồi thả ít nhất cũng bốn hoặc năm lần chỉ để tra hỏi xem XYZ va Chính Nghĩa là ai?

Sau vụ đảo chánh 11-11-1960 của Đại Tá Nguyễn Chánh Thi, chính phủ Ngô Đình Diệm ra lệnh bắt giữ hầu hết những chính khách tiếng tăm trong nước, trong đó có 18 nhân vật thuộc nhóm

Caravelle (3). Cha tôi là một trong những nhân vật trụ cột trong nhóm này cũng bị bắt, vì hầu hết các buổi họp đều được tổ chức tại nhà chúng tôi ở 198 đường Hồng Thập Tự. Trong số những người bị bắt, có bác sỹ Phan Quang Đán, vì bị tình nghi là XYZ đã bị mật vụ tra tấn gãy mấy cái răng cửa. Trong thời gian bị giam giữ, thân sinh chúng tôi bị những tên mật vụ, miệng lúc nào cũng nồng nặc rượu, dùng giây thừng trói hai cổ tay , kéo lên khỏi mặt đất, đánh vào mạng sườn. Người tra tấn ông nhiều nhất tên là Trai, nói giọng miền Trung, da ngăm đen, khổ người cao lớn vạm vỡ, mặt trông rất bặm trợn. Tháng 11 năm 1963, sau khi TT Ngô Đình Diệm bị lật đổ, một hôm vào gần chiều tối, khoảng trên một chục người đến nhà xin được gặp cha tôi. Khi mời họ vào phòng khách, tôi nhận ra hai người, trong đó có Đại úy Hồ Quang Vọng (4), người được lệnh đến mời ông cụ về Tổng Nha Cảnh Sát vào trưa ngày 12/11/1960. Người thứ hai là ông Trai. Số người còn lại tôi chưa từng gặp mặt. Tất cả, không ai chịu ngồi. Khi ông cụ vừa ở trên lầu đi xuống, tự nhiên không ai bảo ai, mọi người đều đồng loạt quỳ mọp lạy ông cụ như tế sao để tạ lỗi. Ông cụ đã phải mời họ ngồi lên ghế nhiều lần nhưng họ nhất định cứ ngồi dưới sàn gạch bông. Tôi nhớ ông cụ nói ông không phiền trách gì họ cả.

Ông khuyên họ đừng bao giờ lạm dụng chức quyền của mình để áp bức dân lành, nhất là đừng tra tấn, đánh đập những người đi làm chính trị, là những người có lý tưởng, dám hy sinh xương máu để đấu tranh cho quyền lợi của đồng bào, trong đó có cả quyền lợi của các anh em và gia đình các anh em... Bây giờ các anh em cứ an tâm trở về nhiệm sở làm việc. Không ai trả thù các anh em đâu. Nếu các anh em có gặp việc gì rắc rối, cứ đến báo cho tôi biết, tôi sẵn sàng can thiệp và giúp đỡ các anh em. Sau đó ông tiết lộ cho họ biết XYZ và Chính Nghĩa là ai để họ không còn thắc mắc nữa...

Sự việc liên quan đến XYZ và Chính Nghĩa xẩy ra đã 48 năm qua. Để những bí mật lịch sử không bị chôn vùi cùng năm tháng, để sử sách có đủ tài liệu chính xác của từng sự việc cụ thể, gắn bó đích thực đến con người cụ thể, trong từng giai đoạn lịch sử cụ thể, nhân sắp đến ngày giỗ năm thứ 30 của thân phụ chúng tôi (26/10/1976-26/10/2006), ngày hôm nay, "để trả lại sự thật về cho lịch sử," chúng tôi xin được công khai xác nhận:

XYZ hay Chính Nghĩa, người mà ông Ngô Đình Nhu treo giải thưởng một triệu đồng cho ai tố giác cho chính phủ bắt được, đồng thời cũng là tác giả những bài tham luận chính trị được đăng độc quyền trên tuần báo *Thời Luận* vào những năm1957-1958, chỉ là một người, đó là cha chúng tôi:

Luật sư Trần Văn Tuyên

Sinh ngày 1/9/1913 tại Tuyên Quang

Mất ngày 26/10/1976 tại trại tù cộng sản Hà Sơn Bình.

Ông đã chọn cái chết trong lao tù cộng sản với câu khẳng khái duy nhất trong bản tự kiểm: *"Tôi không có tội gì với Tổ Quốc và đồng bào tôi cả. Nếu có tội thì đó chỉ là tội chống lại đảng cộng sản việt nam, chống thực dân đế quốc, chống quân phiệt độc tài và bất công xã hội."*

Đây là di sản tinh thần cuối cùng ông để lại cho con cháu và gia đình chúng tôi. Ông cũng đã toại nguyện được chết trên quê hương, sau đúng 47 năm dấn thân từ một thiếu niên Việt Nam Quốc Dân Đảng năm 16 tuổi, bước vào con đường đấu tranh với hoài bão Dân Tộc được Độc Lập, Dân Quyền được Tự Do, Dân Sinh được Hạnh Phúc.

Hôm nay, thắp nén hương lòng, tôi viết những dòng này, thay mặt các anh chị em, các con, các cháu để tưởng nhớ đến người cha, người ông thân yêu đã trọn vẹn hy sinh cuộc đời cho đại nghĩa dân tộc, người đã dậy dỗ chúng tôi, "dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, phải luôn yêu thương Tổ Quốc, biết trọng danh dự, biết chia xẻ với kẻ khó, phải sống liêm khiết, lương thiện và trân quý nhân, nghĩa, lễ, trí, tín."

VA. 09/26/2006

(1) Chú Ba Khánh là em cụ Trần Văn Ân, Chủ nhiệm báo Đời Mới, Cựu Bộ Trưởng Thông Tin. Cụ mất ở Pháp cách đây vài năm. Chú lái xe cho gia đình chúng tôi được trên 21 năm, từ lúc cha tôi làm Bộ Trưởng Phủ Thủ Tướng năm 1951 cho đến khi chú về hưu vào năm1972.

(2)"Thư ngỏ gửi Dân Biểu của tôi." Ông Lê Xuân Khoa, trong quyển "Việt Nam 1945-1995," trang 437 đã trích nguyên văn một đoạn trong "The Two Vietnams" của Bernard Fall cũng ghi "Thư gửi Dân Biểu của tôi" là của ông Nghiêm Xuân Thiện. **Như vậy cả hai vị này (Bernard Fall và Lê Xuân Khoa) đều sai.**
Bài "Thư ngỏ gửi ông Nghị của tôi " tác giả là XYZ có ghi rõ trên bài báo.

(3) Nhóm Caravelle có tất cả 18 người gồm:
ÔÔ. Ks Trần Văn Văn, Ks Phan Khắc Sửu, Gs Trần Văn Hương, Bs Nguyễn Lưu Viên, Bs Huỳnh Kim Hữu, Bs Phan Huy Quát, Trần Văn Lý cựu Thủ hiến Trung Phần, Bs Nguyễn Tiến Hỷ, Bs Trần Văn Đỗ (chú ruột bà Ngô Đình Nhu), Ls Lê Ngọc Chấn, Ls Lê Quang Luật, Ks Lương Trọng Tường, Bs Nguyễn Tăng Nguyên, Bs Phạm Hữu Chương, Tạ Chương Phùng cựu Tỉnh Trưởng, Khoa Bảng Tam Trường Trần Lê Chất, LM Hồ Văn Vui, Ls Trần Văn Tuyên.

(4) Đại úy Hồ Quang Vọng, sau lên cấp Trung tá, làm Quận Trưởng quận Ba, Sài Gòn. Ngày 12/11/1960 khoảng 2 giờ trưa, Đại uý Hồ Quang Vọng mặc quân phục, dẫn khoảng trên mười nhân viên công an đến nhà mời cha tôi về Nha Cảnh sát. Ông tỏ ra rất lễ phép và lịch sự. Vì không có giấy mời, cha tôi yêu cầu ông Vọng phải về lấy giấy mời chính thức. Hai tiếng sau, ông Vọng quay trở lại với giấy mời, cha tôi mới chịu theo họ về Nha Cảnh Sát. Sau này lúc làm Quận Trưởng Quận Ba, ông rất quý trọng và thường đến thăm ông cụ tôi. Ông chết tại trại tù Tân Lập, tỉnh Vĩnh Phú vào khoảng năm 1979.

Một Ít Kỷ Niệm Với Gia Đình Luật Sư **Trần Văn Tuyên**

ĐOÀN THANH LIÊM

Tôi được quen biết, gần gũi với Luật sư Trần Văn Tuyên vào cuối năm 1965, lúc tôi đang khá bận rộn với chuyện phát triển cộng đồng tại Quận 8 Sài Gòn, là do hai người bạn khá thân thiết đã cùng ở chung với nhau hồi còn là sinh viên Đại Học tại cư xá Phục Hưng số 43 đường Nguyễn Thông, là Anh Bác sĩ Nguyễn Đình Mão và anh Kỹ sư Nguyễn Tấn Thọ. Hai anh rủ tôi đến tham gia sinh hoạt chuyện trò tại nhà Luật sư Tuyên ở đường Hồng Thập Tự khoảng giữa khúc Đoàn Thị Điểm và Bà Huyện Thanh Quan.

Vào lúc đó, Luật sư Tuyên đã ở tuổi "Ngũ thập tri thiên mệnh" rồi, mà phần đông trong nhóm anh em chúng tôi khoảng 12-15 người thì mới ở tuổi từ 30 đến 40. Luật sư Tuyên coi chúng tôi như những người em trong gia đình, nên chúng tôi được thoải mái xưng hô với ông như đối với một người anh cả. Hơn nữa bà Tuyên nhũ danh Phạm Thị Côn vào năm 1965-66, thì cũng chỉ cỡ tuổi 40, tức là cũng xấp xỉ bọn tôi, nên chúng tôi lui tới với gia đình Anh Chị Tuyên một cách tự nhiên, vui vẻ thân mật như trong một đại gia đình vậy.

Vào thời đó, trưởng nam của ông Tuyên là Luật sư Trần Tử Huyền không kém tuổi của tôi là bao nhiêu. Trần Tử Huyền, Trần Tử Thanh v.v... là con của đời bà vợ trước của Luật sư Tuyên. Bà Phạm Thị Côn là vợ kế thì là bà Dì của các anh Huyền, Thanh, Quốc, Miễn và chị Đạm Phương v.v...

Anh Tuyên thường khuyến khích chúng tôi chịu khó gặp gỡ trao đổi với nhau để nâng cao tầm hiểu biết về xã hội, về tình hình biến chuyển ở quốc nội cũng như ngoài quốc tế. Những phân tích thời sự của Anh thật khái quát, lý thú và rất bổ ích cho chúng tôi, để có được một cái nhìn thấu triệt được sự việc có tính cách toàn cuộc, điều mà Tướng De Gaulle là Tổng thống nước Pháp gọi là "Vision cosmique."

Riêng tôi thì hay có dịp ghé thăm Anh Chị Tuyên, anh chị đều quý mến tôi, vì chuyện dấn thân làm công tác xã hội cùng với giới sinh viên, học sinh ở Quận Tám Sài Gòn. Vào năm 1966, Linh mục Pineau là giáo sư Triết học, thuộc Dòng Đa Minh có lần nói với tôi là ông có trao đổi với Luật sư Tuyên về chuyện "Chương Trình Phát Triển Quận 8," thì cả hai người đều đồng ý tán thành công việc chúng tôi làm và gọi đó là một thứ "Micro réalisation" (công trình thực hiện nhỏ bé mà cụ thể, thiết thực) rất thích hợp trong hoàn cảnh chiến tranh phức tạp thời đó. Buổi chiều tối, trên đường đi làm về mà ghé thăm Anh Chị, thì Anh Tuyên thường dẫn tôi ra vườn phía trước nhà, một thửa vườn khá rộng, thoáng mát với nhiều loại cây ăn trái và bông hoa được chăm sóc gọn gàng với màu sắc hài hòa. Chị Tuyên thật khéo tay chăm làm và rõ ràng là có kiến thức khá phong phú. Chị nói vì là căn nhà thuê, nên chị không được tự do xếp đặt sửa sang gì về nhà cửa, cũng như vườn tược. Chủ nhà là David người Pháp gốc Hy Lạp rất khe khắt trong việc cho thuê căn biệt thự rộng lớn này từ hồi đầu thập niên 1950. Chị bảo nếu mình làm "biến dạng" thay đổi quá giới hạn cho phép đối với bất động sản này, thì David có thể kiện ra Tòa đòi trục xuất mình, vì lý do đã không thi hành đúng với hợp đồng thuê mướn. Có lúc tôi chở mấy con cỡ bảy, tám tuổi tới chơi ở vườn, thì chúng rất thích thú với phong cảnh và đặc biệt là được đong đưa nơi mấy ghế xích đu, với cả đồ chơi đủ thứ.

Vào sáng sớm trước khi đi làm mà ghé thăm, thì tôi thường được mời lên lầu trên gặp Anh Tuyên còn mặc pyjama, đang ngồi chỉ dẫn bài vở cho cháu Dễ cỡ 10-12 tuổi. Anh Tuyên dạy cháu cả môn Toán. Chị Tuyên pha cà phê cho tôi vừa uống, vừa nói chuyện với Anh Chị. Cái cảnh sinh hoạt gia đình đầm ấm của Anh Chị trước năm 1975 thật là dễ thương, không thể nào tôi quên được. Anh Tuyên đã mất năm 1976 tại trại "tù cải tạo Hà Tây," gần ga xe lửa Văn Điển, phía nam thành phố Hà Nội. Và chị Tuyên cũng đã qua đời tại Mỹ cách đây mấy năm. Nay viết những dòng này, tôi thật xúc động nhớ lại "những ngày xưa thân ái" ấy, với biết bao

kỷ niệm vui buồn giữa thời chiến tranh mịt mù khói lửa, chồng chất tang thương.

Mà khi tiếng súng đã ngưng tắt vào 30/4/1975, thì cái tai họa khủng khiếp khác lại bao phủ trên toàn cõi miền Nam Việt Nam, và đặc biệt đã đưa đến sự phân tán của gia đình Anh Chị Tuyên, rồi đến cái chết tất tưởi của vị Luật sư chính khách hàng đầu của Miền Nam trong nhà tù của người Cộng sản chiến thắng.

*

Vào năm 1977 đã có tin đồn về cái chết của Luật sư Tuyên. Chị Tuyên đôn đáo đi các nơi dò hỏi, nhưng chẳng có ai dám quả quyết là Anh Tuyên đã mất. Mãi đến giữa năm 1978 tôi đến thăm Bác sĩ Nguyễn Văn Ái, hồi trước làm Viện Trưởng Viện Pasteur Sài Gòn, lúc Anh mới được trả tự do từ miền Bắc về Saigon. Tôi hỏi kỹ thì Bác sĩ Ái cho tôi khá nhiều chi tiết về cái chết của Anh Tuyên. Theo Bs Ái, thì Anh Tuyên chết vì bệnh cao huyết áp (hypertension nguyên văn), vào cuối tháng 10 năm 1976.

Anh Ái cũng cho tôi biết là Chị Tuyên có đến hỏi Anh về cái chết của Anh ấy. Nhưng Anh Ái không dám tiết lộ, chỉ xác nhận với Chị Tuyên, mà chỉ nói là Anh cũng nghe người ta nói như vậy; nhưng vì Anh Tuyên ở trại khác nên Anh không rõ thực hư ra sao!!! (Bác sĩ Ái phải nói dối như vậy, vì sợ hậu quả không hay cho Anh, nếu Nhà nước mà biết rằng chính Anh là người đã tiết lộ cho Chị Tuyên biết việc này).

Nghe Anh Ái kể chi tiết như vậy tôi bèn đến nói với Chị Tuyên là: Dù Anh Tuyên có chết, thì chẳng có ai dám xác nhận với chị điều đó, khi mà Nhà nước người ta còn chưa muốn chính thức phổ biến tin tức ấy. Vậy chỉ còn cách là Chị Tuyên, với tư cách là người vợ, viết thư trực tiếp cho các ông Thủ tướng Phạm Văn Đồng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là những người bạn từng quen biết với Anh Tuyên từ hồi trước 1945, để xin các ông ấy cho biết về tình trạng của Anh Tuyên, mà từ lâu gia đình Chị ở nhà không hề nhận được tin tức, thư từ nào của Anh Tuyên gửi về. Và Chị Tuyên đã làm theo lời tôi gợi ý. Chị viết thư ngay cho các ông Giáp, ông Đồng...

Rồi chừng vài tháng sau, chị Tuyên được mời lên văn phòng Công an Quận I Saigon, nơi chị cư ngụ. Tại đây, chị Tuyên được cho xem các biên bản, giấy chứng nhận của Bác sĩ Bệnh viện và hình ảnh về cái chết, và tang lễ của "cải tạo viên" Trần Văn Tuyên. Chị cho tôi biết là Công an họ có đủ mọi thứ hồ sơ, giấy tờ và hình ảnh về cái chết của Anh, họ cho chị coi tại chỗ, nhưng lại không cho Chị bất kỳ giấy tờ, ảnh chụp nào. Chị than phiền là chính người con gái của Anh Chị là người ở lại miền Bắc với gia đình bên ngoại sau 1954, đã có mặt trong lễ tang của Anh Tuyên, thì lại cũng không hề báo tin cho Chị biết về vụ này. Mà cả người em ruột của Chị ở bên Pháp lâu năm, và ngả theo phía Cộng sản, thì chính anh ấy cũng viết thư về cho Chị biết là Anh Tuyên vẫn còn sống. Chị Côn buồn rầu bảo tôi: "Chính con tôi, và cả em tôi, họ đều không thật lòng với tôi. Họ sợ hãi làm theo lời của Đảng Cộng sản, mà không còn tình cảm gia đình gì đối với tôi, là người mẹ, người chị." Tôi thật cám cảnh với cái chuyện mâu thuẫn tình đời, gây đau buồn cho Chị Tuyên như vậy. Quả thật, chiến tranh Nam Bắc đã gây quá nhiều đổ vỡ, nứt rạn trong nội bộ của biết bao gia đình người dân Việt Nam chúng ta.

Đến Tết năm 1979, Chị Tuyên kêu tôi lên ăn bữa cơm đầu năm với gia đình Chị, lúc bấy giờ đã dọn ra đường Nguyễn Thái Bình gần rạp Kim Châu phía Chợ Cũ Sài Gòn. Tôi đã dẫn mấy đứa con đến thắp nhang viếng Anh Tuyên trước tấm ảnh được đặt trang trọng trên bàn thờ. Trong bữa ăn này, tôi còn gặp ông Phạm Quang Khai, nhà triệu phú và làm giám đốc sáng lập nhà xuất bản cũng lấy tên Phạm Quang Khai, ông Khai cũng phải đi "học tập cải tạo" với diện "cải tạo tư sản." Lũ con tôi, lúc về còn nói Bác Tuyên cho ăn ngon quá, đặc biệt là món "Vịt Bắc Kinh" là món đầu tiên trong đời chúng được nếm thử và chúng sẽ nhớ đời vì sau 1975 chúng làm sao được biết đến món ăn "loại văn hóa cao cấp" như thế.

*

Tôi còn có thể kể thêm rất nhiều chi tiết vui buồn với gia đình Anh Chị Tuyên, nhất là sau năm 1975, khi Anh Tuyên phải rời xa gia đình vào trại "học tập cải tạo" và sau cái chết của Anh. Nhưng trang báo có hạn, nên xin hẹn một dịp khác sẽ xin kể chi tiết hơn.

Nhân tiện, xin kể thêm một chuyện này là vào năm 1986-87 gì đó, Chị Tuyên có trao cho tôi một bao thư khổ lớn chứa khá nhiều giấy tờ, Chị dặn đây là nhiều thứ Anh Tuyên viết, kể cả thư từ riêng Anh gửi cho Chị. Chị Tuyên cho tôi cái quyền "khai thác" nguồn tài liệu này. Nhưng đáng tiếc thay là hồi đó tôi lại đang bận rộn nhiều công chuyện, nên đã cất kỹ tài

Tài liệu

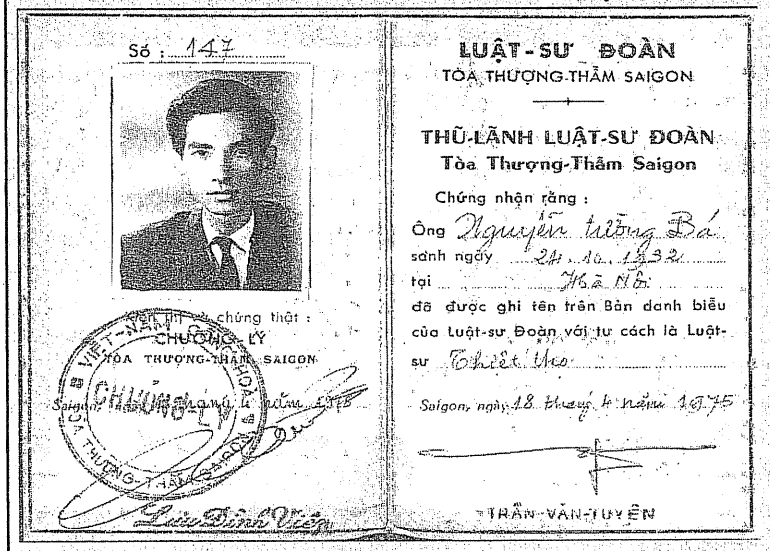

Số : 147

LUẬT-SƯ ĐOÀN
TÒA THƯỢNG-THẨM SAIGON

THỦ-LĨNH LUẬT-SƯ ĐOÀN
Tòa Thượng-Thẩm Saigon

Chứng nhận rằng :
Ông Nguyễn tường Bá
sanh ngày 24.10.1932
tại Hà Nội
đã được ghi tên trên Bản danh biểu của Luật-sư Đoàn với tư cách là Luật-sư Thiết Thọ
Saigon, ngày 18 tháng 4 năm 1975
TRẦN-VĂN-TUYÊN

Thẻ Luật Sư của Nguyễn Tường Bá, có chữ ký của Trần Văn Tuyên, Thủ Lãnh Luật Sư Đoàn Tòa Thượng Thẩm Saigon. Trần Văn Tuyên đắc cử chức Thủ Lãnh vào cuối năm 1974.

Vào những ngày trước khi mất nước, Thủ Lãnh Trần Văn Tuyên đã ký nhiều trăm thẻ Luật sư và giấy chứng nhận (bằng Anh và Pháp văn) cho các luật sư. Ngân quỹ của Luật Sư Đoàn cũng đã được Thủ Lãnh và Hội Đồng Luật Sư lấy hết để ủy lạo các chiến sĩ tại mặt trận Xuân Lộc.

Tôi, Nguyễn Tường Bá, vinh dự được làm Tổng Thư Ký Luật Sư Đoàn dưới Thủ Lãnh Trần Văn Tuyên.

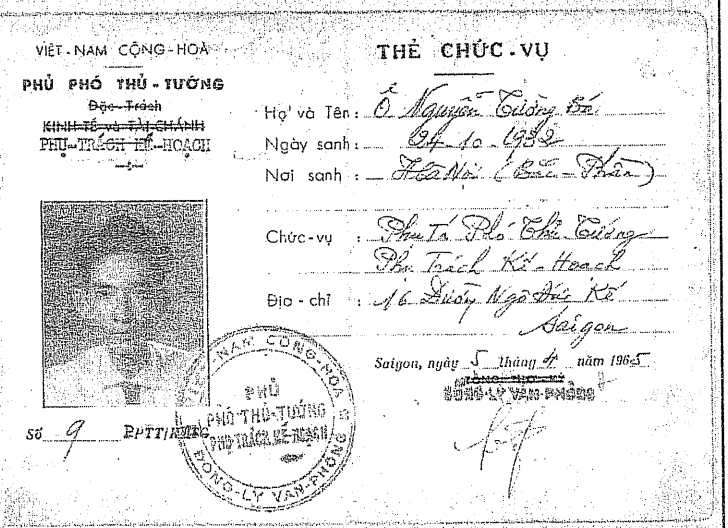

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
PHỦ PHÓ THỦ-TƯỚNG
Đặc-Trách ~~KINH-TẾ và TÀI-CHÁNH~~
PHỤ-TRÁCH KẾ-HOẠCH

THẺ CHỨC-VỤ

Họ và Tên : Ô. Nguyễn Tường Bá
Ngày sanh : 24-10-1932
Nơi sanh : Hà Nội (Bắc Phần)
Chức-vụ : Phụ Tá Phó Thủ Tướng Phụ Trách Kế Hoạch
Địa-chỉ : 16 Duy Ngô Hồi Kế Saigon
Saigon, ngày 5 tháng 4 năm 1965
CHÁNH LỤC-SỰ VĂN-PHÒNG

Số 9 PPTT/KH/TC

PHỦ PHÓ THỦ-TƯỚNG PHỤ TRÁCH KẾ-HOẠCH ĐỒNG-LÝ VĂN-PHÒNG

Thẻ chức vụ của tôi với chức vụ Phụ Tá Phó Thủ Tướng Phụ Trách Kế Hoạch với Phó Thủ Tướng Trần Văn Tuyên.

Thẻ do Cụ Đồng Lý ký, là một công chức già đã theo Luật Sư Tuyên nhiều năm kể từ thuở Luật Sư Tuyên làm Tri Huyện.

Luật Sư Tuyên đã đưa vào bộ máy công quyền ngạch chuyên viên chính trị hai đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng (hệ phái Chủ Lực) là Phạm Quân, cán bộ lão luyện và Mai Quốc Đống, lý luận gia và ngôi sao sáng viết diễn văn. Mai Quốc Đống là người viết diễn văn cho Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, chính câu nói của Nguyễn Văn Thiệu mà nhiều người Việt hay nhắc đến và cho là "để đời": "Đừng nghe những gì cộng sản nói, hãy nhìn kỹ những gì Cộng sản làm" là do Mai Quốc Đống viết, mà Mai Quốc Đống còn nói rõ Đống cũng không phải là người đã nghĩ ra mà lấy ý của Thủ Tướng Winston Churchill nói trong cuốn Hồi Ký Churchill (mà các độc giả Mỹ Anh không lạ gì). Hôm 30/4/1975, Mai Quốc Đống đã tự vẫn bằng súng gần Nhà Thờ Đức Bà Saigon. Phạm Quân tị nạn sang Hoa Kỳ, đóng vai trò quan trọng trong nỗ lực phục hoạt Việt Nam Quốc Dân Đảng Hải Ngoại.

liệu đó trong tủ sách và chưa bao giờ mở bao bì ra xem coi đó là những giấy tờ tài liệu gì. Sau đó tôi bị bắt tù vào năm 1990, rồi đến 1996 thì bị trục xuất sang Mỹ. Nên bây giờ cũng không biết các tài liệu đó lọt vào tay ai.

Nay thì chính Chị Tuyên cũng đã qua đời. Tôi xin viết mấy dòng này để tạ lỗi với Chị là do ngoài ý muốn, tôi đã không thể làm cái điều Chị căn dặn khi trao bao thư đó cho tôi. Nhưng ở bên kia thế giới, chắc chị cũng thông cảm cho hoàn cảnh ngang trái của tôi, khiến tôi không thể làm được theo điều chính tôi cũng mong ước là được viết lại cái tâm sự, cái suy tư thầm kín của Anh Tuyên cũng như của chính Chị nữa.

Tháng 10 năm 2006 này là kỉ niệm 30 năm ngày ra đi vĩnh viễn của Anh Tuyên, tôi bồi hồi nhớ lại bao kỉ niệm đẹp với Anh, với Chị và cả các người con của Anh Tuyên, đặc biệt Trần Tử Huyền, Trần Tử Thanh là hai người mà tôi rất quý. Tôi cũng nghe nhiều người khen Đạm Phương, nhưng chưa có dịp gặp gỡ trao đổi. Tôi còn muốn gặp lại hai con gái út của Anh Tuyên là cháu Dễ và cháu Nga. Hẹn có dịp viết thêm chi tiết về gia đình Anh Tuyên nữa.

Costa Mesa, tháng 9 năm 2006

TRANG KHOA HỌC

Vệ Sinh Chủng Tộc

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Tôi có ý định viết về vấn đề này đã từ nhiều tháng nay, khi tin tức hãy còn đang "nóng hổi", nhưng cứ lần lữa mãi vì hết lý do này đến lý do khác. Tháng này, nghe tin anh Đỗ Ngọc Yến, chủ nhiệm sáng lập báo Người Việt, đã vĩnh viễn ra đi, tôi quyết định viết để nhớ đến Anh, gọi là một chút tình tri kỷ.

Tôi đến thăm anh một vài lần ở nhà riêng và ở tòa báo Người Việt, thỉnh thoảng gặp anh, bước đi chậm chạp, hỏi thăm việc này, việc khác. Những lần gặp, nói chuyện lâu, anh thường hỏi tôi về một vài vấn đề đặc biệt liên quan đến vũ trụ học. Lúc đầu tôi hơi ngạc nhiên thấy anh quan tâm về những đề tài này sau, nghĩ lại, có lẽ đó là cách anh gợi ý tôi viết về mấy thứ đó. Tôi ầm ừ trả lời những đề tài này rất hay, nhưng chúng cũng là vấn đề liên quan tới Vật Lý của những hạt cơ bản. Và hiện nay, thứ Vật Lý này không làm tôi hứng thú lắm, trước hết là vì người ta khó mà kiểm chứng được lý thuyết bằng thí nghiệm cho dù có dùng đến tất cả năng lượng trên trái đất này, thứ nữa là vì (có lẽ đây gần sự thật hơn) thứ Toán dùng trong những nghiên cứu này đã trở nên khó quá cho tôi, thí dụ như tôi có bỏ toàn thời gian ra mà khảo cứu đi chăng nữa!

Vấn đề được đề cập đến trong bài viết này là một vấn đề về chủng tộc. Đây là loại vấn đề mà, như người Mỹ thường nói, các nhà khoa học không muốn chạm đến dù với cái sào dài mười bộ, nhưng có lẽ đã đến lúc ta nên nhìn nó một cách lương thiện, bình tĩnh và nghiêm túc. Rất có thể vấn đề này sẽ trở thành một thực tế nhức nhối mà ta phải chấp nhận trong tương lai. Trong trường hợp này, tôi tin rằng anh Yến, một người mà tôi được biết dám nhìn sự việc một cách khách quan, ở một nơi nào đó, sẽ ngồi xoa tay, thích thú rằng tạp chí họ hàng của báo Người Việt của anh đã không chạy trốn.

*

Cách đây 17 năm, ngày 19 tháng Giêng 1989, Philippe Rushton, giáo sư tâm lý học của trường Đại Học Western Ontario, Canada, đã trình bày trước Hiệp Hội Hoa Kỳ về Tiến Bộ Khoa Học – American Association for the Advancement of Science (AAAS) – tại San Francisco, một bài khảo cứu có tựa đề "Tiến Hóa Sinh Vật và Đặc Điểm Di Truyền (Liên Quan tới những Khác Biệt giữa Dân Á Đông, Da Trắng và Da Đen)" – *Evolutionary Biology and Heritable Traits (With Reference to Oriental-White-Black Differences)*. Bài thuyết trình đã làm thay đổi đời sống của ông ta và gây một chấn động trong giới trí thức và nghiên cứu.

Trong bài thuyết trình, Rushton kiểm điểm lại những khảo cứu đã được in trong các tạp chí nghiên cứu, đưa đến một kết luận dè dặt rằng, tính trung bình, người Á Đông trưởng thành chậm, ít năng động tình dục, có bộ óc lớn và chỉ số thông minh IQ cao hơn người da đen. Còn người da trắng thì ở giữa hai nhóm sắc tộc trên. Rushton nói tiếp hệ thống tam tài về chủng tộc này có nguồn gốc không những chỉ ở sức mạnh về kinh tế, văn hóa, gia đình và môi trường sống mà còn về tiến hóa di truyền, liên hệ tới *gene*, mạnh hơn là khoa học xã hội chính thống đã xác định.

Giả thuyết của Rushton làm ban tổ chức của AAAS choáng váng. Trong cuộc họp báo để tách họ ra khỏi giả thuyết trên, tiến sĩ Walter Massey, phó chủ tịch nghiên cứu tại Đại Học Chicago, chủ tịch của AAAS, nói, như một nhà tâm lý học, Rushton có khả năng cao và, do đấy, các nhà nghiên cứu tham dự hội nghị tùy nghi rút tỉa kết luận. Ông nói tiếp AAAS không khóa miệng bất cứ một ai, nhưng riêng chính ông, ông thấy bài viết mang lại ưu phiền và kết luận của nó "đáng nghi ngờ đến cao độ". Rất nhanh chóng, trong hàng ngũ kinh viện, Rushton trở thành một kẻ cầu bơ cầu bất.

Nhưng những phiền toái cho Rushton mới chỉ bắt đầu. Trở về nhà ở London, Ontario và với công việc giáo sư tâm lý ở Đại Học Western Ontario, ông được tiếp đón bởi những náo

động mỗi lúc một tăng trưởng. Tờ báo có uy tín lớn phát hành khắp Canada, The Globe and Mail, với hàng chữ đậm ở trang nhất: *"Canadian Professor Provokes Uproar With Racial Theories"*; tờ báo lắm độc giả Toronto Star: *"Theory Racist: Prof Has Scholars Boiling"*; còn tờ London Free Press: *"UWO Professor Denies Study Was Racist"*. Từ báo chí cho đến những nhóm tích cực hoạt động xã hội, họ kêu gọi đại học phải sa thải Rushton vì đã khuyến khích căm thù. Đài truyền hình loan truyền lý thuyết với ảnh của Rushton chồng trên phim ảnh lực lượng xung kích Nazi. Cứ như vậy, mỗi ngày một lớn, giới truyền thông bỏ quên những dè dặt, những điều kiện đề ra trong lý thuyết và, chẳng mấy chốc, tên Rushton dính liền với những kinh hoàng của Holocaust.

Hai tuần lễ sau buổi thuyết trình, thủ tướng của chính phủ tỉnh bang Ontario tuyên bố lý thuyết của Rushton "đáng ngờ đến cao độ" và có thể phá hoại "một xã hội dựa trên nền tảng cơ hội đồng đều cho tất cả mọi người." Ông điện thoại cho chủ tịch trường đại học nói, mặc dù ông hiểu và ủng hộ quan niệm tự do của người nghiên cứu, trong trường hợp này cần phải có sự sa thải để cảnh báo, cho xã hội biết rằng cách nhìn về chủng tộc đó "thật đáng kinh tởm." Và vì đại học không chịu sa thải Rushton, ông thủ tướng gọi Cảnh Sát Tỉnh Bang điều tra xem ông giáo sư có phạm vào tội hình sự (tội ác gây căm thù, có thể bị phạt tù đến hai năm) nào không? Sau sáu tháng điều tra, ông bộ trưởng tư pháp không đem ông giáo sư ra tòa, nói khảo cứu "điên rồ (*loony*) nhưng không phạm pháp."

Đối ngoại, đại học giữ vững lập trường về sự tự do của người nghiên cứu. Trong một buổi họp báo, ông chủ tịch khẳng định rằng không có chuyện điều tra, hay chuyện tạm cho nghỉ việc và Rushton có thể theo đuổi bất cứ nghiên cứu nào mà ông ta muốn. Đối nội, Rushton đã trở thành đối tượng của một cuộc săn bắt. Bà khoa trưởng, một nhà nhân loại học, tuyên bố Rushton đã mất hết uy tín về khoa học; bà tấn công trên mặt báo, cả con người lẫn công trình khảo cứu. Bà viết, "Có chứng cớ nào cho việc xếp hạng về sự tiến hóa của các chủng tộc này hay không?" – "Không," bà tự trả lời. Bà rất cẩn thận nói đó là ý kiến chuyên môn của riêng bà chứ không phải của đại học.

Nhưng tất nhiên không mấy ai dám coi nhẹ ý kiến của bà khoa trưởng, nhất là mấy vị chức sắc dưới quyền bà. Trong suốt mười hai năm dạy học, Rushton luôn luôn được xếp hạng "tốt" hoặc "ưu tú" trong việc xếp hạng hàng năm; lần này ông được phê "xoàng" vì "thiếu nhạy cảm." Với điểm phê này, Rushton dễ có thể bị sa thải. Ông phản đối qua nhiều cấp bậc, trưởng ban rồi đến khoa trưởng. Vì bà khoa trưởng đã bầy tỏ ý kiến của bà trên mặt báo, Rushton xin bà tự loại mình ra ngoài. Bà không chịu. Sau sáu tuần, bà viết một lá thư dài bảy trang cho biết quyết định của bà, phỉ báng độ "nhạy cảm" cùng tinh thần (vô) "trách nhiệm" của Rushton và hỏi có bài khảo cứu nào ngoài bài viết của Rushton xác minh cách nhìn về chủng tộc đó không? Rushton tự vệ bằng cách viết thư cho nhiều đồng nghiệp trên thế giới và nhận được trên 50 lá thư ủng hộ trong đó có nhiều thư xác nhận những chứng cớ mà ông đã trình bày. Bà khoa trưởng điên lên, nhưng rồi mãi mãi Rushton cũng thắng qua hai ủy ban khiếu nại, và ông ta được xếp hạng lại là "tốt" và "ưu tú."

Trong khi đó, nhiều phần tử cấp tiến tích cực và một số sinh viên da đen biểu tình phản đối; viện lý do an ninh, đại học không cho Rushton vào giảng đường, buộc ông phải diễn giảng bằng *videotape*. Lại khiếu nại, sau một khóa, Rushton được quyền trở vào diễn giảng trực tiếp trong lớp học.

Những chuyện làm phiền nhiễu vẫn còn tiếp tục. Thí dụ năm 1995, Quan Thuế Canada giữ lại cuốn sách *Race, Evolution, and Behavior* của Rushton, xuất bản ở Hoa Kỳ, được nhập cảng về Canada, để điều tra xem có phải là tài liệu tuyên truyền gây căm thù hay không? Quan Thuế Canada chỉ trả lại sách sau chín tháng "điều tra". Ngày nay, thỉnh thoảng người ta vẫn còn nhắc đến cuộc tranh luận năm 1989 trên đài truyền hình CBC giữa Suzuki và Rushton (bạn đọc có thể vào xem trên Internet ở địa chỉ http://archives.cbc.ca/IDC-1-74-663-3727/people/david_suzuki/clip5).

*

David Suzuki là một nhà di truyền học nổi tiếng. Ông là giáo sư tại Đại Học British Columbia, có nhiều chương trình khoa học rất ăn khách trên truyền thanh và truyền hình ở Canada và khắp thế giới. Suzuki thách thức Rushton tranh luận trên đài truyền hình. Ngoài khả năng chuyên môn rất cao về di truyền, Suzuki còn là một chuyên viên có hạng về truyền thông; lẽ dĩ nhiên, Rushton không có nhiều hy vọng, nhất là khi lại trước một cử tọa

Chart 1

Average Differences Among Blacks, Whites, and Orientals

Trait	Blacks	Whites	Orientals
Brain Size:			
Cranial capacity	1,267	1,347	1,364
Cortical neurons (millions)	13,185	13,665	13,767
Intelligence:			
IQ test scores	85	100	106
Cultural achievements	Low	High	High
Reproduction:			
2-egg twinning (per 1000 births)	16	8	4
Hormone levels	Higher	Intermediate	Lower
Sex characteristics	Larger	Intermediate	Smaller
Intercourse frequencies	Higher	Intermediate	Lower
Permissive attitudes	Higher	Intermediate	Lower
Sexually transmitted diseases	Higher	Intermediate	Lower
Personality:			
Aggressiveness	Higher	Intermediate	Lower
Cautiousness	Lower	Intermediate	Higher
Impulsivity	Higher	Intermediate	Lower
Self-concept	Higher	Intermediate	Lower
Sociability	Higher	Intermediate	Lower
Maturation:			
Gestation time	Shorter	Longer	Longer
Skeletal development	Earlier	Intermediate	Later
Motor development	Earlier	Intermediate	Later
Dental development	Earlier	Intermediate	Later
Age of first intercourse	Earlier	Intermediate	Later
Age of first pregnancy	Earlier	Intermediate	Later
Life-span	Shortest	Intermediate	Longest
Social organization:			
Marital stability	Lower	Intermediate	Higher
Law abidingness	Lower	Intermediate	Higher
Mental health	Low	Intermediate	Higher

Source: Unabridged edition, *Race, Evolution, and Behavior* (p. 5).

thù địch. Ta hãy nghe Suzuki hùng biện trước những tiếng hoan hô, vỗ tay của cử tọa ở ngay trong một giảng đường của trường Đại Học Western Ontario: "Tôi không muốn có mặt ở đây. Tôi không tin rằng chúng ta phải đề cao con người này cùng ý kiến của ông ta trong một tranh luận công khai. Những xác nhận của ông ta phải bị lên án, phương pháp phải bị làm mất tín nhiệm, trợ cấp nghiên cứu phải bị thu hồi và việc làm ở đại học này phải bị đình chỉ. Cái thứ này không phải là khoa học. – *I did not want to be here. I do not believe that we should dignify this man and his ideas in public debate. His claims must be denounced, his methodology discredited, his grant revoked and his position terminated at this university. This is not science.*"

Nói ngắn gọn, nếu Suzuki mà có quyền thì Rushton mất *job*. Suzuki thường được coi là đã thắng trong cuộc tranh luận. Nhưng nhiều người phê bình Suzuki đã tấn công con người Rushton nhiều hơn là khoa học Rushton, với sự trợ giúp của một đám đông. Sự việc này cùng những tấn công tới tấp Rushton tương tự đến từ mọi phía khiến tôi nhớ đến một chuyện khác, cũng liên quan đến chủng tộc, nhưng trong một hoàn cảnh trái ngược hẳn.

Đầu thập niên 1960, tôi sang Hoa Kỳ, đến học ở Atlanta, Georgia. Atlanta là xứ sở của Scarlett O'Hara trong *Cuốn Theo Chiều Gió*, với những cô gái miền Nam, má hồng chín mọng, nổi tiếng là đẹp gọi là những "quả đào Georgia" – *Georgia peaches*. Nhưng đây cũng là xứ sở của người da đen – gọi là *negro* chứ không là *black* hay *Afro-American* như ngày nay – khi tôi đến, họ mới bắt đầu dám rụt rè lên ngồi ở phía đầu xe buýt (chỗ của họ trước kia là phía cuối xe buýt.) Tất nhiên Atlanta vẫn còn những quán ăn người da đen không được phép vào ăn. Pickrick là một *cafeteria*, quán ăn tự phục vụ thuộc loại này, chủ là ông Maddox.

Lester Maddox là một người phân biệt chủng tộc ghê gớm; ngoài chuyện đó ra hay có lẽ chính vì chuyện đó, ông đúng là một *gentleman* miền Nam, xuề xòa, tốt bụng, giọng nói hơi cao, cử chỉ nhanh nhẹn, nhẹ nhàng. Pickrick ở gần trường tôi học, thức ăn ngon, giá phải chăng, nổi tiếng với món đùi gà rán, nên sinh viên ngoại quốc – sinh viên "quốc tế", theo cách nói thời đó – thường đến ăn đông. Kỳ thị là kỳ thị dân da đen, chứ còn đối với bọn sinh viên quốc tế chúng tôi – đại khái gồm Việt Nam, Do Thái, Pakistan, nhiều nước Nam Mỹ – như để nhấn mạnh điểm khác biệt, bao giờ Maddox cũng niềm nở. Ông thường đến ngồi cùng bàn nói chuyện thân mật; một lần, vui câu chuyện, ông gọi người làm mang bánh nhân hạt hồ đào – *pecan pie* – đặc sản của miền Nam, ra mời cả nhóm. Ông đặc biệt thích bông đùa qua lại với anh bạn người Pakistan có lẽ vì da anh *đen* nhất

và trông rất sang: cao lớn, ria mép vểnh lên như David Niven, dáng đi oai vệ của sĩ quan hoàng gia (cưỡi ngựa cũng giỏi nữa, anh dậy tôi cưỡi ngựa), lại sang sảng nói tiếng Anh của Nữ Hoàng. Câu chuyện cũng có một lần chạm đến "kỳ thị chủng tộc", một người hỏi Maddox tại sao người ta sẵn sàng, vui vẻ bán cho dân da đen chiếc xe hơi hai nghìn đô-la mà không chịu bán cho họ cốc cà-phê mười xu? Bí câu trả lời, ông cười xòa, vỗ vai nói, "Không sinh đẻ ở đây, các anh không hiểu được."

"Con người ta sinh ra đều bình đẳng." Câu nói nghe rất đẹp và cao quý, đứng xa mà nhìn. Ta đã biết điều đó đến cả trăm năm nay, "bình đẳng" là một danh từ trừu tượng, đem thực tế lồng vào tự nhiên có nhiều vấn đề, vì không thể bình đẳng "xuông" mà được. Nếu bình đẳng là có thể mua được một cốc cà phê mười xu ở cùng một chỗ như mọi người khác thì bình đẳng cũng không nhiều mà giá phải trả nhiều khi quá đắt; thí dụ như ba sinh viên hoạt động tích cực cho quyền bình đẳng bị hạ sát ở Mississippi, xác vất ở rạch nước bên cạnh đường. Năm 1964, Luật Quyền Công Dân (Civil Rights Act of 1964) ra đời làm thay đổi cục diện. Bạn cùng buồng của tôi, người Mỹ Do Thái, một phần tử đã cấp tiến lại càng thêm cấp tiến, càng niềm nở với các bạn da đen. Một hôm, trông thấy anh đón chào vồn vã một anh bạn da đen, tôi nói, "Ê, Mel, mày nên bắt tay nó một cách bình thường thôi, mày tiến lên ba bước như vậy làm nó lúng túng!" Mel đỏ mặt, chửi thề, *"You bastard Vietnamese!"* Chúng tôi nhìn nhau cười, bình đẳng.

Ông Maddox là một người Mỹ, tuy ít học nhưng rất am hiểu những quyền tự do của mình: tự do kinh doanh, tự do liên kết... Pickrick được xây dựng với vốn từ $400, tiền vợ chồng ông dành dụm được, và bởi mồ hôi nước mắt của cả gia đình gồm thêm bốn người con. Đó là một cơ sở thương mại gia đình và cũng là nhà của riêng ông và, vì vậy, Maddox nghĩ, tùy ý ông muốn tiếp ai thì tiếp.

Luật Quyền Công Dân 1964 không nghĩ như vậy, định nghĩa Pickrick là một cơ sở thương mại phục vụ công cộng và, vì vậy, ai vào cũng được. Ông đi kiện để chống lại điều luật này và đã thua kiện. Lúc đầu, có một lần Maddox cầm súng lục đứng trước cửa, ngăn không cho ba sinh viên da đen từ đại học Georgia Tech đến ăn, sau đó ông không tuân lệnh tòa án, tuyên bố với một nhóm sinh viên da đen khác, "Cho dù các anh có sống đến trăm tuổi, các anh cũng không bao giờ có được một miếng gà rán ở quán ăn này!"

Tôi nghĩ Maddox chỉ nói mạnh thôi, đến một lúc nào đó ông cũng phải hòa nhập, cho dân da đen vào ăn. Nhưng, không, ông nhất định chống lại. Để tượng trưng cho sự chống đối, Maddox để một đống cán rìu ở cửa tiệm, gọi là "đùi gà Pickrick" – *Pickrick drumstick* – bán $2 một cái. Nhiều người mua cán rìu hoặc để ủng hộ hoặc làm kỷ niệm. Nhiều đối đầu hay bạo động đã xảy ra ở miền Nam; biểu tình tuần hành, ủng hộ và chống đối, với cảnh sát chống bạo động đứng giữa. Thống Đốc George Wallace của tiểu bang Alabama đứng ngăn không cho hai sinh viên da đen ghi tên nhập học; tòa án liên bang phải can thiệp, và Wallace chỉ đứng tránh sang một bên khi ông Phó Chưởng Lý xuất hiện cùng với cảnh sát liên bang. Rồi chuyện ba sinh viên bị giết ở Mississippi như kể ở trên... Tình hình mỗi lúc một căng thẳng, sôi sục, tuy không có điều gì đáng tiếc xảy ra ở quán ăn. Bầu không khí nguy hiểm, ngột ngạt, khó thở, rấn đặc đến độ có thể cắt bằng dao. Phải có người thua, và người đó tất nhiên là Maddox.

Maddox tuyên bố đóng cửa quán ăn. Ông cho may một bao vải đen lớn rồi đem chụp kín lên ống khói lò sưởi của nhà hàng, với hàng chữ "LBJ đóng cửa quán ăn này." LBJ là cố tổng thống Lyndon B Johnson. Là một chính khách xuất thân từ Texas, cố gắng cho thông qua Luật Quyền Công Dân là một hành động vô cùng quả cảm của tổng thống Johnson. Nhưng cái chụp vải đen trông như một sự chết chóc rùng rợn, một sức mạnh to lớn nghiền nát một sinh vật nhỏ bé. Có lẽ vì sinh trưởng ở một nước nhỏ bé, tôi thấy bất nhẫn, có một điều gì không phải. Bữa cơm sau cùng, trước ngày đóng cửa, lúc chia tay, tôi bắt tay ông Maddox, nói: "Thưa ông Maddox, tôi rất tiếc ông phải đóng cửa quán ăn, công lao bao nhiêu năm của gia đình ông. Ông biết quan điểm của chúng ta không giống nhau nhưng tôi rất kính trọng và quý mến ông. Và trong cuộc đối chọi không đồng đều này giữa ông và chính phủ liên bang, tôi cảm thấy có một cái gì rất vô luân." Maddox nắm giữ tay tôi một lúc lâu, tỏ vẻ cảm ơn; miệng mấp máy nhưng không nói gì có lẽ vì xúc động.

Thêm: Năm 1966, Lester Maddox là ứng cử viên của đảng Dân Chủ, được bầu làm Thống Đốc tiểu bang Georgia, nhiệm kỳ 1967-1971. Theo hiến pháp tiểu bang, ông không

thể ứng cử làm thống đốc nhiệm kỳ sau, nhưng ông ứng cử và trúng cử làm Phó Thống Đốc, với Thống Đốc tiểu bang lần này là tổng thống tương lai Jimmy Carter. Nhiều người, lo ngại rằng đại họa sẽ đến với tiểu bang Georgia nếu Maddox làm thống đốc, ngạc nhiên thấy Maddox rất cấp tiến. Ông là thống đốc đầu tiên cử người da đen vào nhiều chức vụ quan trọng; cải cách về hệ thống nhà tù của ông được người da đen rất mến phục. Maddox mất năm 2003, thọ 87 tuổi.

*

Trở lại câu chuyện Rushton. Rushton bị chỉ trích nặng nề bởi các nhà khoa học ở ngay trong phòng hội nghị. Làm sao mà ông ta có thể đi đến kết luận từ một trắc nghiệm về sự thông minh có tính cách thiên vị về văn hóa như thế? Hơn nữa, *tại sao ông ta lại nghiên cứu về vấn đề đó?* Tên Rushton trở thành một tính từ trong ngôn ngữ Canada. Và ông trở thành một giáo sư nổi tiếng nhất nước.

"Vệ Sinh Chủng Tộc" – *racial hygiene* (Anh), *Rassenhygiene* (Đức) – tựa đề bài viết này có lẽ sẽ làm một số bạn đọc giật mình, bị sốc. Thật ra, đó là một vấn đề rất cũ, bắt nguồn gần như từ ngay sau khi cuốn *Origin of Species* (1859) của Charles Darwin ra đời. Chủng tộc là một vấn đề được nghiên cứu trong nhiều ngành học: y học, tâm lý, sinh vật... ở khắp Âu Châu. Ernst Haeckel kết hợp thuyết tiến hóa với thứ "triết học tự nhiên" của Đức, đi đến kết luận chỉ những chủng tộc thích đáng nhất mới sống sót và chiếm ưu thế, và vì vậy phải trông chừng, giúp cho chủng tộc thích đáng nhất đó chống lại bệnh tật và suy thoái. Houston Stewart Chamberlain phát triển thêm chủ đề này, cho rằng chủng tộc Đức (hay đúng hơn *Teutonic*) bẩm sinh ở một trình độ cao hơn những chủng tộc khác và phải được coi là nền tảng của xã hội tiên tiến. Cũng theo chiều hướng đó, sự ưu sinh – *eugenics* – phép cải thiện di truyền của con người bằng cách gây giống chọn lọc, rất được chú ý và nghiên cứu ở nhiều nước.

Ta sẽ không ngạc nhiên thấy, rất nhanh chóng, vấn đề khoác thêm áo chính trị. Ngay đầu thế kỷ thứ 20, không ai khác hơn là ông vua thép và vũ khí Đức, Friedrich 'Fritz' Krupp, đã vận dụng thuyết tiến hóa để đưa đến những kết luận chính trị và xã hội. Krupp treo giải thưởng về nghiên cứu sinh vật nhưng giải thưởng đã được quyết định bí mật từ trước cho nghiên cứu khuyến khích sự tương đương giữa lịch sử chính trị và xã hội và ảnh hưởng của di truyền sinh vật.

Tất cả những nghiên cứu loại này đều có tiềm năng gây nên những xáo trộn lớn trong xã hội, nhưng dù sao chúng cũng vô hại nếu chỉ tiếp tục ở trong phạm vi nghiên cứu, không được thêm những ảnh hưởng bên ngoài khác xen vào. Năm 1936, Alfred Ploetz, tác giả của quan niệm *Rassenhygiene,* ở tuổi 76, được Hitler cử giữ chức giáo sư ở Đại Học Munich. Theo ông, cũng vẫn theo thuyết tiến hóa, chọn lựa không thích đáng sẽ dẫn đến suy thoái. Chủ chốt của "Vệ Sinh Chủng Tộc" của Ploetz là sự e ngại rằng những người không thích đáng sinh sản nhanh chóng hơn những người thích đáng và có năng khiếu nhất; nói cách khác, cần có một sự kiểm soát nào đó. Ở lúc ban đầu này, Ploetz không phải là người bài Do Thái cực đoan; thực ra, ông ta đã xếp hạng Do Thái chỉ ở dưới Aryan một tí và kể tên một số người tài Do Thái như Jesus, Spinoza và Marx để làm chứng. Ploetz tin rằng người da trắng có khả năng thích ứng với sự thay đổi khí hậu và địa hình hơn là người da đen. Ông ta tuyên bố trí thông minh của một người da trắng so với một người da đen cho cùng một sự tương phản như trí thông minh của một người da đen so với một con khỉ đột.

"Có thể có một chủng tộc bẩm sinh đã ở một trình độ cao hơn tất cả các chủng tộc khác." *A priori,* không có lý do gì cấm phát biểu trên đúng (hay sai); nhưng chỉ ở nước Đức, với những định kiến và lý thuyết của họ, các nhà khoa học Đức Quốc Xã, cố cắm cái cọc vuông vào khít một lỗ tròn, đã cố chứng minh là giòng giống Aryan có trình độ cao nhất, và mới có các người lãnh đạo chính trị đủ cực đoan để cho thi hành những chính sách cực kỳ dã man như ta đã biết, khiến cho vấn đề chủng tộc trở thành vô cùng nhạy cảm và cấm kỵ, ít ai dám động đến nó.

Tháng Sáu 2005, Rushton (một lần nữa) và Arthur Jensen, giáo sư tâm lý Đại Học California ở Berkeley, đồng tác giả một bài khảo cứu dài 60 trang, đăng trên *Psychology, Public Policy and Law*, một tạp chí của Hiệp Hội Tâm Lý Hoa Kỳ. Trong bài này, hai vị học giả liệt kê mười loại bằng chứng, những yếu tố đã đóng góp cho sự cách biệt có thể đo được về trí thông minh giữa các nhóm chủng tộc, bao gồm cả những trắc nghiệm khảo cứu và nhà binh, kích thước của bộ óc và khảo cứu về con nuôi, để

chứng minh luận điểm người Á Đông, như một tập hợp, đã tiến trong quá trình tiến hóa xa hơn người da trắng, và người da trắng xa hơn người da đen.

Theo tác giả, người ta không bàn cãi về sự cách biệt về IQ giữa các chủng tộc, mà chỉ bàn cãi về nguyên nhân của nó. Thực vậy, người ta đã tranh cãi nhiều về những nguyên nhân này. Vài người chê phương pháp trắc nghiệm, lý luận rằng họ đã dùng một khái niệm hạn hẹp phương tây để đo. Người khác nói thông minh không phụ thuộc nhiều vào di truyền mà vào những yếu tố chung quanh: nghèo khó, thiếu ăn, giáo dục của cha mẹ, kỳ thị, và cả phẩm chất của trường học nữa.

Thế nhưng, Rushton và Jensen nhấn mạnh rằng từ 50 đến 80 phần trăm những cách biệt IQ giữa các nhóm chủng tộc có thể giải thích được bằng *gene*, bởi sự thông minh di truyền bẩm sinh. Lý thuyết này, theo họ, có một hàm ý sâu sắc trong việc hoạch định những chính sách vì nó gợi ý xã hội phải chấp nhận rằng sự khác nhau giữa các nhóm chủng tộc luôn luôn thể hiện trong sự thành công về học vấn hay trong những đo lường quan trọng khác về "thành công."

Cuối cùng, xã hội phải chấp nhận một thực tế là trong cùng một tầng lớp xã hội nhóm này có nhiều đại diện, nhóm kia có ít đại diện. Nói cách khác, những người hoạch định chính sách xã hội không nên tìm cách tạo nên sự đồng đều, bình đẳng giữa các nhóm sắc tộc – một điều không thể xảy ra được, theo Rushton – mà phải cố làm sao sống với sự khác biệt có tính cách thống kê này. "Bạn phải tuyệt đối chấp nhận rằng không thể có nhiều người Tàu trong một đội bóng rổ hay có nhiều người da đen trong đám học sinh tốt nghiệp trung học. Đó là một thực tế của đời sống. Nó không phụ thuộc vào việc bạn cố gắng thay đổi tiêu chuẩn, bạn không thể làm quân bình sự việc xảy ra, điều không thể xảy ra được," Rushton đã trả lời trong một cuộc phỏng vấn.

Rushton cũng nhấn mạnh sự việc đó không áp dụng cho cá nhân mà cho từng nhóm, vì "đến trẻ con ở lớp mẫu giáo cũng hiểu rằng tuy bình thường con trai cao hơn con gái, nhưng có nhiều cô gái cao hơn những cậu trai trung bình."

Mặc dù vẫn gây gổ hơn bao giờ hết, những ý kiến mới của Rushton không gây nhiều phản ứng từ các khoa học gia cho đến chính trị gia, cảnh sát hay những người phản đối. Sự việc này khiến cho Rushton phải hỏi: Cái gì đã thay đổi? Tại sao những ý kiến của ông ta đã gây bao nhiêu tranh cãi cách đây 15 năm, bây giờ không khuấy lên được một chút sóng? Hay là mọi người đã chán ngấy ông ta? Hay là những tiến bộ của khoa học đã khiến cho lý thuyết của ông ta trở thành chính thống? Rushton nói ông ta muốn tin rằng những người phê bình ông đã bị những phát hiện khoa học mới trong bài viết làm cho im lặng. Tuy nhiên, ông ta không ngây thơ quá đỗi như thế. Ông ta nghĩ người ta lờ đi, quay mặt nhìn chỗ khác.

*

Khi đăng bài của Rushton và Jensen, tạp chí *Psychology, Public Policy and Law* đã làm một việc không bình thường là trong cùng số báo đó đã cho in thêm ba bài khác chống lại. "Lợi ích gì với thứ khảo cứu thực hiện bởi Rushton và Jensen?" Đó là câu hỏi của một trong những người phê bình, Robert Sternberg, nhà tâm lý học thuộc Đại Học Yale. Ông Sternberg nói thêm vấn đề mà Rushton và Jensen đã bỏ thì giờ nghiên cứu không có một giá trị nào cho ai trừ những kẻ hoài nghi – *cynics* – muốn dùng nó để kỳ thị. Ông hỏi, "Liệu khoa học có thực muốn cung cấp thứ vũ khí đó không?" Nhưng đó không phải là những câu hỏi hữu ích có tính cách khoa học. Phản ứng tương đối câm lặng như vậy trước bài khảo cứu thật ra không lạ lùng. Vào thập niên 1980, Rushton bị coi là thuộc loại trí thức hàn lâm thối tha; ngày nay, có một đội binh nho nhỏ những khoa học gia kiếm tìm, khám phá căn nguyên di truyền của trí thông minh và dị biệt về di truyền giữa những hậu duệ của giòng giống Phi Châu, Á Châu, Ấn Độ, Trung Đông, hay Âu Châu. Những khảo cứu đi theo nhiều đường hướng khác nhau mà một là dự án vĩ đại Human Genome Project, dự án này kiếm thấy đôi chút dị biệt trong mẫu hình DNA giữa những nhóm chủng tộc.

Tháng Sáu 2005, tạp chí *Journal of Biosocial Science* đăng một bài khảo cứu của một nhóm khoa học gia thuộc Đại Học Utah; bài này gợi ý những người Do Thái Ashkenazi – người Do Thái giòng gốc Âu Châu – đã tiến hóa với khả năng trí tuệ được tăng trưởng qua phép chọn lọc tự nhiên. Những nhà khảo cứu này, dẫn đầu bởi chuyên gia về nhân loại học Henry Harpening, nhận thấy những người Do Thái Ashkenazi có chỉ số thông minh IQ cao hơn tất cả những nhóm sắc tộc khác; thí dụ so

với nhóm người Âu Châu, chỉ số thông minh IQ thuộc loại "thần đồng" trên 140 của họ nhiều gấp hơn sáu lần. Albert Einstein, Sigmund Freud, Gustav Mahler và chừng một nửa số những nhà vô địch cờ vua trên thế giới thuộc nhóm những người những người Do Thái này. Ở Hoa Kỳ, người Do Thái Ashkenazi chiếm chừng 3% dân số nhưng được tới 27% tổng số giải Nobel trao tặng cho dân Mỹ.

Ông Harpending và đồng nghiệp kết luận rằng sự chọn lựa tự nhiên đã đóng một vai trò quan trọng làm tăng trưởng sức mạnh trí não của nhóm sắc tộc. Theo lý luận của họ, bao nhiêu nghìn năm bị kỳ thị đã xô đẩy người Do Thái vào những nghề nghiệp thử thách trí tuệ như chủ ngân hàng hay thương mại – nghề nghiệp khi ấy bị coi thường bởi những người theo Thiên Chúa giáo. Bởi vì những người Do Thái Âu Châu luôn luôn kết hôn trong cộng đồng của họ, và cũng bởi vì gia đình những thương gia lớn thành công thường đông con, sự chọn lựa tự nhiên dẫn đến những *gene* làm tăng trưởng thông minh trở nên bình thường. Các nhà khảo cứu cũng giả dụ thêm rằng chính những *gene* làm tăng trưởng trí thông minh cũng có thể là những *gene* đã đẩy tới những bệnh thần kinh như Tay-Sachs, thường xảy ra nhiều hơn trong nhóm sắc tộc này.

Cũng trong tháng Năm, một khảo cứu khác thuộc Đại Học Chicago được đăng trên tạp chí *Science* nói bộ óc tiếp tục tiến hóa hóa nhanh chóng nhờ ảnh hưởng của hai *gene* liên hệ đến kích thước độ lớn của nó. Hơn nữa, bài khảo cứu này thấy rằng những *gene* này thường thấy nhiều hơn trong đám những sắc tộc Âu Châu hay Á Đông, nhiều hơn là nhóm Phi Châu dưới Sahara. Một lần nữa, lại thêm một kết luận khó chịu có hàm ý xã hội.

*

Có một thời các nhà di truyền học gần như đã sẵn sàng loại bỏ hoàn toàn chủng tộc ra khỏi khoa học, khiến cho Rushton lỗi thời. Đầu thập niên 1970, nhà di truyền học Richard Lewontin thuộc Đại Học Harvard lý luận rằng khác biệt về di truyền giữa các chủng tộc quá nhỏ, không có lý do gì người nghiên cứu phải xếp loại người ta ra đen, trắng và Á Đông. Tin tưởng của ông rằng chủng tộc "không có ý nghĩa sinh vật" được coi gần như một tín điều trong giới nghiên cứu.

Năm 2000, dự án Human Genome Project, với sức mạnh của một trận động đất lớn, đã làm đảo lộn cả thế giới sinh vật học, bắt buộc các nhà khoa học có một cái nhìn mới về di sản di truyền của nhân loại. Thoạt tiên, khảo cứu về DNA có vẻ như khẳng định lời nhấn nhủ của Lewontin về sự bình đẳng và tình huynh đệ giữa con người. Dự án khoa học lâu mười ba năm ấy nhận thấy rằng con người ta chung

CHU VƯƠNG MIỆN

Kiếp xa

Không gặp nhau thời tiếc
Khi gặp lại quá già
Cỏ mọc hoang bờ ruộng
Giữa đồng giữa tháng Ba
Lòng sông sao ngắn quá
Lũ vịt bơi quá bờ
Em đã đi tuốt tuột
Anh mê mải vườn dưa
Nhìn lên trăng hạ dãi
Khuất rồi nhớ ngẩn ngơ
Thời gian thương như vậy
Chả ai đợi ai chờ
Sông sâu sâu đó đoạn
Đỏ hết tuổi học trò
Tiếc nuối cơn ngủ muộn
Kết gút một guồng tơ
Xác tằm nằm trong nước
Lửa hồng tự nẫy giờ
Vải lụa vàng óng ả
Vàng mã một kiếp xa.

nhau đến 99.9 phần trăm di sản di truyền, chỉ có 0.1 phần trăm là khác nhau. Tất cả mọi người đều có cùng một cỗ *gene* cơ bản gồm ba tỷ những xếp đặt chuỗi chữ của *gene*, tất cả sự khác nhau giữa những cá nhân hay chủng tộc đều nằm ở trong con số rất bé nhỏ trong ba tỷ xếp đặt đó. Nhưng 0.1 phần trăm của ba tỷ là ba trăm triệu xếp đặt khác nhau, thiên nhiên tha hồ mà thao túng!

Rất oái oăm, đáng lẽ khảo cứu xem những gì khiến con người ta giống nhau, các nhà khoa học như nhảy chồm vào xem những gì khiến ta khác nhau. Thực sự, họ hành động với một mục đích cao cả: họ muốn tìm hiểu nguồn gốc di truyền của những bệnh tật như bệnh tiểu đường, cơn đột quỵ hay ung thư. Ta đã biết nhiều chứng bệnh không phân chia đồng đều giữa những nhóm sắc tộc. Thí dụ như bệnh thiếu máu di truyền nặng – *sickle cell anaemia* – thường thấy nhiều hơn ở nhóm người tổ tiên Phi Châu. *Hemochromatosis*, một rối loạn di truyền khiến cho cơ thể hấp thụ quá nhiều chất sắt, ít khi thấy ở người Ấn hay người Tàu, thế nhưng tới bảy phần trăm dân Thụy Điển mắc chứng bệnh này. Tương tự như vậy, tuy có một vài yếu tố khác ảnh hưởng như chế độ ăn uống hay cách sinh sống, những chứng bệnh như áp huyết cao, ung thư tuyến tiền liệt và suy thoái thận thường thấy ở người da đen nhiều hơn là da trắng.

Các nhà khoa học tin rằng khảo cứu về tương quan giữa biến đổi DNA và chủng tộc hay nhóm sắc tộc có thể đưa đến *gene* cơ động của căn bệnh, và từ đó đến trị liệu và việc sản xuất thuốc. Vì có nhiều người khảo sát liên quan giữa di truyền và chủng tộc, càng ngày càng nhiều người đi đến kết luận là ông Lewontin đã nhầm. Neil Risch, hiện nay được coi là một trong những nhà di truyền học hàng đầu thế giới, là nhân vật chủ chốt trong cuộc tranh luận đầy xúc động này. Risch lý luận rằng một khác biệt di truyền rất nhỏ đã tiến triển giữa các chủng tộc bởi sự biệt lập địa lý qua nhiều thế hệ của những dân Phi Châu dưới Sahara, dân da trắng, dân Á Châu, dân ngoài đảo Thái Bình Dương và thổ dân Mỹ Châu. Trong một bài khảo cứu đăng trên Nature Genetics năm 2002, ông Risch cũng cho thấy, bằng cách phân tích DNA, các nhà khảo cứu có thể nói đúng đến 99.9 phần trăm thành phần chủng tộc của một cá nhân như được diễn tả bởi chính họ. Ông cũng nói về giới tính thì các nhà khảo cứu có thể đoán sai nhiều hơn.

Ngay cả Francis Collins, cựu giám đốc của Genome Project, cũng nhìn nhận điều này khi ông nói với Nature Genetics rằng có lẽ các nhà khảo cứu trong dự án đã nói quá mạnh về sự không đáng kể của liên hệ sinh vật học với chủng tộc. Tiêu điểm của cuộc tranh luận ngày nay dường như chuyển qua việc xếp loại những biến đổi di truyền. Những người như Neil Risch tin rằng chủng tộc là một phương pháp chính đáng, nhưng tất nhiên nhiều người khác lý luận rằng dùng chủng tộc là điều không cần thiết và gây nhiều xúc động. Dù sao chăng nữa, phần lớn những nhà khoa học ngày nay chấp nhận di truyền có đóng một vai trò trong sự biến đổi của con người, và một liên kết nào đó giữa di truyền và yếu tố môi sinh đã quyết định trí thông minh. Về điểm này, hai trong số ba người phê bình đã trả lời Rushton trong *Psychology, Public Policy and Law* cũng phải nhượng bộ. Thách thức nhiều hơn có lẽ là câu hỏi: sự cách biệt về IQ giữa dân Á Đông, da trắng và da đen cố định hay có thể thay đổi được? Làm sao để nâng cao chỉ số thông minh IQ của một nhóm và, quan trọng hơn, làm sao để nâng cao trình độ thành tựu về học vấn của một chủng tộc hay một nhóm sắc tộc nào đó?

Theo Lisa Suzuki và Joshua Aronson, giáo sư tâm lý của Đại Học New York, lý thuyết của Rushton nguy hiểm ở chỗ nó hàm ý sự cách biệt về IQ giữa các chủng tộc hay nhóm sắc tộc hầu như không thay đổi được. Vì vậy, nó sẽ làm suy yếu những tác dụng xã hội như những hành động tích cực trong việc thuê người làm hay những chương trình giáo dục đặc biệt cho dân nghèo hay dân Mỹ da đen. Về phần Rushton, ông ta nói thành tựu học đường của người da đen có thể làm tốt hơn, và sự cách biệt về chỉ số IQ có thể làm giảm đi phần nào, nhưng không bao giờ có chuyện đồng đều. Rushton khẳng định rằng ngày nay ý kiến của ông ta gây gổ chỉ là vì chúng không phù hợp với tín điều tôn giáo và chính trị được nhiều người ưa chuộng, ấy là mọi người sinh ra đều bình đẳng. "Đó là tin không vui cho nhiều người, vì vậy, theo nghĩa đó, nó có tính cách gây gổ," ông ta nói.

*

Những hành động man rợ giữa người với người trong Đại Chiến thứ Hai, đến từ mọi mầu da hay sắc tộc, cùng hậu quả của chúng đã để lại trong não trạng con người nhiều suy nghĩ,

phán đoán thiếu thăng bằng, thậm chí sai lạc nữa. Mặc cảm tội lỗi đã khiến quá nửa nhân loại gần như bị giữ làm con tin bởi Holocaust. Ở nhiều nơi, nhất là Bắc Mỹ với sự thức tỉnh của dân da đen và Luật Quyền Công Dân 1964, nhắc đến mầu da, sắc tộc là điều cấm kỵ. Thí dụ, chuyện trồng "cỏ" ở Canada gần như là ngón chuyên môn của dân Việt ta, nhất là dân Việt đến từ miền Bắc; tuy vậy, báo chí đưa tin thường tránh nói nghi phạm là dân Á Châu hay Việt Nam (trồng "cỏ": trồng cần sa bất hợp pháp ở ngay trong nhà; đây không phải là câu chuyện trồng chơi vài ba cây, mấy người này chuyên nghiệp, thuê hay mua hẳn nhà ở những khu đất tiền để được riêng biệt, họ không ở mà chỉ trồng cần sạ trong căn nhà đó; kiếm rất nhiều tiền nếu không bị bắt). Hay ở Toronto, một thành phố lớn, so với các thành phố lớn khác của Bắc Mỹ, số án mạng hàng năm gần như không đáng kể; nhưng án mạng, nếu có, thì nó gần như chắc chắn đã xảy ra giữa đám người da đen đến từ cùng một đảo quốc ở Trung Mỹ. Theo đúng đường lối, báo chí loan tin án mạng nhưng kỵ, không nói đến nước nào, cho đến một hôm, có lẽ có người không nhịn được nữa viết một bài trên trang xã luận nói nếu có nói đến sắc tộc hay mầu da thì, thực sự, chỉ có mục đích loan tin trung thực, không có ý kỳ thị, mạ lỵ hay phê phán ai.

Bắc Mỹ cũng là nơi có nhiều luật hay chương trình có mục đích giúp những người mà xã hội cho là bị thua thiệt, nhóm người "thiểu số trông thấy được" – *visible minority*. Tuy vậy, để cho đúng đường lối – *politically correct* – ta phải hiểu ngầm rằng sự thua thiệt này không có nguyên nhân ở mầu da hay chủng tộc mà ở môi trường sống. Chính sách "thiểu số trông thấy được" có mặt ở khắp nơi, từ cách mướn người cho công việc cho đến việc nhận sinh viên vào các trường đại học. Ở California và nhiều tiểu bang khác, trường đại học của tiểu bang dành riêng một số chỗ *(quota)* cho sinh viên thuộc nhóm "thiểu số trông thấy được" có ý là để giúp đỡ sinh viên da đen, nhưng kết quả là ta thấy đầy sinh viên Á Châu, bởi vì dân Á Châu tuy có thể rất đông ở nơi khác nhưng ở Bắc Mỹ thì là "thiểu số trông thấy được." Cách đây mấy năm, California đã bỏ luật lệ *quota* này.

Đó là điều kiện xã hội trong đó Rushton nghiên cứu về di truyền và chủng tộc.

Về lý thuyết khoa học của Rushton, mặc dù nó "mơn trớn" kiêu hãnh sắc tộc của dân Á Đông ta, tôi có nhiều dè dặt. Thói quen nghề nghiệp, tôi thường nhìn những kết luận khoa học hoàn toàn dựa trên thống kê một cách nghi ngờ. Như trên đã nói, vấn đề đặt ra không có gì mới lạ, chắc hẳn những nhà khoa học Đức Quốc Xã sau này cũng dùng những phương pháp tương tự, chọn lọc, vo tròn bóp méo những chi tiết thống kê cho thích ứng với mục đích của họ với kết quả như ta đã biết. Lý thuyết của Rushton nếu có khác thì chỉ khác ở chỗ chủng tộc được chọn nay là dân Á Đông thay vì Aryan; vì vậy, muốn được chấp nhận, lý thuyết của Rushton phải nhảy cao hơn thật nhiều. Lewontin có thể nhầm như nhiều nhà di truyền học đã chứng minh nhưng điều đó không chứng minh rằng Rushton đúng. Ngày nay khoa học khá nhất trí rằng một liên kết giữa di truyền và môi sinh là yếu tố quyết định trí thông minh, mặt khác, di truyền cũng đóng một vai trò quan trọng về chủng tộc, những người ủng hộ Rushton tìm cách nối di truyền và trí thông minh với di truyền và chủng tộc. Nếu liên hệ này đúng thì, quả thực, đó là lý do rất vững chắc cho Rushton.

Neil Risch, Giám Đốc Trung Tâm Di Truyền Nhân Loại của Đại Học California ở San Francisco, giáo sư giữ ghế Lamond Distinguished Professor về Di Truyền Nhân Loại và cũng từng là giáo sư ở các đại học Columbia, Yale và Stanford. Ông là người gắn bó với những ý nghĩ "không đúng đường lối" như chủng tộc có căn bản di truyền mà những người ủng hộ Rushton muốn nối với trí thông minh. Như vậy cách giản dị nhất để có một câu trả lời đáng tin cậy cho vấn đề trong thời điểm này là hỏi thẳng GS Neil Risch.

Về câu hỏi, "Genome Project và những nghiên cứu di truyền gần đây có giúp ích gì cho luận điểm của Rushton và Jensen không?" Risch trả lời không ngần ngại, "Không, hoàn toàn không – *No, none at all.*" Ông cũng nói thêm những khác biệt của các nhóm sắc tộc có thể giải thích được bằng nhiều yếu tố khác nhau, cả di truyền lẫn môi sinh. Điều quan trọng là ta không thể tách rời những yếu tố khác nhau này khi cố tìm hiểu về sự dị biệt của các nhóm, cái mà các nhà nghiên cứu về sự lan truyền bệnh tật gọi là sự lộn xộn – *confounding*. Do đó, những điều mà Rushton và Jensen ức đoán chỉ là ức đoán – một ý kiến về nguyên do những khác biệt của các nhóm sắc tộc, không thực có biện minh đứng đắn khoa học nào.

Có lẽ là vậy. Cách đây ít ngày, báo chí đưa tin nói Rushton tuyên bố đàn ông thông minh hơn đàn bà. Về chuyện này, Risch nói báo chí thích đăng câu trích giật gân! Tất nhiên, nhóm sắc tộc nào cũng thích nghĩ mình là "nhất", nhưng quan niệm này khó đứng vững vì ngay trong mỗi nhóm cũng có những khác biệt rất lớn. Vả lại, "nhất" là một phán đoán xã hội, về phương diện sinh vật không có ý nghĩa gì; cho nên, ta chớ vội mừng, nên tạm gác lại quan niệm "thông minh nhất nam tử" và "dân Á Đông số một." Chờ một ngày đẹp trời khác. Riêng tôi, tôi chỉ cảm thấy không thoải mái về cung cách người ta công kích con người Rushton.

*

Cách đây hơn bốn năm, tôi được tạp chí *Thế Kỷ 21* mời vào ban biên tập, đặc biệt phụ trách trang khoa học. Đó là một vinh hạnh lớn, tôi sung sướng nhận lời. Khi ấy, tôi dự định viết một cuốn sách khoa học phổ thông về những phát minh căn bản, có tính cách quyết định thí dụ như điện hay cơ học Newton, làm thay đổi chiều hướng trong lịch sử văn minh của nhân loại và như vậy, một công đôi ba việc, nếu cứ mỗi tháng có được một bài thì chỉ sau một năm là thừa đủ cho cuốn sách. Trong bài viết đầu tiên, tôi loan báo dự định này và hứa đồng thời sẽ bàn đến những tin tức khoa học "quan trọng nóng hổi" mỗi khi có dịp. Rồi để kết luận, "... tháng này sang năm ta sẽ tính sổ."

"Trang Khoa Học" là một sản phẩm giữa văn chương và khoa học. Trong tạp chí anh (chị) em của *Thế Kỷ 21*, tờ *Phụ Nữ Gia Đình Người Việt*, khi ấy xuất bản hàng tuần, Trang Khoa Học là câu chuyện chạy gạo ăn từng bữa, mỗi tuần hai trang, một mẩu tin vui vui hay hữu ích, nhiều khi cũng không lấy gì làm vui vui hay hữu ích cho lắm, nhưng vì có tầm nhìn hạn hẹp, nên thành công với bạn đọc. Trong *Thế Kỷ 21*, có lẽ người viết cho mình và tạp chí một tầm nhìn quan trọng quá, những bài viết thường công phu, nặng nề, có thể môi trường không thích hợp, người viết và người đọc không cùng tần số cộng hưởng; mỗi bài lai rai cần nhiều tháng để đọc sách, tìm kiếm tài liệu, rồi thấm nhập và viết; đặc biệt là bài Mật Mã, lâu cả năm trời và, sau khi viết xong, người viết tưởng như thành một chuyên viên về mật mã. Nhưng có lẽ đó chính là một trong những lý do khiến nó không hấp dẫn cho lắm đối với bạn đọc.

Cú sốc cuối cùng khi người viết loan tin "quan trọng nóng hổi": một chuyên gia Ấn tìm ra được phương thức cho phép trả lời một con số nào đó, đúng hay sai, có là số nguyên tố hay không? Đó là một tin khoa học *quan trọng nóng hổi*. Về số nguyên tố, một bài toán vô cùng quan trọng khác là phân tích một con số thành thừa số nguyên tố (sáu bằng hai nhân ba, 6 = 2 x 3). Thí dụ có ai tìm ra được một phương pháp hữu hiệu để giải bài toán này thì chắc chắn cơ quan an ninh của quốc gia liên hệ cũng sẽ tìm cách dấu nhẹm đi vì nó là mấu chốt của một thứ mật mã có lẽ an toàn nhất hiện nay. Tin về số nguyên tố ở trên khiến cho đường dây điện thoại viễn liên nối các lục địa, ít nhất giữa vài trung tâm tin học, chạy đến nóng lên; nó quan trọng đủ để *The New York Times* cho đăng tin trên trang nhất. Thế nhưng, *Thế Kỷ 21*... "lờ" nó đi. Người viết chán không viết nữa và tòa soạn cũng không hỏi bài. Trang Khoa Học, có khai sinh nhưng không có khai tử, đã trở thành một thứ "người chết còn sống" – *living dead* – tóm lại, một thứ quỷ nhập tràng và, do đấy, có ngày thức dậy.

Bài viết này với tựa đề gây hấn "Vệ Sinh Chủng Tộc" có khi là con quỷ nhập tràng đó. Ngoài tính chất khoa học cho Trang Khoa Học, vấn đề còn đèo thêm một ưu tư xã hội, rất nghiêm trọng vì những tiến triển nhanh chóng trong nghiên cứu sinh vật hiện nay. Nếu nó mạnh đủ khiến bạn đọc dừng tay, suy nghĩ trong giây lát thì cũng kể là thành công. Dù sao, đây cũng là dịp "tính sổ" như đã hứa, muộn mất chừng ba năm!

Tài liệu tham khảo:

1. Rushton, J Philippe: The New Enemies of Evolutionary Science, Liberty, Vol. II, No. **4**, pp. 31-35 (1998);
2. Rushton, J Philippe: Race, Evolution, and Behavior: A Life History Perpective, 2nd Special Abridged Edition (2000);
3. Rushton, J Philippe & Jensen, Arthur R: Thirty Years of Research on Race Differences in Cognitive Ability, Psychology, Public Policy, and Law, Vol. 11, No. **2**, pp. 235-294 (2005);
4. Duffy, Andrew: Rushton Revisited (2005);
5. Kreisler, Harry: Conversations with History – Conversations with Richard C. Lewontin, Institute of International Studies, UC Berkeley (2003);
6. Gitschier, Jane: The Whole Side of It – An Interview with Neil Risch (2005).

09/2006

ĐỈNH GIÓ HÚ

NGUYỄN TƯỜNG THIẾT

Nơi một chiếc bàn tròn nhỏ sát cửa kính nhìn ra hồ Green Lake... tôi đã tìm được một chỗ lý tưởng để "viết."

Bàn thật nhỏ. Tôi phải thu xếp gọn để có thể đặt được hết mọi thứ trên đó. Chiếc "laptop" đã chiếm gần hết mặt bàn. Phần còn lại dành cho ly cà-phê Starbucks, chiếc bánh croissant bơ, tờ nhật báo Seattle Times. Còn tập bản thảo dịch Đỉnh Gió Hú của Nhất Linh tôi chưa biết đặt ở đâu đành để chồng lên trên tờ báo.

Đầu mùa hạ, tôi về hưu. Tôi tự đặt cho mình những công việc cần phải làm. Ví dụ như phải vận động để giữ sức khỏe tốt, phải đánh máy bản thảo của ông cụ, bản thảo dịch cuốn tiểu thuyết Wuthering Heights của Emily Bronte, phải tiếp tục việc làm của ông cụ là dịch nốt một số chương cuối của cuốn tiểu thuyết, công việc ông cụ chưa hoàn tất khi qua đời.

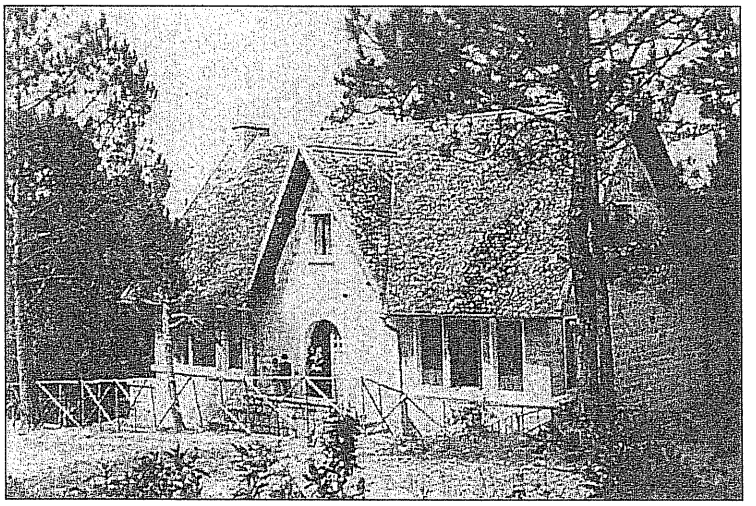

Ngôi nhà số 19 Đặng Thái Thân, Đà Lạt (1956)

Tôi tìm được một nơi có thể thực hiện cả hai thứ một lúc. Hồ Green Lake và quán cà-phê Starbucks. Buổi sáng tôi thức dậy sớm lái xe đến hồ, đậu xe ở parking, chạy bộ một vòng quanh hồ chu vi năm cây số rồi tay xách cặp laptop, tôi đi ngang vườn hoa băng qua đường vào quán cà phê.

Nơi đó nếu phía trong quán khách không ngồi đông lắm như hôm nay, tôi có một chỗ ngồi có thể vừa đánh máy vừa nhìn được cảnh bên ngoài.

Qua cửa kính bên kia đường là khu vườn cây rậm rạp. Những hàng cây phong thẳng tắp. Ở cuối hàng cây hồ Green Lake lấp loáng trong ánh nắng. Thứ nắng lăn tăn trên nước tôi thoáng thấy trong trí nhớ từ thương xá Tràng Tiền Plaza Hà Nội nhìn sang bên kia đường khu vườn cây, sau những hàng cây xà-cừ đậm màu lá xanh có nắng nhấp nháy trên mặt Hồ Gươm.

Trên vỉa hè dưới hàng hiên quán rất đông người uống cà phê. Hôm nay hình như khách uống đều dồn cả ta ngoài vỉa hè để ngồi phơi mình dưới con nắng tươi mát hiếm hoi của miền Tây Bắc. Những chiếc bàn tròn, ghế sắt, sơn màu xanh mạ, mầu Starbucks của những vòng tròn xanh trên cốc giấy cà-phê, trên tạp dề những cô con gái tóc vàng đứng sau quầy.

Tôi cúi xuống cầm tập bản thảo. Tôi đã giữ tập bản thảo này từ hồi nào nhỉ? Không nhớ. Một quyển tập bìa cứng, khổ lớn 20x27cm, gồm 200 trang giấy ca-rô, trang đầu ông cụ viết nắn nót bằng màu mực xanh lá cây.

EMILY BRONTE
MỎM GIÓ HÚ
NHẤT LINH dịch

PHƯỢNG GIANG
1952

Chữ MỎM xóa đi bằng bút chì, thay bằng chữ ĐỈNH, viết bằng mực đen, ngay phía trên. Lật sang trang ba tôi dò đọc những hàng chữ rất nhỏ của ông cụ và bắt đầu đánh máy:

"Năm 1801– Tôi vừa đi thăm ông chủ nhà về. Vùng này đối với tôi thật là tuyệt, có lẽ trong toàn cõi nước Anh tôi không thể nào tìm được một nơi nào xa cách sự huyên náo như ở đây. Thật là cõi thiên đường của những người chán đời: Ông Hy đối với tôi là hai người hoàn toàn hợp với vùng hưu quạnh. Ông Hy chắc không ngờ tôi có thiện cảm với ông ngay, mặc dầu lúc tôi cho ngựa tiến lên, hai con mắt đen của ông sâu hoắm nhìn tôi một cách nghi hoặc và lúc tôi xưng danh, các ngón tay của ông lại thọc sâu một cách rất quả quyết vào túi áo:

–Thưa ông, ông có phải là ông Hy không?"

"Ông ấy chỉ gật đầu, không trả lời."

Tôi ngừng tay trên phím chữ. Ông cụ viết bằng mực xanh, những chỗ sửa chữa viết bằng mực đen. Như vậy là ông cụ không sửa ngay khi vừa viết xong một đoạn, như thói quen viết văn của tôi. Câu *Thật là một cõi thiên đường của những người chán đời* đầu tiên ông cụ viết là *thiên đường của những người yếm thế*. Còn câu: *Ông ấy chỉ lẳng lặng gật đầu* được sửa thành *Ông ấy chỉ gật đầu, không trả lời.*

Bên cạnh niên hiệu 1801, có ghi một hàng nhỏ 19-12-52. Đây là ngày Nhất Linh khởi dịch Đỉnh Gió Hú.

Những dòng chữ đó thật xa. Ông cụ ở đâu vào ngày 19 tháng 12 năm 1952, khi viết những dòng chữ này?

Sát gần tôi, bên kia cửa kính, là phía sau đầu của một cô gái Mỹ. Cô ngồi ngửa trên chiếc ghế sắt ở ngoài hiên, đầu ngả sát cửa, chăm chú đọc một quyển tiểu thuyết. Bàn tay cô đưa lên sau gáy lùa nghịch mái tóc. Những ngón tay cử động chậm rãi, lơ là. Một ngón tay xoay xoay cuốn tròn lọn tóc xung quanh đầu ngón rồi bàn tay cô nắm vuốt từ từ kéo xuống phía dưới, lọn tóc tơ óng ả căng như thỏi kẹo kéo màu bạc trắng một thủa nào ông bán hàng kéo dài trong tuổi thơ tôi. Năm đó tôi 12 tuổi.

Tôi mở cửa vào phòng ông cụ, một gian buồng nhỏ trong căn nhà của bác Thụy tôi số 12P đường Chasseloup Laubat Sài Gòn. Ông cụ viết những dòng đó trên chiếc ghế vải trong tư thế nửa nằm nửa ngồi. Thảo nào bản thảo Đỉnh Gió Hú là một tập sách bìa cứng.

Tôi lật xem từng tờ của quyển bản thảo. Bên lề cứ cách mấy trang lại có ghi những dấu thời gian. 24-12-52, 1-1-53 (10 giờ tối). Bên dưới ngày 5-1-53 lại ghi thêm hàng chữ nhỏ: *Thiếu thuốc lá văn vô vị. 4 giờ sáng mua ở đâu ra, hỡi trời?* Dưới đó lại viết: *5 giờ sáng mua được hai điếu của người phu xe, lại có cà phê ngon của anh Trí. Mấy phút tuyệt hảo.*

Thú vị quá! Ông cụ chắc không thể ngờ rằng thằng con ông hơn nửa thế kỷ sau đã khám phá một cách hứng thú những dòng chữ ông chua bên lề bản thảo.

Những hàng chữ này ông cụ viết ở nơi nào? Chắc chắn không phải ở nhà bác Thụy, vì bác Nguyễn Gia Trí không bao giờ ngủ qua đêm ở đó. Đúng rồi! Thời gian này ông cụ đã thuê một căn nhà riêng để lấy chỗ làm việc. Tôi chưa bao giờ đến đó nhưng các anh tôi nói đó là chỗ làm việc chung của ba người: Nhất Linh, Nguyễn Gia Trí, Trương Bảo Sơn. Gian nhà nhỏ nằm trong một con hẻm, hẻm đình Phú Thạnh; đầu hẻm đâm ra đường Lê Văn Duyệt, khúc ngã tư Phan Đình Phùng, gần Tòa Đại Sứ Miên.

Tôi đánh máy tiếp. Trong lúc tay tôi lua đi trên phím chữ, mắt theo dõi những hàng chữ nhỏ li ti trên bản thảo thì trí tôi lại trôi ngược về quá khứ.

Đà Lạt một nửa thế kỷ trước.

Năm 1956 – Năm đó ông cụ dịch được non nửa cuốn truyện của Bronte và tôi lần đầu tiên đọc Đỉnh Gió Hú. Quyển truyện này cuốn hút tôi mãnh liệt ngay từ chương đầu. Một đoạn văn ma quái của Emily Bronte để dấu ấn rất mạnh trong óc tôi.

Năm ấy ông cụ ở căn nhà số 19 đường Đặng Thái Thân Đà Lạt. Trên đỉnh đèo Prenn con đường Nguyễn Tri Phương dẫn vào thành phố. Tại một khúc cong, cạnh tòa nhà số 17, một con đường nhỏ, cụt, trải đá vụn dẫn vào tòa nhà "Gió Hú" của chúng tôi. Đó là một căn bằng đá, tường dầy, cửa sổ thụt sâu, mái nhọn, đứng một mình, chênh vênh nhìn xuống triền một đồi thông trùng điệp, một biệt thự duy nhất còn đứng vững trong một khu vực toàn những căn nhà bỏ hoang xây cất từ thời Pháp thuộc.

Tuy là nơi trú ngụ của cả hai gia đình, gia đình chúng tôi và gia đình ông bà Lê Đình Gioãn, nhưng vì hồi đó phần lớn những người của hai gia đình đều sinh sống ở Sài Gòn, thỉnh thoảng mới kéo nhau lên Đà Lạt, nên trên thực tế "Gió Hú" của chúng tôi rất ít người ở. Thường xuyên chỉ có mặt ba người sống lặng lẽ ở đó là ông cụ, chị Thoa và tôi.

–Would you like to try some?

Tôi ngửng lên. Cô gái Starbucks chìa khay trước mặt tôi. Trên khay có những miếng bánh được cắt thành hình hộp nhỏ vuông vắn, mỗi miếng có cắm que tăm. Tôi kẹp tăm giữa hai

ngón tay, ngước nhìn cô gái nói cám ơn rồi tôi cúi xuống tiếp tục đánh máy:

"Tòa nhà của ông Hy lấy tên là Đỉnh Gió Hú. Sở dĩ gọi Gió Hú vì những khi trời bão, gió lồng lộng hú lên trong tòa nhà đó. Trên mỏm cao ấy chắc quanh năm không khí trong lành. Người ta biết ngay gió bấc trong đó thổi rất mạnh vì những cây thông cằn ở đầu nhà nghiêng hẳn về một phía và một dẫy cây gai chĩa cành về một bên như muốn dướn ra đớp lấy ánh sáng mặt trời. Cũng may tòa nhà xây cất chắc chắn, cửa sổ hẹp thụt sâu vào tường và có viền đá nhô ra để chắn gió."

Đoạn văn trên của Emily Bronte khiến tôi liên tưởng đến căn nhà "Gió Hú" của chúng tôi. Ngoài nhìn vào thì trông như nhà một tầng, nhưng thật ra là ba. Từ cửa tò vò đi vào là gian chính, gồm một phòng khách thật lớn và hai buồng ngủ. Ngay sau cửa vào có hai cầu thang, một đi lên, một đi xuống. Đi lên là gác xép. Đi xuống là nhà bếp. Gác xép là nơi ngủ của bọn con trai chúng tôi. Khi các anh tôi và các anh con bác Gioãn từ Gài Gòn kéo lên thì chúng tôi chen chúc nhau ngủ trên đó. Đến khi các anh ấy về lại Sài Gòn thì tôi ngủ ở đấy một mình. Chỗ ngủ ấy tôi chỉ có thể nằm hoặc ngồi mà không đứng dậy được vì đụng mái nhà.

Những đêm mưa tôi nằm ngửa nhìn lên những cây đà gỗ bắc xiên xuống, tai nghe rõ từng tiếng mưa đập trên mái ngói và cảm nhận khí lạnh ẩm ướt của miền cao nguyên theo gió len vào phòng qua các khe hổng nhỏ giữa những xà ngang. Qua những khe đó vào đêm giông bão tôi nghe cây thông sau nhà quằn quại đập cành vào cửa sổ gác xép, nơi đó thỉnh thoảng lóe lên một ánh chớp làm sáng hiện những giọt nước mưa trượt đi chạy ngoằn ngoèo trên mặt kính.

Dưới nhà căn phòng khách rộng là giang sơn của ông cụ. Phòng có rất nhiều cửa kính nhìn xuống triền núi. Màu lá cây của rừng thông trải dài xuống cuối thung lũng sâu. Rừng thông nối nhau nhấp nhô trên những quả đồi thấp đến tận chân trời, nơi đó màu xanh mạ chuyển dần sang màu xanh lam. Trong phòng khách ông cụ treo rất nhiều hoa phong lan trên tường. Trên sàn nhà cũng đặt nhiều chậu lan đất, phần lớn là lan Thanh Ngọc. Chúng tôi được lệnh phải cởi giầy khi bước vào phòng này, vì sàn nhà lúc nào cũng sạch bóng được lát bằng những miếng gỗ đặt chéo nhau. Mỗi tháng một lần tôi thấy ông cụ bò trên sàn nhà lấy giẻ bôi xi-ra đánh bóng từng phiến gỗ một. Giữa phòng có bộ xa-lông, trên chiếc bàn tròn, tôi thấy hai tập bản thảo của ông cụ, tập Xóm Cầu Mới gồm bốn quyển và một tập Đỉnh Gió Hú. Những hôm ông cụ vắng nhà tôi thường vào phòng khách tẩn mẩn giở những tập này ra xem. Tôi không đọc mà chỉ nhìn những hình ông cụ vẽ trong hai tập bản thảo. Tôi nghiệm ra rằng thời gian này ông cụ chỉ đụng đến tập Xóm Cầu Mới, còn truyện dịch Đỉnh Gió Hú ông cụ không ngó ngàng tới. Chính vì thế mà tôi nghĩ rằng nếu

một trang bản thảo dịch ĐỈNH GIÓ HÚ của Nhất Linh

mình có "mượn tạm" mấy ngày cuốn truyện dịch mang lên gác xép đọc thì chắc là ông cụ cũng chẳng hay biết.

Chị Thoa là người đầu tiên đặt nghi vấn căn nhà này có ma. Tuy trong bụng không tin nhưng tôi bắt đầu cảm thấy rờn rợn. Tôi bắt đầu sợ bóng tối. Tôi sợ những đêm mưa gió. Mà Đà Lạt trong trí tưởng tôi thì hầu như quanh năm lúc nào cũng mưa gió. Những đêm nằm trong bóng tối tôi nghe những giọt mưa rỉ rả rơi trên mái ngói, tiếng mưa miên man rền rĩ trôi vào giấc ngủ tôi. Kể từ ngày chị Thoa nói nhà có ma tôi chong đèn suốt đêm, cái ngọn đèn điện nhỏ ở đầu giường trước đây tôi thường tắt trước khi ngủ.

Cho đến một đêm kia thì tôi tin là có ma thật. Bởi vì chính tôi nhìn thấy "nó" tận mắt. "Nó" hiện ra sau cái cửa sổ kính kia vào một đêm mưa bão. Đêm ấy nơi cửa sổ kính lóe lên một lằn chớp. Tôi thấy sau những giọt nước mưa chạy ngoằn ngoèo trên mặt kính là khuôn mặt ướt át tái nhợt của một cô con gái ở ngoài nhìn trừng trừng vào trong.

Chỉ một thoáng thôi. Nhưng tôi đã bừng dậy. Hoảng sợ tôi hấp tấp bước xuống cầu thang. Qua cánh cửa mở buồng ngủ nhà dưới ông cụ vẫn còn ngồi viết dưới ánh sáng một ngọn đèn chụp. Tôi hấp tấp quá thành thử gây tiếng động mạnh. Ông cụ quay đầu về phía sau nói: "Con chưa đi ngủ à?" Không biết trả lời ra sao tôi lẳng lặng đi vào buồng tắm giả vờ như đi tiểu.

Lát sau tôi lên gác. Tôi ngồi bên cạnh giường, mắt không rời ngọn đèn con. Tôi tránh nhìn bóng tối. Tôi tránh nhìn cửa sổ kính.

"...tôi bắt đầu díu mắt lại rồi nằm dài trên giường ngủ thiếp đi. Từ lúc tôi biết đau khổ đến giờ chưa có một kỷ niệm nào ghê gớm bằng đêm ấy."

– I'm sorry...

Tôi ngước lên. Người đàn ông cầm cốc cà phê lách qua dẫy ghế; hông của ông ta đụng vào làm xô lệch quyển bản thảo Đỉnh Gió Hú tôi đặt hơi lòi ra ngoài bàn.

Bên ngoài cửa kính mái tóc vàng của cô gái Mỹ không còn nữa. Thay vào đó là một mái tóc đen, dài, mượt. Không nhìn phía trước tôi không đoán được cô gái có mái tóc đen là người Tàu, Nhật hay người Việt Nam. Chỉ đoán là cô rất trẻ. Trên bàn của cô, giống như bàn tôi, có một cái laptop để mở, tôi không nhìn thấy màn chữ vì ánh phản quang. Bên cạnh laptop là một quyển sách Calculus dầy cộm. Nhưng cô ta không có vẻ như một sinh viên chăm học. Cô đang cho chim ăn.

Bầy chim sẻ bay túa lên cao. Một thanh niên và một thiếu nữ vừa kéo ghế ngồi cạnh bàn cô gái tóc đen. Lát sau đàn sẻ lại xà xuống. Chúng nhảy lích chích những bước ngắn trên hè. Cô tóc đen giở bao giấy véo một mẩu bánh ngọt vứt xuống. Lập tức cả chục chiếc cánh đập rối lên xà vào chân ghế. Một con mỏ ngậm mẩu bánh bay vụt lên, cả đàn bay quấn theo sau.

Tôi cúi xuống đánh máy tiếp. Tôi đánh máy đoạn văn sau đây trong chương III của tập bản thảo. Chính đoạn văn này đã để lại dấu ấn rất mạnh trong óc tôi, cậu bé 16 tuổi:

"... tôi bắt đầu díu mắt lại rồi nằm dài trên giường ngủ thiếp đi. Từ lúc tôi biết đau khổ đến giờ chưa có một kỷ niệm nào ghê gớm bằng đêm ấy."

"Tôi nằm mơ đi cùng với bác Dọi đến một ngôi nhà thờ, có rất đông người nghe giảng đạo. Tôi, thì tôi mệt lắm! Tôi vặn người, tôi ngáp, ngủ gật rồi tỉnh dậy. Tôi lấy tay thích bác Dọi để bác cho tôi biết bao giờ thì giảng xong. Rồi bỗng nhiên tất cả mọi người xúm quanh tôi, giơ gậy định đánh tôi. Trong lúc hỗn loạn những chiếc gậy định dập vào đầu tôi lại đập lầm vào sọ người khác. Rồi người giảng đạo đập mạnh trên bàn giảng đạo, tiếng đập vang to khiến tôi tỉnh dậy, người nhẹ nhõm."

"Tại sao tôi lại mơ thấy chuyện đánh lộn nhau và người giảng đạo đập bàn? Thì ra chỉ tại một cành thông mỗi lần cơn gió thổi, lại chạm vào cửa sổ, quả thông cứng đập vào mặt kính!"

"Tôi lắng nghe một lúc, trong lòng ngờ ngợ vực vực rồi trở người... Lần này tôi nhớ là tôi đang nằm trong căn buồng và tôi nghe rõ tiếng ào ào của gió tuyết... Tiếng động ấy khiến tôi tức bực quá và nhất định tìm cách làm cho nó im đi... tôi trở dậy định mở cửa sổ. Cái quả nắm lại gắn chặt vào ổ khóa."

"Nhưng nhất định phải mở" tôi lẩm bẩm thế. Tôi đấm mạnh cho cửa kính vỡ rồi thò tay ra với tìm cái cành thông khó chịu kia. Nhưng đáng lẽ nắm lấy cành thông thì ngón tay tôi *lại nắm vào những ngón của một chiếc bàn tay nhỏ, lạnh như nước đá.* Cả cái ghê sợ cực điểm của giấc mơ như chiếm lấy người tôi, tôi cố kéo tay về nhưng bàn tay kia cứ bám chặt lấy và một tiếng nói giọng buồn thương vô hạn thổn thức: *"Cho em vào! Cho em vào!"* Tôi vừa tìm cách gỡ tay ra vừa hỏi: "Cô là ai?" Tiếng đáp lại run run:

"Tôn-Liên đây. Em đã về nhà được. Em vừa bị lạc trong rừng cỏ." Tiếng ấy cố tiếp tục nói và tôi thấy mơ hồ nét mặt một người trẻ tuổi nhìn vào cửa sổ. Sự kinh khủng khiến tôi trở nên độc ác. Biết là mình không thể gỡ tay ra nổi, tôi kéo cổ tay cô ta để lên miếng kính vỡ rồi khía đi khía lại cho đến khi máu chẩy ra ướt đẫm cả khăn giường. Tiếng nói vẫn rên rỉ: *"Cho em vào"* và bàn tay vẫn nắm chặt lấy tay tôi khiến tôi gần như điên lên vì sợ. Sau cùng tôi bảo: "Tôi mở thế nào được nếu cô muốn vào cô phải bỏ tay tôi ra cái đã." Các ngón tay thả lỏng ra, tôi vội rút tay tôi vào, lấy sách chất nhanh lên để chống đỡ, rồi bịt tai lại để khỏi nghe thấy tiếng kêu than rên rỉ. Tôi đứng yên như thế độ mười lăm phút, song mỗi khi để ý nghe, lại thấy tiếng rên rỉ đau thương ấy tiếp tục. Tôi kêu lên: "Đi ngay đi, cô có van xin tôi trong hai mươi năm tôi cũng không cho cô vào."

"Tiếng nói lại rên rỉ: *Đã hai mươi năm rồi, hai mươi năm, đã hai mươi năm em đi lang thang.* Rồi tôi nghe như có tiếng cạo cạo ở ngoài và chồng sách động đậy như bị đẩy vào phía trong. Tôi định đứng lên, nhưng không sao cử động được tay chân: tôi hoảng sợ đến điên dại rồi gào thét ầm lên."

"Tôi ngạc nhiên nhận thấy tiếng gào thét của tôi là *có thực* chứ không phải tiếng trong giấc mơ..."

*

Tôi choàng dậy. Cơn bão khiến đèn điện trong nhà tắt hết. Có tiếng bước nhanh lên cầu thang. Ông cụ đứng ở cửa, tay cầm ngọn nến. Ánh nến hắt từ dưới lên lõm những bóng sâu trên gương mặt khiến ông cụ trông khắc khổ như một pho tượng đồng.

Ông khom người lại gần giường đưa cây nến lại gần mặt tôi, nói dịu dàng:

– Con lại ngủ mơ rồi!

Nói xong ông cụ cúi xuống nhặt lên một tập bìa cứng cầm trên tay rồi ông quay người lẳng lặng bước xuống cầu thang. Tập bìa cứng đó tôi đã để rơi xuống sàn tối hôm trước.

Đó là tập bản thảo dịch Đỉnh Gió Hú của Nhất Linh tôi đang đánh máy 50 năm sau tại một quán cà phê Starbucks thành phố Seattle ngày 23 tháng 8 năm 2006.

Nơi một chiếc bàn tròn nhỏ sát cửa kính nhìn ra hồ Green Lake...

NGUYỆT-THƯ

Trầu Cau

(gởi người Nam Phổ)

Có hôm trời trở gió
đi dưới hàng gồi xanh,
nghe lá reo giữa phố
ngỡ vườn cau quê mình.

Những hàng cau thẳng đứng
suy tư và cô đơn
tàng cau như cánh phượng
nghiêng nghiêng cúi xuống tìm,
lá trầu non mơn mởn
vẽ một hình trái tim
chưa cuộn vào cau đã
nhìn thôi cũng đủ thèm.

Từ đất hiền trầu mọc
óng ả phiến lá ngoan
quấn vào cau thật chặt
nồng nàn như môi hôn,
từ thôn nghèo cau lớn
gầy gò dáng quê hương
rút khô từng mạch sống
chắt chiu trái mấy buồng.

Hai mươi năm biệt xứ
trở về thăm xóm quen
đứng nhìn cơn bão rớt
hàng cau trong mưa chìm,
những tàu cau vật vã
như cánh tay vẫy vùng
liếp trầu run trong gió
từng quả tim khóc ròng.

Phải như hồi xưa đó
cau đỏ với trầu thơm
cứ một đời cuộn lại
xa chi để đi tìm./.

LÁ THƯ

TRẦN MỘNG TÚ

Trong chồng thư tôi đem vào nhà hôm nay có một lá thư đến từ Việt Nam, tên người nhận và người gửi đều lạ hoắc. Chỉ có họ *Trần* là giống họ của tôi. Địa chỉ trên thư chỗ người nhận sai, số nhà viết trên phong bì là 207, nhân viên bưu điện gạch chéo một cái, rồi sửa là 237 cho đúng với số nhà tôi.

Tôi xoay ngang, xoay dọc lá thư một lúc, định viết mấy chữ *Not belong to this address* rồi bỏ vào thùng thư trả lại cho bưu điện, xong lại ngập ngừng vì thấy những con tem Việt Nam dán trên phong bì, tên phụ nữ Nguyễn thị Nga, địa chỉ người gửi tận một làng xã hẻo lánh nào thuộc miền Trung, không có số nhà, chỉ có xã và ấp, rồi đến chữ cuối là Việt Nam. Người nhận là Trần văn Tâm. Bây giờ lá thư này bị gửi lại Việt Nam thì cũng mất ít nhất là cả tháng, chưa nói là có thể thất lạc trên đường về nhà cũ.

Khu xóm tôi ở, ngoài tôi (chắc) toàn người Mỹ, tôi không thấy người Á đông nào trong những lần tản bộ. Nhưng lá thư này chỉ có số nhà sai còn tên đường, tên thành phố, tên tiểu bang đều đúng cả. Tôi bỗng dưng thương cho người gửi quá! Tôi cầm lá thư, tự nhủ ngày mai sẽ làm việc của người đưa thư.

Cả buổi tối, thay vì đọc sách như thường lệ, tôi để lá thư ở bàn ngủ đầu giường, rồi cứ nhìn ngắm nó, như nhìn ngắm một người Việt Nam, một người không phải là bạn, nhưng đúng là một người cùng quê. Cái phong bì vàng không ra vàng, trắng không ra trắng, giấy mỏng tanh, mềm xèo, âm ẩm, chẳng khác gì cái áo cánh của mấy người đàn bà gồng gánh lam lũ ở miền quê. Thỉnh thoảng tôi lại cầm phong thư lên nhìn từng chữ trên phong bì, rồi hình dung ra người viết chắc là một phụ nữ và ít học, vì tên người nhận và người gửi có nhiều chữ sai, như chữ ấp mà viết thành ất, phố viết thành phớ. Địa chỉ bên Mỹ thì không biết xuống hàng ở chỗ nào, số *zip code* viết trước tên tiểu bang, nét chữ mềm mại nhưng nguệch ngoạc và rời xa nhau, chữ nào cũng to gần bằng hạt đậu phọng. Tôi bỗng tò mò không biết có phải thư của một cô gái quê nào đang chờ chồng Việt kiều bảo lãnh, hay thư của em gái viết cho anh, của mẹ viết cho con xin trợ cấp tiền bạc hay không?

Trưa hôm sau, tôi theo địa chỉ trên phong bì đi tìm nhà, tên đường tên thành phố thì đúng rồi, nhưng cả dãy không có số nhà của phong bì ghi. (Vì nếu có ông đưa thư đã không bỏ vào thùng thư nhà tôi.) Chỉ còn một cách tôi đảo vị trí của ba con số đó đủ kiểu khác nhau, 207 thành 270, 720, 702, để may ra đúng nhưng vẫn hoàn toàn thất vọng, không có số nhà nào đúng với cái số tôi đổi cả. Tôi làm thêm một điều kỳ cục nữa là ghé mắt nhìn vào cửa sổ của một vài căn nhà xem có nhà nào cách chưng bầy đồ đạc có vẻ Việt Nam hay không? Có tiếng Việt nào nói vang ra ngoài mình nghe được không? Giờ này ít có ai ở nhà, nên không nghe thấy tiếng, cũng chẳng có nhà nào có vẻ Việt Nam cả, trừ nhà tôi. Tôi đành chặc lưỡi *Thư của mình chứ còn của ai nữa, mình họ Trần mà*. Nhưng tôi đâu có tên là Trần văn Tâm.

Tôi giữ lá thư mấy hôm liền, và trong mấy hôm đó, mỗi buổi trưa tôi lại đi làm việc của người đưa thư. Tôi hy vọng sẽ tìm ra người nhận trong khu xóm này, vì tên đường và tên thành phố biên đúng trên phong bì. Tôi không dám kể chuyện này cho chồng tôi nghe, sợ bị la vì giữ thư của người khác là phạm luật.

Đến ngày thứ ba, cầm lá thư lên bỗng thấy nặng trĩu hơn mấy ngày trước và thấy buồn buồn như có ai tin cậy nhờ mình một việc mà mình làm không trọn vẹn. Tôi đi lấy chiếc phong bì mới, đề tên người gửi là tên và địa chỉ của mình trên phong bì, cho lá thư Việt Nam vào đó, ngày mai tôi sẽ gửi trả lại cho cô/bà Nguyễn thị Nga. Đặt lá thư ngay dưới chân chiếc đèn ngủ, nhìn tần ngần một lúc mới tắt đèn lên giường.

Lá thư thứ nhất:

anh tâm thương nhớ,

em nhớ anh ghê lắm em Đang có bầu đây anh biết không, đêm nào con nó cũng đạp trong bụng khiến em nhớ anh quá chừng mà anh đi đâu từ đó đến giờ mà không tin không tứt gì cho em cả. Anh có nói anh qua bên đó là thư cho em và làm giấy bão lãnh em ngay mà em chờ đỏ con mắt em Khóc nhớ anh mà sáu tháng rồi em không nghe tin tứt chi hết, hay anh hết thương em rồi, mà hết thương thì con Hai Đứa mình ba tháng nửa ra đời rồi làm

sao nuôi con em không còn tiền bạt chi hết cảbà con chòm xóm cứ hỏi hoài em mắc cở nên nói láo với họ là anh có gửi thơ về và làm giấy rồi chừng vài tháng là đi mỹ, ai cũng nói em có pước có đưa nên được lấy chồng việt kiều về cưới, họ nói việt kiều mỹ có tiền hơn việt kiều út, đám cưới mà tốn 3 trăm đồng tiền mỹ là rất là sang trọn, lại còn được anh cho đi chơi chỗ này chỗ nọ như con dà dàu có và em rất vui sướn mà cho nên em thêm mắc cỡ hoài, à quên nói cho anh biết hai trăm anh cho mạ bữa đám cưới mạ mua được hai con heo giống và sửa cái mái nhà em có lên ủy ban Nhân dân Xã để hỏi thăm mấy lần, thấy em cứ hỏi Hoài họ nói họ không có biết, họ còn nói mà em nói lại anh đừng la em gnhe, họ nói mấy thằng việt kiều là việt dan đem mấy trăm đồng Bạc về lừa gái quê con nhà lành đem đi xài cho đã rồi bỏ trốn rồi, em nói anh đàn hoàn anh không việt dan đâu, anh sẽ về đem em qua mỹ và đem mạ qua luôn cho mạ sướng em có viết cho anh Mấy cái thơ gửi mà rồi anh có nhận được không mà im re em còn nhờ người đi sài Gòn gửi thêm thư mà anh vẫn im re, anh ở đâu hay là tụi mỹ Nó không Biết đọt tiếng việt Mình nên hắn Dụt đi nên anh không nhận được anh tâm Ơi em nhớ anh hết sứt anh nhớ nhận đượt Thư này là làm giấy liền nghe, em chờ anh đêm Ngày, em Khóc Đỏ con mắt hoài, mạ nói đừng khóc mà cái thai Nó ảnh Hưởng mà làm sao mà không khót không nhớ cho đượt, anh ơi.

vợ Của anh nguyễn Thị NGa

Lá thư thứ hai

Anh hai.

Lâu quá anh hai khôn gửi thư gửi tiền về nhà em nghe nói ở bên đó đi làm cả bạc ngàn mà nhà mình nghèo quá, mà cả ba năm nay chỉ nhận được có một trăm đô của anh. Cha mất vào đúng cơn bão tới nước ngập lụt nguyên vùng mình muốn trôi cả nhà đi giường phản trôi bềnh trong nước luôn khôn có đất chôn cha trong nhà Không còn đủ một chén gạo, củi lửa cũng khôn. em viết thư ngay cho anh mà khôn nhận được thơ trả lời có phải lũ lụt đã trôi hết thư của xã mình mạ bây giờ đang ốm nặng em có xin thuốc *lá của chú năm cho mạ uống mà không thấy êm, Mấy người nói đem mạ ra tĩnh chữa, mà em đâu có tiền em chắc mạ rồi cũng theo ông bà theo cha nữa hôm Chôn cha phải bó chiếu cái chiếu ngắn cha thò chân ra ngoài em kéo xuốn thì lại thòi đầu kia ra, chôn ngay ở một gò đất mà em không biết được bao lâu coi chừn nước kéo cha đi luông em cũng hết sức rồi. em cầu trời ngày đêm cho anh nhận được thư này về thăm mạ cho mạ tiền trước khi mạ chết mà này có phải bên đó anh làm được tiền ngàn khôn*

em nga

Lá thư thứ ba:

con trai Tâm của mạ

Mạ không biết chữ nên phải nhờ con bé bán chuối nhà hàng xóm viết hộ thư này để cầu cứu con bà con chòm xóm mình đây ai cũng nghèo khổ như nhà mình nên mạ không biết xin tiềng ai. con Liên bây giờ 15 tuổi hồi con ở nhà nó lên 5 nó không có đi học nữa mạ khôn có tiềng con cho môt trăm mỹ hết từ hai năm nay rồi nhà mình nghèo quá, hai năm nay mạ mới nhận được một trăm con gửi về ăn thì chẳng bữa nào đủ no có Người thương nói đem em con lên Xềgòn cho đi ở mướn mạ thấy mừn chỉ làm việc nhà, được ăn no và mặc quần áo lành có tiềng gửi về cho mạ nữa và em cũng mừn bây giờ mới biết là không phải đi Xềgòn mà đi mãi tận cam bô chia không biết làm gì mà phải đi xa thế lại nghe có người nói em con bị bán sang đó làm gì mạ cũng không biết mà nó thì đáng đồng xu têng nào mà bán gì đâu khơn biết nhưng đi xa quá nhỡ không có tiền đi xe đò về mấy ngày tết thì mạ nhớ nó lắm Mạ không có tiền đi xềgòn tìm em ai đưa mạ đi cam bô chia bây giờ, Con nhận được tin này thì thu xếp về ngay để sang cam bô chia lấy em về khi hôm mạ nằm mớ thấy em con mạ khóc quá. nếu con khôn về được thì rán gửi cho mạ ít tiềng để mạ đi tìm và chuộc.em về tiềng cứ gửi về chỗ ông trưởn xã mìnhchắc ông không lấy của mạ là mạ nhận được

mạ của con

bà Cụ ngA

Sáng nay, tôi thức dậy trong một trạng thái lơ mơ, đầu nặng nặng. Tôi không biết tôi đã đọc những lá thư trên trong giấc ngủ hay là trước khi ngủ. Chiếc phong bì tôi mới viết còn nằm dưới chân đèn ngủ. Tôi cầm phong bì lên, ngắm nghía một lúc, đi sang phòng làm việc, mở thư ra, cho vào đó mảnh giấy nhỏ có viết mấy chữ:

" Địa chỉ của ông Trần văn Tâm sai, nên thư không có người nhận. Nếu cô/bà Nga cần gì xin viết thư cho tôi về tên và địa chỉ trên phong bì. Tôi cũng họ Trần, cũng người trong gia đình. Xin đừng ngại gì cả. Nhớ để tên và địa chỉ rõ ràng tôi mới liên lạc được"

Tôi dán lại phong bì, mang thư ra tận bưu điện gửi cho yên lòng. Hy vọng lá thư này đến tay người phụ nữ khốn khổ ấy bên kia trái đất.

Tháng 9/06

NẮNG ÚA

LÊ ĐÌNH THÔNG

* 1965 (nắng vàng miền Nam): Đỗ Ngọc Yến là tổng thư ký *Chương trình Công tác Hè* (1965 Summer Youth Program). Sau 1963 là thời của các tổng hội sinh viên. *Chương trình Công tác Hè* mở rộng cho thanh niên ngoài sân trường đại học. *Chương trình Công tác Hè* đóng đô ở sân vận động Hoa Lư trên đại lộ Đinh Tiên Hoàng *. Đinh Tiên Hoàng và Hoa Lư là nhân danh và địa danh nhắc lại lịch sử nước ta vào thế kỷ thứ X, kết thúc thời loạn lạc thập nhị sứ quân. Vào năm 1965, giặc giã nổi lên khắp nơi, đất nước trải qua thời kỳ nhị vị tướng quân tranh hùng tranh bá. Các thanh niên vác cuốc vác xẻng thay bóng cờ lau, xuống ruộng vườn đắp đập đào mương, nối cầu khỉ bắc qua mương rạch.

* Tháng 8-2006 (quê người nắng úa): chim Yến bay về thiên đường, bỏ lại *Người Việt,* bỏ lại vợ con, bạn bè, bỏ cả nghiệp *báo*. Đối với Đỗ Ngọc Yến, nghiệp báo không còn là nghiệp báo (karma) mà là *nghiệp* của người làm *báo*.

Bóng cờ lau Hoa Lư ở đầu một đại lộ Saigon, nhưng cũng là địa đầu một sự nghiệp làm báo. Đỗ Ngọc Yến đặt tên đoạn cuối đường là *Người Việt*. Trong *Tin Văn* xuân Bính Tuất 2006, Tiểu Quyên kể lại đại lộ Đinh Tiên Hoàng của Yến từ 1975 (10 năm sau *Chương trình Công tác Hè*). Đại lộ đó có một đoạn trong khoảng thời gian từ 65 đến 75. Tôi xin kể lại khúc đường này.

Thời gian nắng vàng của *Chương trình Công tác Hè* cũng là lúc thịnh thời của nhật báo *Sống*, tòa soạn ở đường Gia Long. Tôi có dịp đến tòa soạn *Sống* lúc còn cắp sách đi học. Tôi có viết mấy bài tường thuật buổi hội thảo bỏ túi tự biên tự diễn, có sự tham dự của linh mục Nguyễn Văn Lập, Viện trưởng Viện Đại Học Đà Lạt, một số giáo sư đại học, trong số có Giáo sư Vũ Quốc Thúc, Trần Chánh Thành, Vương Văn Bắc. Bài báo khác kể lại cái chết của Ngô Đình Lệ Thủy ở Lonjumeau, dựa theo lá thư của người anh từ Pháp gửi về, mấy bài báo tường thuật vài sinh hoạt đại học đăng trên báo *Sống*. Vào giai đoạn này, tôi quen Đỗ Ngọc Yến vì những sinh hoạt học đường, không dính dáng gì đến nghiệp *báo*.

Nghiệp *báo* của chúng tôi bắt đầu từ tuần báo *Đời* của nhà báo Chu Tử. *Ao Thả Vịt* cắm dùi một góc trang 1 nhật báo *Sống* bất nhiều tướng quân đương thời phải ngụp lặn đến hụt hơi. Nền dân chủ của miền Nam tuy ăn đứt miền Bắc, nhưng còn non nớt so với phương tây. Các ông tướng cách mạng không chấp nhận lối thông tin nghị luận của báo *Sống*, bèn bức tử báo *Sống*. Sau khi báo *Sống* chết oan nghiệt, Chu Tử tính chuyện báo *Đời*. Báo *Sống* tái sinh một kiếp khác, mang tên *Đời*. *Sống* hay *Đời* vẫn là *Sống,* dịch sang tiếng Pháp là *La Vie,* tiếng Mỹ là *Life,* như báo *Life*.

Vào những ngày sắp ra báo, tôi thường đến nhà ông Chu Tử trong một con hẻm ở Phú Nhuận. Sở dĩ Bộ Thông Tin cấp giấy phép ra báo *Đời* vì nghĩ rằng báo tuần mất đi sự bén nhậy của báo ngày. Nhưng thực tế khác hẳn. *Le Canard enchainé* tuy chỉ là tuần báo nhưng thường khiến mấy ông bà tai to mặt lớn ở Pháp phải lên ruột.

Kể ra, cung thiên di báo *Đời* khá đặc biệt: thai nghén trong căn nhà đường Huỳnh Quang Tiên (Tân Định), chào đời trên căn gác hẹp ở đường Phạm Ngũ Lão, ngoi lên từ phố lầu đường Cống Quỳnh (gần trường Hưng Đạo). Trong số những biên tập viên, ngoài một số nhà báo kỳ cựu của nhật báo *Sống* như Đỗ Quý Toàn, Tú Kếu, Đằng Giao v.v. còn thêm Uyên Thao, Trùng Dương, Lý Đại Nguyên v.v. Đỗ Ngọc Yến và tôi là lính mới tò te. Yến kêu tôi là Thông, tôi gọi lại là Yến. Yến gọi Chu Tử là anh xưng em. Tôi quen với vợ chồng Đằng Giao - Chu Vị Thủy nên gọi là bác Chu Tử xưng cháu. Nhà báo Chu Tử đặt cho tôi bút hiệu Độc Thủ viết phim mãi đến ngày 30-4-1975 (báo chí Sài Gòn chết tập thể).

Yến làm báo ròng rã suốt 40 năm. Còn tôi chân trong chân ngoài, vừa làm báo vừa làm nghề khác. Sau 75 thì bỏ hẳn nghề báo. Mãi sau này, thỉnh thoảng có viết bài đăng trên *Thế Kỷ 21* chỉ vì nhớ lại nghiệp *báo* năm xưa.

TƯỜNG LINH

DẤU LẶNG

Từ em rớt lệ trên tơ
Một dây đàn đứt, đôi bờ chia phôi
Gọi tình, tình đã lìa ngôi
Gọi đò, đò chuyển bến bồi, không qua
Từ em rắc lệ trên hoa
Vàng hiên cúc nhớ nhạt nhòa màu xưa
Tiếng mùa lạnh tiếng mưa đưa
Tiếng vườn bặt tiếng gà trưa thuở nào
Bướm nghiêng cánh mỏi bên rào
Tường vi héo hắt, trúc đào ngẩn ngơ
Từ em tắt khúc xuân mơ
Phím bâng khuâng phím, trăng thờ thẫn trăng
Giọt buồn chạm giải sông băng
Còn sau dấu lặng vết hằn thanh âm.

Tôi không biết nhiều công việc của Yến sau 75. Lúc quen nhau, Yến vui vẻ, trên môi lúc nào cũng nhoẻn nụ cười *La Joconde*. Trong bài «*Đỗ Ngọc Yến và phép Lăng Ba Vi Bộ*"[1], Tiểu Quyên vẽ chân dung chủ nhiệm báo *Người Việt* Đỗ Ngọc Yến: "*bạn bè thường hay trêu chọc Đỗ Ngọc Yến ở điểm anh chàng ta cả nể, gặp ai cần tới mình cũng đều muốn giúp đỡ*'.» Thì ra chủ nhiệm Đỗ Ngọc Yến cũng rộng rãi như ông chủ nhiệm Chu Tử. Trong đời làm báo sớm nở tối tàn của tôi, tôi cho rằng nhà báo Chu Tử là ông chủ nhiệm hào hiệp, phóng khoáng nhất. Tôi còn nhớ lúc tôi lấy vợ, ông Chu Tử có sáng kiến cho tôi mượn chiếc xe du lịch Toyota suốt tuần trăng để ngao du sơn thủy. Đằng Giao thì nắn nót viết cho triện son in trên thiệp cưới cho khác đời. Tôi thuật lại giai thoại cho mượn xe để minh họa chân dung Chu Tử. Vào thời đó, không mấy ai cho một cậu thanh niên mượn xe tự lái lấy. Sau này, trong đời thày kiện, tôi có dịp cãi cho con trai của nhà văn Nguyễn Mạnh Côn vất vả vì xe cộ.

Đỗ Ngọc Yến khởi nghiệp làm báo với ông Chu Tử. Yến lại yêu nghề, có tính tốt trời cho nên mới trở thành nhà báo "*ai cần tới mình cũng đều muốn giúp đỡ.*" Tôi thiết nghĩ ông thánh Phêrô không những đã vui vẻ mở cửa thiên đường cho Đỗ Ngọc Yến, còn cấp máy in để ra báo *Người Việt* (ấn bản thiên đường).

Như đã nói, Yến là nhà báo yêu nghề, tận tụy với ngòi bút. Còn tôi là nhà báo xoàng xĩnh, vừa tập tễnh vào nghề đã gõ mổ cò cái máy chữ xách tay mua ở cửa hàng máy chữ đường Nguyễn An Ninh (ngang hông chợ Bến Thành, nơi có nhà in của nhà văn Nguyễn Thị Vinh).

Nhà Yến gần khu tam giác báo chí. Khu tam giác báo chí gồm ba đường Võ Tánh, Phạm Ngũ Lão và Phạm Hồng Thái vây quanh. Nhà Yến trong khu nhà thờ Huyện Sĩ, phì phèo vài hơi thuốc lá là đã đến tòa báo.

Báo *Đời* ra được ít lâu, ông Chủ Tử nuôi mộng thả vịt trên tờ báo *Sống* tục bản. Ông làm đơn mấy lần nhưng mấy ông nhà binh biệt phái làm tổng thống, phó tổng thống ngại ngùng không chấp thuận. Ông Chu Tử (tên thật là Chu Văn Bình) nghĩ ra diệu kế bình mới rượu cũ. Bình mới lấy tên là *Sóng Thần* (Sóng là Sống bị vùi dập, cuốn trôi mất dấu mũ). Ông Chu Tử vất vả ngược xuôi kiếm cho đủ tiền. Ông có người tài xế (lâu ngày tôi quên mất tên). Ông Chu Tử thường cho tôi đi theo. Lúc này ông đã dọn về đường Công Lý, gần đường Lê Thánh Tôn. Có lần ông đi gặp một người quen trong cư xá sĩ quan Chí Hòa (phía chợ cá Trần Quốc Toản rẽ vào). Vị ân nhân này đưa cho ông Chu Tử nhiều cây vàng. Lần khác, ông đến tòa báo Tiền Tuyến đường Hồng Thập Tự (ngang Thảo Cầm Viên) để gặp trung tá Phạm Xuân Ninh bàn chuyện ra báo. Trung tá Ninh bận thường phục, đi *sandale,* xuềnh xoàng giản dị, có phong cách điềm đạm của nhà thơ hơn là nhà binh. Ông Chu Tử tỏ rất quý trọng nhà thơ Hà Thượng Nhân (bút hiệu của chủ nhiệm báo Tiền Tuyến).

Trong mấy ngày sắp ra báo, tấm bích chương màu in lại bức cổ họa *Tsunami* khắc gỗ của Katsushika Hokusai (1831) tràn ngập phố phường Sài Gòn. *Manchette* báo là do Đằng Giao thực hiện. Tuy tòa báo ở đường Võ Tánh nhưng ê kíp làm báo làm việc trên gác nhà in Nguyễn Bá Tòng, góc đường Bùi Chu - Bùi Thị Xuân, cửa vào quay ra đường Bùi Chu. Nhà văn Uyên Thao làm tin trang 1. Đỗ Ngọc Yến

làm tin trong nước trang 3, phía cuối trang có tin đô thành, ngày nào cũng đăng "truyện dài nhân dân tự vệ." Trang 1 ngoài Ao Thả Vịt còn có phim của Ông Đạo Cấy, Kiều Phong và Độc Thủ. Trong số ra mắt, Ao Thả Vịt làm mối Độc Thủ (còn độc thân) với con gái ông Nguyễn Văn Thiệu, bắc nhịp cầu thông cảm giữa dinh Độc Lập và làng báo. Nhưng chuyện mai mối không đi đến đâu.

Báo *Sóng Thần* khai trương máy in *rotative* của nhà in Nguyễn Bá Tòng. Từng cuộn giấy dày cộm không mấy chốc biến thành xấp báo ngay ngắn. Tòa soạn làm việc từ tờ mờ sáng quanh chiếc bàn lớn hình chữ nhật. Yến có trong số nhân viên tòa báo. Theo Tiểu Quyên, Đỗ Ngọc Yến là phóng viên toàn thời gian của *Sóng Thần*. Thời đó làm gì có *computer*. Chủ bút hoặc tổng thư ký đặt tít, định số cột rồi đưa bài viết tay hoặc đánh máy cho nhà in sắp chữ. Các ký giả thường viết bài trên mặt sau bản tin Việt Tấn Xã hoặc bản tin viễn ấn khổ A4. Lúc mới ra báo, Sóng Thần mua tin chiến sự viết tay, tin tức tuy nóng hổi nhưng thỉnh thoảng cũng có tin vịt. Ông xếp nhà in cắt bài ra từng mảnh, chia cho thợ nhà in nhặt từng chữ trong hộc ráp lại thành bài. Tiếp đó, nhà in đưa lại bản vỗ (morasse) cho tác giả để sửa lỗi in và lỗi chính tả. Sau cùng, Đằng Giao lo việc chắp nối, sắp trang (mise en page) trên chiếc bàn kiếng thắp sáng rồi đưa lại cho nhà in đúc chữ, làm thành tấm phim ráp vào máy *rotative*. Công việc của tòa soạn kéo dài đến quá trưa thì xong. Tin giờ chót nhận được khoảng giờ ngọ. Sau đó máy in chạy liên tục đến 16 giờ là ra báo. Các em bán báo rong đến nhận báo. Xe chở hàng của nhà phát hành Thống Nhất của Hội Cựu Chiến sĩ ở đường Trần Hưng Đạo và nhà Nam Cường gần chợ Cầu Ông Lãnh cũng đến nhận báo để phân phối lại cho các sạp báo đô thành và các đại lý tỉnh lẻ. Các ký giả ghé ngang tòa soạn lấy báo biếu về đọc. Nếu báo bị tịch thu, xe cảnh sát đến hốt hết báo. Nhưng nhà in cũng đem được một ít báo để bán chui.

Các quán cà phê nằm trong khu tam giác báo chí là nơi gặp gỡ của các nhà văn, nhà báo. Tôi thường viết bài trong các quán nước vỉa hè này. Giờ giấc đông khách thường là sáng sớm bắt đầu làm báo và chiều tàn, lúc sắp ra báo. Trên đường Tự Do còn hai quán *Pagode* và *Grival*. Các nhà báo săn tin nghị trường thường lui tới hai quán này cà kê dê ngỗng. *Grival* có bánh ngọt tuy mỏng lét mà thơm, cà phê phin pha rất ngon. Khoảng những năm 70, Yến thường lui tới *Givral* gặp một số phóng viên nước ngoài để cung cấp tin tức chính trường và chiến trường. Có lẽ quán nước *Grivral* đã bắc nhịp cầu báo chí đông tây cho Yến. Sáng kiến ra báo *Người Việt* trên đất Mỹ là tiếp nối của chặng đường này.

Đỗ Ngọc Yến trải qua nghề báo từ Sài Gòn đến Cali, từ lúc thợ nhà in còn nhặt từng chữ cái đến *computer* tiện lợi. Tuy kỹ thuật có biến đổi, Yến luôn là nhà báo yêu nghề, tận tụy với đồng nghiệp, nâng đỡ đàn em mới chập chững vào nghề. Gần 40 năm sau, tôi gặp lại vợ chồng Đỗ Ngọc Yến ở nhà anh chị Từ Nguyên ở avenue de l'amiral Mouchez quận 14 Paris. Nụ cười vẫn là *La Joconde*, còn hiền hơn năm xưa, mác tóc dãi dầu phong sương. Tôi nghe nói anh có công trong việc đặt tên cho giang sơn lưu lạc của người Việt ở Santa Ana là *Little Saigon*. *Little Saigon* có tờ *Người Việt*. Một số chủ báo hải ngoại lấy lại tên báo năm xưa ở Sài Gòn. Đỗ Ngọc Yến thì khác. Quê hương Sài Gòn tuy vẫn là Sài Gòn. Nhưng *Người Việt* là một thực thể báo chí hoàn toàn mới, để nói rằng tuy không gian vẫn thủy chung, nhưng *Người Việt* trong *Thế Kỷ 21* có nhiều tiến triển để thích nghi với thời đại.

Trong số những người tham gia *Chương trình Hè 65* ra làm báo, hai người mang tên chim là (Lê Đình) Điểu và (Đỗ Ngọc) Yến, cả hai đều đã bỏ chúng ta vào mùa nắng úa.

Đỗ Ngọc Yến ơi, bạn bè nguyện cầu anh được bình yên trong cõi vĩnh hằng có nắng vàng không bao giờ tàn úa. Trong nắng mới thiên đường còn sự trẻ trung, nồng ấm mùa hè 65 ở quê nhà.

Nếu trên thiên đường có nghề làm báo, chắc hẳn anh tiếp tục cầm bút, viết về người Việt ở khắp nơi. Và nếu có khăn quàng hướng đạo, chắc là anh đeo chiếc còi thon dài *scout* trên cổ áo, thổi tu huýt giục giã thanh niên lên đường phục vụ xã hội.

Chú thích

* Tác giả lầm: Trụ sở của *Chương trình công tác hè 65* tại 41 Phan Đình Phùng, Sài Gòn. Còn trụ sở của *Chương trình phát triển sinh hoạt thanh niên học đường (CPS)*, do bộ Giáo Dục xây cất năm 1969, mới nằm trên đường Đinh Tiên Hoàng cạnh sân Hoa Lư. (Ghi chú của Tòa soạn Thế Kỷ 21).

[1] Tiểu Quyên, *Đỗ Ngọc Yến và phép Lăng Ba Vì Bộ*, in trong *Tin Văn*, Xuân Bính Tuất 2006 (tháng 1.2006) Trung Tâm Âu Châu Trung Tâm Văn Bút Hải Ngoại, tr. 124-137.

Nén Nhang Tưởng Niệm
Anh Đỗ Ngọc Yến

HỒ TRƯỜNG AN

Tôi biết tên anh Đỗ Ngọc Yến và thấy ảnh anh khi anh có chân trong nhóm Tiếng Nói gồm có Nhã Ca, Dương Nghiễm Mậu, Nguyễn Hữu Đông, Viên Linh, Trần Dạ Từ, Nguyễn Thụy Long, Nguyễn Nghiệp Nhượng, Đỗ Quý Toàn, Trần Đức Uyển, Nguyễn Khắc Nhân, Nghiêu Đề v.v.... Hình như đó là vào năm 1967 thì phải. Vào năm 1971, tôi làm việc cho ban Thông tin Báo chí thuộc khối Chiến tranh Chính trị Quân Đoàn III & Quân Khu 3, tình cờ tôi thấy ảnh anh cùng hạ sĩ Nguyễn Bảo Nam vốn là nhân viên Việt Tấn Xã và cùng làm việc chung ban với tôi đi làm phóng sự chiến trường ở Chi khu Dầu Tiếng. Anh mặc thường phục nhưng khoác áo giáp, đội nón sắt, vai vác máy ảnh to. Thuở đó ngôi sao anh đã từng rực sáng trong giới sinh viên và trong giới truyền thông. Tôi ngắm ảnh anh mà ao ước quàng xiêng sa đà.

Ra hải ngoại, ngôi sao anh lộng lẫy hơn khi anh cùng nhóm bạn thân của anh trong đó có Hoàng Ngọc Tuệ, Đỗ Quí Toàn (còn có bút hiệu là Vương Hữu Bột) và nhất là Lê Đình Điểu thực hiện nhà xuất bản Người Việt, nhật báo Người Việt, đài phát thanh VCNR...

Công trình của nhóm này đâu phải nhỏ. Nếu công bình mà nói, về báo chí, những tay lỗi lạc ở hải ngoại từ khoảng năm 1983 cho tới 1986 phải kể cặp Vi Khuê & Chử Bá Anh (nguyệt san Phụ Nữ Diễn Đàn), cặp Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa (báo Làng Văn), Đỗ Ngọc Yến, Lê Đình Điểu, Phạm Phú Minh (nhật báo Người Việt và nguyệt san Thế Kỷ 21). Đây là những tay song song với công việc truyền thông còn làm việc văn hóa rất tích cực. Tôi ngưỡng mộ công việc của họ. Rất tiếc cặp Nguyên Hương & Nguyễn Hữu Nghĩa gây quá nhiều cuộc bút chiến và thiếu tinh thần tế nhị nên từ năm 1995, báo giảm sút cả lượng lẫn phẩm. Và đáng buồn hơn khi anh Chử Bá Anh mất vào năm 1998 thì tờ Phụ Nữ Diễn Đàn giảm quá nhiều sinh lực nên số độc giả kém hẳn đi. Chỉ có các cơ sở của nhóm Đỗ Ngọc Yến chẳng những vẫn vững như kiềng ba chân mà còn phát triển mạnh dù Lê Đình Điểu đã quá cố đi nữa.

*

Đầu năm 2001, tức là cuối tháng chạp năm Canh Thìn, tôi qua Virginia và tuột xuống Or-

ange County (California) ra mắt sách. Tôi gặp Đỗ Ngọc Yến ở trụ sở Kicon. Anh gầy gò, xanh xao, mệt mỏi. Anh khen tôi về cách diễn tả chân dung các giọng hát. Tôi thành thật bảo anh:

- Công việc đó không phải do tôi sáng chế ra đâu. Tôi bắt chước nhạc sĩ Lê Thương và nhà văn Viên Linh đấy. Song có điều họ vẽ chân dung bằng vài nét phác thảo, còn tôi vẽ tỉ mỉ hơn, như theo lối vẽ của Henri Rosseau và lối vẽ của Nguyễn Thị Hợp.

Đỗ Ngọc Yến cười điềm đạm. Tôi nhìn anh, rùng mình. Trời ơi nụ cười sao mà lạ lẫm, rờn rợn bóng dáng thần chết, bảng lảng âm hồn từ cõi u linh. Nụ cười đó tôi đã gặp trên môi nhà văn Y Uyên trước khi Uyên rời quân trường Võ Bị Thủ Đức để ra đồn Nora ngoài Phan Rang tác chiến. Cũng nụ cười đó tôi đã bắt gặp ở tài tử điện ảnh Micheal Landon khi anh ta đóng loạt phim thứ hai, sau loạt phim «La Petite Maison dans le Prairie,» tựa phim thì tôi đã quên, hình như «La Route vers le Paradis» thì phải. Tuy nhiên, hình ảnh nụ cười nhợt nhạt và ma quái trên khuôn mặt bệch bạc của họ cứ ghi một dấu ấn đậm đà sắc nét trong ấn tượng bén nhạy của tôi khá lâu.

Vài tháng sau cuộc từ biệt kia, Y Uyên tử trận. Và đóng xong phim loạt phim thứ hai, Micheal Ladon chết vì bệnh ung thư.

Sáng hôm sau, tức là sau cuộc gặp gỡ Đỗ Ngọc Yến một hôm, tôi cùng học giả Đỗ Thông Minh đi ăn điểm tâm ở một cái quán gần ở khu Bolsa thì gặp Võ Thường. Chàng nghệ sĩ tây-ban-cầm tài hoa nầy cũng có vẻ bạc nhược và bệnh hoạn như Đỗ Ngọc Yến. Anh ta hỏi tôi:

- Anh An học trường Quốc Gia Âm Nhạc vào năm nào mà phân tích cặn kẻ kỹ thuật từng giọng hát như vậy?

Tôi đỏ mặt vì thẹn thùng:

- Tôi có học hỏi gì về âm nhạc đâu. Tôi chỉ học cách nghe hát. Một ông giáo sư dạy trường Quốc Gia Âm Nhạc đã chỉ dạy tôi. Ông này đã đỗ bằng hòa âm và bằng đối điểm.

Và tôi bỗng rùng mình. Nụ cười của Võ Thường cũng giống nụ cười của Y Uyên thuở trước, nụ cười của Micheal Landon cách đó gần 10 năm và nụ cười của Đỗ Ngọc Yến ngày hôm trước.

Tại Orange County, tôi có dịp đến viếng tòa soạn nhật báo Người Việt và sau đó anh chị Đỗ Ngọc Yến đưa Đỗ Thông Minh và tôi đi ăn tối tại quán Song Long. Hôm đó có thêm vợ chồng ký giả Trần Xuân Thành.

Võ Thường đã chết trước đây vài năm. Và vào tiết thịnh hạ năm nay, Đỗ Ngọc Yến mới hóa ra người thiên cổ, bỏ lại nhiều công trình vĩ đại mà anh đã phục vụ cho kiều bào khắp bốn phương trời hải ngoại về hai phương diện thông tin và văn hóa.

*

Hơn hai năm qua, tôi nghe loáng thoáng Đỗ Ngọc Yến bị ngã bịnh. Tôi không rõ là bịnh gì. Tuổi già thường hay mắc bịnh này bịnh nọ. Như tôi đây với cái thân thể vốn là một đại lý chứa dăm ba thứ bịnh trong sáu năm qua. Chúng hoành hành cơ thể tôi mà tôi chưa hề nằm liệt giường liệt chiếu quá một tuần. Hai quả thận của Đỗ Ngọc Yến bị hư, anh có đủ phương tiện qua bên Trung Quốc để được khoa ghép thận cứu sống. Nhưng anh không còn lạ gì dân tộc Tàu hiện giờ lắm kẻ dã man, giết người lấy tim, gan, thận, phèo, phổi để đem bán cho những ai dùng để chữa bịnh. Đỗ Ngọc Yến không muốn sống trên cái chết oan uổng của tha nhân. Anh đành để cho từng phần tứ chi của anh bị chết lần hồi, từng phần ấy phải bị cắt bỏ. Cái oan nghiệt của định mệnh vốn tàn ác và lì lợm, không cho mọi chuyện diễn ra một cách suông sẻ nhanh chóng. Viết đến đây tôi kinh khủng đến rụng rời, không sao cầm được nước mắt.

Nhưng rồi tôi tự an ủi mình: Lúc còn sinh tiền, Đỗ Ngọc Yến có một cuộc sống tung hoành trên môi trường truyền thông và trong lãnh vực văn hóa, đã giúp đỡ kiều bào về phương diện tinh thần thật ngoạn mục. Và đẹp đẽ biết bao, cái chết của anh thật hào hùng, thấm nhuần tấm lòng nhân đạo tươi thắm thiết tha. Người như vậy nếu theo làn sóng luân hồi sẽ đầu thai lại trên quả địa cầu này, thành một ngôi sao truyền thông văn hóa ở một nước phú cường hơn, ở một địa vị rực rỡ và huy hoàng hơn. Còn nếu được siêu thăng, tôi chắc chắn anh sẽ thác sinh ở một quốc độ thanh tịnh và cao quý hơn cõi hồng trần uế trọc nầy.

Anh Đỗ Ngọc Yến, người thân hữu xa xôi dùng bài đoản văn này thay thế nén nhang hoài niệm để cầu nguyện cho vong linh anh vào một cõi tịnh độ nào đó trong cõi tam thiên đại thiên thế giới mang mang vô cùng tận này.

Đọc bài

LÀM SÁNG TỎ MỘT SỰ KIỆN VĂN HỌC
của ông Nguyễn Tường Thiết

TRỌNG ĐẠT

Tôi viết bài này để trả lời ông Nguyễn Tường Thiết.

Báo Thế Kỷ 21 số 207, tháng 7 năm 2006, mới đăng bài nêu trên của ông Nguyễn Tường Thiết, con trai nhà văn Nhất Linh, bài có đề cập tới cuốn *Những Tác Phẩm Cuối Cùng Của Nhất Linh* do tôi viết, Đại Nam xuất bản năm 2003. Mở đầu bài viết ông Thiết có nói.

"Cuốn sách Những Tác Phẩm Cuối Cùng Của Nhất Linh của Trọng Đạt do Đại Nam xuất bản năm 2003 tại Hoa Kỳ có vẻ như muốn 'thẩm định lại' giá trị Nhất Linh, một nhà văn có sự nghiệp vững chắc trên văn đàn, không riêng do giá trị tự thân của toàn bộ tác phẩm mà còn qua những nhận định của giới phê bình văn học nói chung, trong hơn nửa thế kỷ qua.

Dường như để 'lật lại thế cờ,' ông Trọng Đạt sẵn sàng khám phá ra những yếu tố đáng ngại trong ba tác phẩm chính của Nhất Linh..."

Tôi xin thưa với ông Nguyễn Tường Thiết là tôi không có ý "thẩm định lại" giá trị Nhất Linh vì người ta đã thẩm định lại Tự Lực Văn Đoàn từ thập niên 50, 60 rồi, các nhà văn mới hồi đó đã chê lối tiểu thuyết luận đề của Tự Lực Văn Đoàn như *Đoạn Tuyệt, Lạnh Lùng* là giả tạo, kém nghệ thuật. Ngoài ra họ cũng đã "lật lại thế cờ," họ phủ nhận giá trị của Tự Lực Văn Đoàn, cho rằng nay Tự Lực Văn Đoàn đã đến lúc hết thời, người ta không còn viết và đọc như thế nữa, chắc ông Thiết cũng biết thế, nhưng tôi cũng không đồng quan điểm với họ.

Ngoài ra tôi cũng xin giới thiệu thêm với ông bộ sách *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên*, cuốn 3 của Giáo sư Phạm Thế Ngũ, xuất bản 1965, ông Phạm Thế Ngũ trong phần, chương nói về Nhất Linh, Tự Lực Văn Đoàn , chỉ công nhận cuốn *Đôi Bạn* là có giá trị nghệ thuật cao, còn lại đều là yếu kém dưới trung bình thí dụ *Đoạn Tuyệt* thì giả tạo, cốt truyện đã được sắp đặt sẵn, nhân vật chỉ là nhân vật nộm, bà Phán, Loan, Dũng, cuốn *Nắng Thu* nghệ thuật kém cỏi, cuốn *Lạnh Lùng* quá khích về cải cách xã hội, hồi thập niên 30 có bị tẩy chay vì có người cho là thiếu đạo đức luân lý, đề cập tới tình yêu thể xác. Tôi đưa ra thí dụ như thế để ông Thiết thấy rằng không phải ai cũng ca tụng Nhất Linh như ông Thiết tưởng, tuy nhiên tôi không đồng ý kiến với họ.

Toàn bộ bài viết của Ông Thiết chỉ nêu ra những điểm tôi chỉ trích Nhất Linh, mà hoàn toàn không đưa những trang, những chương tôi công nhận giá trị sự nghiệp văn chương của Nhất Linh hoặc những phần bênh vực cho Nhất Linh trước búa rìu dư luận khiến cho độc giả tưởng rằng cuốn sách của tôi viết ra để chỉ trích, chê bai Nhất Linh.

Tự Lực Văn Đoàn nay đã bị chìm vào quên lãng, nhiều người cho rằng nền văn chương ấy nay đã lỗi thời lạc hậu. Chính vì thế mấy năm trước tôi đã bỏ nhiều thời giờ viết sách về Tự Lực Văn Đoàn để phục hưng phần nào giá trị cho văn đoàn, cho Nhất Linh và đã viết được ba cuốn *Những Tác Phẩm Cuối Cùng Của Nhất Linh* , Đại Nam xuất bản năm 2003, *Những Truyện Hay Của Tự Lực Văn Đoàn*, Đại Nam xuất bản 2003, *Văn Nghiệp Của Thạch Lam*, chưa xuất bản. Mục đích của tôi là để làm sống lại một giai đoạn văn chương đã bị chìm vào quên lãng nhưng ông Thiết lại gán cho tôi có ý đồ "thẩm định lại" giá trị văn chương Nhất Linh và "lật ngược thế cờ," ông đã gieo tiếng ác cho tôi khiến người đọc sẽ nghĩ rằng tôi có ý hạ bệ Nhất Linh, phủ nhận giá trị của Nhất Linh.

Nội dung bài viết của ông Thiết chỉ chú trọng nêu ra những điểm tôi đề cập tới những sai phạm đáng tiếc của Nhất Linh mà không nói tới những phần tôi phục hồi lại giá trị cho Nhất Linh, cho Tự Lực Văn Đoàn hiện đang bị chìm vào quên lãng vì nhiều người đã cho là lỗi thời, lạc hậu. Trước hết tôi xin đính chính những điểm ông Thiết nói không đúng về lời nói của tôi.

Ông Thiết nói *"Về cuốn Xóm Cầu Mới, Ông Trọng Đạt cho rằng ý tưởng nghèo nàn, nội dung giả tạo."*

Tôi xin xác nhận tôi không có nói như vậy, tôi nói *"Mặc dù Xóm Cầu Mới thật là đồ sộ ... nhưng nó mang nhiều khuyết điểm mà ta thường thấy ở những tác phẩm dài trường giang đại hải như Chiến Tranh và Hoà Bình với hằng mấy trăm trang nghị luận dài dòng về lịch sử, hoặc Anna Karenine tả cảnh đi săn giông dài thừa thãi, nó chẳng đóng góp được gì hơn là làm mất thời giờ của người đọc*

một cách vô ích. Đa số những tác phẩm vĩ đại đã rơi vào tình trạng giông dài. Toàn bộ Xóm Cầu Mới gồm 25 chương (truyện) nhưng thực sự chỉ có vào khoảng một phần ba là có nghệ thuật cao, còn lại trung bình hoặc nhạt nhẽo, ý tưởng nghèo nàn, nội dung giả tạo nguyện do ở sự kéo dài quá nhiều."

Ngoài ý kiến của tôi chắc ông Thiết cũng biết Bác sĩ Nguyễn Tường Bách, em ruột ông Nhất Linh đã cho rằng hai cuốn truyện sau của Nhất Linh (*Giòng Sông Thanh Thủy, Xóm Cầu Mới*) không hay, thua xa những truyện hồi trước. Tôi không đồng ý kiến với Bác sĩ Nguyễn Tường Bách nhưng tôi cũng chỉ công nhận có một phần ba *Xóm Cầu Mới* là hay và những truyện còn lại vào loại trung bình hoặc kém nghệ thuật, đó là ý kiến riêng của tôi.

Ông Thiết có viết một câu thế này

"*Ông Trọng Đạt đã có công đọc khá kỹ các tác phẩm của Nhất Linh, nhưng tiếc rằng ông lại không đọc kỹ những gì liên quan đến tác phẩm*"

Thưa ông Thiết, trước khi viết sách tôi đã đọc những sách và những bài liên quan đến Tự Lực Văn Đoàn, đến Nhất Linh, tôi đã đọc cả những bài của ông Thiết viết về Nhất Linh và *Xóm Cầu Mới*... Thưa ông, về Tự Lực Văn Đoàn nếu tôi không lầm thì tôi đã đọc nhiều hơn ông.

Trong cuốn sách của tôi, tại phần nói về *Xóm Cầu Mới* tôi có nêu ra những sai phạm đáng tiếc của Nhất Linh như: ông lấy một đoạn văn hay trong *Xóm Cầu Mới* đưa vào *Giòng Sông Thanh Thủy*. Ông đã lấy năm truyện ngắn của cuốn *Thương Chồng* đưa vào *Xóm Cầu Mới*, có truyện đưa vào nguyên vẹn, có truyện sửa chữa đổi tên nhân vật, trong khi hai cuốn *Thương Chồng* và *Xóm Cầu Mới* hiện vẫn còn bán trên thị trường. **Vấn đề đó đã trái với nguyên tắc làm văn**, chắc ông Thiết là nhà văn ông cũng phải biết như thế, truyện nào là truyện nấy, không thể nhập nhằng hai cuốn cùng dính nhau một vài phần nào đó .

Trong phần này ông Thiết đã bênh vực cho sự sai lầm của Nhất Linh, nhưng lý luận của ông rườm rà khó hiểu, thú thật tôi đọc đi đọc lại cũng không hiểu ông muốn nói gì, tôi đề nghị ông Thiết nên viết cho sáng sủa hơn, nếu không thì khổ cho người đọc. Tôi xin rút gọn vấn đề như thế này để tranh thủ thời gian, hoặc là chúng ta công nhận Nhất Linh có sai phạm đáng tiếc, hoặc là chuyện đó không có gì quan trọng như ông có nói trong bài thì thôi, chẳng lẽ chuyện như thế mà phải tranh cãi tốn giấy mực, thì giờ lại thêm mất lòng mất bề nữa.

Chắc ông Thiết cũng biết rằng trong số hai nhà văn tên tuổi nhất của Tự Lực Văn Đoàn Khái Hưng, Nhất Linh, người ta chỉ thấy văn chương của Nhất Linh bị chê bai một số tác phẩm, trong khi văn chương Khái Hưng không bị chê bai chỉ trích gì cả, ông xem trong cuốn *Việt Nam Văn Học Sử Giản Ước Tân Biên* của Phạm Thế Ngũ thì rõ. Như thế ông Thiết cũng thấy rằng văn chương của Nhất Linh có vấn đề chứ không phải toàn thiện toàn mỹ như ông nghĩ đâu, bởi vì tại sao người ta không chê Khái Hưng mà lại chê Nhất Linh. Tuy nhiên dù người ta có chê bai Nhất Linh hay chỉ trích Tự Lực Văn Đoàn thì ông Thiết cũng không nên bực tức làm gì vì sở thích của mỗi người nó mỗi khác, không thể bắt người ta cũng thích như mình được.

Phần kết luận ông Thiết có viết:

"*Tiếc rằng ông Trọng Đạt đã quan trọng hoá vấn đề, nêu lên một vụ đạo văn. Điều đó không những làm thương tổn cho chúng tôi những người trong gia đình Nhất Linh và có lẽ còn làm thương tổn đến cả những người yêu văn học nữa.*"

Thế xin hỏi ông Nguyễn Tường Thiết trong phần kết luận của cuốn sách tôi đã để riêng một chương để bênh vực cho Nhất Linh trước những búa rìu dư luận thì tôi có làm thương tổn gia đình ông Nhất Linh và những người yêu văn học không? Ngoài ra trong cuốn sách của tôi, rất nhiều chương, đoạn đánh giá cao các tác phẩm sau cùng của Nhất Linh, những ý kiến ấy có làm thương tổn gia đình ông Nhất Linh không?

Ngoài ra chắc ông Thiết cũng biết Đoạn Tuyệt và Lạnh Lùng của Nhất Linh là hai cuốn tiểu thuyết luận đề bị thiên hạ "cho ăn búa" nhiều nhất trong văn nghiệp Nhất Linh, người ta chê lối tiểu thuyết luận đề quá dở, nhưng tôi lại không đồng ý kiến với những người đã đang tâm vùi dập hai tác phẩm ấy và đã **triệt để bênh vực** hai cuốn cả về văn chương cũng như cải cách xã hội trong cuốn *Những Truyện Hay Tự Lực Văn Đoàn* của tôi, Đại Nam xuất bản năm 2003, xin ông Thiết cứ mở ra xem thì sẽ rõ. Ngoài ra hiện nay các nhà nghiên cứu phê bình trong nước đã âm mưu hạ bệ Khái Hưng, Nhất Linh để suy tôn Thạch Lam, tôi cũng đã viết bài bênh vực cho Khái Hưng, Nhất Linh năm 2003 đăng trên báo Hương Văn và nhiều báo khác ở hải ngoại, nói như thế để ông Thiết biết rằng tôi không thuộc trường phái "thẩm định lại Nhất Linh" hay "lật ngược thế cờ" như ông đã viết.

Những điều tôi viết trong hai cuốn sách của tôi có làm ông phiền lòng là chuyện đáng tiếc nhưng ở cương vị nghiên cứu phê bình văn học tôi phải khách quan vô tư, không thể làm khác hơn được, mong ông thông cảm cho.

NIỀM VUI KHÔNG TRỌN

SONG THAO

Thuở nhỏ tôi có hai thú đam mê: câu cá và coi đá banh. Cả hai cái thú này đều do cậu tôi bày vẽ cho. Mà bày tới nơi tới chốn. Ông vốn thích đi câu cá. Thường ông đi câu với mấy ông chú tôi. Khi tôi và đứa em kế được khoảng mười tuổi, ông mang chúng tôi theo. Chia phiên mỗi đứa một tuần. Đầu tiên tôi đã thấy hứng thú, không phải vì mấy con cá lội sâu dưới nước chẳng thấy đâu, mà vì khúc bánh mì kẹp chả chiên thì là rất hấp dẫn mà ông mua mang theo ăn trưa. Được ăn nguyên một cái bánh mì dài thòong không phải cắt chia cho đám anh chị em đông đảo là miếng mồi thích thú câu tôi đi câu. Chiếc bánh mì thơm phức này có ngay nạn nhân. Đó là những chú cá nằm tuốt tận dưới bùn lầy. Bởi vì tôi là một tay sát cá có hạng. Chỉ qua vài lần học những bài vỡ lòng, tôi đã góp phần khá phong phú vào chiếc giỏ cá mang về vào cuối ngày. Thứ cá mà chúng tôi câu hồi đó là cá giếc. Chúng có những thói quen riêng. Khi tìm mồi chúng chỉ tìm ngay trên mặt lớp bùn dưới đáy ao đáy hồ chứ không lảng vảng ở phía trên. Lúc đớp mồi chúng nghếch mõm lên để nuốt. Bằng vào những thói quen đó, mồi câu là những chú giun đỏ ngắt đôi cái đầu còn ngọ nguậy phải được đặt ngay trên mặt lớp bùn bằng cách chỉnh chiếc phao cho đứng thẳng nửa ngoi lên trên nửa chìm dưới nước. Khi cá ăn mồi, nghếch mõm lên, chiếc phao sẽ nằm bềnh ngang mặt nước. Đúng lúc đó phải nhẹ nhàng búng đầu cần câu cho lưỡi câu móc vào môi cá và kéo thẳng lên một cách nhanh chóng. Nếu để chậm , cá mắc mồi quẫy trong nước, các con cá khác trong đàn còn lảng vảng quanh đó sẽ thấy động chạy hết. Một đàn cá khi một chục khi hai chục con, nếu khéo câu, sẽ móc lên được bằng hết. Tôi thường thường chẳng để sót một chú cá nào trong cả đàn.

Mỗi khi đi câu, chỗ của nhóc con như tôi là ngồi trên porte-bagage xe đạp của cậu tôi. Những đoạn cành câu được tháo rời ra cột chặt theo chiều dài của xe đạp. Lắt lẻo trên tay lái là những túi đựng đồ ăn của người, mồi của cá và giỏ đựng cá câu được. Khi tôi lên trung học, có xe đạp riêng thì tôi đã qua thời kỳ tập sự, tự sửa soạn mọi thứ, tự chuyên chở lấy nhưng vẫn chưa được đi câu riêng. Chỗ ngồi câu thường là những ao hồ ở chung quanh Hà Nội, có những bụi tre già rậm rạp ít người lui tới. Có bị rắn bò ra dọa hay lỡ sẩy chân té xuống ao sẽ chẳng có ai biết đó là đâu. Vì vậy, chúng tôi vẫn chưa được đi câu một mình. Những ngày Chủ nhật, lớn bé mỗi người một chiếc xe, chúng tôi vẫn phải phụ thuộc vào cậu tôi nhưng không phải chia phiên đi theo nữa.

Cái thú thứ hai, phải nói là một đam mê mới đúng, là coi đá banh. Cũng chính cậu tôi là người dẫn dắt trong ánh mắt không bằng lòng của mợ tôi. Cậu tôi cắt nghĩa cho chúng tôi hiểu về luật đá banh, kỹ thuật đá như thế nào là hay. Còn cái đam mê sống chết với môn thể thao hấp dẫn này, cậu tôi không cần chỉ, tôi cũng có. Cứ mỗi thứ năm là anh em chúng tôi ra cửa đón cậu tôi đi làm về. Đứa nào cũng muốn là người đầu tiên cầm được tờ báo Khỏe chuyên về thể thao trong tay. Đầu tiên là chờ ở cửa, càng về sau, cự ly càng ngày càng xa hơn. Đầu đường, ngã tư, đứa nào cũng muốn dành phần thắng. Sau cùng thì cậu tôi cũng có một giải pháp. Luân phiên ưu tiên đọc báo nhưng ấn định thời gian đọc. Tuần này tôi được đọc trước trong nửa giờ thì tuần sau tới lượt đứa khác. Trật tự được vãn hồi với một chút bất tiện: đứa chưa đến lượt đọc biểu lộ sự sốt ruột bằng mọi trò gây rối.

Chủ Nhật là ngày đi coi đá bóng. Hồi ở Hà Nội là sân Mangin, gần cột cờ. Vào tới Sài Gòn là sân Vườn Ông Thượng, sau đổi tên thành sân Tao Đàn và sau đó là sân Thống Nhất. Khi chúng tôi chưa có xe đạp riêng thì cậu tôi na đi được hai đứa, một đứa ngồi đằng trước trên dàn xe, một đứa ngồi sau trên porte-bagage có cột một chiếc gối cho êm bàn tọa. Khi chúng tôi có xe đạp thì cha con dắt díu nhau đi. Chúng tôi không phải mua vé vào sân, nhưng mỗi người

lớn chỉ được kèm một trẻ em nên cậu tôi cứ luôn miệng cười cầu tài với những người vào cùng để nhờ họ kèm theo đám con bao giờ cũng trên một đứa. Khi vào Sài Gòn, người đông của khó, thân xác chúng tôi lại không còn kích thước được đi kèm, phải mua vé. Khi thì mua được vé, khi thì đi trễ hết vé phải mua giá chợ đen nơi những người đầu cơ bán vé dạo. Lúc đó, chúng tôi nhiều khi không mua được vé nhưng vẫn cứ lẻn vào sân được. Khi thì leo rào, khi thì chui qua lỗ hổng của hàng rào do tập thể khán giả không vé xé ra, khi thì nhào vào sân theo đám khán giả chen chúc nhau qua cổng. Cứ loanh quanh một hồi thì cái thân đam mê cũng bay vào được trong sân.

Cả cha cả con cứ mê mệt với sân banh là một điều không vừa ý mợ tôi. Những gian nan vất vả để cha con thoát ra khỏi nhà được đều là công khó đầy sáng tạo của cậu tôi. Khi tôi trở về thăm gia đình, cậu tôi đã trên tám chục tuổi, nhưng đam mê coi đá banh vẫn còn sôi nổi như ngày nào. Chiếc ghế dựa trước màn ảnh truyền hình chẳng bao giờ thiếu hơi cậu tôi khi có đá banh. Có những trận đấu trực tiếp truyền hình vào lúc nửa đêm khuya khoắt, cậu tôi cũng không bỏ qua mặc những lời cằn nhằn của mợ tôi. Tôi sống ở nước ngoài, phần vì cuộc sống, phần vì môn hockey nhanh nhẹn và hấp dẫn hơn, niềm đam mê đã hao hụt đi nhiều. Thấy mặt tôi là ông bảo ngồi bên cạnh trong khi mắt ông vẫn không rời màn ảnh. Cậu tôi hầu như không biết đến sự cạn kiệt niềm đam mê của tôi ngày nhỏ. Mười năm xa nhà của tôi là một thời gian vô nghĩa đối với ông.

Tôi ra đi trong tình huống không bình thường tuy là đi chính thức bằng máy bay. Chiếc xe thuê đưa gia đình tôi lên phi trường Tân Sơn Nhất rời nhà từ năm giờ sáng. Chỉ trước khi ra đi, tôi mới tin cho hàng xóm hay và lên xe liền. Vậy mà cậu tôi đã có mặt tại nhà tôi từ sáng sớm. Ông là người thân duy nhất tới với tôi vào giờ phút tôi rời xa quê hương. Dựng chiếc xe honda trên hè nhà, ông cứ quanh quẩn với hết đứa cháu này tới đứa kia. Bốn đứa con tôi, tuổi từ 12 tới 4, như những sợi dây mà ông không thể buông tay ra được. Tới giờ lên xe, tôi mời cậu tôi lên phi trường, ông lắc đầu. Tới lúc đó tôi mới thấy những giọt nước mắt vương trên mặt ông. Đây là lần thứ hai ông chia tay gia đình tôi. Năm năm trước, cũng vào một buổi sáng tinh mơ, ông đã bịn rịn khi gia đình tôi leo lên chiếc xe xích lô máy ra ga xe lửa đi Nha Trang để gieo mình vào một chuyến vượt biên. Lần đó, ông cũng cố giấu những giọt nước mắt. Khi xe chuyển bánh, tôi quay nhìn lại, thấy vai ông rung nhè nhẹ. Lòng lo sợ cho những giờ phút gian nan đánh cuộc với số mệnh bằng sinh mạng của vợ con sắp tới, tôi chỉ muốn quay trở lại để hứa với ông tôi sẽ không bao giờ nuôi ý định đi xa nữa. Nhưng tôi chẳng thể nào lùi được. Guồng máy đã vận hành. Chỉ có xuôi tay chạy theo. Cũng như ông đã phó mặc cho may rủi khi đưa gia đình hồi cư về Hà Nội năm xưa. Ngày đó, bảy người trong gia đình lúc thúc theo người dẫn đường được ông thuê từ trước, men theo những bờ ruộng trong đêm tối, trượt lên trượt xuống. Đứa bé bảy tuổi là tôi, vai đeo chiếc túi vải, đi sát theo người đàn bà dẫn đường. Ông dắt chiếc xe đạp cột chiếc nôi đứa con nhỏ mới năm tháng đi tập hậu như một cánh chim chở che những người thân. Cả gia đình lầm lũi đi. Không ai nói với ai một câu. Người dẫn đường đã dặn phải tuyệt đối im lặng kẻo lộ diện bị bắt trở lại. Thỉnh thoảng tôi quay lui để thấy khuôn mặt ông lạnh căm. Ông như muốn trấn áp những hồi hộp lo lắng của một người mang trách nhiệm với sáu người thân đang dấn thân vào những rủi ro một đời. Chỉ khi đã bước chân vào tới vùng tề, người dẫn đường xong công việc quay trở lại, ông mới tiến lên phía trước khi chúng tôi sắp tới chiếc đồn gác đầu tiên. Khẩu súng trên tay tên lính Lê Dương làm anh chị em chúng tôi run lập cập. Ông vỗ nhẹ vào vai tôi trước khi nói chuyện với tên lính gác. Ông vốn làm việc cho Không Quân Pháp trước ngày tản cư khỏi Hà Nội nên tên lính gác vội đưa ông vào trong đồn. Đứng bên ngoài sân đồn canh, tôi run lập cập trước những tên lính Pháp dềnh dàng qua lại, những khuôn mặt đen kịt với những vết rạch trên má của đám lính Phi châu đánh thuê. Tôi thấy lo cho ông. Chẳng biết ông có còn ra được với gia đình không. Khi ông tươi cười bước ra với tên sĩ quan Pháp, hối mọi người lên xe trở về nhà cũ, tôi như thấy ông cao hơn với vẻ bình thản của một người thừa công lực che chở cho những người thân.

Giờ tới lượt tôi. Cũng như ông ngày xưa, tôi dẫn vợ con vào một cuộc phiêu lưu muôn phần hiểm nguy hơn ông ngày xưa. Không chỉ là đoạn đường vài chục cây số, không phải chỉ là những bờ ruộng nhỏ nhưng vẫn còn đủ chỗ đặt được bàn chân, chuyến đi trong trách nhiệm của tôi sẽ ngàn dặm, sẽ phải chống chỏi với sóng nước

TRẦN MỘNG TÚ

MÙA THU VÀO THÀNH PHỐ

Áo lạnh
khăn quàng
quần jeans
giầy vải
hai bàn tay trong túi
thỉnh thoảng chùn vai lạnh
đi giữa hai hàng cây

mùa thu vào thành phố
cũng đi như thế này

hàng cây mặc áo vàng
chân đi đôi hài đỏ
cổ cây quàng khăn sương
những bàn tay cây lạnh
cây đi tìm vai gió
những ngón tay cây gầy

mùa thu vào thành phố
cũng đi như thế này

gió ở bên kia đường
chạy sang cùng đi với
mùa thu
ôi mùa thu
cuối phố vũng sương mù
lá đi
lá đi khẽ
tiếng chân và tiếng thu

những chiếc ghế vỉa hè
áo len ngồi cạnh nhau
hương cà phê
khói thuốc
cuốn sách mở quên trang
nụ hôn khe khẽ, ngọt
rung mùa thu chớm vàng

gió thổi
gió thổi mãi
vạt áo
vạt áo bay
vừa đi vừa níu gió
bỗng nhớ ai, bàn tay

mùa thu vào thành phố
cũng đi như thế này.

ngưng lại nghe hơi lạnh
nghe hương mùa thu bay
ly cà phê starbucks
sợi khói giữa hai tay
ngửa mặt uống một ngụm
lá vàng rơi trên vai

mùa thu vào thành phố
cũng đi như thế này.

Tháng Mười Thu/2005 ở Bellevue

hung dữ và vô tâm. Khác với ông gần bốn chục năm trước, tôi đã thua cuộc. Cuộc chơi với sinh mạng đã bị bể, tôi lếch thếch trở về. Nét mặt ông rạng rỡ khi ôm lại được những đứa cháu tưởng đã ngàn trùng chia xa. Giờ tôi lại ra đi. Không còn những phiêu lưu sống chết, không đối mặt với hiểm nguy, sự chia lìa sẽ là chắc chắn, ông lại có mặt. Nhưng cậu tôi sợ cái giờ phút đứt đoạn khi cánh phi cơ bốc gia đình tôi lên khỏi đất nước nên ông không theo lên phi trường.

Khi ra đi, cả ông và tôi đều nghĩ chắc chẳng có ngày cha con gặp lại nhau nữa. Chia tay là rốt ráo. Vậy mà mười năm sau tôi đã trở về. Buổi sáng, ông thường thức sớm để kịp đi lễ nhất vào lúc 5 giờ. Đi lễ về, ông mới chăm sóc cây cối trong vườn nhà, quét tước và sửa chữa những chỗ hư hỏng. Tôi ngồi trong phòng nhìn ông làm việc, lòng như thấy chẳng có gì thay đổi. Ông vẫn tráng kiện, xốc vác, vẫn giữ những đam mê ngày cũ, vẫn ham đọc sách báo. Và vẫn dính chặt với những trận đấu bóng tròn. Cha con tôi ít nói chuyện với nhau mặc dù cả ông và tôi đều là những người hay nói. Cho tới bây giờ tôi cũng chẳng hiểu tại sao. Ngay từ những ngày tôi còn nhỏ, mỗi lần thiếu tiền tiêu, tôi mới chờ tới lúc cậu tôi lấy xe đi làm, chạy theo, lúng búng trong miệng xin tiền. Bao giờ ông cũng móc ví, hỏi cần bao nhiêu và luôn luôn cho số tiền trên mức tôi xin. Lớn lên những cuộc nói chuyện tay đôi với ông chỉ xảy ra khi có chuyện thật quan trọng cha con cần bàn với

nhau. Vậy mà lúc nào tôi cũng biết là ông rất thương tôi. Và khi tôi lập gia đình ông cũng rất thương vợ tôi. Những ngày tôi đi tù cải tạo, ông là người lo lắng cho gia đình tôi hết sức chu đáo.

Lần tôi đưa vợ về thăm ông thì ông đã ngoài chín chục và sức khỏe đã kém đi rất nhiều. Ông nằm trên giường, lấy tay che ánh nắng chiếu qua cửa sổ, nheo mắt nhìn vợ chồng tôi, mặt như bối rối không hiểu chuyện gì đang xảy ra. Tôi cúi xuống, cầm tay ông:

" Cậu! Con về đây này. Cậu nhận ra con không?"

Một lúc sau ông mới chống tay ngồi dậy, cười giả lả:

" San đấy à? Nắng chói mắt quá tôi nhìn không ra."

Tôi biết ông nói trớ ra như vậy. Ông đã phải mất một thời gian để định thần rồi mới nhìn ra đứa con tám năm ông chưa thấy mặt. Tôi chỉ nhà tôi:

"Cậu có nhận ra ai đây không?"

Ông nheo mắt. Ngồi một hồi. Rồi cúi mặt không nói. Ông không nhận ra đứa con dâu đã mười tám năm xa ông. Lần trước tôi trở về không có nhà tôi, ông rất khỏe, còn đi được xe đạp loanh quanh. Ông bỏ không đi xe honda từ lúc nào, tôi không rõ. Nhìn thấy ông nằm bệnh, tôi như thấy một hình ảnh lạ. Tôi không nhớ ông có lúc nào bị bệnh không ngoài lần ông bị bệnh hoàng đảm từ ngày còn ở Hà Nội, khi tôi còn ở bậc Tiểu Học. Có lẽ trời cho ông một sức khỏe quá tốt, chẳng hề đau ốm, nên lần ông bị bệnh đó, tôi nhớ rất rõ. Ông ngồi trên chiếc ghế xếp bằng vải, da mặt vàng ệch, tròng trắng mắt cũng vàng như nghệ, bên cạnh ông là gói bánh mì khô biscotte trong giấy bóng kính. Cái cảnh ông ở nhà suốt ngày là một việc chưa bao giờ xảy ra. Trông ông khó chịu như một người tù. Thương ông, tôi không biết tỏ lòng ra sao ngoài việc lê la trên sàn đá hoa bên cạnh ghế, lúc thì học bài, lúc thì mang đồ chơi ra chơi. Ông ngồi chăm chú đọc cuốn tạp chí Sélection du Reader's Digest, thỉnh thoảng giơ tay ra xoa đầu tôi.

Tôi cố giúp ông nhớ ra vợ tôi:

" Mẹ con Uyên đấy! Cậu nhớ ra không?"

Ông gật đầu. Nhìn vào ánh mắt ông, tôi biết cái gật đầu của ông không có ý nghĩa gì. Trí óc ông vẫn chưa về với ông. Ông hỏi loanh quanh:

"Anh đi máy bay về à?"

Tôi cười:

"Dạ! Đi máy bay chứ đâu có đi xe honda được!"

"Tôi bây giờ đi honda cũng không được nữa! Mà đi máy bay chắc cũng không được. Anh đi có lâu không?"

"Lâu lắm cậu ạ! Nguyên ngồi trên máy bay cũng phải mất cả ngày. Đó là không kể thời gian chờ đổi máy bay ở Nhật Bổn cũng mất thêm chục tiếng đồng hồ nữa."

"Anh có ở Nhật Bổn nữa à?"

"Vâng, nhưng chỉ ghé phi trường Tokyo thôi."

Ông gật đầu, mỉm cười.

" Lần trước anh đi Nhật Bổn có mua về cho tôi đôi giầy. Sao giầy họ làm đẹp và êm thế nhỉ? Đi sướng cả chân!"

Tôi không ngờ ông nhớ được chuyện xa xôi đến như vậy. Lần trước đó cũng cách đây cả ba mươi lăm năm, khi tôi có công tác phải sang Nhật. Đôi giầy đó ông rất thích. Hóa ra nó còn bám víu được vào ký ức của ông đến tận bây giờ!

"Hồi đó khi nó rách, tôi mang đi sửa đi sửa lại tới mấy lần. Mãi sau thì rách quá hết cách sửa mới phải vứt đi. Nếu nó còn tới bây giờ, tôi cũng chẳng đi được nữa. Già rồi! Còn đi đâu nữa mà giầy với dép!"

Tôi thấy nhói trong lòng. Cậu tôi đã chịu cái già. Tám năm trước, khi tôi về thăm nhà lần đầu, ông vẫn cứ liều mạng làm những việc mà người già không nên gắng làm. Ông không chịu nhận mình đã già, dù lúc đó tuổi ông đã tám mươi bốn. Có lần tôi đã phải lớn tiếng với ông:

"Cậu già thì phải nhận là già chứ! Khi sức khỏe không cho phép mình làm những việc quá sức thì cậu không nên làm, kẻo nguy hại."

Nghe tôi nói, ông xì một tiếng, nguây nguẩy quay đi. Tám năm của cái tuổi trên tám chục là thứ thời gian phản phúc. Cậu tôi đã xếp ve dưới sức nặng của nó.

"Chân tôi hồi này yếu lắm. Đi không được. Phải chống gậy."

Ông chỉ tay vào chiếc gậy dựng trong góc giường. Tôi cầm chiếc gậy chống thử.

"Con nhớ hồi trước Dung có gửi cho cậu chiếc gậy có bốn chân cơ mà. Sao cậu không dùng?"

Ông không nói gì. Bà chị tôi xen vào:

"Có đấy. Cậu còn cất trong kia kìa. Nói thế nào cậu cũng không chịu chống gậy đó. Cậu bảo là trông già!"

Bà chị tôi ôm miệng cười, tiếp:

"Cậu không chịu già đâu. Còn cái bàn chống

cậu Dung gửi về nữa. Nhất định không dùng là không. Đi bằng cái bàn chống đó vững chắc, tiện lợi biết bao, cậu Dung lại mua thứ tốt, đồ từ Mỹ gửi về, ai trông cũng thấy đẹp, vậy mà cậu cứ lắc đầu nguây nguẩy không đụng tới!"

Tôi biết tính cậu tôi. Ông khó khăn khi phải chấp nhận những thực tế không vừa ý. Tôi nói vào:

"Ở bên đó những người già đều cố gắng tập đi, chứ không chịu lệ thuộc vào con cháu. Con thấy họ khỏe mạnh, tự tin và yêu đời. Cậu nên cố gắng tập đi mỗi ngày."

Ông nói ngay:

" Nhưng mỗi lần đi vất vả lắm!"

Tôi tiến tới:

"Vì vậy mới phải tập!"

Buổi chiều, khi tôi đi phố về, thấy ông đang chống chiếc gậy bốn chân chậm chạp đi ở ngoài sân. Thấy tôi, ông cười khoe:

"Tôi đi được hai vòng rồi đấy!"

Tôi khuyến khích:

"Cậu cứ tập dần, mỗi ngày thêm một ít, cố gắng hết sức mình, khi nào mệt thì nghỉ, đừng ráng quá độ, chỉ ít lâu nữa là cậu đi được, chẳng cần ai đỡ cả."

Nhìn vợ tôi đứng bên cạnh, ông ngập ngừng nói như ân hận:

"Tôi nhận ra mẹ con Uyên rồi. Hồi này khác quá, béo ra nhiều, bây giờ tôi mới nhận ra!"

Vợ tôi cười:

"Vâng, con có đổi khác nên cậu không nhận ra. Cũng gần hai chục năm rồi còn gì nữa! Mấy đứa nhỏ bây giờ lớn cả rồi. Mai mốt chúng về thăm ông chắc ông chẳng nhận ra được đâu. Cậu có nhớ chúng con có mấy cháu không?"

Ông ngẩn người như đang lục lọi ký ức.

"Chịu! Lâu quá rồi còn gì nữa!"

Tôi cảm thấy xót xa. Bầy cháu ông thương đã lọt ra khỏi lòng ông. Chắc thế nào cũng phải thu xếp đưa chúng về thăm ông bà một lần.

"Tụi con có bốn cháu tất cả."

Ông vẫn ngẩn ngơ. Vợ tôi nhắc tên từng đứa. Cũng chẳng giúp gì được cho cái trí nhớ đã bị lấy cắp hết dữ kiện của ông. Nhà tôi quay sang tôi, nói nhỏ.

"Tội cậu quá!"

Buổi tối, nhà tôi bấm vai tôi, cười rúc rích.

"Em biết tại sao cậu thương anh rồi!"

Tôi nhíu mắt hỏi.

"Tại sao?"

Vẫn chưa hết nụ cười.

"Tại vì anh giống cậu như đúc!"

Tôi chợt nghĩ. Chắc tôi giống bố thật. Mấy năm trước, bà thím dâu sống ở Pháp đã lâu, có việc qua chỗ tôi tạm cư, trong một buổi họp mặt, đã tiến tới hỏi tôi. *Con ông Trưởng Hưng phải không?* Tôi ngớ người ra, bà tiếp. *Tôi là thím của cậu!* Tôi chào bà. *Sao thím nhận ra cháu?* Bà xuề xòa. *Trông giống bố như đúc thế này làm gì tôi không nhận ra!* Dễ chừng đã gần bốn chục năm bà chẳng hề thấy tôi.

Vợ tôi bồi thêm.

"Càng già càng giống!"

Tôi giỡn.

"Anh mà già à?"

"Đấy, thấy không! Không chịu già. Giống bố như hệt. Tri thiên mệnh rồi đấy ông ơi!"

Tôi lặng thinh chẳng nói được gì. Như bị nàng bắt được chân cẳng. Vợ tôi xoa tóc tôi.

"Muối nhiều hơn tiêu rồi đấy ông!"

Tôi chống chế.

"Tóc gin đấy! Nhuộm vào thì lại thanh niên như ai ngay!"

Nhà tôi tố thêm.

"Đừng có mộng trò phồn vinh giả tạo! Mà này, từ nay anh làm ơn tập thể dục thường xuyên dùm em nhé. Lười như anh sợ còn chống gậy trước cậu ấy chứ! Vậy mà còn bày đặt khuyên cậu chịu khó tập! Không biết mắc cở!"

Tôi nhắm mắt dỗ giấc ngủ. Người tôi lơ mơ trong những suy nghĩ không đâu. Một mai, khi tôi già như cậu tôi, tôi sẽ ra sao? Trong đầu tôi lướt qua những thăng trầm của cuộc đời. Thế hệ tôi sinh ra trong nhiễu nhương của đất nước. Sống nhiều hơn, gian truân cũng nhiều hơn. Có nhiều ông bạn cho rằng lứa tuổi chúng tôi được sinh ra trong lúc vận nước bấp bênh đầy kịch tính nên cuộc sống phong phú hơn những thế hệ trước và sau. Ba lần chuyển đổi cuộc sống vì những thay đổi chính trị của đất mẹ đã làm chúng tôi sớm trưởng thành hơn. Với hồi cư, di cư, di tản, chúng tôi đã phải gieo mình vào những tình huống bất ưng. Chúng tôi tồn tại bằng những thương đau liên tiếp đổ xuống đầu và bằng những cố gắng ngoi lên trong những hoàn cảnh ngặt nghèo. Chúng tôi đã phải già trước tuổi!

Quãng đường phải tới, không ai tránh được, tôi đang bước vào. Cậu tôi hầu như sắp nuốt xong đoạn đường khó chịu đó. Thú câu cá, cậu tôi đã bỏ ngay từ ngày di cư vào Nam. Ông chỉ câu ao, và chuyên trị loại cá giếc, những thứ trong Nam không có. Thú coi đá banh bây giờ vẫn còn bám riết lấy ông. Ông anh rể tôi, người

luôn ngồi trước máy truyền hình với ông, lắc đầu.

"Cậu vẫn còn mê coi đá banh lắm, nhưng chỉ coi ban ngày thôi. Ngày trước, những lần truyền hình trực tiếp những trận quốc tế vào ban đêm, chẳng bao giờ cậu bỏ. Bây giờ thì chịu, tối nào cậu cũng phải đi ngủ sớm."

Ông vẫn chăm chú vào màn hình, bỏ ngoài tai câu chuyện của chúng tôi nói về ông. Những chân cẳng trong màn hình hút tất cả sự chú ý của ông. Tôi hỏi.

"Hồi này cậu còn đọc báo đọc sách không?"

Theo dõi tin tức thời sự, đọc truyện chưởng là những món nghiện ngập của cậu tôi. Tôi còn nhớ khi mới di cư vào Nam, cậu tôi muốn mua một chiếc máy thu thanh nhưng mợ tôi không bằng lòng. Cuộc sống mới còn nhiều thử thách trước mặt làm bà phải chắt chiu từng đồng bạc. Trong bữa cơm, cậu tôi nói là nếu mua máy thu thanh thì khỏi phải mua báo mỗi ngày, đỡ tốn kém. Mấy đứa chúng tôi đứa nào cũng muốn có máy để nghe nhạc nói thêm vào. Mợ tôi đành chịu. Ngày cha con tôi đi mua máy thu thanh là một ngày hội. Mang được chiếc máy kềnh càng chạy bằng đèn về, chúng tôi xúm vào nghe suốt ngày. Cậu tôi quả có bỏ mua báo, nhưng chẳng được bao lâu. Những truyện chưởng hấp dẫn nơi trang trong của tờ báo hàng ngày khiến ông lẳng lặng tiếp tục mua báo. Tôi không nhớ ông có bị mợ tôi cằn nhằn không.

Ông vẫn dán mắt vào màn ảnh nhỏ như không nghe thấy câu hỏi của tôi. Anh rể tôi nhắc tôi.

"Cậu phải nói lớn ông mới nghe thấy. Hồi này tai ông nghễnh ngãng nhiều rồi."

Tôi hỏi lớn, cậu tôi quay lại như muốn hỏi. Tôi nhắc lại câu hỏi một lần nữa. Cậu tôi lắc đầu. Không hiểu cái lắc đầu của ông có nghĩa là ông đang trả lời câu hỏi hay không nghe được câu hỏi.

"Bây giờ nặng tai lắm. Nhiều khi nghe không rõ. Anh nói gì vậy?"

Tôi hỏi lại. Lần này ông nghe được.

"Cũng muốn đọc lắm nhưng đọc câu sau lại quên câu trước. Nhiều khi đọc mà chẳng hiểu gì cả. Nghe thì dễ chịu hơn, nhưng phải mở lớn mới nghe được."

Tôi sực nhớ lại dáng vẻ vồ vập của ông khi thấy hộp que ngoáy tai tôi mang về. Ông dành ngay lấy. *Thứ này tốt đây này! Ở bên này không có. Để cho tôi!* Ông tưởng rằng những chiếc que nhựa đầu bịt bông gòn này sẽ mang lại được phép lạ cho ông.

"Chắc cậu phải cần một chiếc máy nghe."

Ông nhổm người lên.

"Máy nghe à? Có thứ máy đó nữa sao?"

Tôi gật đầu.

"Để khi về, con sẽ tìm mua cho cậu một chiếc."

Mặt ông tươi tỉnh. Ông như tìm thấy vật cứu mạng.

"Nghe rõ như người thường được thì sướng lắm nhỉ?"

Tôi trấn an ông.

"Về tới nơi con sẽ tìm mua ngay và gửi bưu điện liền cho cậu."

Chiếc máy nghe đã luôn luôn nằm trong đầu ông. Chuyến bay trở về của tôi cất cánh vào đúng giờ giao thừa của năm mới dương lịch. Khi tôi rời nhà lên phi trường, ông đã lên giường ngủ. Tôi không muốn đánh thức ông dậy. Ngày hôm trước tôi đã cho ông biết chỉ còn một ngày nữa là vợ chồng tôi sẽ lại phải xa ông. Mặt ông buồn hẳn. Suốt ngày ông lặng câm đưa mắt nhìn mỗi khi vợ chồng tôi đi ngang qua ông. Ông anh rể tôi như không đành lòng.

"Ông đi nằm chứ chưa ngủ đâu. Để tôi đánh thức ông dậy. Biết bao giờ cậu mợ mới về thăm ông lại được nữa!"

Anh rể tôi kêu ông dậy. Ông giật mình ngơ ngác như chưa rời khỏi giấc ngủ. Vợ chồng tôi chào ông. Ông nắm lấy tay tôi nghẹn ngào. Tôi tưởng ông không nói được gì nữa. Nhưng ông lại dặn tôi.

"Nhớ gửi cho cậu chiếc máy nghe nghe!"

Về tới nhà, tôi hỏi thăm ngay mấy ông bạn bác sĩ về chiếc máy nghe. Ông nào cũng bảo phải khám tai rồi mới mua được. Làm sao mà khám? Tôi nhờ mấy ông tìm cách mua dùm tôi. Cứ thứ tốt mà mua.

Chỉ chừng hơn tuần lễ sau, tiếng điện thoại trong đêm vang lên. Tôi lớ quớ mở mắt bắt máy. Chị tôi tin cho tôi biết là cậu tôi đã qua đời. Tiếng chị tôi lùng bùng trong tai. *Có lẽ ông chỉ chờ gặp cậu rồi ra đi. Từ khi cậu mợ đi, sức khỏe ông tồi tệ dần. Tối qua ông ngủ rồi đi luôn!*

Khi ông bạn bác sĩ điện thoại cho tôi báo tin đã mua được máy, tôi thẫn thờ trả lời.

"Cám ơn toa nhưng chắc moa không cần tới nữa đâu. Muộn rồi!"

Chắc bạn tôi không hiểu tôi nói gì. Nhưng trong đầu tôi như có tiếng vang dội lại không ngừng. Muộn rồi! Muộn rồi...

07/2006

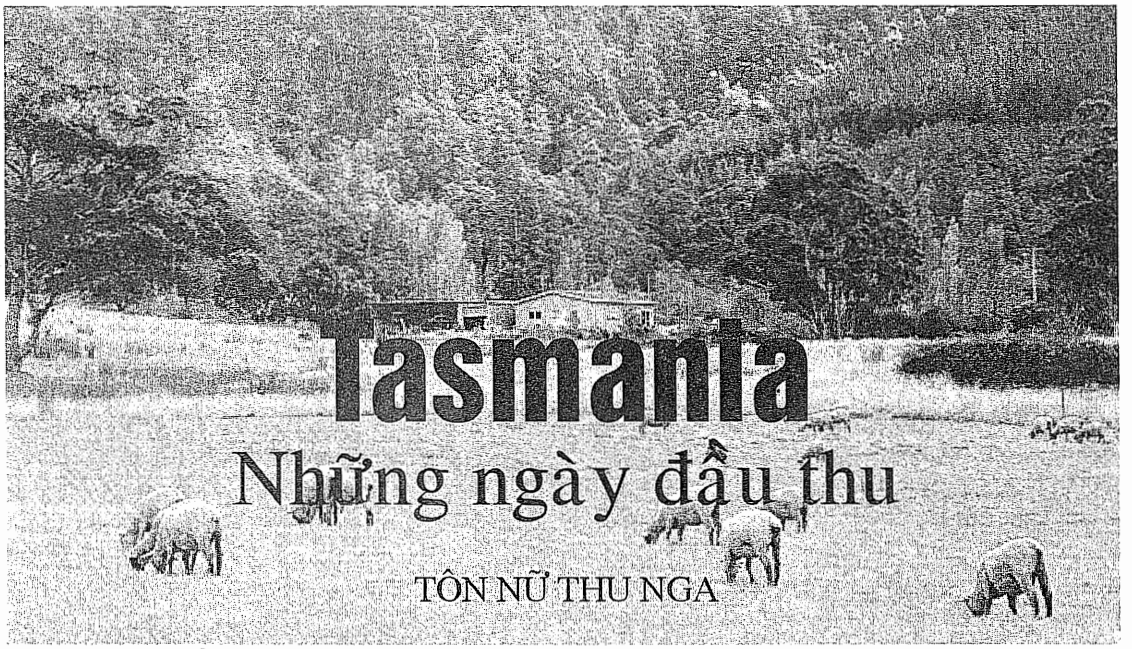

Tasmania
Những ngày đầu thu

TÔN NỮ THU NGA

Tasmania Scenery (Ảnh Tôn Nữ Thu Nga)

Chiều chủ nhật, trời thành phố Hobart âm u buồn, cây lá mới chớm màu thu. Đứng sau cửa sổ phòng ngủ tầng lầu thứ chín, tôi nhìn những mái nhà đủ màu và những ngọn tháp chuông nhà thờ cổ kính san sát bên nhau. Xa xa, biển màu xám bạc nhạt nhòa trong tia sáng mặt trời chiều. Hobart là thủ phủ của đảo Tasmania, một tiểu bang của Australia và còn là thành phố cổ thứ nhì của quốc gia này sau Sydney.

Xuống phố đi tìm chỗ ăn tối. Mùa hè vừa hết, du khách không nhiều, chiều chủ nhật buồn gợi nhớ bài ca "Lời buồn thánh," phố xá đìu hiu, lác đác vài bộ hành, tiệm đóng cửa gần hết; ngang qua tiệm pizza, chú bé giữ quầy ngồi ngáp vặt. Đường Macquarie đổ dốc thoai thoải ra vịnh, quẹo theo đường Murray ra Sullivan Cove. Đây là khu du lịch chính nên các tiệm ăn còn mở cửa đến khuya. Tại Salamanca, công viên cây cỏ xanh, băng ghế rải rác, đèn giăng lấp lánh trên các ngọn cây nên chúng tôi đi bộ qua hướng ấy. Quanh công viên, các nhà hàng sang trọng, ghế bày ngoài đường. Đang tần ngần chọn tiệm, bỗng dưng tôi thoáng thấy được hàng chữ Vietnamese Kitchen, mừng quá tôi kéo anh Tuấn đi về hướng đó vì biết anh thích đồ ăn Việt. Hai đứa dắt nhau vào tiệm, chủ nhà hàng tưởng chúng tôi là khách ngoại quốc, nên chào bằng tiếng Úc. Hay thật, không ngờ mình hiểu được tiếng Úc!(người Úc nói tiếng Anh khó nghe lắm, nhất là người đồng quê). Mở miệng nói tiếng Việt thì thấy nụ cười cô bán hàng tươi thêm một chút. Không biết vì được gặp đồng hương hay sao mà anh Tuấn được chị chủ quán xào cho một đĩa rau quả tươi, trang điểm bằng những con tôm ngon lành. Trong lúc ăn tôi thấy có năm cô cậu người Việt vào quán, họ là các sinh viên Việt Nam qua du học tại đại học Hobart. Thấy họ gọi phở, tôi cũng đòi ăn thử, chị chủ quán cho biết trước là phở ở đây không có đủ rau như bên đất liền nhưng vì thèm mùi phở, tôi cũng chấp nhận. Cô gái bán hàng bưng ra cho tôi một tô phở tái, mùi vị đậm đà, thịt mềm và tươi chỉ thiếu lá quế. Đi du lịch nhiều, chúng tôi rất dễ chịu trong vấn đề ăn uống, tuy nhiên đến xứ nào chúng tôi cũng hay tìm phở, vừa như một trò chơi thích thú, vừa để ăn cho đỡ nhớ mùi vị quê hương. Ăn xong, chị Oanh, chủ quán đến ngồi nói chuyện với chúng tôi, lúc ấy tôi mới biết được chị quen người bạn rất thân của Tuấn đang sống ở Melbourne là anh Nguyễn Ký Thành. Chị Oanh mời chúng tôi đến nhà ở nhưng vì thời gian rất eo hẹp nên chúng tôi rất tiếc không được gặp lại chị sau bữa ăn tối hôm ấy.

Sáng thứ hai, Tuấn và tôi mướn xe đi chụp ảnh Tasmania. Lần đầu tiên lái xe bên trái nhưng anh Tuấn lái thật vững, tôi chỉ cần nhắc nhở anh chút xíu khi chạy trong thành phố, ra đến xa lộ thì giống như xa lộ Mỹ. Thỉnh thoảng, anh cần làm dấu quẹo phải hay trái thì cái quạt nước lại

quay lên làm tôi cười nắc nẻ (vì hai bộ phận này ngược lại với các xe bên Mỹ).

Theo hướng Lyell Hwy, chúng tôi lên New Norfolk để viếng Mount Field National Park. Đây là một công viên quốc gia xưa và đẹp, phong thủy hữu tình tạo ra do băng hà hàng triệu năm trước. Đường về đây, băng qua nhiều làng mạc thơ mộng, đồng cỏ và thung lũng. Từng đàn cừu ăn cỏ trên cánh đồng vàng, dưới các hàng cây cao vút, lá trở màu thu. Xa xa rặng núi tím in trên bầu trời xanh bềnh bồng mây trắng. Những căn nhà đầy hoa thược dược đủ màu trong sân, làm tôi ngẩn ngơ thèm muốn được dừng lại ngắm cho thỏa lòng. Đến cả cái nghĩa địa nho nhỏ trước nhà thờ xưa cũng đẹp, Tuấn ngừng lại để tôi chụp hình. Thời tiết tại đây rất bất thường, khi mưa rào rào lành lạnh như mùa đông, đi một lúc thì nắng rực rỡ, qua một chút nữa thì dìu dịu man mát mùa thu. Tại Mount Field, nắng nhẹ hanh hanh, chúng tôi vác ba lô và chân ba càng đi vào rừng. Nói là vào rừng nhưng đường đi rất tốt và bằng phẳng, người tàn tật ngồi xe lăn cũng có thể vào được. Các vị trí ngắm cảnh chỉ cần đi bộ chừng năm đến 20 phút. Dọc đường, cây dương xỉ cao lớn lá che trên đầu; các cành thông lớn che phủ bởi rêu xanh và tơ hồng; loại cây khuynh diệp cao nhất thế giới có thể tìm thấy tại đây. Con rạch chảy róc rách qua kẽ đá, dưới các cành dương xỉ và thân cây mục. Cái ao nhỏ phản chiếu hình ảnh vạn vật xanh, tối, huyền bí. Thác nước Russell, một trong những danh lam thắng cảnh nổi tiếng nhất của Tasmania, chảy dạt dào trên những tầng đá đen. Chung quanh thác cây xanh vươn ngọn tìm ánh sáng, giữa suối, những cây non mảnh mai, xanh tươi mọc trên các mô đá đen. Ngắm suối và chụp ảnh một hồi lâu mà tôi vẫn luyến tiếc không muốn rời. Dùng dằng cất bước,tôi buộc phải ra đi vì địa điểm sắp tới là Cradle mountain còn xa lắc và chúng tôi muốn đến đó trước khi trời tối để tìm chỗ ngủ.

Ra khỏi Mount Field, nhập vào lại A10 hướng tây bắc, đường rất tốt, ít xe cộ. Hai bên xa lộ, đồng cỏ mênh mang mọc rải rác nhiều cây khô hình thù kỳ lạ, vươn cành trơ trụi lên trời xanh, xa nữa là rừng thông chạy dài tới tận rặng núi. Anh Tuấn vừa lái xe vừa ngắm cảnh, tôi thì được ngủ những giấc ngắn ngắn.

Đường A10 hoặc còn gọi là Lyell Hwy chạy từ phía đông Tasmania (phố Hobart - bên bờ Tasman Sea), qua phía tây của Tasmania (phố Strahan- bên Southern Ocean). Dừng lại Derwent Bridge, thăm hồ St. Clair nằm về phía Nam của Cradle Mountain - Lake St. Clair National Park. Đây là một vị trí tốt khởi điểm cho các chuyến đi rừng, leo núi, cắm trại bên hồ, chèo thuyền, đi du thuyền hoặc chỉ đi bộ ngắm cảnh bên hồ cho những kẻ không có nhiều thì giờ như chúng tôi. Nước hồ trong vắt mát lạnh, con đường mòn quanh hồ im mát dưới bóng thông xanh, tôi đứng ngắm và chụp ảnh các đóa hoa thông vàng, hình thù như cái bàn chải rửa chai lọ. Những chú chim trên cành hót líu lo, ánh nắng vàng lốm đốm trên đường, trên mặt. Tôi hát bài "Nắng thủy tinh" thật to, Tuấn suỵt suỵt:"Ê, hát dở quá, mấy người cắm trại dọn lều về hết rồi kìa!"

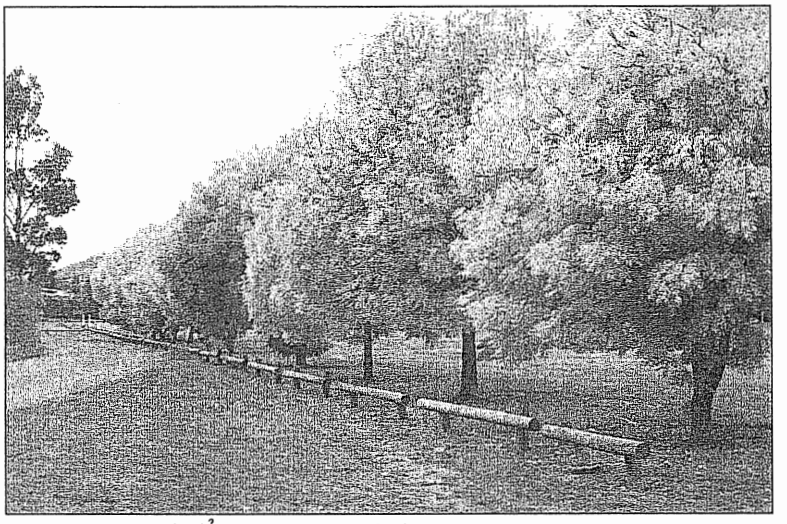

Mùa Thu Tasmania (Ảnh Tôn Nữ Thu Nga)

Chạy tiếp Lyell Hwy, chúng tôi băng ngang giữa hai National Parks, phía nam là Franklin - Gordon Wild Rivers, phía bắc là Cradle mountain - Lake St. Clair. Dân xứ Úc dài hơi quá, tên Park nào cũng dài lòng thòng. Xe băng qua rừng thông trùng điệp xanh ngút ngàn, chỗ nắng chói chang, chỗ tối tăm bóng mát, Tuấn phải bỏ kính râm ra mới lái xe được. Thấy có bảng chỉ đến thác Nelson, anh quẹo vào sân đậu xe, ngay bên xa lộ. Xuống xe, nhìn trời nhìn đất một chút, lòng hơi ngần ngại vì mặt trời đã xuống thấp, bóng chiều nhạt nhòa và không khí hơi mát lạnh. Sợ

anh đổi ý, tôi vác máy vội vàng chạy vào con đường dẫn ra suối. Bảng chỉ dẫn cho biết đi mười lăm phút thì tới suối, con đường rất tốt, lắp bằng các mảnh ván ngang, bên trên che một lớp lưới kẽm để phòng sự trơn trượt, vì đây là khu rừng mưa nhiệt đới, luôn luôn ẩm ướt rêu phong. Rừng cây tối tăm, lâu lâu có khoảng sáng giữa các cành cây thưa, vừa đi vừa run trong bụng vì không có ai ngoài hai đứa chúng tôi cả. Anh Tuấn cứ nài nỉ tôi trở ra và tôi cứ giả bộ điếc đi thoăn thoắt, không ngó quanh quẩn chi cả. Thấy vợ mình lì quá và chắc cũng thương hại cho cái tánh mê chụp ảnh của mụ vợ cứng đầu nên anh lật đật chạy theo càu nhàu: "Đi chậm lại không thôi đau chân thêm bây giờ, đi chầm chậm thôi." Tôi vốn bị đau đầu gối, đi đâu cũng chậm chạp, chỉ đi nhanh khi muốn chụp ảnh, đó là một đề tài để anh chọc ghẹo tôi mãi.

Russell Falls Nga Ton

Chỉ mười lăm phút mà sao lâu quá chừng, vừa đi tôi vừa lắng tai nghe các tiếng động trong rừng, có con thú vật nào nhảy ra thì chắc đứng tim mà chết. Sợ bị anh Tuấn bắt đi ra, tôi nói láo: "Nghe tiếng nước chảy rồi, chắc còn vài phút nữa." Anh chau mày, lắng nghe và bảo: "Xa lắm, thôi đi ra đi."- "Không xa đâu, quẹo qua đây là thấy liền." May phước cho tôi, lúc này tiếng nước chảy ào ào vang vọng trong khu rừng vắng, sau khúc quanh, thác Nelson hùng vĩ hiện ra. Nước từ trên đầu thác tỏa từng nhánh nhỏ, mong manh như nếp khăn voan, trên mái tóc đen xõa vai nàng thiếu nữ. Nền đá đen điểm trang những nhánh cỏ xanh mướt giữa muôn dòng nước trắng. Vội vã chụp vài tấm ảnh, chờ anh Tuấn dùng xong chân máy, tôi mượn chân, điều chỉnh tốc độ thật chậm, khẩu độ thật nhỏ để lấy được chi tiết và làm dòng nước chảy mướt như lụa. Bấm vài tấm hình nghệ thuật xong, cất cái máy lớn, lôi cái máy nhỏ trong túi quần ra, nhờ anh Tuấn chớp cho cái hình kỷ niệm, cười mím chi cọp, che đầu bằng cái lá dương xỉ lớn. Tôi chụp hình anh Tuấn vác bị gậy, đi như con gấu trong rừng tối om rồi ba chân bốn cẳng chạy ra xe tiếp nối cuộc du hành.

Chương trình của tôi là ngủ đêm tại Cradle Mountain không còn thực hiện được vì mặt trời đã xuống quá thấp, chúng tôi đổi hướng qua Strahan. Tôi còn có thêm một hy vọng là nếu đến Strahan lúc mặt trời lặn, tôi sẽ có một cơ hội mới để chụp ảnh.

Vì thế, trong lúc Tuấn lái xe từ thác Nelson qua Queenstown, tôi cứ nhìn mặt trời, cầu khẩn cho nó xuống chầm chậm một chút để tôi được chụp ảnh hoàng hôn. Xe chạy mãi qua con đường núi nhỏ, đến Strahan thì trời tối mịt. Chạy quanh phố mấy vòng kiếm khách sạn, chỗ nào cũng hết phòng, lòng tôi bắt đầu lo lắng. Ngủ trong xe không có gì để tôi ngại ngần hãi sợ cả, tôi chỉ sợ là mình không thể nào ngủ được mà phải thức để lắng nghe những lời than phiền, cằn nhằn của ông xã suốt đêm thì chắc là phải nhảy xuống biển tự vận mất. Tuy nhiên, trời không phụ lòng những người mê nhiếp ảnh, chỉ mười lăm phút sau, tôi được vào một căn phòng tuyệt đẹp, trong một căn nhà kiểu Victorian trắng, ngay trước biển, dĩ nhiên là phải ngậm ngùi móc hầu bao ra một số tiền lớn hơn mức dự trù. Bước vào phòng, chúng tôi quên ngay mọi chuyện vì căn phòng quá đẹp và sang, tấm khăn trải giường lụa xanh vừa êm vừa mát, phòng tắm rộng thênh thang lót đá cẩm thạch, vòi nước nạm vàng, đủ loại xà bong trong các bình cá nhân xinh xắn. Giờ này, bụng đã cồn cào, chúng tôi đi bộ ra cầu tàu ăn tối. Gió biển lạnh tê tái, bụng vừa đói nên càng run hơn. Chọn tiệm ăn hấp dẫn nhất, chúng tôi vào ăn sản phẩm biển của Tasmania. Nhìn đĩa thức ăn khổng lồ người hầu bàn vừa dọn ra, chúng tôi nhìn nhau cười, biết rằng là khi ăn xong thế nào cũng chết vì bệnh thương thực. Quả thật, ráng ăn thật nhiều mà cũng chỉ hết nữa dĩa. Về lại phòng, dù đã khuya, mà vẫn tiếc là phải đi ngủ, tôi ráng chong đèn đọc sách, cho đến lúc bị rầy mới hậm hực tắt đèn.

Buổi sáng đến thật nhanh sau một đêm ngon giấc, Tuấn vén rèm nhìn ra biển, anh kêu lên:

-Ngoài kia sương đẹp quá, anh phải đi chụp ảnh!

Biết tánh tôi thích ngủ nên anh không thèm rủ tôi đi. Anh lục đục sửa soạn máy và mặc quần áo thật nhanh, không đầy năm phút đã chạy mất. Nhiếp ảnh gia nào cũng vậy, khi thấy bình minh, hoàng hôn, sương dâng, mây phủ... họ phải chụp lấy ngay cơ hội đặc biệt để có những tấm ảnh đẹp. Những khoảng thời gian ấy thường trôi qua thật mau. Khi anh đi rồi, tôi cũng không ngủ được nữa, lòng ấm ức, vừa muốn trùm mền lại, vừa muốn dậy đi theo. Lê tấm thân lười ra vén màn cửa nhìn một thoáng cho đỡ buồn, tôi vội vã quay vào phòng tắm, năm phút sau tôi cũng đã ở ngoài sân. Chân giẫm trên bờ cỏ lóng lánh sương mai, tai và mũi tê cóng vì lạnh. Nâng cái máy ảnh lên, tôi mê mẩn chụp những tấm ảnh sương mù bay trên vịnh Macquarie, vương vấn trên những con thuyền nằm im trên nước, những con chim soãi cánh bay trong sương sớm, những cầu tàu nhỏ vắng lặng, buồn hiu và cánh hoa hồng mới nở điểm sương long lanh trên nụ hàm tiếu. Con đường ven biển vòng quanh ngọn đồi vắng vẻ, mấy con vịt bơi chậm chậm bên nhau gần bờ, màu sương mờ nhạt.

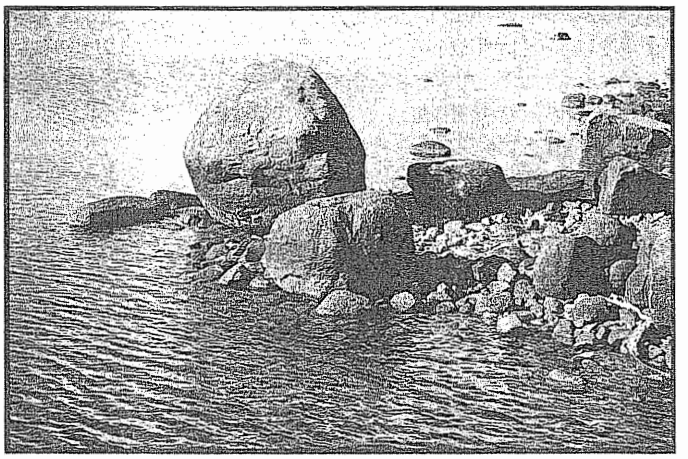

Lake St. Clair, Tasmania — *Tôn Nữ Thu Nga*

Khi nắng lên cao, tôi trở về phòng, thu xếp hành lý lên đường, lòng tự hỏi không biết đi bao nhiêu năm tháng nữa mình mới thỏa mộng giang hồ?

Theo đường B27 qua A10 rồi đến C132, đường chạy hai chiều, qua các làng mạc nhỏ, đồng cỏ vàng ngút ngàn lác đác cây khô, cành trắng bạc trơ trụi, vươn cao như muốn níu lại những cụm mây trắng bồng bềnh trên trời xanh. Đường C132 dẫn vào Cradle Valley, phần chính của công viên quốc gia- Cradle Mountain National Park - Tại trung tâm hướng dẫn du khách, chúng tôi mua vé vào thăm công viên- Vừa mới bước ra cửa thì thấy con đường dẫn xuống Pencil Pine Falls, chỉ cần đi bộ vài phút, chúng tôi đã thấy thác nước dưới thấp, ba dòng trắng ào ào đổ xuống vực sâu. Các du khách bấm máy ảnh tới tấp bằng "point and shoot." Chúng tôi từ từ lựa vị trí tốt, xòe chân ba càng bấm vài tấm hình cho đỡ ghiền. Vì biết rằng lúc này ánh nắng quá gay gắt, độ tương phản quá nhiều, quanh thác cây cỏ hơi khô héo xác xơ, rêu úa vàng buồn bã, hình sẽ không đẹp mấy!

Con đường nhỏ dẫn vào "Dove Lake," ngoằn ngoèo với các khúc quanh rất ngặt chừng 8.5km. Vừa bước ra khỏi xe, tôi đã thấy một cõi mênh mông xanh biếc của nước và trời. Phía bên kia bờ hồ, núi Cradle với hai đỉnh đá lởm chởm màu xám tím vươn mình trên bầu trời xanh trong vắt không một bóng mây. Vác đồ nghề trên lưng, chúng tôi men theo con đường mòn đi xuống mé nước. Quanh hồ có nhiều tảng đá, tôi muốn kiếm một chỗ bằng phẳng có thể bày thức ăn và phụ tùng máy ảnh. Vừa ngó dáo dác tìm chỗ nghỉ, một ông cụ du khách gọi tôi:

"Ngồi chỗ này nè, có người chụp ảnh vừa mới nói cho tôi biết vị trí này chụp hình rất lý tưởng."

Tôi cám ơn ông cụ khi thấy ông đứng dậy nhường chỗ cho chúng tôi. Ông ấy thật tử tế, thấy tôi vác chân ba càng, nhận ra ngay chúng tôi là dân mê chụp ảnh.

Quả thật, đây là một vị trí rất tốt, núi Cradle phản chiếu toàn diện trong hồ. Những tảng đá trong nước soi rõ nét vì gió lặng. Chỉ tiếc trời không có chút mây nào cả.

Vừa ăn vặt, vừa chụp ảnh lai rai, tôi chờ cho các đám mây trắng sau núi bay lên cao... nhưng "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên." Lần này trời chẳng chìu người, chờ cả giờ, mây bị gió thổi bay hướng khác, mặt nước sóng nổi lăn tăn, núi không còn phản chiếu nữa. Tôi cũng đành móc túi lấy ra cái máy nhỏ "point and shoot" nhờ du khách chụp cho chúng tôi vài tấm hình kỷ niệm.

Tìm về phía Tây Bắc thăm Devonport. Thành phố biển hiền hòa, sạch sẽ, đường rộng rãi chạy xe thoải mái. Chúng tôi ra bờ biển, thấy tàu du

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

một ngày như mọi ngày

tôi mỗi ngày nhìn hàng vạn tấn bom
đổ lên đầu những người dân vô tội
ở Beirut, ở Qana
những trẻ em ánh mắt ngỡ ngàng
tay, chân bạn bè rải rác
máu không kịp chảy
đã cháy thành than

đàn máy bay tự do bay lượn
như một bầy diều hâu
những sáng tạo văn minh nhân loại
mỗi ngày một tiến bộ
giết người

tôi mỗi ngày đọc báo hàng ngày
ở Baghdad, ở Kabul
trưng bầy những khuôn mặt trẻ
trắng,vàng, đen, đỏ
dò dẫm trên những bức tường loang lổ
máu người

có bao trẻ em trông đợi ở nhà
có bao nhiêu người vợ trẻ mong chờ
một vòng tay ôm không bao giờ đến
một nụ hôn trên đôi môi giá lạnh
phủ quốc kỳ

tôi mỗi ngày xem màn ảnh TV
thấy quảng cáo Viagra
những thân hình tuyệt mỹ đàn bà
những môi son, má phấn
những phương cách làm tiền
cuối cùng ai cũng phải lo phận mình
cho cơm ăn áo mặc
cho trẻ em có quần áo đẹp
các đồ chơi tân kỳ
cho những nợ nần suốt đời không kịp trả
cho nhu cầu cuả thế giới văn minh

tôi ngồi giữa cái nắng mùa hè
đốt cháy bao rừng bao ruộng
ở Bắc Cực băng bắt đầu tan rã
như lệ mắt địa cầu

ngày mai tôi giật mình theo đồng hồ báo thức
làm vệ sinh cá nhân
vội vã áo quần
lái xe vào giòng đời đang chẩy

tôi đã trở thành một người
vô vàn gánh nặng
ngẩn ngơ tự hỏi
ngày mai biết sống ra sao

người ta giết nhau ở mãi đâu đâu
cớ sao tôi một mình,
ngồi khóc

06 tháng tám 2006

lịch Spirit of Tasmania hai màu trắng và đỏ đang cập bến. Theo đường biển ngắm các tòa nhà kiểu Victorian màu sắc xinh xắn trên đường Victoria, và lên thăm ngọn Hải Đăng tại Mersey Bluff. Ngắm biển chút xíu đã thấy đói bụng, chúng tôi về lại phố, kiếm thức ăn nhanh để có thêm giờ xuống Launceston.

Launceston là thành phố kỹ nghệ tại phía bắc của Tasmania. Ngay giao điểm của ba dòng sông North Esk, South Esk và Tamar và cũng là thành phố rộng thứ hai sau Hobart. Thành phố này tạo dựng năm 1804, tên gọi theo một thành phố bên Anh Quốc, tại cửa sông Tamar; được di chuyển từ năm 1805 đến địa điểm hiện tại, trở thành một thành phố thương mại và du lịch chính của miền bắc Tasmania.

Quanh quẩn trong phố chính hồi lâu, vào buổi xế, ánh nắng chói lòa, khung cảnh phơi bày ra những nét tương phản, không thấy có gì thơ mộng, chỉ có nhà phố xe cộ và công xưởng. Chúng tôi quyết định đi ra khỏi thành phố, về vùng quê.

Hy vọng được hưởng một buổi chiều tĩnh lặng, u nhã tại làng quê, chúng tôi trở lên xa lộ, hướng phía nam trực chỉ. Băng qua các vườn trồng nho, những cánh đồng vàng rơm óng ả dưới nắng chiều có đàn cừu nhẩn nha gặm cỏ. Tại một cánh đồng rơm, ẩn sau hàng cây phong, người nông gia nghịch ngợm nào đó đã chồng chất các khối rơm

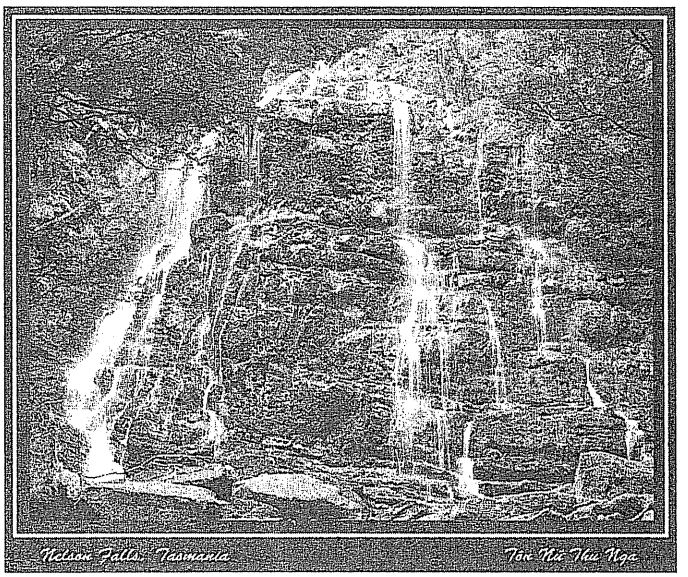

lên nhau để tạo dựng một kiến trúc gần giống như " Stone Henges" bên Anh Quốc. Tiếc thay xe chạy nhanh quá và thời giờ hơi gấp rút, tôi không thể dừng lại để chụp ảnh; và chưa chắc gì tôi kèo nài được ông tài xế khó tánh của mình ngừng xe lại bên lề xa lộ.

Đến Campbell Town, chúng tôi chạy xe chậm để tìm khách sạn. Campbell là một thành phố có nhiều kiến trúc lâu đời do phạm nhân xây. Bây giờ những tòa nhà này trở thành các di tích lịch sử và thường được dùng làm "bed and breakfast." Thấy một căn nhà khang trang xinh xắn, tôi muốn vào xem với mục đích ngủ lại đó. Trái lại với người bạn đời của tôi, anh chỉ muốn ngủ đêm tại những khách sạn mới xây, sáng sủa, sạch sẽ. Sau khi kèo nài và hứa với anh rằng tôi chỉ muốn xem phòng thôi rồi tùy anh quyết định, anh ngần ngừ lê bước theo tôi vào gõ cửa. Đây là một căn nhà gạch nâu ba tầng, các khung cửa sổ sơn màu xanh lá cây đậm, sau cửa kính các rèm cửa thêu trắng rất mỹ thuật. Ngay bên cạnh nhà, một dòng sông nhỏ che phủ bởi cây cối sầm uất, nước chảy rì rào. Gõ cửa một hồi lâu, tôi nghe có tiếng chân tiến về phía mình, sau mấy vòng khóa xoay lách cách, cánh cửa được kéo ra chầm chậm. Từ bàn tay nhăn nheo đồi mồi níu cái nắm cửa, tôi đưa mắt nhìn lên khuôn mặt mà thời gian đã ấn vào đó những luống cày vĩnh viễn. Tôi chào và giải thích cho chủ nhà rằng mình muốn xem phòng để quyết định về chỗ trú ngụ qua đêm. Ông mở cửa rộng hơn, ra hiệu cho chúng tôi bước vào. Biết rằng thế nào anh Tuấn cũng phản đối nên tôi không nói gì cả, chúng tôi đi theo sau tấm lưng còng và những bước chân nặng nề của ông lệt bệt trên sàn gỗ. Dùng một chìa khóa thật cũ xưa, ông mở cửa căn phòng ngủ. Trước mặt tôi là một căn phòng rất dễ thương và ấm cúng. Giường trắng dầy và êm, trong góc phòng là một bộ ghế bành vừa hai người ngồi, trên tường có những bức ảnh trắng đen, cảnh đồng quê. Anh Tuấn nắm tay tôi dẫn ra ngoài, biết ý, tôi ngỏ lời cám ơn người chủ nhà đã cho chúng tôi xem phòng. Ông lẳng lặng gật đầu và tiễn chúng tôi ra, đôi mắt xanh đục không nhìn vào mắt tôi nên tôi không biết ông nghĩ gì. Tôi bước ra khỏi nhà ông, man mác trầm tư bao điều luyến tiếc. Tôi tiếc rằng mình không được ở lại chốn này, để chia xẻ cùng ông một mảnh lịch sử. Tôi xót thương cho tuổi già và cảnh cô độc của ông, tôi xót thương cho căn nhà vắng khách vãng lai, tôi xót thương cho những hình bóng xưa còn lẩn khuất đâu đây trong các hành lang tối.

Đóng cửa xe xong, tôi nghe tiếng thở phào của anh Tuấn. Biết tôi hơi buồn anh nhìn tôi:

- Anh không cảm thấy thoải mái ở lại đây, anh sợ không ngủ được thì ngày mai bị mệt không lái xe nổi!

- OK!

Môi điểm nụ cười nhẹ, anh nhanh nhẩu lái xe chạy ra phố, vui vẻ ghé vào một khách sạn tiền chế. Vài phút sau, anh hân hoan cầm thẻ nhựa chìa khóa vừa nhận được, lái xe đưa tôi đến một dãy phòng, kiến trúc như những cái hộp vuông vức. Tôi mở cửa phòng ngủ, kéo hành lý vào, gieo mình xuống giường, nhìn quanh chốn tạm trú mới của mình. Sạch sẽ, giản dị, giống như Motel 6 của Mỹ. Tôi luôn luôn tự nhắn nhủ rằng: Tôi có thể chịu đựng và chia xẻ bất cứ điều gì trên con đường thiên lý với người bạn đường của mình, chỉ cần người ấy được vui là đủ rồi.

Chúng tôi khởi hành thật sớm, hy vọng có thêm giờ ngắm cảnh và về lại Hobart trước khi chiều xuống. Theo đường A4 về hướng đông chúng tôi đi qua các thành phố nhỏ như Avoca, Fingal và St. Marys; thỉnh thoảng ngừng xe vài phút để chụp ảnh những nhà thờ nho nhỏ nằm trơn trọi trên đồi, tháp chuông vươn lên trong bầu trời xanh thẳm. Cảnh trí yên lặng, hoang liêu đưa tâm trí tôi vơ vẩn tưởng tượng đến một thời quá khứ xa xăm nào đó, có những chiếc xe ngựa lộc cộc đi cùng một con đường với mình.

Đoạn đường từ Campbell đến St. Marys rất

tốt và bằng phẳng. Từ St. Marys ra bờ biển, đường đổ dốc ngoằn ngoèo như con rắn, hai bên núi thông mọc tươi mát, cao vòi vọi, có những khúc quanh hiểm nghèo, không thấy được các xe chạy ngược chiều nên Tuấn phải bấm còi làm dấu hiệu. Gần đến biển, tôi cảm thấy lòng nôn nao hẳn lên, nhấp nhổm trên ghế, ráng nhìn qua các thân cây màu biển xanh thấp thoáng, bãi cát vàng với những ngọn sóng bạc xô đuổi nhau. Dù xe đang chạy, tôi vẫn ráng chụp ảnh lai rai, dĩ nhiên là chẳng có tấm nào ra hồn cả. Từ ngày đổi qua máy digital thì bệnh ngứa tay của tôi thêm trầm trọng. Bấm máy càng nhiều và xóa ảnh cũng nhiều, mấy ngón tay chẳng được nghỉ ngơi gì cả. Nhập vào đường A3, xe chạy theo bờ biển Tasman phía trái và công viên quốc gia Douglas Apsley bên phải. Thấy đường vào công viên không xa (10km) chúng tôi quyết định vào thăm viếng. Xe chạy vào con đường đất nhỏ gồ ghề, chung quanh quang cảnh khô khan, thỉnh thoảng hiện ra vài mái nhà nho nhỏ, mấy con bò đen lặng lẽ gặm cỏ khô. Xe chạy mãi mà chẳng thấy dấu hiệu gì của công viên cả, Tuấn nản chí muốn quay ra vì thấy có vài chiếc xe cũng đã quay về đường cũ. Tôi năn nỉ anh đi thêm chút nữa, tôi không bao giờ sợ lạc đường cả, vì có khi nhờ đi lạc, tôi lại kiếm ra nhiều cảnh để chụp hơn là cứ chạy bon bon trên con đường chính. Chìu vợ, Tuấn ráng lái thêm vào con đường đầy ổ gà, ngồi trên nệm xe mà cứ tưởng mình đang cưỡi ngựa. Chỉ vài phút, tôi thấy sau đám cây có vài chiếc xe và các du khách cũng đang mang giày, chống gậy sửa soạn đi bộ vào núi. Dưới một cái chòi gỗ, tấm bản đồ lớn chưng sau kính chỉ đường đi bộ lên các nơi có cảnh đẹp. Vì thấy các đoạn đường này không dài lắm, chúng tôi vác chân máy đi tìm cảnh.

Theo con đường mòn nhỏ dưới bóng cây, tôi tản bộ vào rừng. Hai bên cây cối xanh tươi, tầm gửi giăng mắc như những tấm rèm cửa từ cành thông già khẳng khiu gầy guộc. Trên mặt đất, các cây dương xỉ bé bỏng và thông non mọc chi chít, các tia nắng xuyên qua cành thông cao, rọi lốm đốm xuống bầy cây nhỏ, ửng chiếu màu xanh lục nõn nà thắm tươi trong lòng rừng tối.

Từ vách núi cao, tôi nhìn cảnh bao la trải dài lên phương bắc, núi đồi cao thấp xanh biếc chập chùng, thung lũng cỏ vàng bát ngát. Thấy có hồ nước xanh biếc sâu thẳm phía dưới, tôi men theo đường dốc, thận trọng từng bước trèo xuống. Tuấn càu nhàu than phiền nhưng cũng đi theo, anh luôn miệng nhắc nhở tôi đi chậm lại. Vì anh biết là mỗi khi tôi thấy được cảnh đẹp thì... *tam tứ núi cũng trèo, thất bát giang cũng lội và cửu thập đèo cũng...* vác máy ra đi!

Xuống đến bờ hồ, tôi bước trên những tảng đá phơi mình trong dòng nước mát. Hồ lục thủy, phản chiếu màu sắc của núi bạc, trời xanh và rừng thẳm, mặt nước lặng yên như gương. Ngồi trên một tảng đá, tôi lắng nghe tiếng chim chí chóe chuyền cành, tiếng các con thú nhỏ sột soạt chạy trong bụi rậm, tiếng nước chảy róc rách qua ghềnh đá thấp. Tôi cảm thấy gió mơn man nhẹ trên tóc, trên da; nắng âm ấm chuyền cho tôi những sinh khí mới. Khi nghe tiếng anh Tuấn gọi, tôi vội vã chỉnh máy ảnh, chụp hình các tảng đá tròn trĩnh, hàng cây ven hồ phản chiếu trong nước, và những tấm ảnh kỷ niệm cho nhau.

Trở ra đường A3, sau bữa ăn trưa trên băng ghế công viên nhìn ra biển Bicheno, chúng tôi

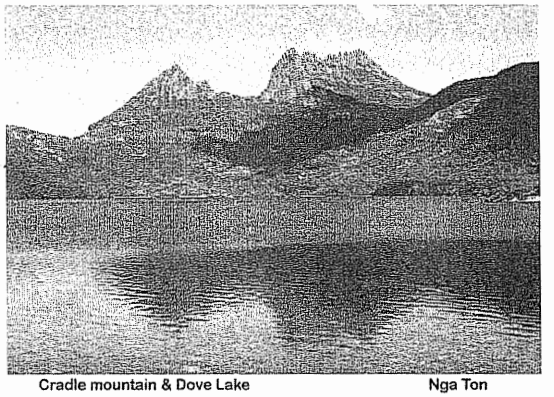

Cradle mountain & Dove Lake Nga Ton

trực chỉ ra Freycinet National Park.

Freycinet là một bán đảo lớn, có nhiều bãi biển đẹp, màu cát thay đổi tùy địa chất. Có bãi cát trắng tinh vì có nhiều silica, có bãi cát hồng/vàng vì có micas và quartz. Trên bờ biển Honeymoon Bay, những ghềnh đá hoa cương màu cam đỏ vì trong ấy trộn lẫn chất Iron Oxide và che phủ thêm bằng một loại rêu màu cam.

Đường C302 ra bán đảo tuy xa nhưng rất tốt, xe chạy nhanh cả trăm cây số giờ, gần 40km mới đến những bãi biển đẹp.

Ngừng lại một bãi biển vắng, bước trên con đường mòn nhỏ giữa hàng cây, Tuấn dừng lại nhìn ra biển; tôi đi sau, chụp tấm hình anh đứng một mình trong biển trời mênh mông, đóng khung giữa vòm cây, cành khô vương vấn đan vào nhau. Nắng vàng chan hòa trên Great Oyster Bay, nước trong veo, cạn và mát. Tôi cởi giày, chạy trong nước ra thật xa, đá nước tung tóe, lòng nhẹ thênh thang như cánh chim, vui như trẻ thơ ngày hội. Một giấc mộng nho nhỏ cưu mang trong tôi nay

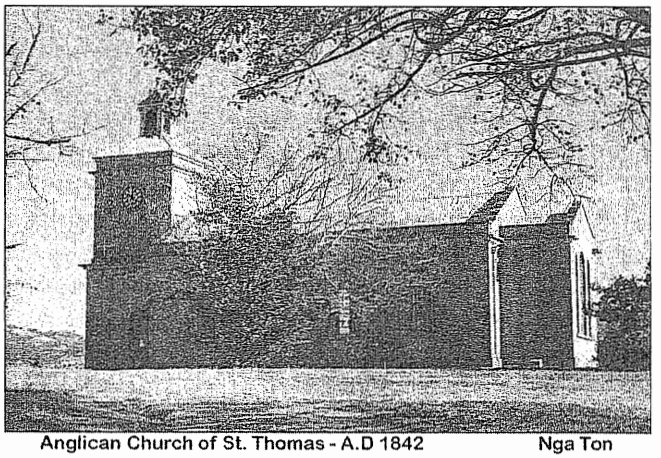

Anglican Church of St. Thomas - A.D 1842 Nga Ton

đã thành. Tôi đã đến, tôi đã giẫm chân trên cát trắng, nước xanh của biển Tasman, tôi đã nhặt những vỏ ốc xà cừ to như bàn tay mình, đẫm mình trong nắng thu mênh mang... tôi hết lòng cảm tạ Thượng đế đã ban cho mình một đời sống súc tích, may mắn và đầy hồng phúc.

Tại Honeymoon Bay, Tuấn chụp cho tôi mấy tấm ảnh trên ghềnh đá đỏ. Dưới vịnh, vỏ sò, ốc trắng xóa nằm đầy trên cát. Dù có thèm lội chơi như một đứa trẻ, tôi cũng phải nhịn để trở lên bờ. Tuấn chụp ảnh phong cảnh bằng máy Hasselblad, anh vác chân, trèo quanh các ghềnh đá săn hình. Anh ta làm cái gì cũng nhanh cả cho nên tôi cũng không cù cưa câu giờ thêm được.

Theo xa lộ A3 về lại miền nam Tasmania, Tuấn muốn đi thăm Port Arthur ngoài bán đảo Tasman. Bán đảo Tasman là một công viên quốc gia có nhiều cảnh đẹp và di tích lịch sử. Từ thành phố Sorell, đổi qua xa lộ A9, bán đảo này nối liền với Tasmania bằng một cây cầu, phía bắc là vịnh Blackman và phía nam là vịnh Norfolk. Port Arthur ở tận cuối bán đảo nhìn ra vịnh Maingon. Port Arthur thành lập năm 1830, mới đầu chỉ là một xưởng đốn rừng bán gỗ. Năm 1842, một nhà tù lớn được xây tại đây. Nhiều năm sau, các tù nhân không còn nữa vì họ trở thành những kẻ khai phá rừng, đốn cây và xây dựng... Dần dần, dân cư tụ tập, mở mang trường học, nhà thương, phố xá... Các kiến trúc ngày xưa được trở thành những di tích lịch sử của nước Úc. Quốc gia này trong quá khứ là một chốn lưu đày cho tội phạm từ Âu Châu, nhất là Anh Quốc. Nhờ những di tích lịch sử và bờ biển đẹp, Port Arthur trở thành một địa điểm du lịch khá nổi tiếng. Port Arthur còn được nhiều người biết thêm vì một thảm họa xảy ra vào ngày 28 tháng tư, năm 1996. Một người thanh niên giàu có tại Hobart đã nổi khùng, lái xe lên Port Arthur, dọc đường dùng súng giết người và sau đó vào trung tâm du lịch, bắn chết thêm rất nhiều người, kể cả những đứa trẻ. Tổng cộng 35 người bị thiệt mạng. Gồm có du khách và nhân viên làm việc ngay tại trung tâm. Vì thế, một trong những lời khuyên cho du khách là " Đừng nên hỏi thăm các nhân viên hướng dẫn du lịch tại Port Arthur về thảm họa này vì có nhiều người mất thân nhân và bạn bè, bây giờ họ chỉ muốn quên đi thảm họa ấy, không muốn được nhắc tới nữa."

Chiều đã xuống khi chúng tôi đến Port Arthur, từ trên đồi, chúng tôi nhìn bao quát các tòa nhà xưa ửng vàng trong nắng chiều. Xa xa, biển xanh thấp thoáng và các thuyền buồm trắng lướt sóng nhẹ nhàng. Quá khứ như những tiếng nhạc mong manh, chìm dần vào không gian tím.

Hoàng hôn xuống trên đường về Sorell. Mây đổi màu rực rỡ phản chiếu tơ vàng lóng lánh trên những lượn sóng, thấy tôi nhấp nhổm không yên, Tuấn cảm thấy tội nghiệp nên tìm chỗ vắng, ngưng xe cho tôi chụp ảnh. Không dám lạm dụng lòng tốt của tài xế, tôi ráng chụp ảnh thật nhanh, anh phụ tôi dàn chân ba càng vì thấy tôi hơi chậm chạp. Trời hơi tối, may nhờ có chân máy nên tôi có được vài tấm ảnh sắc nét. Xe đang chạy bỗng ngửi thấy mùi khói cháy rừng, ngoài vịnh Norfolk, một hòn đảo nhỏ đang bốc cháy, có thể vì cỏ khô sau mùa hạ. Tôi chụp được mấy tấm ảnh có lửa hồng và khói đen bốc lên từ đỉnh cao của đảo như hỏa diệm sơn, các ngọn lửa nhỏ chạy dài xuống biển như phún thạch. Bầu trời mây đỏ như hoen máu, phản chiếu xuống mặt nước. Khung cảnh vừa bi thảm vừa hào hùng. Đưa cuộc hành trình cuối ngày của chúng tôi vào một đoạn kết đầy ý nghĩa với lịch sử của Port Arthur.

Về đến Sorell trời đã tối, thành phố gần phi trường nên chúng tôi muốn ở lại đây để ngày mai bay chuyến sớm. Một cô bé rất dễ thương, làm việc tại McDonald, kiếm giùm chúng tôi chỗ ngủ. Chín giờ tối, tôi và Tuấn uể oải bước vào "Blue Bell Inn." Một căn nhà thật đẹp, cũng là một di tích lịch sử vì được xây bởi tù nhân. Phòng chúng tôi ngủ là một căn phòng tôi chỉ được chiêm ngưỡng trên tạp chí mà không biết bao giờ mình mới có cơ hội bước vào. Anh Tuấn không có lý do gì để chê cái " Bed and Breakfast" này cả. Quả là... ở hiền gặp lành, đêm cuối cùng của tôi tại Tasmania là một đêm đầy mộng đẹp.

Tasmania, April, 2006

Trúc Lâm Thiền Viện.com

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.
Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.
Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742
9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA
hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com
Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

#1 Authorized DIRECTV Dealer Vietnamese Direct

DIRECTV

Việt Satellite

15567 Brookhurst St. Westminster, CA 92683 Tel: (714) 775-5400 1-800-581-6910 www.VietSatellite.com

HD Receiver/DVR Rebate $100.00
"Mail-in Rebate"

CHƯƠNG TRÌNH GIẢM GIÁ ĐẶC BIỆT TRONG MÙA FOOTBALL

FREE công lắp ráp & shipping cho 4 phòng

$24.99 Đài Việt Nam - SBTN và các đài địa phương

$32.98 2 Đài VN - SBTN và VHN cùng các đài địa phương

SBTN + 80 ĐÀI MỸ $44.99

FREE 7 đài HBO, 9 đài SHOWTIME, 3 đài CINEMAX và 12 đài STARZ cho 3 tháng đầu trị giá $132

Offer June 28 to Oct 2

NFL SUNDAY TICKET (cho 4 tháng) $69.99 (cho 4 payments)

Ask about our offer of

FREE (TOTAL CHOICE PLUS, HBO, SHOWTIME, CINEMAX, STARZ và SPORT PACK cho 4 tháng đầu) FREE hơn 250 đài, trị giá $400

THÊM SBTN + $14.99 Offer June 28 to Oct 2

5 ĐÀI NÓI Tiếng Quãng Đông & Quan Thoại $36.99

FREE 7 đài HBO, 9 đài SHOWTIME, 3 đài CINEMAX và 12 đài STARZ cho 3 tháng đầu trị giá $132

Offer June 28 to Oct 2

Hiện tại có chương trình DISCOUNT $10.00 mỗi tháng cho 15 tháng trong những vùng zipcode qui định như: Orange County, LA, cho qui đồng hương xem TV bằng CABLE muốn chuyển sang DIRECT TV (Qualified customer only).

Khách hàng từ Cable chuyển qua DIRECTV sẽ được giảm giá trong hóa đơn mỗi tháng $10 cho đến 15 tháng (tùy theo vùng ấn định)

1-800-581-6910 www.vietsatellite.com

Chương trình TV Việt Ngữ gồm các tiết mục như sau: Tin tức quốc nội, thế giới, tin tức cộng đồng, những bài bình luận thời sự chính trị nóng bỏng, cải lương, phim bộ Hồng Kông và Đại Hàn chuyển âm tiếng Việt, Chương trình Thiếu Nhi, Em học tiếng Việt, y học, Khoa học trong đời sống ...

Mở cửa 7 ngày trong tuần; Chúng tôi có nhân viên lắp ráp trên toàn quốc Hoa Kỳ

Những lệ phí hàng tháng kể trên chỉ áp dụng cho phòng đầu tiên. Kế từ phòng thứ 2 trở lên, mỗi phòng phải trả thêm $4.99